

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

PHAN DIỄN	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THỨC HUỖNH	"

1.1 Ban chỉ đạo xây dựng bản thảo

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRỊNH THỨC HUỖNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHƯ	"

1.2 Nhóm xây dựng bản thảo tập 40

NGUYỄN THỊ NHÂN (Chủ biên)
VŨ HỒNG MÂY
NHÀN THỊ LÁ
NGUYỄN THỊ HẢI VÂN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 40

1979

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà nội - 2005

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 40

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 40 phản ánh tình hình đất nước và hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 1979.

Năm 1979, cùng với việc lãnh đạo toàn quân, toàn dân đánh thắng các cuộc chiến tranh biên giới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng tiếp tục tập trung sức lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hoá và xây dựng Đảng.

Về lãnh đạo phát triển kinh tế, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết *về tình hình và nhiệm vụ cấp bách*, và *ng nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*. Các nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu bật lên tinh thần mở rộng quyền hạn và tăng trách nhiệm của cơ sở và địa phương trong sản xuất, lưu thông và tiêu thụ, mạnh dạn sửa đổi và cải tiến các chính sách hiện hành nhằm làm cho sản xuất bung ra. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra ba nhiệm vụ cấp bách là đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, úc hiếp quần chúng.

Năm 1979, Bộ Chính trị đã có nghị quyết quan trọng về cải cách giáo dục, nội dung chủ yếu tập trung vào ba mặt: cải cách

cơ cấu của hệ thống giáo dục, cải cách nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục. Năm 1979 còn có nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng về chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, về công tác tổ chức và xây dựng Đảng, về công tác đối ngoại,...

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 40 công bố 81 văn kiện gồm các văn kiện của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV), các nghị quyết, quyết định, quy định, chỉ thị, thông tri, thông báo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, song khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý phê bình.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 40 với bạn đọc.

Tháng 5 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 60-CT/TW, ngày 3 tháng 1 năm 1979

**Về việc tổng kết và phổ biến kinh nghiệm
điển hình tiên tiến ở cơ sở**

Hiện nay, trong phong trào lao động sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở các địa phương và các ngành kinh tế, kỹ thuật, văn hoá, giáo dục, v.v. đã và đang xuất hiện nhiều đơn vị cơ sở (xí nghiệp, hợp tác xã, cửa hàng, trường học, bệnh viện, đơn vị quân đội...) là *điển hình tiên tiến* có những thành tích xuất sắc và có kinh nghiệm phong phú trên các mặt chỉ đạo sản xuất, tổ chức đời sống, quản lý kinh tế, xây dựng Đảng, chính quyền và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Những điển hình tiên tiến đó thể hiện rõ ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể, ý thức

tự lực tự cường và năng lực tổ chức quản lý của cán bộ, đảng viên và quần chúng vươn lên khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc, đồng thời chúng tỏ sự lãnh đạo của các Đảng bộ cơ sở đó đã nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng.

Một số tỉnh uỷ, thành uỷ và ngành ở trung ương đã coi trọng việc tổng kết kinh nghiệm đơn vị tiên tiến và làm tốt việc phổ biến rộng rãi những kinh nghiệm ấy (Hợp tác xã Định Công ở Thanh Hoá, Hợp tác xã Vũ Thắng ở Thái Bình, Trại vật tư nông nghiệp ở Tân Yên - Hà Bắc, Nhà máy công cụ số 1, một số mỏ than...). Nhiều địa phương, nhiều cơ sở đã cố gắng tìm hiểu, học tập kinh nghiệm tốt của điển hình tiên tiến, vận động phong trào thi đua làm theo đơn vị tiên tiến. Tuy vậy, việc tổng kết điển hình tiên tiến vẫn chưa được chỉ đạo tốt; còn có nhiều đơn vị đạt thành tích xuất sắc mà chưa được rút kinh nghiệm đầy đủ; đối với một số điển hình tiên tiến, sự đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm, và kinh nghiệm còn thiếu nhất trí giữa các ngành và các địa phương; việc phổ biến kinh nghiệm, hướng dẫn học tập và làm theo điển hình tiên tiến chưa thành chế độ, chưa được thực hiện có nền nếp ở tất cả các ngành, các địa phương.

Để phát huy tác dụng hết sức quan trọng của các điển hình tiên tiến ở cơ sở, thúc đẩy mạnh phong trào sản xuất, cải tiến tổ chức và quản lý kinh tế, nâng cao trình độ lãnh đạo của các cấp, các ngành, nhằm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế năm 1979, Ban Bí thư yêu cầu các ngành, các cấp thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn cần đặt vấn đề tổng kết điển hình tiên tiến thành một trong những công việc quan trọng trong chương trình công tác năm 1979, *chỉ đạo khẩn trương việc này ngay từ đầu năm.*

+ Cấp uỷ và cơ quan lãnh đạo ngành kiểm điểm lại và khẳng định những *đơn vị tiên tiến hiện có* của địa phương hoặc của ngành. Đối với những điển hình tiên tiến đã tổng kết rồi thì định *kế hoạch giới thiệu, phổ biến* kinh nghiệm (hoặc tiếp tục giới thiệu, phổ biến) để phát huy mạnh mẽ tác dụng của điển hình tiên tiến đối với các cơ sở khác, đối với phong trào chung.

+ Các đồng chí lãnh đạo tỉnh, thành và các ngành trung ương phải thường xuyên trực tiếp xuống huyện, quận và cơ sở *kiểm tra, phát hiện* kịp thời các đơn vị tiên tiến; cùng huyện, quận kết luận việc *lựa chọn* các điển hình tiên tiến.

+ Tổ chức việc *tổng kết kinh nghiệm*, có kết luận cụ thể về các bài học kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến đã được lựa chọn.

Mỗi ngành ở trung ương phải chỉ đạo tổng kết các đơn vị cơ sở tiên tiến của ngành mình. Các *tỉnh, thành* chủ trì việc tổng kết kinh nghiệm các hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành ở trung ương.

+ Trước khi tổng kết, cấp uỷ cần cử cấp uỷ viên và những cán bộ *có năng lực* đến các cơ sở đó nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách *đầy đủ và khách quan* nguyên nhân cụ thể của những thành tích đã đạt được, những kinh nghiệm thành công cũng như những thiếu sót đã hạn chế kết quả, và từ những điển hình này rút ra *những vấn đề cần giải quyết chung* cho các cơ sở khác.

Việc nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến phải có sự *phối hợp chặt chẽ, trao đổi ý kiến giữa các địa phương và các ngành trung ương có liên quan* để đi đến những kết luận *rõ ràng và nhất trí*. Trước khi kết luận những vấn đề về khoa học - kỹ thuật, phải có ý kiến của các cơ quan có trách nhiệm về chuyên môn, kỹ thuật.

2. Sau khi đã tổng kết, rút kinh nghiệm, phải có *kế hoạch, biện pháp thiết thực phổ biến kinh nghiệm* của điển hình tiên tiến cho các cơ sở khác. Mỗi địa phương, mỗi ngành căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương mình, ngành mình mà

đề ra hình thức thích hợp nhất để giới thiệu và áp dụng có kết quả kinh nghiệm của điển hình tiên tiến. Khi giới thiệu điển hình tiên tiến, phải nêu rõ các kinh nghiệm thành công, điều kiện khách quan và nguyên nhân về tổ chức, lãnh đạo của những thành tích, tiến bộ, đồng thời cũng chú ý giới thiệu những nhược điểm, những thiếu sót đã thấy được.

Việc học tập tại chỗ các điển hình tiên tiến phải được tổ chức và chỉ đạo chặt chẽ, nhằm đạt kết quả thiết thực, không qua loa, hình thức, làm mất thì giờ và tốn tiền, làm ảnh hưởng không tốt đến công việc của các đơn vị tiên tiến. Cần lựa chọn những cán bộ, đảng viên, cốt cán tốt đến học tập các điển hình tiên tiến, thật sự có quyết tâm và năng lực vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm thành công của các điển hình ấy.

Các cơ quan thông tin báo chí, tuyên truyền, văn hoá... phải theo dõi, bám sát việc tổng kết các điển hình tiên tiến, căn cứ vào những kết luận chính thức của các tỉnh uỷ, thành uỷ và các ban, các bộ, tổng cục mà giới thiệu, biểu dương, cổ vũ thành phong trào thi đua học tập và làm theo điển hình tiên tiến.

3. Căn cứ vào những kết luận thực tế, những kinh nghiệm đã thu được qua việc tổng kết các điển hình tiên tiến, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ngành trung ương đề ra những chủ trương, chính sách, biện pháp cụ thể giải quyết những vấn đề cần thiết cho phong trào chung của địa phương mình, ngành mình. Những việc thuộc phạm vi quyền hạn của địa phương và của ngành thì giải quyết ngay; những vấn đề lớn có liên quan đến sự lãnh đạo chung của Trung ương Đảng và Chính phủ thì báo cáo lên trên và kiến nghị cụ thể về cách giải quyết.

4. Tổng kết kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến là một vấn đề quan trọng về phương pháp lãnh đạo, phải do các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của cấp uỷ Đảng và ban, ngành đích thân chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể.

Từ nay đến hết tháng 3-1979, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các Ban Cán sự các bộ, tổng cục báo cáo với Ban Bí thư kế hoạch tổng kết và phổ biến kinh nghiệm các đơn vị điển hình của địa phương và ngành mình trong năm 1979. Tổng kết xong cơ sở điển hình tiên tiến nào thì gửi ngay về Ban Bí thư bản tổng kết kinh nghiệm của đơn vị cơ sở đó.

Các ban chuyên môn của Trung ương cùng Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc việc tổng kết điển hình ở cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 14-NQ/TW, ngày 11 tháng 1 năm 1979

Về cải cách giáo dục

I- GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI ĐÒI HỎI PHẢI TIẾN HÀNH CẢI CÁCH GIÁO DỤC

1. Với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn cả nước đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Theo đường lối đó, trải qua quá trình tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học và kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học và kỹ thuật là then chốt, chúng ta sẽ từng bước xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Nội dung của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hoá, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân; làm chủ trong phạm vi cả nước, làm chủ trong mỗi địa phương, làm chủ ở từng cơ sở; quyền làm chủ tập thể của cộng đồng xã hội kết hợp hài hoà với quyền tự do dân chính của cá nhân, tạo ra sự nhất trí ngày càng cao giữa cá nhân và tập thể.

Cơ sở kinh tế của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, dưới hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, và được thực hiện bằng cách đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà, tạo ra trong cả nước một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại. Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra mục tiêu phấn đấu là trong khoảng 20 năm, hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng vững chắc cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đó, chúng ta nhất thiết phải phát huy vai trò then chốt của cách mạng khoa học và kỹ thuật.

Chủ nghĩa xã hội tạo ra cuộc sống văn minh và hạnh phúc, với nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; đồng thời, con người mới là một nhân tố quyết định sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội.

Nền văn hoá mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân, được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nó kết hợp hài hoà những tinh hoa văn hoá có phong cách riêng của các dân tộc anh em trong

Tổ quốc Việt Nam; kết tinh và nâng cao những gì đẹp nhất trong truyền thống bốn nghìn năm của văn hoá Việt Nam, đồng thời hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh loài người.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: con người Việt Nam mới có những đặc trưng nổi bật là tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần sáng tạo trong lao động, lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản. Đó là những con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có kiến thức, kỹ năng và thể lực cần thiết để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Đó là những người lao động có nhiệt tình cách mạng, trung thực, khiêm tốn, cùng nhau đoàn kết và giúp đỡ nhau tiến bộ, quý trọng và bảo vệ của công, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Đó là những con người có lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa nồng nàn kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, có cuộc sống tập thể phong phú, cuộc sống gia đình hoà thuận và cuộc sống cá nhân lành mạnh.

Sự hình thành những thế hệ con người mới xã hội chủ nghĩa, cùng với những thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội, góp phần tạo ra ở nước ta một xã hội tươi đẹp, văn minh và hạnh phúc ngay cả trong điều kiện kinh tế chưa phát triển cao. Xã hội đó được xây dựng trên nguyên tắc đạo đức cơ bản: "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người". Như vậy, Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của chúng ta có thể đóng góp tích cực hơn nữa vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Là một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hoá, một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học và kỹ thuật của đất nước, *sự nghiệp giáo dục có tác dụng to lớn trong việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử trên đây*. Giáo dục, với nghĩa rộng của nó, là một nhân tố có tính quyết định đối với việc đào tạo nhân tài cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân ta.

Đối với thế hệ trẻ, công tác giáo dục phải tiến hành liên tục từ bé đến lớn, nhằm phát triển những mầm non của con người mới, từ đó đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ lao động mới có đạo đức cách mạng, có kiến thức khoa học và kỹ thuật, có kỹ năng, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đối với lớp người lớn, công tác giáo dục phải thực hiện việc phổ cập văn hoá và nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật và quản lý, đi đôi với việc bồi dưỡng về chính trị và tư tưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân lao động phát huy cao độ ý thức và năng lực làm chủ tập thể trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Để đáp ứng những yêu cầu đó, chúng ta có một cơ sở thuận lợi: đó là những thành tựu đáng tự hào của sự nghiệp giáo dục trong hơn 20 năm qua.

Trên miền Bắc nước ta trước đây, mặc dù kinh tế còn thấp kém và trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa đã hình thành và không ngừng phát triển. Nạn mù chữ căn bản được xoá bỏ; trình độ văn hoá của nhân dân lao động đã được nâng lên một bước quan trọng; trong thế hệ trẻ, việc phổ cập giáo dục phổ thông cấp II đang được hoàn thành và giáo dục phổ thông cấp III đang

ngày càng mở rộng. ở miền núi, mạng lưới trường lớp được xây dựng đến tận xã. Hệ thống trường chuyên nghiệp và đại học phát triển khá nhanh. Công tác giáo dục đã trải qua nhiều lần cải tiến. Nhà trường xã hội chủ nghĩa phục vụ ngày càng tốt phong trào cách mạng của cả nước. Những thành tựu ấy, trong lĩnh vực giáo dục rõ ràng đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Nền giáo dục xã hội chủ nghĩa đã tạo ra thế hệ thanh niên giàu lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, dũng cảm và thông minh trong lao động và chiến đấu, đồng thời cũng đã tạo ra đội ngũ lao động trí óc và công nhân kỹ thuật đông đảo. Nhờ có văn hoá, nhân dân lao động đã bước đầu phát huy ý thức và năng lực làm chủ tập thể trong sản xuất và xây dựng, quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Nhờ có văn hoá, các lực lượng vũ trang nhân dân đã nhanh chóng nắm được khoa học và kỹ thuật quân sự, tiến mạnh trên con đường chính quy hoá và hiện đại hoá, góp phần vẻ vang vào đại thắng mùa Xuân năm 1975.

ở vùng mới giải phóng, dựa vào sức mạnh to lớn của nền giáo dục cách mạng trong cả nước, chúng ta đã nhanh chóng xoá bỏ chế độ giáo dục phản động của Mỹ - nguỵ, thiết lập chế độ giáo dục mới, bước đầu có tính chất xã hội chủ nghĩa, từ phổ thông đến đại học. Nạn mù chữ đang được thanh toán, phong trào bổ túc văn hoá đang trên đà phát triển. Đông đảo con em nhân dân lao động, lâu nay bị kìm hãm trong vòng đốt nát, đã được cấp sách đến trường. Mạng lưới các trường phổ thông, chuyên nghiệp và đại học đang được mở rộng. Đại bộ phận giáo viên làm việc trong chế độ cũ đã được tuyển dụng vào hệ thống giáo dục mới, được bồi dưỡng một bước về chính trị và nghiệp vụ. Công tác đào tạo giáo viên mới đang được đẩy mạnh ở tất cả các tỉnh, thành miền Nam. Việc thống nhất hệ thống giáo dục trong cả nước đang hoàn thành.

Phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt", do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng từ năm 1961, đã làm nở rộ những *điển hình giáo dục tiên tiến*, sáng tạo nhiều kinh nghiệm giáo dục quý báu, cho phép vừa không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, vừa phát triển sự nghiệp giáo dục theo quy mô ngày càng lớn. nhiều trường, lớp mẫu giáo tiên tiến đã biết dựa vào dân để thực hiện việc giáo dục tất cả các cháu từ 3 đến 6 tuổi, đã bước đầu cải tiến cách nuôi dạy làm cho các cháu khoẻ mạnh, ngoan ngoãn. Nhiều trường phổ thông tiên tiến, noi gương *Trường phổ thông cấp I - II Bắc Lý* (Hà Nam Ninh), đã làm tốt việc kết hợp học với hành, thực hiện tốt giáo dục kiến thức với giáo dục lao động, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy, phối hợp tốt nhà trường, gia đình và xã hội, phấn đấu thực hiện phổ cập giáo dục phổ thông đúng độ tuổi và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Học tập kinh nghiệm của *Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hoà Bình*, một số trường phổ thông vừa học vừa làm tiên tiến đã đào tạo được những thanh niên có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có trình độ văn hoá phổ thông, có kiến thức về kỹ thuật và kinh tế, biết lao động đạt năng suất cao. Nhiều trường, lớp bổ túc văn hoá tiên tiến đã sáng tạo những phương thức học tập mới, kết hợp tốt kiến thức văn hoá phổ thông với kiến thức kỹ thuật và kinh tế phù hợp với sinh hoạt và lao động của người học, đã thu hút đông đảo cán bộ và nhân dân lao động theo học thường xuyên. Một số xã có phong trào giáo dục tiên tiến theo gương sáng của xã *Cẩm Bình* (Nghệ Tĩnh) đã biết gắn công tác giáo dục với ba cuộc cách mạng ở nông thôn, hình thành một hệ thống giáo dục hợp lý trong phạm vi xã, bao gồm nhiều loại trường, lớp cho toàn dân theo học, đồng thời đã xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân trong sự nghiệp giáo dục, tạo ra môi trường xã hội thuận lợi cho việc giáo dục thế hệ trẻ.

Trong hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp cũng đã xuất hiện nhiều trường chuyên nghiệp tiên tiến và

một số trường và khoa đại học tiên tiến. Bằng cách kiên trì thực hiện phương pháp đào tạo mới là "giảng dạy, học tập kết hợp với lao động sản xuất theo ngành nghề, với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học", những đơn vị tiên tiến ấy đã đào tạo ra những lớp cán bộ khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ mới, gắn bó với nhân dân lao động và biết phát huy tác dụng nòng cốt trong thực tiễn sản xuất và công tác.

Phát huy những thành quả to lớn của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa và của những điển hình giáo dục tiên tiến trên đây là điều kiện rất quan trọng để bảo đảm cho sự nghiệp giáo dục ở nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn cách mạng mới.

3. Tuy nhiên, đối chiếu với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, công tác giáo dục *còn có nhiều nhược điểm và thiếu sót*.

Sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa của ta phát triển nhanh về số lượng, nhưng còn yếu về chất lượng toàn diện. Nội dung và phương pháp giáo dục chưa thấu suốt nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Trên nhiều mặt, sự nghiệp giáo dục của ta chưa theo kịp sự phát triển của xã hội và của khoa học - kỹ thuật, chưa đáp ứng tốt những yêu cầu mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Hệ thống giáo dục hiện nay *chưa bồi dưỡng đúng mức cho thế hệ trẻ những phẩm chất và năng lực của con người mới, chưa chuẩn bị đầy đủ cho học sinh đi vào sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa*. Còn nhiều trẻ em chưa được thu hút vào nhà trẻ và lớp mẫu giáo,

chất lượng giáo dục ở đây nói chung còn thấp. Học sinh tốt nghiệp các trường phổ thông chưa được chuẩn bị đến mức cần thiết về ý thức, năng lực và sức khoẻ để trở thành những người lao động kiểu mới. Nội dung giáo dục của trường phổ thông chưa toàn diện, chủ yếu chỉ mới dạy kiến thức văn hoá chung, còn coi nhẹ kiến thức kỹ thuật và quản lý; phương pháp giáo dục của trường phổ thông còn có phần đơn giản và cũ kỹ, coi nhẹ thực hành và lao động sản xuất, do đó chưa phát huy trí thông minh, óc sáng tạo của học sinh. Về kiến thức văn hoá và khoa học, chưa bám sát thực tế Việt Nam và chưa kịp thời bổ sung những thành tựu khoa học hiện đại. Giáo dục tư tưởng, chính trị và đạo đức chưa được coi trọng đúng mức, chưa sắc bén, thiếu hệ thống, kém sinh động, chưa thật phù hợp với từng lứa tuổi của học sinh. Mức độ phổ cập giáo dục phổ thông trong cả nước còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế và văn hoá trong giai đoạn mới.

Hệ thống giáo dục hiện nay cũng *chưa bảo đảm việc hình thành đội ngũ lao động mới có ý chí cách mạng kiên cường, có trình độ kiến thức, tác phong công tác và lối sống phù hợp với yêu cầu của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*. Hệ thống giáo dục phổ thông hiện nay chưa làm tốt việc chuẩn bị cho đào tạo nghề nghiệp, mặc dù đất nước đang đòi hỏi cấp bách thanh niên đến tuổi lao động phải tham gia đông đảo vào mặt trận sản xuất và xây dựng. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học còn yếu về các khâu: đào tạo công nhân, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý; đào tạo cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ

có năng lực thực hành giỏi; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học có trình độ cao. Nhiều trường đại học và chuyên nghiệp chưa gắn chặt với các cơ sở sản xuất và cơ sở nghiên cứu khoa học; mặt khác, các ngành, các cơ sở sản xuất, các sơ sở nghiên cứu khoa học chưa xác định rõ trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân. chất lượng đào tạo còn có nhiều nhược điểm: học sinh tốt nghiệp chưa thật hiểu thực tế Việt Nam để có thể góp phần cải tạo thực tế đó một cách có hiệu quả; nhiều người chưa thật yêu ngành, yêu nghề của mình, chưa có đủ nhiệt tình cách mạng để khắc phục khó khăn, gian khổ, để đi sâu vào khoa học và kỹ thuật, vào thực tế sản xuất và quản lý; thói quen và hứng thú tự học, tự rèn luyện thường xuyên về chính trị, tư tưởng và chuyên môn còn yếu.

Hệ thống giáo dục hiện nay cũng *chưa bảo đảm yêu cầu học tập thường xuyên và rộng rãi của đông đảo nhân dân lao động* nhằm không ngừng nâng cao năng lực làm chủ tập thể. Mạng lưới, nội dung và phương thức học tập tại chức, về văn hoá phổ thông cũng như về kỹ thuật và nghiệp vụ, còn quá hẹp và giản đơn, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân lao động, nhất là cho công nhân và nông dân, có thể vừa làm việc, vừa mở rộng vốn kiến thức và trau dồi nghề nghiệp.

Trong thời gian qua, sự nghiệp giáo dục có gặp một số trở ngại khách quan. Nền kinh tế sản xuất nhỏ, chiến tranh ác liệt và kéo dài đã hạn chế khả năng phát triển giáo dục,

nhất là về mặt chất lượng. Trong xã hội vẫn còn những nhận thức chưa đúng về vị trí, mục tiêu, nội dung, tổ chức và phương pháp của công tác giáo dục; song về mặt chủ quan, cũng có những thiếu sót và nhược điểm trong cơ cấu của hệ thống giáo dục, trong nội dung và phương pháp giáo dục cũng như trong công tác quản lý giáo dục.

Do đó, trong giai đoạn mới của cách mạng, để phát huy những thành quả và kinh nghiệm tốt trong công tác giáo dục, khắc phục những thiếu sót và nhược điểm, bảo đảm cho sự nghiệp giáo dục tiến lên đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ chiến lược là xây dựng Việt Nam thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, có văn hoá, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, có quốc phòng vững mạnh, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc, chúng ta không thể bằng lòng với những biện pháp cải tiến thông thường, mà phải *tiến hành một cuộc cải cách giáo dục sâu sắc trong cả nước*, làm cho sự nghiệp giáo dục gắn chặt hơn nữa và phục vụ tốt hơn nữa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

II- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NỘI DUNG CẢI CÁCH GIÁO DỤC

1. Mục tiêu của cải cách giáo dục lần này là:

a) *Làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ ngay từ tuổi thơ ấu cho đến lúc trưởng thành, nhằm tạo ra cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt Nam mới, người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện, kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, hết lòng lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.*

Việc chăm sóc và giáo dục các trẻ em từ tuổi sơ sinh cho đến 6 tuổi có tác dụng cực kỳ quan trọng trong sự hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Cần có kế hoạch dài hạn và biện pháp tích cực động viên và tổ chức toàn xã hội gánh vác sự nghiệp chăm sóc và giáo dục thế hệ mầm non của dân tộc, phát triển rộng khắp mạng lưới nhà trẻ và lớp mẫu giáo từ thành thị đến nông thôn, xây dựng mạng lưới đó thành một bộ phận khăng khít của hệ thống giáo dục quốc dân. Từng bước thu hút tất cả các trẻ em trong độ tuổi vào nhà trẻ và lớp mẫu giáo, ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng nuôi dạy các cháu, làm cho các cháu phát triển một cách thuận lợi về thể lực, tinh cảm và trí thông minh, chuẩn bị tốt cho các cháu vào học trường phổ thông.

Cần phấn đấu cho thế hệ trẻ từ 6 tuổi đến tuổi trưởng thành được học đầy đủ đến bậc phổ thông trung học và được chuẩn bị tốt để đi vào nghề nghiệp. Giáo dục thế hệ trẻ lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, ý thức làm chủ tập thể, tinh thần đoàn kết, thân ái, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, ý thức tổ chức và kỷ luật, quý trọng và bảo vệ của công, đức tính thật thà, dũng cảm, khiêm tốn, v.v.. Bồi dưỡng cho thế hệ trẻ có kiến thức cơ bản về văn hoá, phát triển tư duy khoa học và phát huy năng khiếu, có óc thẩm mỹ, có thói quen giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể.

Phấn đấu thực hiện chế độ cả xã hội chăm sóc, nuôi dạy trẻ em, làm cho mọi trẻ em đều được học tập một cách bình đẳng, không tùy thuộc vào hoàn cảnh riêng về gia đình, dân tộc và địa phương.

b) *Thực hiện phổ cập giáo dục trong toàn dân, góp phần xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành ba cuộc cách*

mạng. Phấn đấu cho công nhân, nông dân và mọi người lao động ở tất cả các địa phương, thuộc tất cả các dân tộc, được hưởng đầy đủ quyền học tập, từng bước đạt trình độ văn hoá phổ thông trung học, để không ngừng nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể, đủ sức tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Coi trọng việc phát triển giáo dục trong các vùng dân tộc ít người nhằm xoá bỏ sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hoá giữa các dân tộc, phát huy tinh hoa văn hoá của từng dân tộc để làm phong phú thêm nền văn hoá chung của Việt Nam.

c) *Đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ khoa học, kỹ thuật và quản lý phù hợp với yêu cầu phân công lao động trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.*

Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp phải phát triển theo quy mô lớn, nhằm tạo ra một đội ngũ đông đảo công nhân, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ, đồng bộ về ngành nghề, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ tay nghề thành thạo, biết lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, đạt năng suất cao, có tác phong đại công nghiệp và có sức khoẻ thích hợp với ngành nghề; đồng thời, tạo ra một đội ngũ đông đảo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ, với cơ cấu đồng bộ và cân đối về ngành nghề, trình độ và loại hình, phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá của đất nước, những cán bộ vừa có phẩm chất chính trị tốt, vừa có năng lực chuyên môn giỏi, để từng bước giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật và quản lý do thực tiễn nước ta đề ra.

Trong quá trình phấn đấu đạt những mục tiêu trên, công tác giáo dục sẽ phát huy tác dụng to lớn của mình đối với ba cuộc cách mạng và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực biến Việt Nam thành *một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, có cuộc sống văn minh và hạnh phúc*.

2. Trong cải cách giáo dục lần này, phải làm cho công tác giáo dục *thấu suốt hơn nữa nguyên lý: học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội*. Nguyên lý này quyết định hệ thống giáo dục về nội dung, phương pháp, và cơ cấu, làm cho công tác giáo dục gắn chặt với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nguyên lý giáo dục nói trên xuất phát từ những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và của Đảng ta về con người mới. Con người mới vừa là chủ thể có ý thức, vừa là sản phẩm của xã hội mới Việt Nam. Phải bằng kết quả tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể và ba cuộc cách mạng, phải thông qua hoạt động xã hội thực tiễn, thông qua lao động và đấu tranh trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, thì mới hình thành được con người mới làm chủ tập thể và phát triển toàn diện. Trong công tác giáo dục của nhà trường, một mặt phải tổ chức cho học sinh chủ động tiếp thụ có hệ thống những giá trị văn hoá cơ bản của loài người và của dân tộc, mặt khác, phải tổ chức cho học sinh chủ động tham gia hoạt động thực tiễn trong xã hội theo mức độ thích hợp với lứa tuổi, qua đó mà làm cho thế hệ trẻ từng bước trưởng thành.

Không nắm được những giá trị văn hoá cơ bản của dân tộc và của loài người thì không thể tham gia có ý thức và có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn của xã hội; ngược lại, không tham gia một cách chủ động và có tổ chức vào hoạt động thực tiễn của xã hội thì cũng không thể nắm chắc và phát huy được những giá trị văn hoá đó.

Học đi đôi với hành phải nhằm mục đích xây dựng toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của học sinh, phát triển tư duy khoa học và tình cảm cách mạng, tăng cường ý thức và năng lực vận dụng thông minh những điều đã học để giải quyết những vấn đề do cuộc sống đề ra, biến kiến thức thành niềm tin có tác dụng chỉ đạo hành động. Cần khắc phục triệt để lối dạy và học lý thuyết suông, tách rời thực tiễn, có tính chất nhồi sọ của nền giáo dục cũ hiện còn rói rớt trong nhà trường xã hội chủ nghĩa của ta, đồng thời phải phòng ngừa khuynh hướng thực dụng dẫn tới hạn chế sự phát triển trí tuệ của con người Việt Nam mới.

Lao động sản xuất là hoạt động thực tiễn chủ yếu của con người trong xã hội mới, cho nên *sự kết hợp giáo dục với lao động sản xuất là nội dung cơ bản của sự kết hợp học với hành* trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Sự kết hợp này nhằm mục đích:

- Gắn lý thuyết với thực tiễn, vận dụng kiến thức khoa học vào sản xuất và xây dựng, phát triển tư duy khoa học và tư duy kỹ thuật;

- Bồi dưỡng ý thức và thói quen lao động mới, phát triển hứng thú lao động vì lợi ích chung, xây dựng tình cảm cách mạng đối với nhân dân lao động;

- Thực hiện sự hài hoà, có tính khoa học giữa lao động chân tay và lao động trí óc, bảo đảm phát triển nhịp nhàng tâm trí và thể lực của học sinh.

Trong nhà trường phổ thông, lao động sản xuất phải có tính chất kỹ thuật tổng hợp, nghĩa là gắn khoa học và kỹ thuật với sản xuất, dạy cho học sinh những kiến thức phổ thông về sản xuất hiện đại và thực tiễn sản xuất ở nước ta, làm cho học sinh nắm được những kỹ năng lao động phổ thông và làm quen với công cụ và máy móc, có ý thức trách nhiệm và thói quen đối với lao động, chuẩn bị tốt cho học sinh đi vào đào tạo nghề nghiệp. Từ bé, trẻ em phải được giáo dục lao động bằng những hoạt động vừa vui chơi vừa có ích và bằng những hình thức lao động có kỹ thuật, nhưng đơn giản, vừa sức. Từ tuổi 14, 15 trở đi, đi đôi với việc từng bước nâng cao vốn kiến thức văn hoá và khoa học, học sinh cần tham gia lao động sản xuất thật sự, theo mức độ thích hợp với từng lứa tuổi, bằng những biện pháp kỹ thuật và những công cụ ngày càng hiện đại, góp phần sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.

Trong các trường chuyên nghiệp và đại học, lao động sản xuất phải gắn với ngành nghề, với nghiên cứu và thực nghiệm khoa học. Lao động sản xuất ở các trường trung học chuyên nghiệp và các trường dạy nghề phải gắn với thực tập nghề nghiệp, vừa nhằm củng cố và nâng cao kiến thức, vừa nhằm tạo ra những sản phẩm đạt tiêu chuẩn quy định. Ở các trường đại học và cao đẳng, lao động sản xuất trước hết là vận dụng những kiến thức khoa học, kỹ thuật vào việc giải

quyết những vấn đề cụ thể do thực tiễn sản xuất và quản lý của đất nước đề ra.

Nhà trường gắn liền với xã hội là điều kiện, đồng thời là kết quả của việc kết hợp học với hành, có tác dụng to lớn trong việc hình thành vững chắc nhân cách xã hội chủ nghĩa của học sinh. Cần tổ chức cho học sinh, giáo viên và cán bộ giảng dạy tham gia các hoạt động xã hội với mức độ thích hợp, động viên nhà trường tích cực góp phần xây dựng xã hội mới, phát huy lực lượng lao động và tiềm lực khoa học rất lớn của mình vào ba cuộc cách mạng, vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, thông qua đó mà rèn luyện học sinh, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ giảng dạy về ý thức và năng lực làm chủ tập thể. Các đoàn thể quần chúng, các ngành kinh tế, văn hoá, xã hội, các cơ sở sản xuất và nghiên cứu khoa học cần hợp tác chặt chẽ với nhà trường, chủ động tham gia sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, đào tạo cán bộ và công nhân, cụ thể là: chăm lo việc học tập và lao động của học sinh, giúp đỡ giáo viên và cán bộ giảng dạy, góp sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của nhà trường, tạo ra môi trường thuận lợi cho việc đào tạo con người mới.

3. *Nội dung chủ yếu của công tác cải cách giáo dục* lần này bao gồm ba mặt: cải cách cơ cấu của hệ thống giáo dục, cải cách nội dung giáo dục và cải cách phương pháp giáo dục.

a) *Về cơ cấu của hệ thống giáo dục*, cải cách là nhằm chăm sóc và giáo dục tốt hơn nữa thế hệ trẻ, đào tạo và bồi dưỡng tốt hơn nữa đội ngũ lao động và đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý cho đất nước, và mở ra con đường học tập thường xuyên thuận tiện cho nhân dân lao động, do đó mà mau chóng thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và hiện đại hoá nước nhà. Hệ thống giáo dục mới phải phù hợp với việc bố trí và tổ chức lại lao động xã hội,

xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại; hệ thống đó phải bao gồm các loại hình trường, lớp, gắn bó với nhau một cách hợp lý và linh hoạt, tạo cho mọi người, từ bé đến lớn, ở độ tuổi đi học cũng như đang làm việc, có cơ hội thích hợp để không ngừng nâng cao hiểu biết của mình.

Phát triển nhanh chóng và có chất lượng các *nhà trẻ và lớp mẫu giáo*, sớm thống nhất mạng lưới các nhà trẻ và lớp mẫu giáo thành hệ thống giáo dục mầm non, tiến tới thu hút tất cả trẻ em từ 2 tháng đến 6 tuổi, chuẩn bị tốt cho các cháu vào học các trường phổ thông.

Xây dựng mới và mở rộng *hệ thống trường phổ thông*, nhằm thực hiện việc giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ từ 6 tuổi đến tuổi trưởng thành, chuẩn bị tốt cho thanh niên đi vào đào tạo nghề nghiệp, từ công nhân đến đại học. Trước mắt, hoàn thành việc phổ cập bậc phổ thông cơ sở, đồng thời từng bước thực hiện việc phổ cập bậc phổ thông trung học bằng nhiều hình thức. Gắn liền hệ thống giáo dục phổ thông với hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, nhằm làm cho hệ thống giáo dục phổ thông thực hiện tốt chức năng chuẩn bị cho học sinh đi vào giáo dục chuyên nghiệp và đại học, làm cho hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học phát huy đầy đủ thành quả của giáo dục phổ thông. Trong hệ thống giáo dục phổ thông, cần mở những trường, lớp phổ thông cho những học sinh có *năng khiếu đặc biệt*, và những trường, lớp phổ thông dành riêng cho các *trẻ em có tật* (mù, điếc, câm, chậm phát triển, v.v.).

Trong *hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học*, cần mau chóng xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới các *trường dạy nghề*, bao gồm cả những trường, lớp dạy nghề cạnh xí nghiệp, để đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân, nhân viên kỹ

thuật và nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng to lớn của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và hiện đại hoá nước nhà. Đồng thời, tích cực mở rộng và hoàn chỉnh mạng lưới *các trường đại học và cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp*, ở trung ương và ở các địa phương theo yêu cầu phát triển của đất nước về các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng. Gắn chặt các trường chuyên nghiệp và đại học với các cơ sở sản xuất và cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

Đi đôi với mạng lưới các trường học tập trung, cần rất chú trọng phát triển, với nhiều hình thức linh hoạt, mạng lưới các *trường, lớp ngoài giờ làm việc* (không thoát ly sản xuất), bao gồm cả những trường, lớp bồi dưỡng về văn hoá và nghề nghiệp trong các lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm cho nhân dân lao động có điều kiện thuận lợi để học tập kiến thức phổ thông và thường xuyên trau dồi nghề nghiệp, nâng cao trình độ văn hoá, khoa học, kỹ thuật, phát triển tài năng, cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cần xác định *mô hình hợp lý về mạng lưới trường lớp* ở trung ương và ở địa phương, trên địa bàn tỉnh, địa bàn huyện, và đến tận cơ sở, phù hợp với cơ cấu kinh tế, bố trí lao động, và phân bố dân cư của từng địa phương và trong cả nước.

b) *Về nội dung giáo dục*, cải cách là nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo ra những lớp người lao động mới làm chủ tập thể, đủ sức gánh vác sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Cần *tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng*. Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa,

đường lối và chính sách của Đảng, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và đạo đức mới của người lao động làm chủ tập thể. Đi đôi với việc bồi dưỡng lý luận cách mạng, xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, cần bồi dưỡng cho thế hệ trẻ tình cảm cách mạng và nếp sống văn minh trong các mối quan hệ gia đình, xã hội, người với người, cá nhân với tập thể, công dân với Tổ quốc v.v.. Công tác giáo dục chính trị và tư tưởng của nhà trường xã hội chủ nghĩa phải tiến hành thông qua tất cả các hoạt động giáo dục, gắn học tập lý luận với hành động thực tiễn; coi trọng hơn nữa vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc giáo dục tư tưởng và tình cảm cách mạng.

Cần hiện đại hoá một cách vững chắc chương trình học tập văn hoá, khoa học và kỹ thuật. Chọn lọc có hệ thống những kiến thức cơ bản, hiện đại, những kiến thức sát với thực tế Việt Nam, làm cho vốn văn hoá, khoa học và kỹ thuật giảng dạy ở nhà trường có tác dụng thật sự trong việc hình thành thế giới quan khoa học, phát triển tư duy khoa học, phát triển năng lực hành động của học sinh. Đưa những kiến thức phổ thông về kỹ thuật và kinh tế vào trường phổ thông; mở rộng kiến thức quản lý trong chương trình học của các trường chuyên nghiệp và đại học. Thông qua lao động sản xuất, nghiên cứu và thực nghiệm khoa học, và những hoạt động xã hội khác, bồi dưỡng cho học sinh kỹ năng lao động, năng lực thực hành, tính nhạy bén trong việc vận dụng kiến thức vào thực tế sản xuất và xây dựng của đất nước.

Tăng cường giáo dục thẩm mỹ cho học sinh thông qua văn học, nghệ thuật và các môn học khác, xây dựng quan điểm thẩm mỹ của chủ nghĩa Mác - Lênin, phê phán những quan điểm thẩm mỹ không vô sản, bồi dưỡng năng lực

thưởng thức và sáng tạo văn học nghệ thuật, tạo ra thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, trong sáng và phong phú.

Chăm lo xây dựng thói quen *giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể* của học sinh, đẩy mạnh các loại hoạt động thể dục thể thao, nâng cao chất lượng luyện tập quân sự, chuẩn bị tốt cho học sinh về ý thức và năng lực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ những thành quả của cách mạng.

c) *Về phương pháp giáo dục*, cải cách là nhằm thực hiện tốt việc kết hợp hữu cơ quá trình giáo dục con người với quá trình cải tạo xã hội và cải tạo thiên nhiên, phát huy ý thức làm chủ tập thể, tính tự giác và chủ động, trí thông minh và sáng tạo, tình cảm trong sáng, thói quen lành mạnh của học sinh trong học tập và rèn luyện.

Tiến hành một cách nhất quán, kiên trì và sáng tạo trong các trường phổ thông phương pháp học tập kết hợp với lao động sản xuất, thực nghiệm khoa học, hoạt động xã hội và sinh hoạt đoàn thể. Trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, cần thực hiện tốt phương pháp giảng dạy, học tập kết hợp với lao động sản xuất theo ngành nghề, với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học. Trong các trường dạy nghề, cần coi trọng phương pháp kết hợp thực tập tay nghề với sản xuất ra của cải vật chất.

Để cho những phương pháp giáo dục đó đạt hiệu quả cao, cần xây dựng sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, các đoàn thể và xã hội, xác định trách nhiệm và phát huy vai trò của các ngành, các cơ sở sản xuất và nghiên cứu khoa học đối với sự nghiệp giáo dục, đồng thời sử dụng rộng rãi những phương tiện giảng dạy và thông tin hiện đại.

III- HỆ THỐNG GIÁO DỤC MỚI

Hệ thống giáo dục mới của nước ta là *một thể thống nhất và hoàn chỉnh*, bao gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học; mạng lưới trường, lớp tập trung và mạng lưới trường, lớp không thoát ly sản xuất và công tác.

1. Giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non là một bộ phận rất quan trọng trong sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, tiến hành một cách liên tục trong các *nhà trẻ và các lớp mẫu giáo* cho trẻ em từ 2 tháng đến 6 tuổi.

Trên cơ sở thống nhất về mặt tổ chức và phát triển theo quy mô lớn, các nhà trẻ và lớp mẫu giáo có nhiệm vụ thu hút tất cả trẻ em trong độ tuổi mầm non, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu một cách liên tục, nhằm tạo ra ở các cháu những mầm mống về phẩm chất và năng lực của con người mới.

Về *nội dung giáo dục*, cần chú ý bước đầu giáo dục cho các cháu những tình cảm trong sáng và những thói quen tốt, phát triển óc quan sát, trí tưởng tượng, tập suy nghĩ đúng, tập nói đúng, bồi dưỡng sức khỏe và phát triển cơ thể. Cố gắng làm cho các cháu sớm bộc lộ những mầm mống năng khiếu và phát triển tiềm lực trí tuệ, chuẩn bị tốt cho việc học tập văn hoá ở trường phổ thông sau này.

Về *phương pháp giáo dục*, cần đặc biệt coi trọng việc dùng tình cảm dịu dàng và những ấn tượng tươi đẹp để hun đúc tâm hồn trong trẻ của các cháu, khéo dùng các loại đồ

chơi và các trò chơi thích hợp để giáo dục toàn diện cho các cháu; kết hợp những phương pháp thể dục khoa học với những biện pháp y học hiện đại để bảo vệ sức khỏe và rèn luyện cơ thể các cháu, làm cho thể chất của các cháu ngay từ bé đã được nuôi dưỡng và phát triển tốt. Cần luyện tập cho các cháu phát âm đúng, dùng đúng từ ngữ, biết lễ phép trong quan hệ gia đình và xã hội; chú trọng đưa các cháu vào sinh hoạt tập thể vui tươi, lành mạnh. Các cháu lớn cần làm quen dần với hoạt động học tập để chuẩn bị vào học trường phổ thông. Trong việc giáo dục lứa tuổi mầm non, cần coi trọng ảnh hưởng của gia đình và xã hội xung quanh trẻ, cần thực hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa trường, lớp với gia đình và xã hội, hết sức tránh những môi trường không lành mạnh.

Càng làm tốt công tác giáo dục mầm non thì càng có điều kiện thuận lợi để đạt chất lượng cao trong giáo dục phổ thông và mở rộng sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

2. Giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hoá của một nước, là sức mạnh tương lai của một dân tộc. Nó đặt cơ sở vững chắc cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời chuẩn bị lực lượng lao động dự trữ và nguồn tuyển chọn để đào tạo công nhân và cán bộ cần thiết cho sự nghiệp xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, và tăng cường quốc phòng.

Trường phổ thông có nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ từ 6 tuổi đến tuổi trưởng thành, và được chia làm 2 bậc: trường phổ thông cơ sở và trường phổ thông trung học.

Trường phổ thông cơ sở là một thể thống nhất từ lớp 1 đến lớp 9; đó là bậc học *phổ cập bắt buộc* cho tất cả nhi đồng và thiếu niên từ 6 tuổi tròn đến 15 tuổi tròn. Trường phổ thông cơ sở có nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho học sinh đạt trình độ văn hoá phổ thông tương đối hoàn chỉnh, có năng lực làm các loại lao động phổ thông, có ý thức lựa chọn nghề nghiệp, sẵn sàng đi vào học nghề và tham gia sản xuất, tham gia công tác trong xã hội, hoặc tiếp tục học lên bậc phổ thông trung học bằng nhiều con đường khác nhau.

Nội dung giáo dục ở trường phổ thông cơ sở có tính chất toàn diện và kỹ thuật tổng hợp.

Các môn khoa học tự nhiên cung cấp cho học sinh những khái niệm cơ bản về toán học, vật lý học, hoá học, sinh học, địa học theo quan điểm hiện đại, và được vận dụng theo hướng gắn với thực tế Việt Nam. Về khoa học xã hội, cần coi trọng các môn giáo dục công dân và đạo đức cách mạng, lịch sử Việt Nam và thế giới, địa lý Việt Nam và thế giới, tiếng Việt, văn học Việt Nam và những áng văn hay của văn học thế giới. Coi trọng việc dạy cho học sinh biết một thứ tiếng nước ngoài. Bồi dưỡng một bước cho học sinh về kiến thức và thói quen thẩm mỹ.

Học sinh trường phổ thông cơ sở cần có những hiểu biết kỹ thuật phổ thông, như những kiến thức thông thường về kỹ thuật nông nghiệp, những nguyên tắc cấu tạo và hoạt

động của các công cụ, các cơ cấu máy đơn giản, cách sử dụng những công cụ sản xuất phổ thông; đồng thời, học sinh bước đầu được giáo dục lao động một cách có phương pháp để xây dựng tinh thần sẵn sàng lao động, ý thức trách nhiệm trong lao động, thói quen lao động có tổ chức, có kỹ thuật, theo tác phong đại công nghiệp. ở các lớp trên, cần hướng dẫn cho học sinh biết đại thể đặc tính của những nghề nghiệp sẽ lựa chọn.

ở trường phổ thông cơ sở, việc giáo dục cho học sinh ý thức và thói quen giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể là rất quan trọng.

Về phương pháp giáo dục, cần coi trọng việc xây dựng cho học sinh tính chủ động trong học tập và thói quen tự học. Kết hợp với việc học tập văn hoá, cần tổ chức cho học sinh tham gia lao động sản xuất theo mức độ phù hợp với lứa tuổi. Tăng cường sinh hoạt đoàn thể và hoạt động xã hội của học sinh thông qua Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh.

Sau khi tốt nghiệp trường phổ thông cơ sở, học sinh có thể tiếp tục vào học các loại trường phổ thông trung học hoặc các loại trường chuyên nghiệp, nhất là những trường dạy nghề, hoặc có thể tham gia lao động ở các cơ sở sản xuất (trong trường hợp này, các cơ sở sản xuất có trách nhiệm mở những trường, lớp bồi dưỡng nghề nghiệp và bồi dưỡng văn hoá, giúp cho lớp lao động trẻ tuổi đó có thể vừa

làm, vừa học).

Trường phổ thông trung học, từ lớp 10 đến lớp 12, có nhiệm vụ nâng cao và hoàn chỉnh trình độ văn hoá phổ thông cho những học sinh đã tốt nghiệp bậc phổ thông cơ sở. Hoàn thành bậc phổ thông trung học, học sinh có thể vào học các trường đại học, trường cao đẳng, một số trường trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề đòi hỏi trình độ văn hoá cao, hoặc có thể đi ngay vào lao động sản xuất. Trong mạng lưới các trường phổ thông trung học, đi đôi với loại trường thông thường, cần phát triển tốt *loại trường vừa học, vừa làm* cho lứa tuổi thanh niên.

Nội dung giáo dục ở trường phổ thông trung học cũng mang tính chất toàn diện và kỹ thuật tổng hợp, nhưng có chú ý hơn đến việc phát huy sở trường và năng khiếu cá nhân.

Các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội giảng dạy trong trường phổ thông trung học sẽ cung cấp cho học sinh những kiến thức lý luận khoa học hiện đại, được chọn lọc theo hướng sát với thực tế Việt Nam. Những kiến thức đó về tự nhiên, xã hội và con người là cơ sở khoa học giúp học sinh hoàn chỉnh cho mình thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng, giúp học sinh vững bước đi vào thực tiễn cách mạng, sản xuất và xây dựng của nước ta.

Đi đôi với việc học tập những môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, học sinh còn được học những kiến thức phổ thông về quản lý và kỹ thuật (cơ khí, điện, trồng trọt và

chăn nuôi), về cách sử dụng những máy móc thường dùng trong sản xuất và trong đời sống.

Học sinh trường phổ thông trung học cần được học tốt tiếng nước ngoài để nâng cao năng lực học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật hiện đại, và tiếp thụ kho tàng văn hoá phong phú của thế giới.

ở trường phổ thông trung học, cần coi trọng giáo dục thẩm mỹ và nghệ thuật (âm nhạc, mỹ thuật...), giáo dục và rèn luyện thể chất, hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao và luyện tập quân sự.

Để phát huy sở trường và năng khiếu của từng học sinh, đồng thời để chuẩn bị đáp ứng tốt những yêu cầu của đất nước về phát triển kinh tế, văn hoá và củng cố quốc phòng, ở trường phổ thông trung học sẽ thực hiện việc *phân ban một cách hợp lý* trên cơ sở giáo dục toàn diện.

Đặc điểm của *phương pháp giáo dục* ở bậc phổ thông trung học là kết hợp nhuần nhuyễn học tập văn hoá với lao động sản xuất, thực nghiệm khoa học, hoạt động xã hội và sinh hoạt đoàn thể, bảo đảm cho học sinh đang độ tuổi thanh niên có thể củng cố và nâng cao vốn kiến thức, phát triển tư duy khoa học và kỹ thuật, bồi dưỡng tốt ý thức, kỹ năng và thói quen lao động kiểu mới, phát huy mạnh hơn nữa tính năng động và vai trò làm chủ tập thể của mình thông qua quá trình vừa học tập vừa tham gia cải tạo thiên nhiên và xã hội theo mức độ thích hợp.

Cần coi trọng việc bồi dưỡng hứng thú, thói quen và phương pháp tự học cho học sinh, hướng dẫn học sinh biết cách nghiên cứu sách báo khoa học, thảo luận chuyên đề, ghi chép tư liệu, tập làm thực nghiệm khoa học.

3. Giáo dục chuyên nghiệp

Trường dạy nghề có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ, đồng bộ về ngành nghề, có phẩm chất chính trị tốt, có tay nghề giỏi, có sức khoẻ. Ngoài ra, trường dạy nghề còn có nhiệm vụ phối hợp với các trường phổ thông, các cơ sở sản xuất, các cơ quan quản lý khoa học, nhằm giúp học sinh phổ thông trong việc học tập kỹ thuật, và nhằm góp phần phổ biến kiến thức khoa học và kỹ thuật trong nhân dân lao động.

Các trường, lớp dạy nghề là một *mạng lưới trường, lớp kế tục các cấp học phổ thông*. Phần lớn các trường, lớp dạy nghề tuyển sinh từ những thanh niên đã học hết bậc phổ thông cơ sở; một số khác dạy những ngành nghề có kỹ thuật cao sẽ tuyển sinh từ những thanh niên đã học hết bậc phổ thông trung học. Mạng lưới trường, lớp dạy nghề cần được phát triển theo quy mô lớn, gắn với các khu công nghiệp, các vùng kinh tế và các xí nghiệp.

Nội dung đào tạo ở các trường, lớp dạy nghề phải toàn diện. Cần coi trọng đầy đủ cả bốn mặt: chính trị và đạo đức; văn hoá và kỹ thuật; rèn luyện tay nghề; bồi dưỡng sức khoẻ. Phương hướng đào tạo chủ yếu là làm cho học sinh biết thạo một nghề chính, đồng thời biết một vài nghề cùng chung cơ sở kỹ thuật với nghề chính. Cần chú ý đúng mức việc nâng cao trình độ văn hoá cơ bản, và bồi dưỡng kiến thức kỹ thuật và nghiệp vụ cơ sở, giúp học sinh có thể tự học thêm. Rèn luyện tay nghề là yêu cầu chính trong việc đào tạo công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ. Cần quan niệm tay nghề với nội dung đầy đủ, bao gồm: những hiểu biết về công nghệ học và về tổ chức sản xuất ra sản phẩm nhất định; những kỹ năng vận hành và thao tác đúng quy cách; kỹ năng xử lý kịp thời những hỏng hóc thông thường để bảo

đảm sản xuất liên tục; kỹ năng tổ chức lao động một cách khoa học và tác phong đại công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động.

Trường trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ đào tạo những cán bộ thực hành có trình độ trung học về kỹ thuật và nghiệp vụ kinh tế, và những cán bộ có trình độ trung học trong các lĩnh vực giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, y tế, v.v.. ở khu vực sản xuất, những cán bộ thực hành có trình độ trung học đóng một vai trò quan trọng; dưới sự chỉ đạo của kỹ sư, họ có nhiệm vụ tổ chức và hướng dẫn công nhân thực hiện những quy trình, quy phạm đã định, hoặc thực hiện từng phần việc trong công tác nghiên cứu và thiết kế. ở khu vực kinh tế, hoạt động trong một đơn vị kinh tế cơ sở hay một cơ quan quản lý kinh tế, người cán bộ trung học chuyên nghiệp có thể trực tiếp đảm nhiệm một phần việc thích hợp trong công tác nghiệp vụ kinh tế.

Các trường trung học chuyên nghiệp thuộc những ngành kỹ thuật và nghiệp vụ thông thường tuyển sinh từ những người đã tốt nghiệp bậc phổ thông cơ sở; các trường trung học chuyên nghiệp thuộc những ngành kỹ thuật, kinh tế và nghiệp vụ phức tạp tuyển sinh từ những người đã tốt nghiệp bậc phổ thông trung học; cần ưu tiên tuyển chọn những người đã kinh qua lao động trong ngành.

Nội dung đào tạo của các trường trung học chuyên nghiệp bao gồm các mặt: chính trị và đạo đức; kiến thức kỹ thuật và nghiệp vụ; rèn luyện kỹ năng thực hành; tăng cường thể lực. Đối với cán bộ kỹ thuật, cần bồi dưỡng thêm những kiến thức về kinh tế; đối với cán bộ nghiệp vụ kinh tế, cần bồi dưỡng thêm những kiến thức chuyên ngành về công nghệ học. Riêng ở những trường trung học chuyên nghiệp

tuyển sinh từ những người có trình độ phổ thông cơ sở, thì phải bổ túc văn hoá phổ thông, nhất là về những môn học thiết thực phục vụ việc đào tạo nghề nghiệp. Trong việc rèn luyện kỹ năng thực hành, cần coi trọng cả tay nghề công nhân lẫn năng lực thực hành của kỹ thuật viên; những cán bộ thực hành có trình độ trung học có nhiệm vụ trực tiếp hướng dẫn công nhân sản xuất, cho nên cần được bồi dưỡng tay nghề thành thạo đến mức có thể miệng nói, tay làm.

Đi đôi với việc củng cố và hoàn bị những trường trung học chuyên nghiệp hiện có, cần phát triển một cách vững chắc nhiều trường mới, đáp ứng nhu cầu to lớn về cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ có trình độ trung học của các địa phương, nhất là trong việc xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá và tổ chức đời sống trên địa bàn huyện.

Mạng lưới trường trung học chuyên nghiệp chủ yếu phân bố ở từng tỉnh, thành và do địa phương quản lý. Đối với một số ngành nghề không cần hoặc không thể có trường đào tạo ở từng địa phương, thì có thể do các ngành ở trung ương mở và trực tiếp quản lý.

4. Giáo dục đại học

Mạng lưới giáo dục đại học bao gồm các trường đại học và các trường cao đẳng.

Trường đại học có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ

quản lý, có trình độ đại học và trên đại học, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, có lý tưởng cách mạng, có quyết tâm vươn tới những đỉnh cao của văn hoá, khoa học và kỹ thuật, có năng lực nghiên cứu khoa học hoặc chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn do mình phụ trách, có tiềm lực để từng bước tiến lên giải quyết những vấn đề thực tiễn do cuộc sống đề ra thuộc phạm vi nghề nghiệp của mình.

Đi đôi với các trường đại học, cần xây dựng và mở rộng một cách có kế hoạch *các trường cao đẳng*, nhằm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ thực hành có trình độ đại học về kỹ thuật và nghiệp vụ, góp phần đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và giáo viên cho các trường trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, và giáo viên kỹ thuật cho các trường phổ thông.

Các trường đại học và cao đẳng đều có nhiệm vụ tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, để vừa không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, vừa góp phần phục vụ sản xuất, phát triển khoa học và kỹ thuật.

Để đáp ứng tốt yêu cầu phân công lao động xã hội theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong mạng lưới giáo dục đại học về kỹ thuật và kinh tế, cần bố trí hợp lý cách đào tạo để từng bước hình thành loại cán bộ *kỹ thuật* chuyên về công nghệ học và chỉ đạo sản xuất, và loại cán bộ *kỹ thuật* chuyên về nghiên cứu và thiết kế; loại cán bộ *kinh tế* chuyên về nghiệp vụ quản lý xí nghiệp, và loại cán bộ *kinh tế* chuyên về nghiệp vụ quản lý tổng hợp.

Trong các trường đại học về khoa học cơ bản (xã hội và tự nhiên), cần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, và điều chỉnh cơ cấu ngành học theo hướng tập trung vào những ngành chủ yếu cần thiết cho sự phát triển trước mắt và lâu dài của đất nước.

Cần xây dựng và phát triển tốt *hệ đào tạo trên đại học* để tạo ra một đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học và kỹ thuật có trình độ cao và *hệ bồi dưỡng sau đại học* để giúp những người đã tốt nghiệp đại học không ngừng mở rộng kiến thức, và trau dồi nghiệp vụ.

Nội dung đào tạo của các trường đại học và cao đẳng phải toàn diện và phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng ngành học. Về chuyên môn, học sinh đại học nói chung cần được đào tạo theo diện rộng, đồng thời có chuyên môn hoá hợp lý ngay trong quá trình đào tạo. Cần kịp thời chọn lọc và đưa vào chương trình học tập những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật thế giới; cần chú ý mở rộng kiến thức quản lý kinh tế, quản lý xã hội và quản lý tổ chức của ngành; cần đẩy mạnh việc trau dồi ngoại ngữ rất cần thiết cho việc học tập và nghiên cứu chuyên môn. Về chính trị, cần nâng cao chất lượng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đường lối, chính sách của Đảng, đạo đức cách mạng; kết hợp chặt chẽ việc học tập lý luận, cách mạng với việc rèn luyện trong thực tiễn cách mạng, chủ yếu theo ngành nghề được đào tạo; nâng cao vai trò làm chủ tập thể của học sinh trong học tập, rèn luyện, quản lý nhà trường và phục vụ xã hội. Về sức khoẻ, công tác thể dục thể thao và luyện tập quân sự trong các trường đại học và cao đẳng cần được coi trọng, không những nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường, mà còn nhằm góp phần đào tạo sĩ quan dự bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân.

Cần bồi dưỡng cho học sinh đại học và cao đẳng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp cụ thể về nghiên cứu khoa học, phương pháp và tác phong công tác để giúp người cán bộ tương lai có thể chủ động làm tốt nhiệm vụ của mình. Hoạt động thực nghiệm và nghiên cứu khoa học của học sinh phải dựa vào kế hoạch đào tạo, và được thực hiện thông qua sự kết hợp học với hành, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết lý luận cũng như năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn. Việc kết hợp giảng dạy, học tập với lao động sản xuất theo ngành nghề, với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý trong suốt khoá học, gắn nhiệm vụ đào tạo của nhà trường với thực tế sản xuất của xã hội, và phát triển từ thấp lên cao tùy theo bước tiến của học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện. Cần xây dựng chế độ trách nhiệm của các ngành, các cơ sở sản xuất, các cơ sở nghiên cứu khoa học trong việc phối hợp với nhà trường để thực hiện tốt nguyên lý giáo dục của Đảng.

Cần cải tiến chế độ tuyển sinh vào các trường đại học và cao đẳng theo đúng đường lối, chính sách cán bộ và đào tạo nhân tài của Đảng ta, bảo đảm tuyển chọn được những thanh niên có quá trình học tập giỏi và tu dưỡng tốt trong thời gian ở trường phổ thông và trường chuyên nghiệp, bảo đảm thu nhận ngày càng nhiều những thanh niên ưu tú đã được rèn luyện trong thực tiễn cách mạng (sản xuất, chiến đấu, công tác), đặc biệt quan tâm thu nhận những thanh niên ưu tú con em các dân tộc ít người.

5. Bồi dưỡng văn hoá và đào tạo tại chức

Bổ túc văn hoá và đào tạo tại chức là hai loại hình học tập không thoát ly sản xuất dành cho những người lớn tuổi. Những loại hình này có vị trí rất quan trọng trong hệ thống giáo dục mới, nó mở ra con đường học tập thường xuyên rộng lớn cho nhân dân lao động nước ta.

Trường, lớp *bổ túc văn hoá* có nhiệm vụ bồi dưỡng cho những người lao động lớn tuổi đạt trình độ văn hoá phổ thông cơ sở hoặc phổ thông trung học. Cần tiếp tục mở rộng mạng lưới trường, lớp này ở các cơ quan, nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, hợp tác xã và xã ấp, nâng cao chất lượng giáo dục và đưa hoạt động giáo dục của các trường, lớp đó đi vào nền nếp, tạo điều kiện cho mọi người lao động lớn tuổi được học tập văn hoá ngoài giờ làm việc, góp phần nhanh chóng thực hiện việc phổ cập giáo dục phổ thông đến bậc trung học trong cả nước. Đối với những cán bộ chủ chốt và những thanh niên ưu tú, cần mở những trường, lớp tập trung ngắn hạn, nhất là ở vùng dân tộc ít người và vùng mới giải phóng. Cần tổ chức tốt việc bổ túc văn hoá cho thanh niên làm nghĩa vụ quân sự trong các lực lượng vũ trang nhân dân.

Chương trình bổ túc văn hoá có nội dung tương đương với chương trình phổ thông, song có chú ý chọn lọc những kiến thức cơ bản thích hợp với đối tượng người lớn, và có bổ sung những kiến thức kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý cần thiết.

Để đẩy mạnh công tác bổ túc văn hoá, cần coi trọng việc cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập, có kế hoạch sử dụng những phương tiện thông tin hiện đại và soạn những sách giáo khoa riêng có thể giúp những người lao động lớn tuổi tự học một cách dễ dàng.

Các trường, các lớp *đào tạo tại chức* có nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân và nhân viên, nhằm giúp họ có thể nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, và trau dồi nghề nghiệp mà không phải thoát ly sản xuất. Cùng với sự phát triển của đất nước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhu cầu học tập tại chức ngày càng lớn và đa dạng. Vì thế, mạng lưới trường, lớp đào tạo tại chức phải được tổ chức rộng khắp và bao gồm nhiều hình thức linh hoạt, thuận tiện cho người học; nội dung đào tạo tại chức phải đạt chất lượng phù hợp với yêu cầu của từng loại đối tượng, đi từ những chương trình đào tạo hoàn chỉnh đến những chương trình bồi dưỡng chuyên đề.

Mạng lưới trường, lớp tại chức cần gắn với mạng lưới trường tập trung, nhưng có tổ chức và người phụ trách riêng. Cần thu hút đông đảo những người có trình độ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ tham gia công tác giảng dạy; cần sử dụng tốt vào nhiệm vụ đào tạo tại chức mọi phương tiện thông tin, phát thanh, truyền hình, mọi cơ sở văn hoá công cộng (câu lạc bộ, thư viện, v.v..).

Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có thể mở những cơ sở đào tạo tại chức ở ngay trường và ở các địa phương. Các xí nghiệp lớn có thể mở những trường, lớp tại chức bên cạnh xí nghiệp để phổ cập kỹ thuật, đào tạo và bồi dưỡng công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ.

IV- XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là *lực lượng cốt cán* trong sự nghiệp giáo dục, góp phần quyết định sự thành công của cải cách giáo dục.

Giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục xã hội chủ nghĩa là những *chiến sĩ cách mạng trên mặt trận tư tưởng và văn hoá*, có trách nhiệm truyền bá trong thế hệ trẻ lý tưởng và đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân, tinh hoa văn hoá của dân tộc và của loài người, khơi dậy và bồi dưỡng trong học sinh những phẩm chất cao quý và những năng lực sáng tạo của con người lao động mới, xã hội chủ nghĩa.

Trong nhà trẻ, lớp mẫu giáo và trường phổ thông, các cô nuôi dạy trẻ, các giáo viên, và các cán bộ quản lý giáo dục là những *kỹ sư tâm hồn của thế hệ trẻ*, có nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục học sinh, giảng dạy tốt môn học mà mình phụ trách, làm tốt công tác quản lý, quan tâm tổ chức và hướng dẫn mọi mặt hoạt động và sinh hoạt của học sinh, giúp học sinh đạt những kết quả cao nhất trong học tập và rèn luyện. Vì thế, giáo viên (bao gồm cả cô nuôi dạy trẻ) và cán bộ quản lý giáo dục phải là những *người có tâm hồn cao thượng, có kiến thức cần thiết, có nhân cách xã hội chủ nghĩa, thiết tha yêu nghề, yêu trẻ, vì tương lai của thế hệ trẻ mà phấn đấu*.

Xuất phát từ nhận thức đó về vai trò và yêu cầu chất lượng của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục xã hội chủ nghĩa, trong cải cách giáo dục lần này, nhất thiết chúng ta phải làm tốt việc cải cách công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, tăng cường và phát triển một đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đúng tiêu chuẩn, về cả chính trị lẫn nghiệp vụ, có cơ cấu đồng bộ phù hợp với yêu

cầu giáo dục toàn diện cho học sinh, và có khả năng theo kịp sự phát triển không ngừng của xã hội mới và của thế hệ trẻ.

Cần tuyển chọn vào các trường sư phạm những học sinh ưu tú, có đạo đức tốt, có trình độ học vấn cần thiết; đồng thời, phải bố trí vào loại trường này những cán bộ giảng dạy và quản lý có đủ phẩm chất và năng lực để đào tạo có chất lượng tốt đội ngũ giáo viên xã hội chủ nghĩa.

Nội dung đào tạo và bồi dưỡng của *các trường sư phạm* phải toàn diện. Cần nâng cao chất lượng học tập văn hoá và khoa học, học tập phương pháp giáo dục và nghiệp vụ giảng dạy, phấn đấu làm cho tất cả giáo viên phổ thông dần dần đều có trình độ cao đẳng và đại học, tất cả các cô nuôi dạy trẻ và giáo viên mẫu giáo dần dần đều có trình độ trung học và cao đẳng. Cần coi trọng hơn nữa việc nâng cao phẩm chất chính trị và rèn luyện đạo đức cách mạng, việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo đúng nguyên lý giáo dục của Đảng. Cần có kế hoạch giúp cho học sinh sư phạm năng tiếp xúc với những đối tượng giáo dục mà mình sẽ phụ trách. Cần tổ chức cho học sinh sư phạm tham gia tích cực vào thực tiễn cách mạng ở địa phương, vào phong trào thi đua "Hai tốt", thông qua đó mà biết cách kết hợp tốt học với hành, nhà trường với xã hội. Các trường sư phạm phải liên hệ chặt chẽ với các trường tiên tiến, với các giáo viên tiên tiến, kịp thời nắm và vận dụng những kinh nghiệm tiên tiến vào công tác đào tạo và bồi dưỡng của trường mình. Từng bước xây dựng ở các trường sư phạm hệ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phụ trách công tác Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường phổ thông.

Cùng các trường sư phạm, các trường đại học và chuyên nghiệp về khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật, thể dục thể

thao có nhiệm vụ tích cực góp phần đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cho trường phổ thông. Những cán bộ khoa học, kỹ thuật, văn hoá và nghệ thuật tham gia giảng dạy trong các trường phổ thông và các trường lớp bổ túc văn hoá cần được bồi dưỡng về phương pháp sư phạm.

Bộ Giáo dục và các Sở, Ty giáo dục cần tăng cường và mở rộng mạng lưới *trường cán bộ quản lý giáo dục*, kịp thời bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý về các mặt chính trị và nghiệp vụ. Có kế hoạch tuyển chọn và đào tạo những giáo viên tốt thành những cán bộ quản lý giáo dục.

Trong các trường đại học và chuyên nghiệp, cán bộ giảng dạy không những có trách nhiệm giảng dạy các bộ môn, chỉ đạo nghiên cứu, thực nghiệm khoa học và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh, mà còn có trách nhiệm giáo dục tư tưởng và đạo đức, chăm lo đến sự phát triển toàn diện của học sinh. Vì vậy, cán bộ giảng dạy ở các trường đại học và chuyên nghiệp *phải là những người tiêu biểu cho lớp trí thức xã hội chủ nghĩa*, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, có tinh thần làm chủ tập thể, trung thực, khiêm tốn, gắn bó với nhân dân lao động, không ngừng học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, không ngừng vươn lên những đỉnh cao của kiến thức khoa học và kỹ thuật, ra sức phấn đấu làm tốt những nhiệm vụ được giao phó và tích cực góp phần xây dựng đất nước, nêu gương sáng cho học sinh noi theo.

Trong quá trình thực hiện cải cách giáo dục, chúng ta phải tăng cường và phát triển một đội ngũ cán bộ giảng dạy như vậy trong các trường đại học, cao đẳng, và trung học

chuyên nghiệp; thực hiện việc tiêu chuẩn hoá các loại cán bộ giảng dạy, giải quyết tốt việc sắp xếp và sử dụng theo chế độ chức vụ khoa học, có kế hoạch tổ chức tốt công tác bồi dưỡng về các mặt chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ. Đẩy mạnh việc đào tạo và bồi dưỡng những giáo viên dạy nghề giỏi về lý luận và có tay nghề thành thạo, tuyển từ những công nhân lành nghề ưu tú. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ đông đảo và vững mạnh những cán bộ giảng dạy chính trị và làm công tác chính trị trong các trường đại học và chuyên nghiệp. Đi đôi với việc tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, cần có kế hoạch và chính sách thu hút những cán bộ văn hoá, khoa học, kỹ thuật, quản lý giỏi và những công nhân lành nghề của các ngành và các địa phương tham gia công tác giảng dạy.

Cần cải tiến chế độ đãi ngộ đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, có chính sách khen thưởng thích đáng, nhằm khuyến khích những người gương mẫu, tận tâm với nghề nghiệp, được học sinh, đồng nghiệp và nhân dân tín nhiệm.

V- NHỮNG BIỆN PHÁP KHÁC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Để thực hiện cải cách giáo dục, đồng thời với việc cải cách công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, cần tiến hành tốt những biện pháp sau đây:

1. Cải tiến chương trình học và biên soạn sách giáo khoa mới

Trên cơ sở xác định mục tiêu đào tạo cụ thể của từng loại trường và từng ngành nghề, cần cải tiến chương trình học và biên soạn sách giáo khoa mới cho học sinh theo đúng những yêu cầu cải cách về nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục. Cần coi trọng việc biên soạn các loại sách tham khảo cho giáo viên. Có biện pháp huy động vào công tác cải tiến chương trình và biên soạn sách giáo khoa mới những cán bộ giỏi về khoa học và kỹ thuật, về văn học và nghệ thuật, về lý luận cách mạng, về khoa học giáo dục, và những giáo viên giỏi, những cán bộ quản lý giáo dục giàu kinh nghiệm.

Cần mở rộng và củng cố mạng lưới nhà in, nhà xuất bản và cơ sở phát hành các loại sách phục vụ công tác cải cách giáo dục, kể cả sách bổ túc văn hoá và đào tạo tại chức.

2. Tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của các trường học

Cơ sở vật chất và kỹ thuật của trường học là những điều kiện vật chất cần thiết giúp học sinh nắm vững kiến thức, tiến hành lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, hoạt động văn nghệ và rèn luyện thân thể, v.v. bảo đảm thực hiện tốt phương pháp giáo dục và đào tạo mới.

Phối hợp những cố gắng đầu tư của Nhà nước với sự đóng góp của nhân dân, của các ngành, các cơ sở sản xuất, và sức lao động của thầy trò trong việc xây dựng trường sở, phòng thí nghiệm, xưởng trường, vườn trường, bổ sung thư viện, chế tạo và sửa chữa những thiết bị học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Cần ban hành những quy chế nhằm tổ chức sử dụng hợp lý những thiết bị của các trường học, các

viện nghiên cứu khoa học và các cơ sở sản xuất vào công tác giáo dục và đào tạo.

Đưa vào trường học những phương tiện kỹ thuật hiện đại, như máy ghi âm, điện ảnh, vô tuyến truyền hình và những phương tiện kỹ thuật nghe - nhìn khác.

Đi đôi với xây dựng mới, cần tổ chức tốt việc bảo quản và sử dụng những cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện có.

3. Kiện toàn tổ chức quản lý và tăng cường công tác quản lý của ngành giáo dục

Cần tăng cường tổ chức quản lý và công tác quản lý của các ngành giáo dục mầm non, phổ thông, chuyên nghiệp và đại học, thực hiện sự chỉ đạo thông suốt, có chất lượng và có hiệu lực từ cấp trung ương đến các trường học, phấn đấu hoàn thành thắng lợi công cuộc cải cách giáo dục. Thực hiện sự phân cấp hợp lý giữa trung ương và các tỉnh, thành, giữa các ngành giáo dục và các ngành kinh tế, văn hoá trong việc quản lý hệ thống các trường học. Xác định chức năng và tổ chức quản lý của cấp huyện về mặt giáo dục cho phù hợp với nhiệm vụ xây dựng huyện thành một đơn vị kinh tế nông - công nghiệp.

Tăng cường bộ máy quản lý của các ngành giáo dục từ trung ương đến cơ sở, bổ sung những cán bộ quản lý có năng lực, tổ chức tốt công tác thanh tra giáo dục, cải tiến công tác thống kê và kế hoạch, coi trọng công tác chỉ đạo điểm kết hợp với diện, kịp thời đúc kết và phổ biến những kinh nghiệm giáo dục tiên tiến.

Xây dựng và ban hành những quy chế mới của các nhà trẻ và lớp mẫu giáo, các trường phổ thông, chuyên nghiệp và đại học, từng bước làm cho các hoạt động của nhà trường đi vào nền nếp, thực hiện tốt quyền làm chủ tập thể của học sinh, giáo viên, nhân viên và cán bộ trong việc quản lý nhà trường.

Cần có chế độ quy định rõ sự tham gia thiết thực và có hiệu lực của Công đoàn giáo dục, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh vào công tác quản lý trường học. Những hoạt động của Đoàn và Đội phải được xếp vào kế hoạch giáo dục chung của nhà trường.

4. *Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học giáo dục*

Công tác nghiên cứu khoa học giáo dục cần được tăng cường, trước mắt, để giải quyết một cách có cơ sở khoa học những vấn đề do cải cách giáo dục đề ra; và về lâu dài, để từng bước giải quyết những vấn đề cơ bản về sự phát triển toàn diện của thế hệ trẻ Việt Nam, đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhằm thúc đẩy nhanh hơn nữa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Phải kết hợp những thành tựu mới nhất của khoa học giáo dục thế giới với những thành tựu và kinh nghiệm tiên tiến của nhà trường Việt Nam để xây dựng lý luận giáo dục xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Các cán bộ khoa học giáo dục phải đi sâu vào phong trào thi đua "Hai tốt", tổng kết kinh

nghiệm và rút ra những kết luận khoa học về giáo dục phù hợp với đặc điểm của nước ta và của từng vùng ở trong nước.

Cần tăng cường Viện Khoa học giáo dục thuộc Bộ Giáo dục, Viện Nghiên cứu giáo dục đại học và chuyên nghiệp thuộc Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Viện Nghiên cứu khoa học dạy nghề thuộc Tổng cục Dạy nghề, tiến tới xây dựng *Viện Khoa học giáo dục Việt Nam* bao gồm nhiều viện phối hợp với nhau đi sâu vào những chuyên ngành cần thiết. Có kế hoạch đào tạo nhiều hơn nữa những cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục có trình độ cao.

VI- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC, ĐỘNG VIÊN TOÀN DÂN THAM GIA CẢI CÁCH GIÁO DỤC

1. Cải cách giáo dục là một cuộc vận động lớn trong quá trình tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hoá ở nước ta. Nó gắn chặt với những bộ phận khác của cách mạng tư tưởng và văn hoá, với cách mạng về quan hệ sản xuất, với cách mạng khoa học và kỹ thuật. Chỉ có *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục* thì mới có thể thực hiện thắng lợi sự nghiệp cải cách và phát triển giáo dục.

Các cấp uỷ Đảng cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc vị trí và vai trò quan trọng của giáo dục trong toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải biết gắn công tác giáo dục với nhiệm vụ xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới ở nước ta. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn đó, các cấp uỷ Đảng cần nắm vững những điểm chủ yếu về phương hướng, nội dung, chủ trương và biện pháp cải cách

giáo dục, từ đó mà chủ động đi sâu lãnh đạo công tác cải cách giáo dục trong phạm vi phụ trách của mình. Trong quá trình triển khai cải cách giáo dục, dựa vào việc thu thập rộng rãi ý kiến của nhân dân và cán bộ, vào việc tổng kết kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến, chúng ta phải từng bước cụ thể hoá và làm phong phú thêm đường lối giáo dục của Đảng, tiếp tục đi sâu hoàn chỉnh những chủ trương và biện pháp cải cách giáo dục, đưa sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa tiến lên mạnh mẽ.

Cần cải tiến công tác lãnh đạo của các tổ chức Đảng trong các ngành giáo dục mầm non, phổ thông, chuyên nghiệp và đại học. Các tổ chức Đảng nhất thiết phải chăm lo cho đường lối giáo dục của Đảng được thấu suốt trong công tác hằng ngày của mỗi ngành, làm cho những chủ trương và biện pháp cải cách giáo dục được các ngành, từ trung ương đến cơ sở, chấp hành nghiêm chỉnh với tinh thần sáng tạo. Các tổ chức Đảng cần coi trọng và phát huy đầy đủ hiệu lực chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp và vai trò quan trọng của các đoàn thể quần chúng trong trường học, cần giáo dục và động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên và đông đảo học sinh ra sức phấn đấu làm tốt các mặt công tác giảng dạy, học tập, phục vụ, lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, tổ chức đời sống, v.v..

Cần coi trọng công tác *xây dựng Đảng* trong các ngành giáo dục, tăng cường đội ngũ đảng viên và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng trong trường học, giáo dục đảng viên luôn luôn gương mẫu về mọi mặt và đứng vững ở vị trí tiên phong, đoàn kết đồng đảo anh chị em ngoài Đảng, lôi cuốn mọi người làm tốt công tác cải cách giáo dục và phát triển sự nghiệp giáo dục.

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có trách nhiệm lớn trong việc quản lý sự nghiệp giáo dục. *Cần tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo của Nhà nước đối với công tác cải cách giáo dục.*

Hội đồng Chính phủ có nhiệm vụ xét duyệt kế hoạch tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước; chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai từng bước công tác cải cách và phát triển giáo dục, chỉ đạo các ngành giáo dục mầm non, phổ thông, chuyên nghiệp, đại học và những ngành có liên quan nghiên cứu và ban hành những chính sách và chế độ cần thiết; chỉ đạo các cấp chính quyền và các ngành giải quyết kịp thời những yêu cầu về tài chính, vật tư, thiết bị, biên chế v.v. trong quá trình thực hiện cải cách giáo dục; phát động và tổ chức quần chúng nhân dân tích cực tham gia cải cách giáo dục. Để giúp Hội đồng Chính phủ làm tốt những nhiệm vụ trên đây, cần thành lập *Ủy ban Cải cách giáo dục Trung ương* bên cạnh Hội đồng Chính phủ.

3. Các đoàn thể nhân dân cần phát huy vai trò nòng cốt của mình trong việc *giáo dục và động viên toàn dân đóng góp trí tuệ, sức người, sức của vào sự nghiệp cải cách giáo dục và thực hiện đường lối giáo dục của Đảng*. Coi trọng xây dựng Hội cha mẹ học sinh ở cơ sở nhằm phối hợp chặt chẽ gia đình với nhà trường để giáo dục con em và góp sức xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa. Cần đưa vào ban phụ trách của Hội những người có đạo đức, có giác ngộ chính trị, có hiểu biết về giáo dục, và được nhân dân và gia đình học sinh tín nhiệm.

Cải cách giáo dục là nhiệm vụ trọng đại trong sự nghiệp xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Nó liên quan chặt chẽ đến lợi ích thiết thân của mỗi gia đình và mỗi công

dân Việt Nam; nó có ý nghĩa rất to lớn đối với tiền đồ của dân tộc ta, tương lai của Tổ quốc ta. Vì vậy, nhân dân ta giàu lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có truyền thống ham học và học giỏi, được phát động và hướng dẫn tốt, nhất định sẽ khắc phục mọi khó khăn, phát huy các nhân tố tích cực, góp phần xứng đáng vào công cuộc phát triển giáo dục với chất lượng ngày càng cao và theo quy mô ngày càng lớn.

Cải cách giáo dục lần này là một cuộc cách mạng sâu sắc trong sự nghiệp giáo dục của nước ta. Đây là *một cuộc đấu tranh rộng lớn trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá*, chống lại những nhận thức sai lầm, những ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, phong kiến và những tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới về giáo dục còn rơi rớt trong xã hội ta và đang hạn chế sức phát triển của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là *một cuộc đấu tranh rộng lớn trên lĩnh vực tổ chức*, chống lại những hình thức và phương pháp lạc hậu về tổ chức và quản lý giáo dục, những tác phong và thói quen lỗi thời chưa được xoá bỏ trong ngành giáo dục và những ngành có liên quan với công tác giáo dục. Hơn nữa, đây còn là một *công cuộc xây dựng mới trong giáo dục*, kết hợp việc phát huy những truyền thống giáo dục tốt đẹp của dân tộc ta và những kinh nghiệm giáo dục tiên tiến mà Đảng ta đã tổng kết trong mấy chục năm qua, với việc vận dụng sáng tạo những tư tưởng tiến bộ và những thành tựu hiện đại của thế giới, nhất là của các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong lĩnh vực giáo dục, nhằm làm cho công tác giáo dục gắn chặt hơn nữa với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta trong giai đoạn mới.

Tuy đất nước ta hiện nay còn có nhiều khó khăn, nhưng trong điều kiện mới của cách mạng, cải cách giáo dục đang có nhiều thuận lợi rất to lớn. Ngay từ lúc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh

kính yêu đã chỉ rõ nguyện vọng thiết tha của Người "làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Trong *Di chúc* của Người, Hồ Chủ tịch căn dặn chúng ta: "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết".

Thực hiện nguyện vọng thiết tha và điều căn dặn thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, chấp hành Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng, toàn Đảng, toàn dân ta cùng toàn ngành giáo dục, quyết tâm hoàn thành xuất sắc công cuộc cải cách giáo dục, góp phần tích cực vào sự nghiệp vĩ đại: xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM VĂN ĐỒNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 02-TB/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1979

**Về Quyết định của Bộ Chính trị thành lập
Ủy ban Cải cách giáo dục của Trung ương Đảng
và Chính phủ***

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết số 14 ngày 11-1-1979 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, Bộ Chính trị đã quyết định:

1. Thành lập Ủy ban Cải cách giáo dục của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Ủy ban Cải cách giáo dục của Trung ương Đảng và Chính phủ có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo nghiên cứu và xây dựng các đề án về chủ trương, kế hoạch, và biện pháp nhằm thực hiện cải cách giáo dục, để trình Bộ Chính trị và Chính phủ quyết định.

b) Kiểm tra, đôn đốc các ngành và các địa phương thực hiện các chủ trương và kế hoạch cải cách giáo dục.

c) Chuẩn bị dự luật cải cách giáo dục để trình Quốc hội.

Ủy ban Cải cách giáo dục của Trung ương Đảng và Chính phủ dựa vào lực lượng của các ngành có liên quan, chủ yếu là các ngành giáo dục, để tiến hành công tác.

2. Thành phần của Ủy ban gồm những đồng chí sau đây:

- Phạm Văn Đồng	Chủ tịch
- Tố Hữu	Phó Chủ tịch
- Trần Quang Huy	Ủy viên

* Để tiện cho bạn đọc theo dõi, chúng tôi xếp tài liệu này ngay sau Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị (B.T).

- Trần Quỳnh	-nt-
- Nguyễn Đình Tú	-nt-
- Nguyễn Thị Bình	-nt-
- Đặng Quốc Bảo	-nt-
- Bùi Thanh Khiết	-nt-
- Nguyễn Khánh Toàn	-nt-
- Trần Đại Nghĩa	-nt-
- Đinh Thị Cẩn	-nt-
- Lê Văn Giọng	-nt-
- Đặng Hữu	-nt-
- Võ Thuần Nho	-nt-
- Nguyễn Cảnh Toàn	-nt-
- Nguyễn Văn Hiệu	-nt-
- Nguyễn Xuân Tài	-nt-

Ủy ban có Ban Thư ký gồm những đồng chí:

- Bùi Thanh Khiết	Trưởng Ban Thư ký
- Lê Văn Giọng	Thư ký
- Võ Thuần Nho	-nt-
- Đặng Hữu	-nt-
- Đinh Thị Cẩn	-nt-
- Nguyễn Xuân Tài	-nt-

3. Tùy theo sự cần thiết, Ủy ban Cải cách giáo dục của Trung ương Đảng và Chính phủ có thể thành lập các tiểu ban giúp việc.

Ban Bí thư thông báo các đồng chí biết để thi hành.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 62-CT/TW, ngày 11 tháng 1 năm 1979

Về mở lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp và trung cấp

Để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm¹⁾ của Trung ương, đáp ứng được yêu cầu cải tiến quản lý kinh tế, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ quyết định mở một lớp bồi dưỡng về kiến thức quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng và Nhà nước, theo chương trình giảng dạy do chuyên gia Liên Xô trực tiếp trình bày.

1. *Mục đích, yêu cầu* của lớp bồi dưỡng này là giúp cho cán bộ nắm chắc cơ sở khoa học của hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống những kinh nghiệm về quản lý kinh tế của Liên Xô; giúp cho cán bộ có thêm cơ sở để nghiên cứu cải tiến quản lý và xây dựng hệ thống quản lý kinh tế mới của ta.

2. *Lớp bồi dưỡng được tổ chức theo hình thức học tập*

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.39, tr. 522 (B.T).

trung, trong thời gian bốn tháng, khai giảng từ ngày 2-4-1979. Theo một chương trình giảng dạy tương đối có hệ thống gồm ba phần lớn: Những cơ sở khoa học của hệ thống quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, những vấn đề về quản lý kinh tế ngành, những phương pháp và phương tiện kỹ thuật của quản lý và tổ chức một cách khoa học công tác của người lãnh đạo.

3. *Số lượng và thành phần học viên* dự lớp này gồm có:

- 250 học viên chính thức, trong đó có độ 1/5 là các Trưởng ban, Phó ban các Ban của Trung ương Đảng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, Tổng cục trưởng, Tổng cục phó các Tổng cục, Chủ tịch, Phó chủ tịch các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương; 1/5 là các đồng chí phụ trách các cục, vụ, viện quản lý kinh tế; 2/5 là các giám đốc, phó giám đốc các tổng công ty, các xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp và các xí nghiệp lớn, các cán bộ quản lý có triển vọng; 1/5 là cán bộ giảng dạy và làm công tác nghiên cứu kinh tế ở các trường và các viện.

- Ngoài số học viên trên, có khoảng 200 cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp dự thính.

Danh sách học viên chính thức và dự thính do Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Văn phòng Phủ Thủ tướng và Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng bàn bạc với Ban Cán sự Đảng các bộ, tổng cục, với các tỉnh, thành uỷ để lựa chọn và trình Ban Bí thư Trung ương Đảng xét duyệt.

4. *Tổ chức và lãnh đạo lớp học*

- Giao cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế chịu trách nhiệm trước Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ tổ chức và quản lý lớp học này.

- Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế phối hợp với Văn phòng Phủ Thủ tướng sử dụng cơ sở vật chất và bộ máy phục vụ của Trường hành chính Nhà nước trong thời gian

từ đầu tháng 3 năm 1979 đến 15 tháng 8 năm 1979, để tổ chức lớp học.

- Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế phối hợp với Trường Nguyễn ái Quốc Trung ương và Trường đại học Kinh tế kế hoạch tổ chức bộ phận giáo vụ của lớp.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔ HỮU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 63-CT/TW, ngày 13 tháng 1 năm 1979

**Về giữ vững nguyên tắc sinh hoạt Đảng, đề cao
dân chủ và ý thức tổ chức, kỷ luật, nghiêm cấm
những hành động trù dập, trấn áp phê bình**

Thời gian vừa qua, các tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên đã thực hiện tốt nguyên tắc lãnh đạo và sinh hoạt của Đảng, phát huy tinh thần dân chủ, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, tăng cường đoàn kết thống nhất, tập trung năng lực, trí tuệ của tổ chức Đảng và mọi cán bộ, đảng viên để thực hiện mọi nhiệm vụ. Song, hiện nay một số cán bộ, đảng viên còn có hành động trấn áp phê bình, trù dập những người đấu tranh để bảo vệ lợi ích chung.

Những người trù dập thường lạm dụng chức quyền, lợi dụng tổ chức Đảng, quyền lực của Nhà nước và biện pháp về kinh tế, chính trị, tổ chức để trù dập đảng viên, ức hiếp quần chúng, thực hiện quyền lợi riêng tư của mình.

Những hành động trù dập đảng viên, ức hiếp quần chúng, dù là việc lớn hay nhỏ, đều là sai lầm rất nghiêm trọng, vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, làm thương tổn đến đoàn kết thống nhất nội bộ, làm giảm sức mạnh chiến đấu của tổ chức Đảng, hư hỏng đội ngũ đảng viên.

Đối với tình hình đó, một số đảng bộ, cơ quan đã kết hợp với việc thi hành Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị¹⁾, Thông tri 22 của Ban Bí thư, phát hiện và xử trí một số trường hợp trù dập, trấn áp phê bình, có tác dụng giáo dục, ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực đó. Nhưng vẫn còn nhiều cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng chưa thấy hết tính chất nghiêm trọng và tai hại của loại sai lầm này, còn e dè nể nang với những người phạm khuyết điểm.

Để khắc phục tình trạng trên đây, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp uỷ, các Ban, Đảng đoàn, Ban Cán sự, làm tốt những việc sau đây:

1. Thường xuyên giáo dục và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện nghiêm túc quy định của Điều lệ Đảng: "Các tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình; cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc phê bình từ dưới lên... *Đảng nghiêm cấm những hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân và có thái độ nghiêm khắc đối với bất cứ cán bộ, đảng viên và tổ chức nào phạm các khuyết điểm ấy*".

Làm cho mọi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành thấy rõ tính chất nghiêm trọng, và tác hại của hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân hiện còn xảy ra ở một số cơ quan, đơn vị để tích cực đấu tranh, ngăn chặn, khắc phục có hiệu quả.

Cấp uỷ Đảng và cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải tăng cường lãnh đạo sinh hoạt tự phê bình và phê bình, trong nội bộ Đảng, cơ quan, đoàn thể; ủng hộ và bảo vệ những

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.35, tr.1 (B.T).

người mạnh dạn phê bình những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, nhất là những hành động trái với đường lối, chính sách, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng; nghiêm cấm hành động trấn áp, trù dập dưới bất cứ hình thức nào, bằng bất cứ thủ đoạn nào.

2. Những cán bộ, đảng viên lợi dụng quyền hành và tổ chức để trấn áp, trù dập người khác, những cán bộ, đảng viên cố tình bao che, ủng hộ người khác phạm sai lầm phải được xử trí kỷ luật một cách nghiêm khắc, kịp thời cả về mặt Đảng và Nhà nước. Những trường hợp rõ ràng là phạm pháp thì phải truy tố trước pháp luật.

Những cán bộ, đảng viên tiêu cực, làm gương trước những sai lầm đó phải được giáo dục, phê bình.

Đối với những nơi dễ xảy ra tình trạng mất dân chủ, trấn áp, trù dập cá nhân thì cấp uỷ và thủ trưởng ở đó phải có trách nhiệm về những sai lầm đó.

3. Khi trong đảng bộ, chi bộ, cơ quan có người tố cáo là bị cán bộ, đảng viên trấn áp, trù dập thì đảng uỷ, chi bộ hoặc Ban, Đảng đoàn, Ban Cán sự phải tổ chức nghe ý kiến của người đó và tập thể xem xét, kết luận cho chính xác, kịp thời. Trường hợp người bị trấn áp, trù dập khiếu nại lên cấp trên, thì các cơ quan có trách nhiệm cấp trên phải nhanh chóng xem xét và giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

4. Đối với những trường hợp do bị trấn áp, trù dập mà bị xử trí sai, thì tổ chức Đảng và cơ quan có thẩm quyền phải xem xét để xoá bỏ sớm các quyết định không đúng, minh oan và khôi phục mọi quyền lợi chính đáng của người bị xử

trí sai đó.

5. Đối với những người tố cáo không đúng, do không hiểu rõ vấn đề chứ không phải cố ý vu cáo thì cần giải thích cho người đó.

Đối với những người cố tình vu cáo, với mục đích bẻ phái chia rẽ nội bộ, ngăn cản việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, mưu lợi ích cá nhân, thì tổ chức Đảng phải phê bình nghiêm khắc và thi hành kỷ luật thích đáng.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 64-CT/TW, ngày 22 tháng 1 năm 1979

Về việc lãnh đạo cuộc tổng điều tra dân số cả nước năm 1979

Hội đồng Chính phủ đã quyết định mở cuộc tổng điều tra dân số cả nước vào đầu tháng 4 năm 1979. Từ khi nước nhà được thống nhất, đây là cuộc điều tra lớn đầu tiên nhằm thu thập những tài liệu cơ bản về toàn bộ dân số trong cả nước để làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch dài hạn, tăng cường các mặt công tác quản lý của Nhà nước và củng cố quốc phòng, đồng thời nhằm phục vụ công tác chuẩn bị Đại hội Đảng lần thứ V.

Công tác điều tra dân số lần này được tiến hành trong lúc cả nước bận nhiều công tác lớn nhằm xây dựng kinh tế, khắc phục hậu quả bão lụt và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tình hình dân số đang được phân bố lại ở các vùng cho nên càng phức tạp, khó khăn.

Để bảo đảm cho cuộc tổng điều tra dân số năm 1979 đạt kết quả tốt, các thành uỷ, tỉnh uỷ, các ban, các Đảng đoàn ở trung ương phải tích cực thực hiện các công tác sau đây:

1. Tuyên truyền giải thích cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận rõ ý nghĩa quan trọng của cuộc tổng điều tra dân

số năm 1979; *chú trọng làm tốt việc chuẩn bị cho cuộc tổng điều tra từ nay đến cuối tháng 3 năm 1979. Khi tiến hành tổng điều tra, khoảng 15 ngày kể cả trước và sau ngày 1-4-1979, phải tập trung chỉ đạo, coi đó là công tác trọng tâm đột xuất.* Phải huy động lực lượng các ngành, các cấp tích cực tham gia, đồng thời có kế hoạch kết hợp cuộc tổng điều tra dân số với các công tác khác ở địa phương, *vừa bảo đảm cho cuộc tổng điều tra dân số được hoàn thành đúng thời hạn, vừa hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác khác.*

2. Các cấp uỷ Đảng phải chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền giáo dục, truyền thanh, truyền hình, báo chí, các đoàn thể, có kế hoạch tuyên truyền giải thích sâu rộng ý nghĩa, mục đích của cuộc tổng điều tra dân số trong nhân dân, cán bộ, công nhân, viên chức, quân đội, để mọi người tự giác tích cực tham gia thực hiện cuộc điều tra. *Có kế hoạch chủ động đập tan các luận điệu phản tuyên truyền của bọn phản động, có biện pháp kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại của địch và những hành động làm cản trở cuộc tổng điều tra dân số.* ở các vùng cao xa xôi hẻo lánh, biên giới, hải đảo, nơi dân cư thưa thớt, các lực lượng vũ trang (công an, quân đội) cần có kế hoạch phối hợp với dân quân tự vệ của địa phương bảo đảm cho công tác điều tra dân số được an toàn, thuận lợi. *Bộ Nội vụ có kế hoạch tổ chức chỉ đạo việc bảo vệ cuộc tổng điều tra và các tài liệu điều tra.*

3. Lãnh đạo chặt chẽ công tác tổ chức và cán bộ để tiến hành cuộc điều tra, đặc biệt chú ý: kiện toàn tổ chức chỉ đạo điều tra dân số các cấp, chọn cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm; tổ chức bộ máy điều tra có hiệu lực từ trên xuống dưới được trang bị đủ phương tiện làm việc cần thiết; *thường xuyên kiểm tra, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, thiếu sót, bảo đảm*

mọi công tác chuẩn bị được thực hiện chu đáo theo đúng kế hoạch hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tổng điều tra dân số Trung ương.

Cần lãnh đạo thật tập trung bước đăng ký kê khai, bảo đảm cho công tác điều tra được nhanh gọn với chất lượng tốt.

Sau bước đăng ký kê khai, Ban Chỉ đạo tổng điều tra dân số các cấp phải *hướng dẫn việc tổng hợp tài liệu điều tra đúng kỳ hạn* để kịp thời khai thác phục vụ cho sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước và *có biện pháp giữ gìn bí mật tài liệu điều tra.*

4. Các địa phương phải chủ động phát huy kết quả của công tác điều tra dân số; chấn chỉnh và tăng cường công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, hộ khẩu; lập "sổ dân số và lao động" ở xã, phường, đưa việc quản lý dân số và lao động vào nền nếp để giúp cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương nắm chắc nguồn lao động, làm cơ sở cho việc huy động và sử dụng lao động sau này.

Các thành uỷ, tỉnh uỷ và Ban Cán sự các ngành, Đảng đoàn các đoàn thể ở trung ương cần quán triệt và làm tốt các công việc theo tinh thần của Chỉ thị này; có kế hoạch phổ biến Chỉ thị này xuống tận chi bộ cơ sở và thường xuyên kiểm tra việc chấp hành.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 04-TB/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1979

Về chương trình công tác năm 1979 của Trung ương (Bộ Chính trị đã thông qua)

I- NHỮNG CÔNG TÁC CHUNG PHẢI QUAN TÂM LÃNH ĐẠO

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1979. Chuẩn bị kế hoạch 1980 và những phương hướng lớn của kế hoạch 5 năm 1981-1985.

2. Thi hành các Nghị quyết 2, 3, 4, 5 của Trung ương, chú trọng các vấn đề về chính sách, về tổ chức, cán bộ, về xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

3. Cải tiến quản lý kinh tế.

4. Hoàn thành xây dựng Hiến pháp mới.

Trong năm 1979, có 3 kỳ họp Trung ương:

- Tháng 5 hoặc tháng 6-1979: Hội nghị Trung ương về hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

- Tháng 8-1979: Một kỳ họp đặc biệt của Trung ương về Hiến pháp mới.

- Tháng 11 hoặc tháng 12-1979: Hội nghị Trung ương về cải tiến quản lý kinh tế và kế hoạch Nhà nước năm 1980.

Cùng với những công tác trên, Bộ Chính trị thường xuyên lãnh đạo chặt chẽ các vấn đề về quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

II- NHỮNG CÔNG VIỆC CHÍNH VÀ LỊCH LÀM VIỆC CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

QUÝ I

Bộ Chính trị:

- Nhận định và có chủ trương toàn diện trước tình hình mới ở nước Campuchia.

- Việc áp dụng trong cả nước Nghị quyết 12 của Bộ Chính trị về thu mua lương thực và những nông sản chủ yếu.

- Chấn chỉnh và tăng cường công tác giao thông vận tải (Bộ Chính trị đã nghe một lần).

- Tổ chức và nhân sự của một số bộ kinh tế quan trọng và các tỉnh, thành, do Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ chuẩn bị.

- Duyệt dự thảo Hiến pháp để đưa ra nhân dân thảo luận trong quý II.

- Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu và chính sách khuyến

khích làm hàng xuất khẩu.

- Thành lập các liên hiệp xí nghiệp; thực hiện việc phân cấp cho tỉnh, thành và huyện quản lý các nông trường, lâm trường, xí nghiệp.

- Chính sách và tổ chức công tác kinh tế đối ngoại.
- Duyệt kế hoạch 1979 và con số kiểm tra kế hoạch 1980 (trong tháng 3).

Ban Bí thư:

- Thường vụ Hội đồng Chính phủ kiểm tra một số tỉnh trọng điểm, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch Nhà nước năm 1979 theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương. Ban Bí thư chỉ đạo tiến hành Đại hội Đảng ở cơ sở, huyện và tỉnh, thành; duyệt nhân sự các tỉnh uỷ, thành uỷ; làm việc với Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh; kiểm điểm việc chỉ đạo xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở.
- Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ thảo luận và quyết định chính sách cụ thể để thực hiện việc phân bổ lại lao động trong cả nước và xây dựng các vùng kinh tế mới; danh mục công trình xây dựng cơ bản năm 1979 và chế độ quản lý xây dựng cơ bản.

QUÝ II

Bộ Chính trị:

- Duyệt các đề án về hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương sẽ trình ra Trung ương (tháng 4).
- Thảo luận các vấn đề đã được chuẩn bị về tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương.
- *Hội nghị Trung ương* về hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương (tháng 5 hoặc tháng 6).

Ban Bí thư:

- Bàn một số việc về công tác xây dựng Đảng.
- Bàn về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước từ cơ sở trở lên.
- Dự đại hội các tỉnh, thành.

Tháng 7: Nghỉ hè

5 THÁNG CUỐI NĂM 1979

Bộ Chính trị:

- Sau khi *Hiến pháp* đã được đưa ra nhân dân thảo luận và Ủy ban Hiến pháp đã hoàn chỉnh văn bản, Bộ Chính trị sẽ duyệt lại để trình ra *một kỳ họp đặc biệt của Trung ương*.
- Duyệt đề án về cải tiến quản lý kinh tế và dự án kế hoạch Nhà nước năm 1980 và những phương hướng lớn của kế hoạch 5 năm 1981-1985 để trình ra Hội nghị Trung ương.
- Thảo luận đề án về cách mạng khoa học và kỹ thuật.
Tháng 8: Hội nghị Trung ương về Hiến pháp mới.
Tháng 11 hoặc tháng 12: Hội nghị Trung ương về cải tiến quản lý kinh tế và kế hoạch Nhà nước năm 1980.

Ban Bí thư:

- Cùng Thường vụ Hội đồng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thi hành các chính sách kinh tế đã được quyết định.
- Kiểm điểm việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về vấn đề ruộng đất, đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp và hoàn thành công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở miền Nam.
- Chỉ đạo Đại hội toàn quốc của Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp Phụ nữ.
- Trong quý IV, các đồng chí trong Ban Bí thư đi kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương, các nghị quyết của Bộ Chính trị và việc củng cố cơ sở, xây dựng huyện ở một số địa phương.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN DUY TRINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 68-TT/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1979

**Về kỷ niệm lần thứ 49 ngày thành lập Đảng
(3-2-1979)**

Năm nay, chúng ta kỷ niệm ngày thành lập Đảng giữa lúc toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vô cùng phấn khởi trước thắng lợi nhanh chóng và trọn vẹn của cách mạng Campuchia, đang ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương, hăng hái vươn lên khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh lao động sản xuất, tăng cường chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

Nhân dịp này, cần tiến hành *một đợt động viên chính trị nhằm phát huy cao độ truyền thống độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, tinh thần lạc quan cách mạng, nâng cao lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, và tiền đồ rực rỡ của dân tộc* trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân ta, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, phấn đấu tạo ra một sự chuyển biến lớn về mọi mặt hoạt động, nhất là trên mặt trận nông nghiệp trong năm 1979, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và thiết thực chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng (3-2-1980).

Sau đây là những *hình thức hoạt động cụ thể*.

1. Đội ngũ báo cáo viên các cấp tổ chức những cuộc nói chuyện rộng rãi về lý luận cộng sản chủ nghĩa và lịch sử đấu tranh vẻ vang của Đảng; động viên thực hiện các nhiệm vụ chính trị trước mắt của mỗi địa phương, mỗi ngành. Tổ chức tham quan các bảo tàng và di tích cách mạng.

2. Báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình có kế hoạch tuyên truyền theo những nội dung trên; đặc biệt chú ý biểu dương những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến thể hiện sinh động đường lối, bản chất và truyền thống của Đảng.

3. Đảng uỷ các cấp và các tổ chức cơ sở của Đảng kết hợp chặt chẽ với việc chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp ở địa phương, tiến hành kiểm điểm, đánh giá tình hình xây dựng Đảng, xây dựng kế hoạch cụ thể củng cố và phát triển Đảng từ nay đến kỷ niệm lần thứ 50 ngày

thành lập Đảng. Mỗi đảng viên cần phải căn cứ vào đó đề ra kế hoạch phấn đấu của mình.

Các Đảng bộ cơ sở cần phải có kế hoạch tổ chức quần chúng cách mạng phê bình chân thành cán bộ, đảng viên, nêu rõ cả hai mặt: ưu điểm và khuyết điểm, để có biện pháp thiết thực nâng cao chất lượng của Đảng bộ.

4. Các đoàn thể phát động phong trào quần chúng ra quân lao động đầu xuân và đăng ký lập công với những chỉ tiêu phấn đấu cụ thể quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1979.

Ngành lâm nghiệp cùng các đoàn thể, các ngành, các địa phương tổ chức "Tết trồng cây" đạt hiệu quả thiết thực.

5. Các ngành văn hoá thông tin, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao tổ chức và hướng dẫn các hoạt động văn hoá quần chúng, các cuộc triển lãm, chiếu phim, các cuộc thi đấu thể thao và biểu diễn nghệ thuật rộng rãi ở cơ sở, tạo ra một không khí thật sự phấn khởi, vui tươi, lành mạnh.

Trong dịp này, Trung ương nhắc nhở các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể phải tăng cường chăm sóc, giúp đỡ chu đáo các gia đình liệt sĩ, thương binh, người có công với cách mạng và phải rất chú ý các đơn vị vũ trang làm nhiệm vụ ở biên giới và hải đảo.

T/M Ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Nghị quyết
của Bộ Chính trị**

Số 15^b- NQ/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1979

**Về việc kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập
Đảng Cộng sản Việt Nam, kỷ niệm lần thứ 90
ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại,
kỷ niệm lần thứ 35 nước Việt Nam Dân chủ
Cộng hoà**

Ngày 3 tháng 2 năm 1980 sẽ là ngày kỷ niệm Đảng Cộng sản Việt Nam tròn 50 tuổi.

Ngày 19-5-1980, nhân dân ta sẽ kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người sáng lập Đảng ta, sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 2-9-1980, nhân dân ta sẽ kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ba cuộc kỷ niệm lớn đó là những sự kiện lịch sử quan trọng của nước ta; là nguồn động viên và cổ vũ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức thi đua lập nhiều thành tích xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân ta tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giành lại độc lập, thống nhất cho Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử của Đảng và của dân tộc ta trong nửa thế kỷ qua là lịch sử một thời kỳ đấu tranh oanh liệt chưa từng thấy trên đất nước ta. Tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, Đảng đã tập hợp dưới sự lãnh đạo của mình mọi lực lượng yêu nước và cách mạng, tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới và trở thành lực lượng cách mạng vô địch. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là những thắng lợi lừng lẫy của cách mạng nước ta và cách mạng thế giới. Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta đánh thắng bọn xâm lược Mỹ, tên sen đầm quốc tế, đã đi vào lịch sử của loài người như một chiến công bất hủ.

Khi Đảng ta mới ra đời, nước nhà đang bị giày xéo dưới gót sắt của bọn thực dân và phong kiến, đồng bào ta sống lầm than, cơ cực dưới ách nô lệ; áp bức, bóc lột đè nặng khắp thành thị và nông thôn.

Ngày nay, bọn đế quốc xâm lược đã bị quét sạch trên đất nước ta; Tổ quốc ta độc lập, thống nhất; các giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ; nhân dân ta vĩnh viễn làm chủ đất nước mình. Sự ra đời của nước Cộng hoà xã hội chủ

nghĩa Việt Nam mở đầu một kỷ nguyên mới của dân tộc ta, kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Đó là một sự kiện lịch sử quan trọng ở Đông Nam á và trên thế giới, có ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc và văn minh cho toàn dân ta.

....

Nhiệm vụ chung trước mắt của cách mạng nước ta là: động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, tinh thần tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động; đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng; nâng cao cảnh giác, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đập tan mọi âm mưu của địch hòng làm suy yếu, phá hoại và xâm lược nước ta. Đánh bại mọi âm mưu và hành động của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn chống Việt Nam là sứ mệnh lịch sử của nhân dân cả nước ta để bảo vệ độc lập dân tộc, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, góp phần bảo vệ và tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, giữ gìn sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần

vào cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân toàn thế giới.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta gian khổ, phức tạp, nhưng nhìn toàn cuộc thì chưa bao giờ nước ta lại mạnh như ngày nay. Sức mạnh Việt Nam đã tăng lên gấp bội sau chiến thắng đế quốc Mỹ và thống nhất nước nhà. Nhân dân Lào đã giành được thắng lợi hoàn toàn và đang xây dựng nước nhà phồn vinh. Nhân dân Campuchia đã lật đổ chế độ diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt - Yêng Sari và bắt tay vào xây dựng lại Tổ quốc. Ba dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia đoàn kết chặt chẽ chống kẻ thù chung. Chúng ta lại có sức mạnh vĩ đại của cả ba dòng thác cách mạng trên thế giới, trước hết là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em tích cực ủng hộ và giúp đỡ ta.

Khi Đảng ta mới ra đời, trên thế giới mới có một nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế còn nhỏ bé. Ngày nay, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống thế giới, phong trào cộng sản quốc tế đã hùng mạnh trên các đại châu. Đảng ta rất tự hào đã góp phần tích cực tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội và của phong trào giải phóng dân tộc, và cách mạng nước ta được sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế to lớn.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành một đội ngũ cách mạng kiên cường, từng trải, thủ thách, một Đảng đầy sức sáng tạo, lại học tập được kinh nghiệm phong phú của phong trào cộng sản quốc tế và có những cống hiến quý báu vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngày nay, trước nhiệm vụ lịch sử mới, Đảng ta

quyết tâm vươn cao hơn nữa, xứng đáng với lòng tin cậy của đồng bào cả nước và anh em, bầu bạn trên thế giới.

Để tích cực chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng, kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bộ Chính trị quyết định:

1. Tiến hành một cuộc vận động tập trung *xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch* cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, *củng cố chính quyền nhân dân* nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng, phát huy năng lực làm chủ tập thể của quần chúng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, vừa đẩy mạnh xây dựng kinh tế, vừa củng cố quốc phòng, chuẩn bị cho kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ ba (1981-1985), đồng thời phục vụ thiết thực cho việc phát thể đảng viên và cho Đại hội lần thứ V của Đảng.

2. Mở một cuộc vận động *giáo dục chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân* nhằm thấu suốt tình hình và nhiệm vụ mới, nhận rõ đối tượng hiện tại và cụ thể của cách mạng Việt Nam, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng và trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, học tập gương sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, suốt đời phấn đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; phát huy mạnh mẽ vai trò và năng lực làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Phát động một *phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chiến đấu*

và sẵn sàng chiến đấu nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976-1980), ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự an ninh, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Để đạt được ba mục tiêu trên, cần làm tốt những việc lớn sau đây:

1. Công tác *xây dựng cơ sở Đảng và xây dựng chính quyền ở cơ sở là yêu cầu trọng tâm* trong dịp kỷ niệm này. Cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư¹⁾ Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc... Qua cuộc vận động giáo dục chính trị và phong trào quần chúng, dựa vào quần chúng cách mạng mà củng cố và xây dựng tổ chức Đảng và tổ chức chính quyền. Kết nạp vào Đảng những người tiên tiến trong phong trào cách mạng, những người giác ngộ cộng sản chủ nghĩa; phấn đấu đến hết năm 1980 *tất cả cơ sở* (xí nghiệp, phường, xã, đơn vị chiến đấu, trường học, cửa hàng...) *đều có chi bộ vững mạnh và trong sạch*. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên, những phần tử sa sút ý chí chiến đấu, tham ô, hủ hoá, biến chất, xâm phạm nghiêm trọng quyền làm chủ tập thể của

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.39, tr.316 (B.T).

nhân dân. Đưa những cán bộ *thật sự có phẩm chất và năng lực* về chính trị, kinh tế, văn hoá, nhất là những cán bộ trẻ, vào các cơ quan lãnh đạo của các cấp Đảng và chính quyền; chú ý trẻ già kết hợp; làm cho Đảng có sức chiến đấu mới. Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý và nền nếp sinh hoạt chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, *thể hiện mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý*, nhằm phát huy cao độ hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản, chế độ làm chủ tập thể ở mọi ngành, mọi cấp.

Việc *phát triển đảng viên* theo Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng sẽ tiến hành vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng.

2. Tiến hành một cuộc *tuyên truyền, giáo dục sâu rộng* về tình hình và nhiệm vụ mới, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối phát triển kinh tế và những mục tiêu của Đại hội lần thứ IV của Đảng; về nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và lối sống xã hội chủ nghĩa.

Việc giáo dục tình hình và nhiệm vụ, đường lối và kinh nghiệm cách mạng nước ta phải kết hợp chặt chẽ với việc giáo dục lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, phê phán những khuynh hướng phản động và cơ hội chủ nghĩa, khắc phục ảnh hưởng của những tư tưởng đó trong cán bộ, đảng viên, liên hệ giải quyết những vấn đề cụ thể của cách mạng đang đặt ra cho các cấp, các ngành.

Việc giáo dục nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và lối sống xã hội chủ nghĩa trong toàn xã hội phải được tiến hành bằng một cuộc vận động rộng lớn và kiên trì, trước hết là trong Đảng và trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, theo tinh thần "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại" và các chiến sĩ cộng sản đã hy sinh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa cộng sản; kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, nhất là những hiện tượng vô trách nhiệm, quan liêu, ngại gian khổ hy sinh, lười biếng, không tôn trọng pháp luật, ăn cắp, thoái hoá, biến chất, ức hiếp quần chúng.

Ngày 3 tháng 9 năm 1979, 10 năm sau ngày công bố *Di chúc* của Hồ Chủ tịch, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta hãy kiểm điểm việc thực hiện và có kế hoạch tiếp tục thực hiện *Di chúc* đó.

Năm 1979 là năm cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp mới sẽ được tổ chức trong toàn dân. Cần kết hợp cuộc tuyên truyền, giáo dục trên đây với cuộc *vận động thảo luận và thực hiện Hiến pháp mới mà xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, tạo thành sức mạnh vĩ đại và động lực to lớn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

3. Các tổ chức Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các cơ quan kinh tế, văn hoá hướng toàn bộ công tác của mình vào việc động viên dũng khí cách mạng, ý chí tự lực tự cường và năng lực sáng tạo của quần chúng, khai thác khả năng tiềm tàng to lớn của đất

nước, *phát động một cao trào cách mạng liên tục của quần chúng thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu*, kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, *thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1979, kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai và Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng*.

4. Trong hai năm 1979 - 1980, phải hoàn thành việc biên soạn cuốn *Sơ thảo lịch sử Đảng*; chỉnh lý và bổ sung cuốn *Lịch sử Cách mạng Tháng Tám* và cuốn *Tiểu sử và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh*; đồng thời, chấn chỉnh, bổ sung và nâng cao việc trưng bày và giới thiệu của nhà *Bảo tàng cách mạng*, phản ánh được những thành tựu và kinh nghiệm cơ bản của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta trong 50 năm qua. Các tỉnh, thành hoàn thành việc biên soạn sơ thảo lịch sử Đảng bộ và xây dựng nhà *Bảo tàng cách mạng* của địa phương. Tổ chức *triển lãm* ở trung ương và ở các tỉnh, thành về thành tựu cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về củng cố quốc phòng, giữ vững trật tự an ninh từ ngày cả nước hoàn toàn giải phóng đến nay. Xây dựng đời sống văn hoá vui tươi, lành mạnh trong nhân dân ta, nhất là trong thanh niên, thiếu niên. Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn học nghệ thuật cần phấn đấu có những công trình nghiên cứu và những tác phẩm xứng đáng với 50 năm đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Những việc lớn trên đây phải được tiến hành từ ngày mùng 3 tháng 2 năm 1979 đến hết năm 1980, bằng những *kế hoạch hoạt động cụ thể, thiết thực* của mỗi ngành, mỗi đoàn thể, mỗi địa phương, mỗi đơn vị cơ sở. Ban Tuyên huấn Trung ương cần hướng dẫn cụ thể những nhiệm vụ, công tác thích hợp với từng đợt kỷ niệm (3 tháng 2, 19 tháng 5, 2 tháng 9).

Để tổ chức thực hiện Nghị quyết này một cách có hiệu quả, sẽ thành lập *Ban Tổ chức kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 1980* ở trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân, hãy đem nhiệt tình cách mạng, trí tuệ và tài năng của mình tham gia cuộc vận động chuẩn bị kỷ niệm ngày thành lập Đảng quang vinh, ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ngày thành lập nước Việt Nam mới, phát động một phong trào quần chúng sôi nổi thi đua lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh.

T/M Bộ Chính trị

Trường Chinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 69-TT/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1979

**Về việc sử dụng sĩ quan nguy biệt phái và sĩ quan
nguy đã qua cải tạo**

Ngày 27-11-1976, Ban Bí thư đã có Chỉ thị số 243-CT/TW về việc giáo dục, sử dụng những công nhân, viên chức mới giải phóng. Gần đây, ở một số ngành và địa phương có hiện tượng không sử dụng nhất loạt số sĩ quan nguy biệt phái và sĩ quan nguy đi cải tạo về. Ban Bí thư hướng dẫn vấn đề này như sau:

Cần phân biệt hai loại:

1. Những sĩ quan trong quân đội và cảnh sát nguy được biệt phái sang cơ quan, xí nghiệp để chủ yếu làm nhiệm vụ giám sát, kìm kẹp quần chúng, những nhân viên CIA và các cơ quan tình báo, thám báo, mật vụ, biệt kích của nguy quân, nguy quyền hoặc những phần tử có hành động phá hoại cách mạng, có nợ máu với nhân dân: loại này không được sử dụng.
2. Những người làm sĩ quan biệt phái nhưng cốt để trốn lính khỏi ra mặt trận và những người có chuyên môn kỹ thuật mà có đủ điều kiện tuyển dụng nêu trong Chỉ thị 243-CT/TW

của Ban Bí thư thì cơ quan, xí nghiệp có thể tuyển dụng hoặc cho làm việc theo hợp đồng, nhưng không đưa vào bộ phận lãnh đạo, vào các cơ quan và bộ phận quan trọng và cơ mật.

Cần đề phòng khuynh hướng sử dụng bữa bãi đồng thời cũng tránh nghi kỵ tràn lan. Đối với những người mà ta đã sử dụng, phải tìm hiểu kỹ lý lịch và khả năng, điều kiện cụ thể từng người, tăng cường giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng về chính trị và chuyên môn để phát huy khả năng cống hiến của họ, đồng thời vẫn phải giám sát quản lý tốt để đề phòng những trường hợp ta dùng nhầm. Nếu phát hiện phần tử xấu thì phải loại trừ ra khỏi cơ quan ngay.

T/M Ban Bí thư

Lê Đức Thọ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 70-TT/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1979

**Về giải quyết một số vấn đề cụ thể về hệ thống
tổ chức Đảng ở các bộ phận công tác của các cơ
quan Trung ương đặt tại các tỉnh, thành
ở miền Nam**

Hiện nay, các tổ chức Đảng trong các bộ phận công tác của các cơ quan Trung ương đặt tại các tỉnh, thành phố ở miền Nam vẫn trực thuộc các Đảng bộ cơ quan Trung ương tại Hà Nội. Do điều kiện công tác và sinh hoạt ở quá xa, việc đi lại, liên lạc có nhiều khó khăn nên sự lãnh đạo của các Đảng uỷ cơ quan Trung ương đối với các tổ chức Đảng nói trên gặp nhiều trở ngại.

Để tăng cường quản lý các tổ chức Đảng và đảng viên, gắn hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên ở các cơ quan Trung ương với sự chỉ đạo của cấp uỷ Đảng địa phương nơi cơ quan đóng, Ban Bí thư Trung ương quyết định như sau:

1. Các tổ chức Đảng ở các đơn vị công tác hoạt động có

tính chất tỉnh tại đặt tại các tỉnh, thành ở miền Nam của các bộ, tổng cục, uỷ ban, ban như: các viện, phân viện nghiên cứu, trạm đón tiếp... của các cơ quan bộ, tổng cục... được thành lập các đơn vị cơ sở Đảng và *đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương (thành, tỉnh, hoặc quận, huyện) nơi các đơn vị đó đóng* (trừ các đơn vị công tác của Bộ Nội vụ và lực lượng công an nhân dân vũ trang sẽ theo quyết định của Trung ương).

2. Những đảng viên của các Đảng bộ cơ quan Trung ương được cử đi công tác vào một tỉnh, thành nào ở miền Nam từ 3 tháng đến 6 tháng cần được Đảng uỷ cơ quan Trung ương quyết định tổ chức thành tổ đảng hoặc chi bộ tạm thời để bảo đảm sinh hoạt Đảng và quản lý lẫn nhau trong thời gian công tác ở địa phương.

Trường hợp đi công tác tương đối lâu dài, từ 6 tháng trở lên, thì được tổ chức thành chi bộ Đảng và giới thiệu về trực thuộc Đảng bộ địa phương trong thời gian công tác; nếu không đủ điều kiện thành lập chi bộ thì được giới thiệu về sinh hoạt ghép với Đảng bộ cơ quan địa phương nơi công tác để bảo đảm sinh hoạt Đảng và quản lý đảng viên.

3. Tổng Công đoàn và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần chấn chỉnh lại hệ thống tổ chức và quản lý của các tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên ở các bộ phận công tác của các cơ quan Trung ương đặt tại các

tỉnh, thành ở miền Nam ăn khớp với những quy định về tổ chức Đảng nói trên.

4. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và góp ý kiến với các tỉnh uỷ, thành uỷ ở miền Nam và các Đảng uỷ cơ quan Trung ương để thực hiện xong Thông tri này trong quý I năm 1979.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**thông tri
của Ban Bí thư**

Số 71-TT/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1979

**Về nhiệm vụ tiếp tục thực hiện Nghị quyết 228
của Bộ Chính trị trong năm 1979 và 1980**

Trong năm 1978, nhiều địa phương và một số ngành đã tích cực thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị. Một số cơ sở đã kết hợp tốt việc xây dựng Đảng, đoàn thể quần chúng với tăng cường tổ chức quản lý hành chính, kinh tế và giữ gìn an ninh, cho nên vừa đẩy mạnh được sản xuất, kinh doanh vừa chăm lo tốt đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, đẩy lùi được các biểu hiện tiêu cực. Tuy nhiên những nơi làm tốt như vậy chưa nhiều; chưa có phong trào quần chúng rộng rãi và mạnh

mẽ chống tiêu cực. Tệ ăn cắp của công, tệ hối lộ, làm ăn phi pháp, tệ ức hiếp quần chúng còn xảy ra nhiều và có những vụ nghiêm trọng.

Để thực hiện có hiệu quả hơn nữa trong hai năm (1979 và 1980), Ban Bí thư nhấn mạnh:

1. Thực hiện Nghị quyết 228, chống các biểu hiện tiêu cực phải là một bộ phận của cuộc vận động cách mạng toàn diện ở từng cơ sở, kết hợp chặt giữa xây và chống, lấy xây dựng làm chính, kết hợp các biện pháp kinh tế và hành chính, biện pháp tổ chức và tư tưởng, tạo điều kiện để quần chúng tích cực tham gia quản lý và làm chủ thực sự ở cơ sở.

Phải đồng thời xây dựng Đảng, chính quyền, và đoàn thể quần chúng ở cơ sở nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ, năng lực quản lý của chính quyền, năng lực vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể, nâng cao tính chiến đấu của từng tổ chức, nâng cao năng lực của cán bộ chủ chốt, kiên quyết đưa những phần tử thoái hoá biến chất ra khỏi tổ chức. Ở miền Nam thì phải chú trọng việc thẩm tra chính trị và làm trong sạch đội ngũ.

Phải chú trọng chấn chỉnh tổ chức quản lý bao gồm việc kiện toàn cơ chế sản xuất, kinh doanh, tăng cường các hệ thống thanh tra và phấn đấu đưa quản lý đi vào nền nếp, buộc mọi người tuân thủ pháp chế, thực hiện nghiêm chỉnh các quy tắc, chế độ, thể lệ hợp lý đã có. Trong việc kiện toàn cơ chế sản xuất và kinh doanh, điểm mấu chốt là phải xây dựng chế độ trách nhiệm rõ ràng đối với từng tổ chức và từng người, thực hiện chế độ thưởng phạt nghiêm minh. Về công tác thanh tra thì phải tăng cường cả ba hệ thống: kiểm tra Đảng, thanh tra của Nhà nước ở từng ngành, từng địa phương và thanh tra nhân dân; mỗi hệ thống phải chủ động làm

tốt phần việc của mình và có phối hợp với nhau khi cần thiết; công tác thanh tra phải tìm ra và phát huy mặt tốt đồng thời phát hiện và xử lý kịp thời việc xấu. Đi đôi với xây dựng về tổ chức, phải tăng cường công tác tư tưởng, làm cho công tác tư tưởng đi sát cuộc sống hơn nữa, biểu dương kịp thời mặt tích cực và phê phán một cách sắc bén mặt tiêu cực.

Như vậy đối với từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở, thực hiện Nghị quyết 228 không tách rời việc xây dựng tổ chức, lãnh đạo tư tưởng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước. Người thủ trưởng ở từng đơn vị chịu trách nhiệm về việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện Nghị quyết 228; không thể làm tròn nhiệm vụ về sản xuất và kinh doanh mà không chú trọng xây dựng tổ chức và tiến hành cuộc đấu tranh chống tiêu cực; kinh nghiệm cho thấy nơi nào cán bộ chủ chốt không bị vướng mắc, quyết tâm chỉ đạo thì nơi đó đấu tranh chống tiêu cực có kết quả tốt, nội bộ đoàn kết, có điều kiện đưa quản lý vào nền nếp, sản xuất và kinh doanh thuận lợi.

2. Tuy việc chống tiêu cực là công tác thường xuyên gắn liền với quá trình thực hiện ba cuộc cách mạng ở từng cơ sở nhưng vẫn có phần việc cần phải đi sâu và chỉ đạo đặc biệt. Trong tình hình hiện nay, phải tiếp tục một đợt chỉ đạo tập trung nhằm đạt cho được một bước chuyển biến quan trọng. Các ngành, các địa phương phải tiếp tục thi hành nghiêm chỉnh những chủ trương được đề ra trong Chỉ thị 20 của Ban Bí thư và Nghị quyết 37 của Hội đồng Chính phủ với những điểm bổ sung mà Chính phủ sắp ban hành. *Trong hai năm 1979 và 1980, phải khắc phục có kết quả rõ rệt tệ ăn cắp của*

công và tề ước hiệp quần chúng ở trong cơ quan Nhà nước, đạt được tiến bộ rõ trong việc thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của quần chúng ở cơ sở.

ở khu vực nông thôn, phải khắc phục nạn tham ô trong hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của xã viên về sản xuất và phân phối.

ở thành thị, chú trọng chống đầu cơ buôn lậu, tiếp tục thực hiện kiên quyết việc đưa các phần tử lưu manh đi lao động cải tạo.

Xác định các ngành trọng điểm cần tập trung chỉ đạo là: giao thông vận tải, vật tư, nội thương, ngoại thương, xây dựng, lâm nghiệp, hải sản, ngân hàng; các địa phương trọng điểm là: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Nam - Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Trong tình hình mới, quân đội và ngành công an phải tăng cường chỉ đạo về bảo vệ, quản lý tài sản và trang bị, đề cao kỷ luật chấp hành pháp chế. Quân đội phải kết hợp tốt yêu cầu chống tiêu cực trong cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp và nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang". Ngành công an cũng cần tiến hành cuộc vận động tương tự.

Vấn đề quan trọng trong chỉ đạo là phải có thái độ kiên quyết. Đối với các vụ sai phạm quan trọng thì phải xử lý rõ ràng, không kể là người sai phạm ở cấp nào; khen thưởng người có công, kiên quyết bảo vệ người phát hiện, chống một cách có hiệu quả các kiểu trù dập.

3. Việc chỉ đạo trực tiếp phong trào là ở từng ngành, từng địa phương. Ủy ban Thanh tra Chính phủ là cơ quan thường trực có nhiệm vụ tập hợp tình hình, theo dõi công việc. Những vấn đề thuộc về Đảng thì đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương giải quyết. Ủy ban Thanh

tra Chính phủ làm việc thường xuyên với các đoàn thể nhân dân. Khi cần thiết, Ban Cán sự Ủy ban Thanh tra Chính phủ được chủ trì sự phối hợp với Ban Cán sự các cơ quan: Viện Kiểm sát tối cao, Tòa án tối cao, Bộ Nội vụ. Các ngành và các địa phương phải báo cáo với Ủy ban Thanh tra Chính phủ việc thực hiện Nghị quyết 228. Trong báo cáo hằng tháng gửi lên Trung ương và Chính phủ phải có phần nói đến mặt chỉ đạo chống tiêu cực. Hằng quý, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ sẽ nghe Ủy ban Thanh tra, hoặc ngành, địa phương trọng điểm báo cáo.

t/m ban bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của ban bí thư**

Số 65-CT/TW, ngày 8 tháng 2 năm 1979

Về công tác nuôi dạy trẻ

Từ năm 1971 đến nay, sau khi Chính phủ quyết định thành lập hệ thống tổ chức chuyên trách công tác nhà trẻ ở các cấp, công tác nhà trẻ đã có nhiều tiến bộ, góp phần tích cực vào việc nuôi dạy trẻ em và giải phóng phụ nữ. Hiện nay, đã có trên 4 vạn nhà trẻ, với trên một triệu cháu được nuôi dạy có tổ chức, chiếm 1/4 số trẻ ở độ tuổi từ 2 tháng đến 3 tuổi. Phong trào học tập và làm theo huyện Diễn Châu (Nghệ Tĩnh) đang có đà phát triển tốt. Có nhiều nhà trẻ đã trở thành đơn vị tiên tiến hoặc đang phấn đấu nuôi dạy trẻ một cách khoa học. Đội ngũ cô nuôi dạy trẻ đã có 14 vạn và hơn 50% đã được đào tạo với mức độ khác nhau. Hệ thống trường và lớp đào tạo cô nuôi dạy trẻ được hình thành một bước ở trung ương và địa phương. Công tác nghiên cứu khoa học về nuôi dạy trẻ đã có một số kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, sự tiến bộ của công tác này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác nuôi dạy trẻ, cả về số

lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất của đại bộ phận nhà trẻ còn nghèo

nàn. Đội ngũ cô nuôi dạy trẻ hầy còn thiếu, trình độ văn hoá và nghiệp vụ của nhiều cô còn thấp. Công tác nuôi dạy các cháu trong nhiều nhà trẻ chưa bảo đảm được chế độ khoa học, vừa nuôi dưỡng các cháu khoẻ mạnh vừa giáo dục cho các cháu những mầm mống của con người mới. ở nhiều tỉnh, huyện, bộ máy quản lý công tác này hầy còn yếu, thiếu cán bộ chuyên trách có trình độ quản lý và nghiệp vụ cần thiết. Bên cạnh những địa phương và cơ sở đã lãnh đạo tương đối tốt, còn nhiều địa phương và cơ sở chưa nhận thức được đúng đắn vị trí và nội dung của công tác này, nên chưa quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo đúng mức.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ công tác nuôi dạy trẻ là "một vấn đề xã hội to lớn, liên quan đến sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hoá của đất nước". Đại hội đã nêu rõ trong giai đoạn cách mạng mới phải "Tổ chức tốt việc nuôi dạy trẻ, phát triển rộng khắp mạng lưới nhà trẻ, sản xuất và cung ứng đủ những phương tiện phục vụ và đồ chơi cho trẻ em; đào tạo tốt và đãi ngộ thích đáng đội ngũ cô nuôi trẻ, dạy trẻ".

Để thực hiện Nghị quyết của Đại hội, trong thời gian tới, cần tiến hành những việc sau đây:

1. Có quy hoạch và kế hoạch phát triển rộng khắp mạng lưới nhà trẻ, bảo đảm đến năm 1985 thu hút được tuyệt đại bộ phận các cháu từ 2 tháng đến 3 tuổi vào nhà trẻ

Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, thành; huyện, quận; xã, phường) cần tiến hành điều tra nắm chắc số trẻ trong độ tuổi hiện có và dự kiến số trẻ sẽ phát triển từ

nay đến năm 1985; xây dựng quy hoạch và kế hoạch, từng bước phát triển mạng lưới nhà trẻ phù hợp với kế hoạch phát triển sản xuất và bố trí dân cư, nhằm thu hút được các cháu theo mục tiêu trên đây.

Trước mắt, ở các địa phương miền Bắc cần bảo đảm đến năm 1980 thu nhận được 80% số cháu con của nữ công nhân, viên chức và 50% số cháu trong độ tuổi ở nông thôn vào nhà trẻ. ở các địa phương miền Nam, cần phát triển mạnh ở các thành phố, thị xã, vùng công nghiệp, vùng kinh tế mới, vùng tôn giáo tập trung, vùng dân tộc ít người, và những nơi đã có tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời tích cực chuẩn bị điều kiện, nhất là cán bộ, để phát triển rộng khắp mạng lưới nhà trẻ ở nông thôn song song với phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp.

Chỉ đạo tốt việc mở rộng phong trào thi đua học tập và làm theo huyện Diên Châu và các đơn vị tiên tiến khác trong công tác nhà trẻ.

2. Nâng cao chất lượng công tác nuôi dạy trẻ, bảo đảm cho các cháu được phát triển tốt cả về thể lực, tình cảm, ngôn ngữ và trí tuệ

Công tác nuôi dạy trẻ là *một khoa học và một nghệ thuật*. Cần nghiên cứu để xác định yêu cầu và nội dung giáo dục, chế độ nuôi dưỡng và sinh hoạt thích hợp với từng độ tuổi.

Phấn đấu cho tất cả các cháu được ăn ở nhà trẻ theo một chế độ nuôi dưỡng chung. Dành cho nhà trẻ phần lương thực và thực phẩm có chất lượng tốt. Tiến tới tổ

chức chế biến thức ăn cho nhà trẻ theo phương pháp công nghiệp, trước hết là ở những nơi có điều kiện. Phát động toàn dân chăm sóc các cháu; mở rộng phong trào trồng thêm cây, nuôi thêm gia cầm cho các nhà trẻ. Dựa vào sự đóng góp của gia đình và của các cơ sở sản xuất (hợp tác xã, nhà máy, nông trường, v.v.) thực hiện từng bước sự bình đẳng trong việc nuôi dạy các cháu.

Cần dựa vào nhân dân là chính để xây dựng mới hoặc cải tạo các nhà trẻ đã có theo đúng quy cách, bảo đảm các yêu cầu cơ bản về nuôi dạy và an toàn cho các cháu. Sớm thanh toán tình trạng nhà trẻ phải ở nhờ nhà dân. Cố gắng tổ chức sản xuất và cung cấp những phương tiện phục vụ và đồ chơi cho trẻ em ở trong nước, phấn đấu đến năm 1985 phần lớn các nhà trẻ đều được trang bị tương đối đủ theo yêu cầu tối thiểu của việc nuôi dạy các cháu.

Cần có chế độ theo dõi thường xuyên và quản lý tốt sức khỏe của các cháu, kịp thời ngăn ngừa các bệnh dịch trong các nhà trẻ.

Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em Trung ương cần phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu để đề nghị với Chính phủ ban hành một số chế độ, chính sách đối với trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ như chế độ phân phối thực phẩm, trang bị đồ chơi và quần áo, giày dép cho trẻ em và cho nhà trẻ, chính sách giá cả hợp lý đối với những mặt hàng cung cấp cho trẻ, v.v.. Các xí nghiệp cần quy định tỷ lệ quỹ phúc lợi cho nhà trẻ, các hợp tác xã nông nghiệp cần quy định phần lương thực và thực phẩm dành cho nhà trẻ.

Tổ chức nghiên cứu khoa học nuôi dạy trẻ ở độ tuổi nhà trẻ; kết hợp những kinh nghiệm tiên tiến của các cô

nuôi dạy trẻ tốt, của các bà mẹ nuôi con giỏi với những thành tựu hiện đại của khoa học nuôi dạy trẻ trên thế giới, nhất là của các nước xã hội chủ nghĩa. Phổ biến những kinh nghiệm nuôi dạy trẻ theo phương pháp khoa học cho các bà mẹ. Nhà trẻ phải phối hợp chặt chẽ với gia đình để cùng nhau nuôi dạy các cháu; có chế độ bảo đảm cho bà mẹ cho con bú trong năm đầu tiên, và chăm sóc các cháu ngoài giờ làm việc.

Sớm thành lập Viện Khoa học nuôi dạy trẻ với nhiệm vụ: tiến hành nghiên cứu cơ bản về phát triển tâm lý và sinh lý của trẻ ở độ tuổi nhà trẻ; nghiên cứu, ứng dụng và thực nghiệm các phương pháp nuôi dạy trẻ tiên tiến nhằm cải thiện điều kiện ăn ở, vui chơi, giải trí cho trẻ.

3. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cô nuôi dạy trẻ và cán bộ quản lý của ngành

Thực hiện tiêu chuẩn hoá đội ngũ cô nuôi dạy trẻ càng sớm càng tốt, bảo đảm các cô nuôi dạy trẻ có lòng thương yêu trẻ, có đạo đức, có sức khoẻ, có trình độ văn hoá cấp II trở lên, có trình độ nghiệp vụ và chính trị cần thiết. Dựa vào các đoàn thể quần chúng ở cơ sở để tuyển những nữ thanh niên có nhiệt tình thương yêu trẻ, có văn hoá và tự nguyện trở thành cô nuôi dạy trẻ để đào tạo. Các địa phương cần đưa thêm nữ đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh sang làm công tác nuôi dạy trẻ. Dần dần chuyển những chị em không đủ tiêu chuẩn cần thiết sang làm công tác khác. Đào tạo gấp các cô chủ nhiệm nhà trẻ, các cán bộ quản lý công tác nhà trẻ ở cấp huyện, quận có trình độ trung học, và các cán bộ quản lý từ cấp tỉnh, thành trở lên có trình độ đại học sư phạm hoặc đại học y khoa.

Mở các trường, lớp sơ học nuôi dạy trẻ ở các tỉnh, huyện, quận. Mở các trường trung học cô nuôi dạy trẻ ở các

thành phố lớn và các khu vực. Xây dựng sớm Trường cao đẳng Sư phạm nuôi dạy trẻ. Mở thêm Khoa giáo dục mầm non ở Trường đại học Sư phạm Hà Nội để đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cho các trường sơ học và trung học nuôi dạy trẻ, và những cán bộ nghiên cứu khoa học nuôi dạy trẻ. Tiếp tục cử nhiều người đi học ở nước ngoài về khoa học nuôi dạy trẻ có trình độ đại học và trên đại học.

Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em Trung ương cần hướng dẫn và phối hợp với các địa phương tiến hành tổng kết kinh nghiệm của các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến, của các đơn vị tiên tiến, từ nhà trẻ đến huyện, quận, để bồi dưỡng đội ngũ cô nuôi dạy trẻ và cán bộ quản lý của ngành.

Các địa phương, nhất là các cơ sở, cần quan tâm chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ cô nuôi dạy trẻ. Đối với những cô nuôi dạy trẻ còn do nhân dân hay cơ sở sản xuất đài thọ, cần đãi ngộ như những lao động kỹ thuật ở bậc tương đương. Đối với những cô có tinh thần trách nhiệm tốt và trình độ nghiệp vụ khá cần được đãi ngộ như những lao động có kỹ thuật giỏi. Đối với những chủ nhiệm nhà trẻ cần có chế độ phụ cấp trách nhiệm.

4. Kiện toàn bộ máy quản lý của ngành nuôi dạy trẻ ở các cấp và tăng cường trách nhiệm của các ngành, các đoàn thể quần chúng đối với công tác nhà trẻ

Tiếp tục củng cố tổ chức của Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em ở trung ương và tỉnh, thành, xây dựng tổ nuôi dạy trẻ trong ban giáo dục huyện, quận. Cần chọn cử những cán bộ có đủ năng lực để chỉ đạo phong trào trên quy mô lớn và đưa công tác nuôi dạy trẻ vào nền nếp khoa học.

Các ngành và các đoàn thể quần chúng đều có trách nhiệm góp phần xây dựng nhà trẻ và nuôi dạy trẻ. Tất

cả các ngành cần hướng dẫn các cơ sở thuộc ngành mình (hợp tác xã, nông trường, nhà máy, công trường, lâm trường, v.v.) tích cực tham gia xây dựng nhà trẻ.

- Ngành *nông nghiệp* hướng dẫn các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp có kế hoạch phát triển nhà trẻ ăn khớp với kế hoạch phát triển sản xuất và bố trí dân cư, bảo đảm lương thực và thực phẩm cho các cháu ở nhà trẻ, đãi ngộ thoả đáng các cô nuôi dạy trẻ.

- Ngành *lương thực và thực phẩm* có kế hoạch sản xuất lương thực và thực phẩm, nhất là các loại bột, sữa, nước quả cho trẻ em.

- Ngành *công nghiệp nhẹ* có kế hoạch sản xuất đồ chơi và đồ dùng cho trẻ em, các phương tiện cho nhà trẻ.

- Ngành *thương nghiệp* có kế hoạch ưu tiên phân phối cho nhà trẻ những vật dụng cần thiết.

- Ngành *y tế* có trách nhiệm trực tiếp đối với sức khoẻ của trẻ em, từ việc bảo đảm vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch trong các nhà trẻ, đến việc quản lý tốt sức khoẻ của các cháu.

- Ngành *giáo dục* phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em ở các cấp để xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch phát triển cân đối sự nghiệp nhà trẻ và lớp mẫu giáo, tiến hành nghiên cứu khoa học giáo dục đối với lứa tuổi mầm non, và các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cô nuôi dạy trẻ và giáo viên mẫu giáo.

- Các ngành *thông tin tuyên truyền* có kế hoạch phổ biến trong nhân dân những kiến thức và những kinh nghiệm tiên tiến về nuôi dạy trẻ.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn các cấp của Hội và hội viên chăm lo công tác nhà trẻ.

Tổng Công đoàn Việt Nam hướng dẫn các công đoàn cơ sở phối hợp với chính quyền tổ chức nhà trẻ, vận động công nhân, viên chức xây dựng nhà trẻ.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lựa chọn và giới thiệu những nữ thanh niên trong và ngoài Đoàn có đủ tiêu chuẩn tham gia công tác nuôi dạy trẻ.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các Ban Cán sự Đảng và các Đảng đoàn cần có kế hoạch thực hiện tốt Chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ và Đảng bộ cơ sở.

T/M Ban Bí thư

Tố hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 33-QĐ/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1979

**Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức
của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương**

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành Trung ương,
Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và của Văn phòng Trung ương,

Ban bí thư trung ương Đảng quyết định:

I- Chức năng và nhiệm vụ của Ban Tài chính - quản trị Trung ương

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là cơ quan chuyên môn, giúp Trung ương quản lý công tác tài chính của Đảng; nghiên cứu, hướng dẫn công tác quản trị ở các cơ quan của Đảng; thống nhất quản lý các mặt công tác quản trị của các cơ quan Đảng ở Trung ương; cụ thể là:

1. Giúp Trung ương nghiên cứu, quy định phương hướng,

nguyên tắc, chế độ thu chi tài chính Đảng; phương hướng, quy hoạch, kế hoạch về xây dựng cơ bản cho các cơ quan của Trung ương và của các cấp uỷ Đảng; đồng thời có kế hoạch giúp Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện các phương hướng, quy hoạch, kế hoạch và các quy định đó.

2. Kiểm tra nghiệp vụ công tác tài chính của các tổ chức Đảng theo Điều 57 của Điều lệ Đảng.

3. Thống nhất tổ chức việc quản lý công tác quản trị ở các cơ quan của Trung ương Đảng và một số trường Đảng ở Trung ương trên các mặt như: nơi làm việc, hội họp, nghỉ ngơi, việc tổ chức ăn ở, đi lại làm việc, đón tiếp khách, v.v. của Trung ương, và của cán bộ, công nhân, nhân viên của các cơ quan Trung ương Đảng; thống nhất quản lý công tác tài vụ của các cơ quan của Trung ương Đảng, quản lý các xí nghiệp in của Trung ương Đảng, và thống nhất quản lý kế hoạch vật tư, thiết bị của các cơ quan Đảng.

4. Tổ chức và hướng dẫn việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công nhân, nhân viên làm công tác tài chính và quản trị của Đảng ở các cấp.

II- Tổ chức, quan hệ công tác và chế độ làm việc của ban

1. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương làm việc theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước Trung ương về thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trên

đây, do đồng chí Hoàng Quốc Thịnh làm trưởng ban, đồng chí Minh Châu làm Phó trưởng ban.

Tuỳ theo khối lượng và tính chất công việc, Ban Tài chính - Quản trị trao đổi thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương để tổ chức ra các vụ nghiên cứu, các đơn vị quản lý, phục vụ và các bộ phận công tác một cách thích hợp và gọn nhẹ. Biên chế cụ thể do Ban Tài chính - Quản trị nghiên cứu và đưa sang Ban Tổ chức Trung ương xét để quyết định theo quy định chung của Ban Bí thư về biên chế của các cơ quan Đảng.

2. Ban Tài chính - Quản trị dựa vào chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan của Trung ương Đảng để lập chương trình công tác của Ban và thực hiện chương trình công tác đó.

- Ban được cung cấp các thông tin cần thiết như các nghị quyết, chỉ thị, thông báo của Trung ương như các ban chuyên môn khác của Đảng. Ban nhận các báo cáo về tài chính và quản trị của các cơ quan Đảng ở Trung ương, của các tỉnh uỷ, thành uỷ gửi lên Trung ương để tổng hợp báo cáo với Trung ương và để giải quyết các công việc theo chức trách của Ban.

- Ban được quan hệ chặt chẽ với các ban khác của Đảng, với các Ban Cán sự Đảng, các Đảng đoàn ở Trung ương, các cấp uỷ địa phương và các Ban Tài chính - Quản trị cấp dưới để trao đổi ý kiến về những vấn đề có liên quan; hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp kiểm tra, hoặc

nghiên cứu những vấn đề cần thiết theo chức trách của Ban.

3. Theo các điều quy định trên đây, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương xây dựng quy chế cụ thể về tổ chức và hoạt động của Ban.

III- ở cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã

ở các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, thành lập Ban Tài chính - Quản trị của tỉnh uỷ, thành uỷ. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương để hướng dẫn cụ thể về tổ chức và chế độ làm việc của *Ban Tài chính - Quản trị cấp tỉnh, thành*.

ở cấp huyện, quận, thị xã, thực hiện việc thống nhất quản lý công tác tài chính đảng và công tác quản trị của các cơ quan Đảng vào *Văn phòng cấp uỷ*.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy trình

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 66-CT/TW, ngày 26 tháng 2 năm 1979

**Về một số công tác trước mắt đối với trí thức cũ
ở miền Nam**

Từ sau ngày giải phóng đến nay, thực hiện chính sách chung của Đảng, các chỉ thị của Trung ương Đảng và Chính phủ, các ngành và các tỉnh ở miền Nam đã có nhiều cố gắng trong công tác tiếp nhận, giáo dục cải tạo và sử dụng trí thức của chế độ cũ, tạo điều kiện cho họ đem tài sức phục vụ yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới. Nhiều trí thức cũ, nhất là ở ngành giáo dục và y tế, đã tỏ ra có tinh thần yêu nước, phục vụ nhiệt tình, một số có cống hiến có giá trị về mặt khoa học và kỹ thuật, một số đã trở thành chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến, một số còn trẻ đã được kết nạp vào đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đặc biệt, sau khi nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng về tình hình và nhiệm vụ mới, ý thức dân tộc và giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong trí thức được nâng lên một bước, một số tích cực tham gia các phong trào sản xuất, bảo vệ Tổ

quốc, thông cảm với khó khăn chung của đất nước, quyết tâm vượt qua thử thách mới.

Tuy nhiên, trong trí thức, kể cả số tiến bộ, vẫn còn nhiều tâm tư trước tình hình đời sống của họ có nhiều khó khăn. Việc chấp hành chính sách và cách quản lý kinh tế còn những mặt chưa tốt, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở một số nơi, nhất là ở cơ sở, bị xâm phạm, các tệ quan liêu, hống hách, tham nhũng, thoái hoá trong một số cán bộ còn nặng. Một số không ít còn thất nghiệp, chưa được tuyển dụng. Ngoài đời sống khó khăn, điều làm cho nhiều người trí thức cũ khổ tâm và nghi ngờ là thái độ chèn ép và phân biệt đối xử của một số cán bộ, chẳng những đối với họ, mà đối với cả gia đình con cái họ. Với những mức độ khác nhau, một số lạc hậu còn luyến tiếc chế độ cũ. Cũng có một số ít trí thức là phần tử phản động tay sai của địch cài lại, tiếp tục phá hoại cách mạng. Gần đây, số vụ trốn ra nước ngoài tăng lên, có ảnh hưởng xấu đến tinh thần tư tưởng của trí thức còn ở lại.

Nhìn chung, sự đóng góp của trí thức chưa tương xứng với số lượng và chất lượng chuyên môn của họ. Tình hình đó có những nguyên nhân từ bản thân người trí thức cũ, từ hoàn cảnh khó khăn phức tạp mà cách mạng nước ta đang trải qua, từ việc các cấp các ngành thực hiện chưa tốt các chính sách đối với trí thức cũ. *Rõ ràng là chúng ta chưa huy động được toàn bộ tài năng, trí tuệ của trí thức cũ vào việc xây dựng lại đất nước, nhất là chưa tận dụng được khả năng khoa học - kỹ thuật của họ.* Bởi vậy, công việc vận động, đoàn kết, giáo dục, sử dụng trí thức cũ cần phải được coi trọng và tiếp tục tiến hành theo đúng đường lối, chính sách

của Đảng và Chính phủ, kịp thời sửa chữa những lệch lạc, khuyết điểm.

Trước hết, cần quán triệt trong toàn Đảng quan điểm phải "có chính sách đãi ngộ thoả đáng và thái độ rộng rãi để sử dụng cho được các cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề ở các vùng mới giải phóng" như Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) đã đề ra.

Đứng trước tình hình đất nước đang phải đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược..., ta có thể và cần phải khơi lên mạnh mẽ tinh thần yêu nước của đông đảo trí thức.

Các ngành Trung ương và các tỉnh ở miền Nam phải *tìm mọi cách thu hút hầu hết trí thức cũ, trừ những phần tử đã xác minh là thù địch, phản động, vào các ngành hoạt động kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội, đưa họ vào các tổ chức quần chúng thích hợp, chú ý hơn nữa giáo dục chính trị và tư tưởng, giải quyết một bước đời sống cho họ và gia đình họ, xoá bỏ mặc cảm "trí thức nguy", tạo ra tinh thần đoàn kết, hoà hợp giữa trí thức xã hội chủ nghĩa và trí thức cũ, kiên quyết ngăn chặn tình trạng trí thức cũ trốn ra nước ngoài, phát huy tốt nhất sự đóng góp của họ vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc với nhiệt tình và giác ngộ ngày càng cao và vững chắc.*

Để thực hiện yêu cầu nói trên:

1. Phải *giải quyết nhanh chóng tình trạng thất nghiệp* của trí thức cũ hiện nay:

a) Điều tra, nắm chắc số lượng và phân loại trí thức cũ đã

được sử dụng và chưa có việc làm.

b) Đối với số *trí thức khoa học - kỹ thuật* (và cả số thợ giỏi tay nghề) thì ngành nào liên quan đến họ (cụ thể là các uỷ ban, bộ, tổng cục, viện v.v. của trung ương; các sở, ty, phòng v.v. của địa phương) phối hợp với cơ quan lao động có nhiệm vụ bố trí công việc làm cho họ *theo đúng ngành nghề*. Trường hợp ngành nghề cũ của họ vì một lý do nào đó không còn nữa hoặc vì điều kiện bảo mật, vị trí xung yếu mà không thể bố trí họ vào được thì tìm cho họ một chỗ làm *gần nhất với khả năng của họ*.

c) Đối với số *trí thức khoa học xã hội* thì ngành nào liên quan đến họ có nhiệm vụ bố trí công việc làm cho họ. Một số ít trong họ có thể sử dụng theo ngành nghề cũ, nếu xét thấy có thể được. Số khác cần được giao các công việc thích hợp như tập hợp tư liệu, biên dịch, v.v.. Số đông cần gấp rút được bồi dưỡng thêm để sử dụng họ giảng dạy khoa học tự nhiên, sinh ngữ, hoặc chuyển hẳn sang ngành nghề khác, để sử dụng vốn văn hoá chung của họ.

Riêng với *ngành luật*, có thể lựa chọn kỹ một số có thái độ chính trị và tư cách tốt, có khả năng nghiên cứu, giáo dục, bồi dưỡng họ về chính trị, tư tưởng, quan điểm pháp chế xã hội chủ nghĩa, và sử dụng họ làm chuyên viên luật pháp, giúp các cơ quan Nhà nước. Ban Tổ chức Trung ương cùng với Ban Tổ chức Chính phủ phối hợp những ngành có liên quan để hướng dẫn và theo dõi việc này.

d) Yêu cầu giải quyết tình trạng thất nghiệp nói trên bao gồm cả số trí thức trước đây là sĩ quan hoặc nhân viên chính quyền cũ đã được cải tạo và đã được phục hồi quyền công dân, kể cả số ta đã sử dụng mà vừa rồi lại sa thải với lý do không rõ ràng, không chính đáng, và cả số

trí thức, nhất là trí thức khoa học - kỹ thuật, đang làm những nghề không thuộc chuyên môn của họ.

Mỗi ngành, mỗi địa phương đều phải điều tra nắm chắc số trí thức hiện có ở địa phương, sử dụng tốt khả năng của họ, phải xem xét, cân nhắc thận trọng trong trường hợp sa thải trí thức cũ.

Đối với số *phạm tội hiện hành* hoặc là phần tử *phản động nguy hiểm, có chứng cứ rõ ràng*, chúng ta chẳng những sa thải mà còn nghiêm trị. Đối với số ta *chưa đủ tin cậy, hoặc có nghi vấn* thì cần thay đổi công tác (nếu họ giữ vị trí quan trọng) hoặc có kế hoạch giám sát (nếu thấy chưa cần phải thay đổi). Bất kể thế nào, chỉ trừ trường hợp cần thiết phải bắt giam, còn thì ta phải *lo công việc làm cho họ*.

Trong trường hợp không thể bố trí hết số trí thức cũ vào các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước, thì cho phép họ tổ chức thành nhóm *hành nghề tập thể* (khám bệnh, sửa chữa máy móc, sản xuất gia công cho Nhà nước, v.v.) dưới sự kiểm soát và sự giúp đỡ cần thiết của Nhà nước, với những quy định cụ thể của Nhà nước.

e) Giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, nếu có yêu cầu cụ thể của các địa phương và có sự thoả thuận, tự nguyện của trí thức, thì điều chỉnh số trí thức cũ để phân phối lại cho hợp lý.

2. Cố gắng giải quyết một bước đời sống cho trí thức cũ:

- Sớm đưa họ vào biên chế của Nhà nước hoặc xí nghiệp, chấm dứt tình trạng tạm tuyển hoặc làm việc theo hợp đồng.

- Có khen thưởng thích đáng (cả tinh thần và vật chất) đối với các sáng kiến có giá trị khoa học - kỹ thuật, kinh tế. Đối với *những người tốt và có tài năng*, cần đưa vào các cơ quan quản lý chuyên môn ở cơ sở và chú ý tạo

điều kiện làm việc để phát huy khả năng cống hiến của họ cho Tổ quốc.

- Giúp đỡ họ làm ngoài giờ hành chính để có thu nhập thêm (khám bệnh, dạy kèm, sửa chữa máy móc, dịch thuật...) theo giá quy định, có sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền.

- Các cơ quan liên quan, các cơ quan lao động có trách nhiệm tìm công ăn việc làm cho gia đình họ, tăng thêm thu nhập cho họ và gia đình họ sống được.

- Sau khi đã giải quyết tất cả các chế độ, chính sách như mọi trí thức khác mà đời sống của họ vẫn còn khó khăn, các cơ quan chủ quản và các địa phương có thể sử dụng các quỹ phúc lợi của công đoàn và phúc lợi xã hội để trợ cấp thêm cho họ. Trước mắt, chú ý bảo đảm lương thực cho những gia đình quá túng thiếu.

- Tất cả trí thức, dù đã được sử dụng hay là chưa, đều được hưởng các quy định về mua lương thực, thực phẩm, về chữa bệnh. Con cái của họ được học hành như con cái mọi công dân khác, không được phân biệt đối xử.

3. Chấm dứt tình trạng xâm phạm quyền làm chủ tập thể của trí thức, *tăng cường công tác giáo dục, đoàn kết, tổ chức trí thức*:

a) Mọi việc khám xét, tịch thu, trưng thu, trưng mua nhà cửa, tài sản đều phải làm đúng với chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước. Cấm mọi hành động lạm quyền, vô kỷ luật, tùy tiện. Nếu có trường hợp làm sai chính sách thì phải kiên quyết sửa chữa. Các cấp tỉnh, thành phải có chế độ *trực tiếp quản lý* số trí thức có chuyên môn giỏi và có tín nhiệm trong nhân dân, kịp thời uốn nắn những lệch lạc.

b) Chấm dứt mọi biểu hiện phân biệt đối xử với trí thức cũ, kể cả con cái và gia đình họ, tránh mọi lời nói và hành động xúc phạm họ. Trí thức cũ có quyền công dân

như mọi người công dân khác, kể cả quyền phát biểu ý kiến phê bình xây dựng đối với các cơ quan Đảng và Nhà nước.

c) Tăng cường công tác giáo dục lý luận, đường lối, chính sách của Đảng cho trí thức, giúp họ ngày càng gần gũi với cách mạng, với Đảng hơn, yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội hơn. Sử dụng tốt và rộng các hình thức câu lạc bộ, nói chuyện, trao đổi ý kiến, với điều kiện *có lãnh đạo chặt chẽ*. Trí thức xã hội chủ nghĩa cần tham gia các sinh hoạt này để gần gũi, hiểu và chan hoà với họ, giáo dục họ, giúp anh chị em tiến bộ.

Các báo, tạp chí ở trung ương và địa phương cần chú ý thích đáng đến đối tượng trí thức (kể cả cũ và mới), sử dụng tốt khả năng, sở trường và coi trọng những ý kiến, sáng kiến tốt của họ.

d) Tập hợp trí thức cũ vào các tổ chức chuyên môn, đoàn thể quần chúng như Hội Trí thức yêu nước, Công đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ. Kết nạp số trí thức trẻ có đủ tiêu chuẩn vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

4. Đối với những trí thức có trình độ chuyên môn khoa học - kỹ thuật, văn hoá cao, cần có chế độ đãi ngộ thích đáng để phát huy khả năng đóng góp của họ. Ban Bí thư uỷ cho Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương ra thông tri hướng dẫn việc này.

Các ngành có liên quan, các cấp, Bộ Nội vụ phải có kế hoạch cụ thể bảo vệ số trí thức giỏi đầu đàn.

Phải quan tâm chăm sóc số trí thức trước đây có tham gia phong trào yêu nước, các phong trào tiến bộ hoặc có thái độ chính trị tốt hoặc là cơ sở trước đây của ta, sử dụng họ làm nòng cốt trong công tác vận động trí thức.

Tránh hẹp hòi trong việc đánh giá và sử dụng số này, vì có người là công chức cao cấp, là dân biểu v.v. trong chế độ cũ.

5. Xem xét nhanh chóng và vững chắc để khôi phục quyền công dân cho số trí thức là sĩ quan, nhân viên chính quyền cũ đã được cải tạo và thật sự tiến bộ, thật lòng hoạt động phục vụ Tổ quốc và nhân dân.

Cần chú ý đến tình hình trước đây địch cưỡng ép hầu hết nam trí thức trong tuổi quân dịch vào quân đội, cho nên ta phải phân biệt ai là sĩ quan ác ôn, ai là sĩ quan có chuyên môn khoa học - kỹ thuật, ai là nạn nhân của chế độ cũ để có thái độ chính xác. Cũng cần phân biệt trong số sĩ quan "biệt phái" có tên là tay sai nguy hiểm của địch, có người bị cưỡng ép hoặc vì sợ phải ra trận mà lo lót để được biệt phái ở các cơ quan phía sau.

Từ nay, chấm dứt tình trạng một số nơi tùy tiện tập trung trí thức loại này mỗi khi có một tình hình gì đặc biệt (ngày lễ lớn hoặc có biến động chính trị, v.v.). Nhiệm vụ của các cơ quan an ninh là phải thường xuyên và khéo léo theo dõi những phần tử xấu và có cách đối phó thích đáng, không dùng biện pháp thô bạo nói trên. Phải cảnh giác, nhưng không được nghi ngờ lung tung. Chấm dứt tình trạng tùy tiện đặt ra "luật lệ" riêng và độc đoán của địa phương hoặc ngành, không tôn trọng pháp luật, chính sách chung của Nhà nước.

Cần thận trọng trong việc đưa số trí thức thuộc thành phần sĩ quan hoặc nhân viên chính quyền cũ ra khỏi thành phố một cách đồng loạt, không phân biệt tiến bộ hay là phản động, không được truy chụp "liên quan" để xử lý cả với gia đình họ.

6. Hướng sử dụng trí thức ở miền Nam là giúp cho họ phục vụ đất nước bằng *sở trường chuyên môn*, không

nên sử dụng lãng phí năng lực của họ trong các hoạt động khác, kể cả hoạt động xã hội chính trị, trừ khi thật cần thiết. Do đó cần tạo mọi điều kiện và phương tiện để họ có thể nghiên cứu và thí nghiệm, chú ý cả phương tiện đi lại, nhà ở, nơi làm việc của họ và nhất là cho phép họ nhận dễ dàng sách báo khoa học - kỹ thuật ngoài nước (kể cả các nước tư bản), dưới sự kiểm soát trực tiếp của cơ quan họ đang công tác.

Các chính sách vừa kể trên áp dụng cho cả các trí thức khoa học tự nhiên và xã hội, kinh tế và kỹ thuật, giáo viên, bác sĩ, dược sĩ, văn nghệ sĩ... kể cả những tín đồ và tu sĩ các tôn giáo hoặc thuộc thành phần các dân tộc ít người.

7. Cần có những biện pháp tích cực ngăn chặn những trí thức trốn ra nước ngoài vừa gây tổn thất cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa có hại cho uy tín của nước ta. Biện pháp tốt nhất là các ngành, các cấp *thi hành đúng đắn các chính sách của Đảng đối với trí thức*. Các ngành và các địa phương có trách nhiệm quản lý trí thức trực thuộc ngành và địa phương mình, có quyền đề nghị về chính sách, chế độ đối với trí thức, nhưng nếu có trường hợp trốn chạy thì ngành và địa phương liên quan phải chịu trách nhiệm. đối với số trí thức trốn bị bắt lại, nếu xét thấy họ không liên quan đến chính trị thì giáo dục rồi thả họ về sống với gia đình và cố sắp xếp việc làm cho họ. Đối với những tên phản động nguy hiểm thì phải vạch tội cho mọi người thấy và kiên quyết trừng trị.

8. Trong tình hình mới hiện nay, Ban Bí thư giao trách nhiệm vận động, tập hợp, giáo dục, nghiên cứu đề xuất với Trung ương Đảng và Chính phủ các chủ trương, chính sách đối với trí thức trong cả nước, (kể cả trí thức

cũ) cho Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương, kết hợp chặt chẽ với các ngành và các cấp uỷ địa phương. Đối với số trí thức tiêu biểu thì Ban Khoa giáo, Ban Dân vận và Mặt trận chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương.

Các Ban nói trên phải bàn bạc đề ra sự phân công, phân nhiệm rõ ràng và báo cáo với Ban Bí thư.

*

* *

Trong sự nghiệp vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta rất cần đến sự đóng góp của trí thức.

Tình hình miền Nam còn phức tạp, chúng ta phải hết sức cảnh giác đối với bọn phản động, gián điệp tay sai của đế quốc, song chúng ta phải có quan điểm đúng trong việc đánh giá trí thức cũ ở miền Nam, tích cực động viên họ vào hoạt động yêu nước rộng lớn, giúp đỡ họ tiến bộ, không vì một số ít phần tử phản động hoặc bị địch mua chuộc, lôi kéo mà hoảng hốt nhìn chung giới trí thức cũ với thái độ nghi kỵ.

Những người *trí thức xã hội chủ nghĩa* phải có thái độ *chân thành đoàn kết* với trí thức cũ ở miền Nam, giúp đỡ họ, đồng thời học hỏi họ, tránh chủ quan trong việc đánh giá phẩm chất và kiến thức của họ, tránh hẹp hòi, biệt phái, đồng thời tránh hữu khuynh, tiêu cực. Trí thức xã hội chủ nghĩa có trách nhiệm đoàn kết, giúp đỡ số trí thức chế độ cũ về mặt chính trị với lòng rộng rãi, chân thành và khiêm tốn, và trước hết phải gương mẫu về phẩm chất, đạo đức, không suy bì, ghen tỵ với họ về chính sách đãi ngộ vật chất.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ ở miền Nam, các ban, Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng của các ngành Trung ương cần thảo luận kỹ Chỉ thị này, đánh giá lại toàn bộ tình hình trí thức cũ trong ngành và trong địa phương, tình hình chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với họ trong thời gian qua, để có kế hoạch thực hiện tốt, và sau đó có báo cáo kết quả cho Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi uỷ và đảng uỷ cơ sở ở miền Nam, các đảng uỷ cơ sở ở các ban, ngành Trung ương.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Bộ Chính trị**

Số 34-QĐ/TW, ngày 2 tháng 3 năm 1979

Thành lập Quân đoàn 5

Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược...

Xét đề nghị của Thường vụ Quân uỷ Trung ương,

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Quyết định:

1. Thành lập Quân đoàn 5 trực thuộc Quân khu 1 Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Đồng chí Chủ tịch nước và Quân uỷ Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Bộ Chính trị

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Quyết định
của Bộ Chính trị
Số 35-QĐ/TW, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Thành lập Quân khu Thủ đô

- Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược...
- Xét đề nghị của Thường vụ Quân uỷ Trung ương,

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Quyết định:

1. Thành lập Quân khu Thủ đô Hà Nội.
2. Bổ nhiệm các đồng chí có tên sau đây vào Bộ Tư lệnh Quân khu Thủ đô Hà Nội:
 - Đồng Sĩ Nguyên thôi chức Bộ trưởng Bộ Xây dựng để làm Tư lệnh kiêm Chính uỷ.
 - Lữ Giang làm Phó Tư lệnh.
3. Đồng chí Chủ tịch nước, đồng chí Thủ tướng Chính phủ và Quân uỷ Trung ương thi hành Quyết định này.

T/M Bộ Chính trị

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông tri
của Ban Bí thư
Số 72-TT/TW, ngày 5 tháng 3 năm 1979
Về giải quyết việc về hưu của cán bộ

Ngày 12 tháng 11 năm 1978, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Thông tri số 59-TT/TW giải quyết việc cán bộ đến tuổi hưu. Nay nói rõ thêm chủ trương trên của Ban Bí thư để các ngành, các cấp chấp hành cho đúng:

1. Những cán bộ đã đến tuổi hưu theo quy định, nói chung được nghỉ hưu và cơ quan có trách nhiệm cử người thay thế.

Tuy nhiên đối với số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đã đến tuổi hưu, nhưng sức khoẻ còn khá, có kinh nghiệm công tác, vẫn đảm đương được nhiệm vụ, thì nên giữ các đồng chí đó lại tiếp tục làm việc. Đối với số cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ chuyên môn khác có nghiệp vụ khá, cũng nên giữ lại làm công tác chuyên môn. Trong khi giữ lại những đồng chí đã đến tuổi hưu như những trường hợp trên, phải có kế hoạch lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ trẻ, có triển vọng để sẵn sàng thay thế khi cần thiết.

2. Các cấp uỷ tỉnh, thành, các ban, Đảng đoàn, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương Đảng phải hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp... thuộc địa phương mình hoặc ngành mình lập danh sách cán bộ về hưu và cán bộ đã đến tuổi về hưu nhưng cần giữ lại làm việc, báo cáo với cơ quan có trách nhiệm quản lý cán bộ để quyết định cho về hưu hoặc giữ lại làm việc (theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ).

Trước mắt, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương Đảng phải báo cáo ngay cho Ban Bí thư tình hình cán bộ về hưu và cán bộ đã đến tuổi về hưu nhưng cần giữ lại làm việc năm 1979 của ngành, địa phương.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 68-CT/TW, ngày 7 tháng 3 năm 1979

**Về việc phân rõ phạm vi trách nhiệm, quyền hạn
giữa ngành công an và các tổ chức của Đảng
về công tác bảo vệ Đảng**

Trong thời gian qua, ngành công an qua thực hiện chức trách của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã góp phần tích cực vào việc xây dựng Đảng và bảo vệ Đảng.

Tuy nhiên, do nhận thức chưa rõ và thiếu thống nhất về chức năng, nhiệm vụ của mình, và do có những việc chưa được quy định cụ thể, nên đã có những trường hợp một số cơ quan hoặc cán bộ công an đã làm lẫn lộn chức năng, đi sâu vào một số việc thuộc trách nhiệm của tổ chức Đảng. Một số cấp uỷ cũng chưa tạo điều kiện đầy đủ cho cơ quan công an thực hiện chức trách của công an đối với một số trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật.

Để khắc phục tình hình trên, bảo đảm tốt những nguyên tắc tổ chức của Đảng, Ban Bí thư quy định một số vấn đề cụ thể sau đây:

Cơ quan công an các cấp theo chức trách, nhiệm vụ đã được Đảng và Nhà nước quy định, có trách nhiệm chính là làm tốt công tác *giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội* nhằm góp phần củng cố, tăng cường chuyên chính vô sản, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân; qua tiến hành đấu tranh chống bọn phản cách mạng và các bọn tội phạm khác, giữ gìn trật tự an ninh trong xã hội để bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ lực lượng vũ trang, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, v.v..

Ngành công an không làm những công việc nội bộ tổ chức Đảng. Việc *xây dựng nội bộ Đảng* và công tác *bảo vệ nội bộ Đảng là do các cấp uỷ Đảng*, các chi bộ và cơ quan có trách nhiệm của Đảng đảm nhiệm.

Đối với những vấn đề mà ngành công an làm theo chức năng của mình, nếu có liên quan đến nội bộ Đảng, đến cán bộ kể cả cán bộ chính quyền và đoàn thể, thì phải theo đúng các quy định dưới đây:

1. *Về việc điều tra, bắt giữ, xử trí đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật về hình sự và chính trị*

- Đối với những cán bộ, đảng viên phạm pháp quả tang, cần phải bắt giữ ngay theo đúng pháp luật thì cơ quan công an có quyền bắt giữ nhưng đồng thời phải báo cáo ngay với cấp uỷ Đảng hoặc cơ quan quản lý cán bộ, đảng viên đó biết rõ lý do để xét kỷ luật về mặt Đảng. Việc xử trí về mặt Nhà nước phải theo đúng pháp luật Nhà nước.

- Trường hợp cán bộ, đảng viên phạm pháp hoặc nghi phạm pháp cần phải tiến hành điều tra, thì cơ quan công an phải báo cáo với cấp uỷ trực tiếp quản lý cán bộ, đảng viên đó để cấp uỷ hoặc cơ quan có trách nhiệm giúp cấp uỷ phối hợp điều tra làm rõ vấn đề. Nếu xét cần phải bắt giữ, khởi tố, truy

tố thì phải xin ý kiến quyết định của cấp uỷ quản lý cán bộ, đảng viên đó. Cấp uỷ khi xét phải thật sự công minh và phải tuân thủ pháp luật, không được dung túng, bao che.

Nếu cán bộ, đảng viên đó là cấp uỷ viên thì phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên có trách nhiệm quản lý cấp uỷ viên đó để cùng với cấp uỷ cấp trên tiến hành điều tra; tùy theo từng trường hợp cụ thể mà báo cáo với Ban Bí thư (nếu là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý) hoặc với Ban thường vụ cấp uỷ quản lý cấp uỷ viên đó; trường hợp cần giữ bí mật, nếu để nhiều người biết sẽ bị lộ, hỏng việc thì chỉ cần xin ý kiến của đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ. Trong trường hợp cấp bách, cần điều tra ngay để khỏi mất tang chứng thì cơ quan công an cứ tiến hành điều tra, đồng thời tùy theo từng trường hợp như trên, phải báo cáo ngay với Ban Bí thư, Ban Thường vụ cấp uỷ hoặc đồng chí bí thư, phó bí thư của cấp uỷ quản lý cán bộ, đảng viên đó.

- Cơ quan công an không được tự ý bố trí công an viên mật hoặc dùng biện pháp nghiệp vụ để bí mật theo dõi, điều tra đảng viên và cán bộ do cấp uỷ quản lý. Trừ trường hợp cán bộ có vấn đề phạm pháp hoặc nghi vấn phạm pháp đã được cấp uỷ quản lý cán bộ đó chấp thuận điều tra thì cơ quan công an mới được dùng những biện pháp điều tra như nói trên.

- Đối với những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm thông thường chưa đến mức phải xem xét, xử trí theo pháp luật Nhà nước và cả những trường hợp cán bộ, đảng viên có những quan điểm sai trái với đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng mà cơ quan có trách nhiệm của Đảng chưa kết luận là có vấn đề chính trị hoặc có nghi vấn chính trị thì việc theo dõi, xem xét là thuộc

phạm vi trách nhiệm của cấp uỷ và tổ chức có trách nhiệm của Đảng.

- Trường hợp qua thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của ngành, nếu thấy có những cán bộ, đảng viên nghi vấn là phần tử nội gián, phản động hiện hành thì tùy theo từng trường hợp đã nói trên đây, cơ quan công an phải báo cáo ngay với Ban Bí thư, Ban Thường vụ hoặc đồng chí bí thư, phó bí thư của cấp uỷ quản lý cán bộ, đảng viên đó để kết luận là có thuộc diện nghi vấn chính trị hay không. Nếu kết luận là có nghi vấn chính trị thì cấp uỷ giao cho cơ quan công an phối hợp với Tiểu ban Bảo vệ Đảng, hoặc với Ban Tổ chức tổ chức việc theo dõi, xác minh để đi đến kết luận; nếu kết luận là có vấn đề chính trị hiện hành thì sẽ giao hẳn cho cơ quan công an.

- Cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị thì chủ yếu là do Ban Tổ chức hoặc Tiểu ban Bảo vệ Đảng chịu trách nhiệm giúp cấp uỷ nghiên cứu, điều tra, xác minh, xử lý hoặc đề nghị với cấp uỷ xử lý theo quy định đã có của Ban Bí thư. Nếu trường hợp đó lại dính với vấn đề chính trị hiện hành thì Tiểu ban Bảo vệ Đảng hoặc Ban Tổ chức phối hợp với cơ quan công an để tiến hành, sau đó nếu kết luận là có vấn đề chính trị hiện hành thì giao sang cơ quan công an tiến hành là chính.

2. Về hồ sơ lý lịch của cán bộ, đảng viên

Cơ quan công an không được điều tra, tìm hiểu lý lịch của đảng viên và cán bộ do cấp uỷ quản lý. Việc quản lý cán bộ, đảng viên toàn diện (kể cả hồ sơ, lý lịch) là thuộc trách

nhiệm của các tổ chức Đảng. Trong khi sưu tầm và phân loại hồ sơ do địch để lại, hoặc qua công tác nghiệp vụ, đấu tranh với bọn phản cách mạng và các tội phạm khác, nếu phát hiện thấy tài liệu về cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị thì cơ quan công an cần giao ngay cho Tiểu ban Bảo vệ Đảng hoặc Ban Tổ chức để giúp cấp uỷ nghiên cứu, xử lý. Nếu hồ sơ đó thuộc vấn đề chính trị hiện hành thì cơ quan công an quản lý để nghiên cứu sử dụng, nhưng phải cung cấp đầy đủ tài liệu cho Tiểu ban Bảo vệ Đảng hoặc Ban Tổ chức để nghiên cứu, sử dụng làm công tác bảo vệ Đảng.

3. Về mối quan hệ giữa cơ quan công an với cấp uỷ Đảng

Cơ quan công an ở mỗi địa phương chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ địa phương, đồng thời chịu sự chỉ đạo chặt chẽ về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan công an cấp trên. Khi có chủ trương, chỉ thị công tác của Bộ Nội vụ hoặc của cơ quan công an cấp trên về các vấn đề an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội thì cơ quan công an ở mỗi cấp phải báo cáo đầy đủ để cấp uỷ cấp mình có chủ trương, biện pháp lãnh đạo việc thực hiện. Cấp uỷ phải giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan công an làm tốt các nhiệm vụ đã được cấp uỷ hoặc cơ quan công an cấp trên giao cho. Trường hợp có điểm chưa nhất trí với chủ trương, chỉ thị của cơ quan công an cấp trên thì cấp uỷ phải báo cáo, xin ý kiến của Ban Bí thư hoặc cấp uỷ cấp trên.

Cán bộ công an ở địa phương chịu sự quản lý của cấp uỷ Đảng ở địa phương và của Ban Cán sự Đảng ở bộ, ty, sở theo quy định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về quản lý cán bộ; cơ quan công an và đảng uỷ cơ quan công an cần báo cáo đầy

đủ tình hình cán bộ, đảng viên trong cơ quan với cấp uỷ địa phương và với Ban Tổ chức của cấp uỷ để xem xét và giải quyết những trường hợp cần thiết theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ của cấp uỷ và nguyên tắc của Đảng.

Ban Cán sự Đảng ở Bộ Nội vụ và các ty, sở công an theo đúng kỳ hạn hằng tháng, hằng quý, hằng năm và bất thường khi có đột xuất, báo cáo tình hình, xin chủ trương công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc Ban Thường vụ cấp uỷ về công tác của ngành. Những vấn đề cơ mật và quan trọng về công tác của ngành sẽ tuỳ theo tính chất và tầm quan trọng của từng vấn đề mà do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ cấp uỷ hoặc các đồng chí được các cơ quan nói trên uỷ nhiệm trực tiếp xem xét giải quyết.

Giữa các cơ quan giúp việc cấp uỷ và cơ quan công an, cần có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác bảo vệ Đảng theo đúng các quy định nói trên.

Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Trung ương, Tiểu ban Bảo vệ Đảng và các cấp uỷ địa phương cần quán triệt và bàn biện pháp chấp hành nghiêm túc Chỉ thị này.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Chỉ thị của Ban Bí thư

Số 70-CT/TW, ngày 9 tháng 3 năm 1979

Về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 600 năm sinh của anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi

Bộ Chính trị đã thông qua chủ trương kỷ niệm trọng thể lần thứ 600 năm sinh của Nguyễn Trãi, vị anh hùng dân tộc vĩ đại và nhà văn hoá kiệt xuất của nước nhà (1380 - 1980).

Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hoá của Liên hiệp quốc (UNESCO), theo đề nghị của Uỷ ban quốc gia UNESCO của Việt Nam, cũng đã quyết định ghi Nguyễn Trãi vào danh sách các danh nhân thế giới mà các nước hội viên của UNESCO sẽ kỷ niệm vào năm 1980.

Để các cấp uỷ, các Đảng đoàn và các Ban Cán sự Đảng nắm được chủ trương kỷ niệm Nguyễn Trãi lần này, Ban Bí thư nêu một số điểm sau đây:

1. Mục đích và ý nghĩa việc kỷ niệm Nguyễn Trãi

Dân tộc ta rất tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất và độc lập tự do, suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, và rất tự hào về nền văn hoá Việt Nam lâu đời và đẹp đẽ, đầy tinh thần yêu nước nồng nàn và chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc.

Nguyễn Trãi là một danh nhân vừa tiêu biểu cho truyền thống anh hùng, vừa tiêu biểu cho nền văn hoá ưu việt của dân tộc.

Nguyễn Trãi là một vị anh hùng dân tộc vĩ đại, một con người văn võ song toàn, có đủ nhân, trí, dũng, mãi mãi

xứng đáng với lòng khâm phục, kính yêu và tự hào của dân tộc.

Nguyễn Trãi là một thiên tài trên nhiều lĩnh vực - tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hoá... - đã đem tài năng lỗi lạc và tất cả tâm hồn, nghị lực của mình hiến dâng cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân. Riêng về mặt văn hoá, văn học, Nguyễn Trãi đã để lại nhiều áng văn thơ kiệt tác chứa chan lòng ưu ái, làm rạng rỡ nền văn học cổ điển của nước nhà.

Di sản của Nguyễn Trãi về tất cả các mặt nói trên là vô cùng quý báu, nó tiếp tục bồi dưỡng cho tư tưởng, tình cảm của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập và tự do, và trong sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới của nước nhà.

Vì những lẽ đó chúng ta sẽ tổ chức rất trọng thể kỷ niệm lần thứ 600 năm sinh của Nguyễn Trãi, cũng như chúng ta đã tổ chức kỷ niệm những anh hùng dân tộc và những danh nhân khác, để phát huy trong nhân dân ta truyền thống vẻ vang của dân tộc, tỏ lòng biết ơn ông cha đã để lại cho chúng ta non sông gấm vóc và nền văn hoá rực rỡ như ngày nay.

Kỷ niệm Nguyễn Trãi lần này lại đúng vào năm 1980, trùng hợp với nhiều kỷ niệm lớn của đất nước: 50 năm ngày thành lập Đảng, 90 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch, 35 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

...

Tổ chức tốt việc kỷ niệm Nguyễn Trãi, chúng ta nêu cao sự nghiệp vĩ đại và phẩm chất cao quý của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, để tăng thêm lòng tự tin và tự hào dân tộc, kế thừa, phát huy khí phách hào hùng và tài cao trí lớn của dân tộc, để hoàn thành những nhiệm vụ cách

mạng hết sức nặng nề đang đặt ra trước toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trước mắt là để đánh bại hoàn toàn bọn phản động... xâm lược và hoàn thành tốt đẹp kế hoạch năm 1976 - 1980.

Tổ chức kỷ niệm lần này là một dịp giới thiệu rộng rãi Nguyễn Trãi ra nước ngoài; qua thân thế và sự nghiệp của bậc danh nhân lỗi lạc, làm cho nhân dân thế giới hiểu thêm truyền thống anh hùng và những đức tính cao đẹp của dân tộc Việt Nam. Với truyền thống và những đức tính tốt đẹp ấy, với sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta ngày nay, trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chắc chắn nhân dân ta sẽ tranh thủ được ngày càng nhiều thiện cảm, lòng mến phục và sự đồng tình, ủng hộ của bè bạn khắp thế giới.

2. Tổ chức và hình thức kỷ niệm

Lễ kỷ niệm chính thức sẽ được quy định vào một thời gian thích hợp trong năm 1980. Ngay trong quý I năm 1979, Hội đồng Chính phủ sẽ ra quyết định thành lập Ban tổ chức kỷ niệm Nguyễn Trãi. Ban tổ chức sẽ đặt chương trình kỷ niệm, chuẩn bị nội dung, cung cấp tư liệu cho các cơ quan, đoàn thể làm kỷ niệm trong nước và ở nước ngoài, điều hành sự phối hợp hoạt động của các cơ quan, ngành có liên quan về tổ chức kỷ niệm.

Về các hình thức kỷ niệm, cần chú ý làm tốt mấy công việc chính sau đây:

- a) Tổ chức những hội nghị nghiên cứu về Nguyễn Trãi (về tư tưởng quân sự, tư tưởng chính trị, đường lối ngoại giao, văn thơ, nghệ thuật).
- b) Xuất bản lại các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Trãi, và một số công trình nghiên cứu về Nguyễn Trãi. Dịch một số văn thơ tiêu biểu của Nguyễn Trãi ra các tiếng nước ngoài để cung cấp cho các nước.
- c) Sửa sang lại các di tích lịch sử liên quan đến Nguyễn Trãi, xây dựng nhà lưu niệm Nguyễn Trãi.
- d) Dựng và biểu diễn một số vở sân khấu về Nguyễn Trãi; làm một phim tài liệu về Nguyễn Trãi.
- e) Tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm Nguyễn Trãi ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn, ở các tỉnh Hà Sơn Bình, Hải Hưng và Thanh Hoá.
- g) Trong thời gian kỷ niệm, các báo, đài ở trung ương có chương trình hoạt động theo những nội dung nói trên.
- Ban tổ chức kỷ niệm cùng với Ủy ban Liên lạc văn hoá với nước ngoài hướng dẫn các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài và liên hệ chặt chẽ với tổ chức văn hoá của Liên hiệp quốc và các nước, bảo đảm tổ chức tốt kỷ niệm Nguyễn Trãi trên thế giới.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 77-TT/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1979

Về việc bảo vệ tài liệu của Đảng

Thi hành Nghị quyết số 16 ngày 3-3-1979 của Bộ Chính trị, "về cuộc kháng chiến chống bọn phản động... xâm lược", để bảo vệ an toàn tài liệu của Đảng trong tình hình hiện nay, Ban Bí thư nhắc các ngành, các cấp lưu ý thực hiện mấy việc sau đây:

1. Sáu tỉnh có biên giới phía bắc phải *chuyển toàn bộ tài liệu lưu trữ của cấp uỷ đến nơi an toàn* của tỉnh, hoặc gửi các tỉnh ở phía sau.

Các tỉnh khác và các ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương cũng phải có kế hoạch chuẩn bị nơi sơ tán tài liệu theo các phương án khác nhau, để khi cần thiết thì di chuyển được nhanh và an toàn.

Cần phân loại và huỷ bớt một số tài liệu theo hướng dẫn ở điểm 2 của Thông tri này.

Khi di chuyển tài liệu, phải giữ *tuyệt đối bí mật* và tổ chức *bảo vệ an toàn*. Trường hợp bị mất hoặc thất lạc những tài liệu thuộc loại Mật, phải báo cáo ngay để Ban Bí thư biết, đồng thời có kế hoạch đề phòng tác hại do việc mất tài liệu gây ra.

2. Các cấp uỷ Đảng và các ngành trung ương chỉ đạo chặt chẽ việc phân loại tài liệu hiện có, huỷ bớt những tài liệu trùng thừa và không cần lưu giữ, theo quy định dưới đây:

a) *Những văn bản do Trung ương Đảng phát hành* (gồm nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo, báo cáo... của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, báo cáo, thông báo của Văn phòng Trung ương...), Văn phòng Trung ương đã lưu trữ bản chính; các tỉnh uỷ, thành uỷ và các ngành trung ương không cần lưu trữ, mà chỉ giữ lại những văn bản nào có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ công tác trước mắt của cấp uỷ hoặc ngành.

Ngoài những tài liệu mà các cấp, các ngành thấy cần thiết phải giữ lại, thì: giao nộp về Văn phòng Trung ương toàn bộ tài liệu của Trung ương Đảng phát hành từ *trước Cách mạng Tháng Tám cho đến năm 1954 và những tài liệu phát hành sau 1954 mà có bút tích của Hồ Chủ tịch*. Số còn lại thì huỷ đi và gửi cho Văn phòng Trung ương bản kê các văn bản đã huỷ. Sau này, các ngành, các cấp cần nghiên cứu, khai thác tài liệu, Văn phòng Trung ương sẽ cung cấp.

b) *Những văn bản do các tỉnh uỷ, thành uỷ và các ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương phát hành* thì các cấp và các ngành có trách nhiệm lưu trữ và tổ chức bảo quản chu đáo. Cũng cần loại bớt những tài liệu trùng thừa và những tài liệu giao dịch thông thường.

c) *Những tài liệu của cấp dưới gửi lên tỉnh uỷ, thành uỷ hoặc ban, Đảng đoàn thì tỉnh, thành hoặc ban, Đảng đoàn giữ lại những văn bản cần thiết cho công tác lãnh đạo trước mắt và lập hồ sơ lưu trữ những tài liệu quan trọng, như các văn kiện Đại hội Đảng bộ, báo cáo tổng kết năm, tổng kết chuyên đề lớn, v.v. còn thì có thể huỷ theo thời hạn bảo quản đã định.*

Các cấp uỷ Đảng và các ngành trung ương cần phân công một đồng chí lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức bảo vệ an toàn tài liệu của Đảng. Riêng về việc huỷ bớt tài liệu, phải kiểm tra chặt chẽ, làm biên bản kê rõ những văn kiện đã huỷ, có chữ ký của đồng chí Chánh Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ hoặc đồng chí Chánh Văn phòng Ban, Đảng đoàn.

T/L Ban Bí thư

Phó Văn phòng

Nguyễn Khánh

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 36-QĐ/TW, ngày 27 tháng 3 năm 1979

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác cơ yếu

Để tiếp tục thi hành quyết định năm 1978 của Bộ Chính trị và của Trung ương Đảng về tổ chức và chế độ làm việc,

Để đáp ứng yêu cầu công tác cơ yếu trước tình hình và nhiệm vụ mới,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Ban Cơ yếu Trung ương chuẩn bị đề án về kiện toàn Ban và toàn ngành cơ yếu để Ban Bí thư duyệt. Ban Cơ yếu Trung ương là một ban chuyên môn của Trung ương Đảng có chức năng xây dựng, chỉ đạo, quản lý và bảo vệ nghiệp vụ, kỹ thuật toàn bộ công tác cơ yếu của nước ta.

2. Ban Cơ yếu Trung ương đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Bí thư.

3. Đồng chí Trần Quốc Hoàn (Ủy viên Bộ Chính trị) được Bộ Chính trị và Ban Bí thư uỷ nhiệm phụ trách Ban Cơ yếu Trung ương để giúp đỡ, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban làm tròn chức năng nói trên.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông báo
của Ban Bí thư**

Số 07-TB/TW, ngày 30 tháng 3 năm 1979

**Quyết định thành lập Đặc khu Vũng Tàu -
Côn Sơn**

Để bảo đảm quản lý xã hội phục vụ đắc lực cho công tác thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Sơn trực thuộc Trung ương.

Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị để Ban Bí thư duyệt các thủ tục về Đảng theo đúng Điều lệ Đảng.

Chính phủ chuẩn bị để trình Quốc hội phê chuẩn theo đúng Hiến pháp và luật lệ hiện hành.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông báo
của Ban Bí thư**

Số 08-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1979

Về tổ chức quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Để tiếp tục thực hiện Quyết định của Bộ Chính trị (Thông báo số 14 ngày 11-7-1976¹⁾) về nhiệm vụ giữ gìn thi hài và quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh,

Ban Bí thư Trung ương Đảng chủ trương:

Thành lập Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, có chức năng *giữ gìn nguyên vẹn, lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh, quản lý toàn diện và điều hành mọi mặt hoạt động của Lăng và Quảng trường Ba Đình.*

Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị để Ban Bí thư quyết định những thủ tục về Đảng.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.187 (B.T).*

Thường vụ Hội đồng Chính phủ chuẩn bị để trình ra Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo thủ tục Nhà nước và phân công một Phó Thủ tướng phụ trách để chỉ đạo tổ chức này và quyết định những công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Thường vụ Quân ủy Trung ương cũng phân công một Ủy viên Thường vụ để Ban Quản lý Lăng được liên hệ trong công tác và quyết định nhanh những công việc bảo vệ an toàn thuộc chức năng của Bộ Quốc phòng.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 79-TT/TW, ngày 5 tháng 4 năm 1979

**Về việc vận dụng thủ tục kết nạp đảng viên
trong Quân đội nhân dân và lực lượng Công an
nhân dân vũ trang**

Hiện nay, ở nhiều đơn vị quân đội làm nhiệm vụ chiến đấu, quân số thay đổi luôn, số đảng viên ít, có đại đội không đủ điều kiện để lập chi bộ; trong khi đó, có nhiều cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, công tác tận tụy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong những điều kiện cực kỳ gian khổ, khó khăn, cần được bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.

Để tăng cường sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu trong các lực lượng vũ trang, theo đề nghị của Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ Chính trị đã quyết định một số điểm cụ thể về việc thi hành Điều 4 của Điều lệ Đảng đối với *các đơn vị* Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang đang làm nhiệm vụ chiến đấu như sau:

1. Trong trường hợp chi bộ không có đủ đảng viên có hai năm tuổi Đảng và cùng công tác một năm trở lên với người xin vào Đảng thì: sau khi xem xét ý kiến của chi uỷ và đề nghị của chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (nếu người xin vào Đảng là đoàn viên), nếu chi bộ xét người đó có đủ tiêu chuẩn thì quyết định kết nạp vào Đảng và đề nghị lên cấp trên có thẩm quyền chuẩn y.

Cấp uỷ cấp tiểu đoàn hoặc trung đoàn phải cử đảng viên chính thức có đủ điều kiện về tuổi Đảng và cùng công tác với người xin vào Đảng một năm trở lên trong đơn vị cơ sở của trung đoàn, của lữ đoàn... thẩm tra lại và bảo đảm. Ban Chấp hành cấp trên trực tiếp của chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cũng được quyền bảo đảm (nếu người xin vào Đảng là đoàn viên).

2. Nếu người xin vào Đảng đã được rèn luyện thử thách trong lực lượng vũ trang một năm trở lên, có đủ tiêu chuẩn vào Đảng là đối tượng xét để kết nạp vào Đảng ở đơn vị cũ thì đến đơn vị mới, chỉ cần người bảo đảm đã cùng công tác với người đó trong thời gian 6 tháng.

3. Đối với các đơn vị *đang trực tiếp chiến đấu*, nếu người xin vào Đảng đã được rèn luyện thử thách trong lực lượng vũ trang một năm trở lên, có đủ tiêu chuẩn vào Đảng, hoặc đã là đối tượng xét để kết nạp vào Đảng được đơn vị cũ giới thiệu đến, qua chiến đấu tỏ ra dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thì chỉ cần người bảo đảm là đảng viên chính thức có 2 năm tuổi Đảng.

4. Nhất thiết người được xét kết nạp vào Đảng phải trải qua rèn luyện thử thách, tỏ ra có động cơ phấn đấu đúng đắn, chiến đấu dũng cảm, công tác tận tụy, hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất, đạo đức tốt, được quần chúng tín nhiệm, có lịch sử chính trị rõ ràng, đủ tiêu chuẩn trở thành đảng viên.

Trong bất kỳ trường hợp nào, hoàn cảnh nào, trước khi kết nạp đảng viên mới, các tổ chức Đảng đều phải nắm chắc lịch sử chính trị của người định kết nạp; nếu có điểm nào chưa rõ, nhất thiết phải điều tra xác minh cho rõ mới được kết nạp.

Thông tri này thay thế Thông tri số 57-TT/TW ngày 3-10-1978 của Ban Bí thư.

T/M Ban Bí thư

Nguyễn Duy Trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 38-QĐ/TW, ngày 14 tháng 5 năm 1979

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức Ban Dân tộc
Trung ương và của các tỉnh**

Để kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc theo Nghị quyết lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương, Theo đề nghị của Ban Dân tộc Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương, Ban Bí thư quyết định:

I- Chức năng, nhiệm vụ của ban

Ban Dân tộc là cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương (hoặc của cấp uỷ địa phương) về vấn đề dân tộc ít người.

1. ở *trung ương*, nhiệm vụ của Ban Dân tộc Trung ương là:
a) Giúp Trung ương chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các hội nghị của Trung ương bàn về đường lối, chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc. Đối với các vấn đề chung của Đảng về vấn đề dân tộc có liên quan đến nhiều ngành. Ban chủ trì giúp Trung ương chuẩn bị; đối

với các vấn đề cụ thể thuộc phạm vi cơ quan nào phụ trách thì cơ quan đó chuẩn bị. Ban

có trách nhiệm tham gia chuẩn bị và phát biểu chính thức ý kiến của mình trước khi trình Trung ương quyết định.

Ban phối hợp và đề xuất ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương trong việc nghiên cứu chính sách của Đảng đối với cán bộ người dân tộc ít người.

b) Giúp Trung ương kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc. Qua kiểm tra, phát hiện các mặt tốt để phát huy, những khuyết điểm cần khắc phục; đồng thời đề xuất với Trung ương những vấn đề về chính sách, chủ trương công tác liên quan đến vấn đề dân tộc ít người mà các ngành cần nghiên cứu hoặc chỉ đạo để giải quyết.

c) Phát hiện và tổng hợp các vấn đề về chính trị của các dân tộc ít người như tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân các dân tộc, mối quan hệ giữa các dân tộc, những vấn đề có tính chất chính trị trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của các ngành, các cấp ở các vùng dân tộc, nhằm bảo đảm những quan điểm của Trung ương về vấn đề dân tộc được thực hiện đầy đủ, tăng cường khối đoàn kết thống nhất giữa các dân tộc trong cả nước.

Trong tình hình hiện nay, Ban Dân tộc không phụ trách việc nghiên cứu, theo dõi các vấn đề về người Hoa và người Việt gốc Hoa (việc này do Tiểu ban công tác đối với người Hoa phụ trách).

2. ở *các tỉnh* có Ban Dân tộc, nhiệm vụ của Ban Dân tộc

tỉnh là: giúp cấp uỷ theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và chủ trương của cấp uỷ về vấn đề dân tộc; nghiên cứu các vấn đề về chấp hành chính sách của Đảng đối với các dân tộc ở địa phương theo yêu cầu của cấp uỷ, và phối hợp với Ban Dân tộc Trung ương trong việc nghiên cứu và kiểm tra các vấn đề về chính sách của Đảng đối với các dân tộc theo sự chỉ đạo của cấp uỷ.

II- Các mối quan hệ công tác của ban

1. Dựa vào chương trình làm việc của Trung ương hoặc của cấp uỷ, Ban Dân tộc Trung ương (hoặc của cấp uỷ) lập chương trình công tác của Ban và thực hiện chương trình công tác đó.

2. Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban được tham dự các kỳ họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (hoặc của cấp uỷ) bàn về vấn đề dân tộc ít người.

- Ban được cung cấp các thông tin cần thiết như các nghị quyết, chỉ thị, thông báo của Trung ương và những báo cáo do các địa phương, các ngành gửi lên Trung ương (hoặc cấp uỷ) về những vấn đề quan trọng có liên quan đến chính sách dân tộc.

3. Ban Dân tộc quan hệ chặt chẽ với các ban khác, với các Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn ở các ngành cùng cấp để trao đổi ý kiến về những vấn đề có liên quan đến chính sách dân tộc; phối hợp nghiên cứu, kiểm tra những vấn đề về dân tộc theo các quy định của Trung ương (hoặc của cấp uỷ). Ban được yêu cầu các địa phương, các ngành cung cấp những tư

liệu cần thiết về vấn đề dân tộc có liên quan đến trách nhiệm công tác của Ban.

Ban Dân tộc Trung ương được quan hệ với các tổ chức làm công tác dân tộc ở trung ương và địa phương để trao đổi kinh nghiệm, hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp kiểm tra hoặc nghiên cứu những vấn đề về chính sách dân tộc ở địa phương.

4. Ban có nhiệm vụ báo cáo, thỉnh thị, phản ánh tình hình thực hiện chính sách dân tộc và những vấn đề cần thiết khác có quan hệ đến công tác dân tộc của Đảng lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư (hoặc cấp uỷ).

III- Tổ chức biên chế của các ban dân tộc

1. Ban Dân tộc Trung ương có Trưởng ban và từ hai đến ba Phó ban. Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng, kết hợp với bàn bạc tập thể, phát huy dân chủ trong Ban và trong cán bộ giúp việc.

Bộ máy giúp việc Ban gọn, nhẹ, gồm những cán bộ có chất lượng, biên chế có khoảng 35 đến 40 người.

2. ở các tỉnh miền núi và các tỉnh có nhiều dân tộc ít người (khoảng từ ba vạn trở lên) sẽ thành lập Ban Dân tộc của cấp uỷ, biên chế khoảng năm đến bảy cán bộ nghiên cứu. Cần lựa chọn cán bộ đủ tiêu chuẩn để bảo đảm làm tốt chức trách của Ban; trường hợp chưa có cán bộ có chất lượng để thành lập Ban thì tạm thời có một hoặc hai cán bộ đặt trong Ban Dân vận - Mặt trận để giúp cấp uỷ theo dõi, nắm tình hình.

Ban Dân tộc Trung ương sẽ cùng với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể chức trách, chế độ làm việc của cấp uỷ tỉnh, thành phố và xác định cụ thể tổ chức của Ban.

Ban Dân tộc Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính quản trị Trung ương, các ban, các ngành có liên quan và các tỉnh, thành có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 39-QĐ/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1979

**Về việc kiện toàn tổ chức Đảng
trong đoàn chuyên gia giúp BẠN K***

Do yêu cầu của nhiệm vụ quốc tế giúp cách mạng K. Đảng đã và sẽ điều động khá nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có nhiều cán bộ trung cao cấp ở các ban, ngành trung ương và các tỉnh để giúp Trung ương Đảng và Chính phủ, các ngành và các ban cán sự tỉnh, huyện của BẠN. Nhiệm vụ cách mạng của BẠN phát triển nhanh trên quy mô cả nước, lực lượng chuyên gia ta ngày càng đông, phải nhanh chóng kiện toàn tổ chức Đảng trong hệ thống chuyên gia để nâng

* K: Campuchia (B.T).

cao năng lực, nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ, bảo đảm mọi nhiệm vụ mà Trung ương Đảng giao cho đảng bộ làm công tác giúp Bạn được tốt.

I- Phương hướng, chủ trương kiện toàn đảng bộ chuyên gia

1. Hiện nay Trung ương Đảng đã phân công một đồng chí Bộ Chính trị và hai đồng chí Ủy viên Trung ương thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt công tác giúp Bạn cả về chính trị, quân sự, kinh tế và đời sống. Các mặt công tác đó là một thể thống nhất không tách rời nhau.

2. Phải nhanh chóng xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng theo các quy định sau đây:

a) Đảng bộ Đoàn 478¹⁾ vẫn trực thuộc Quân uỷ Trung ương, do Quân uỷ Trung ương chịu trách nhiệm về xây dựng đảng bộ cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức (đảng bộ này không gồm đảng viên là chuyên gia quân sự ở các tỉnh, huyện và ở các lực lượng vũ trang địa phương của Bạn).

b) Các đảng viên công tác thuộc Ban B.68²⁾, A.40³⁾, các đoàn chuyên gia cấp tỉnh, tổ chuyên gia cấp huyện lập một đảng bộ thống nhất trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng, gọi là Đảng bộ chuyên gia giúp Bạn K. Đảng uỷ chung toàn Đảng bộ chuyên gia trước mắt sẽ do Ban Bí thư Trung ương chỉ định, sau sáu tháng sẽ bầu lại.

1) Đoàn 478: Đoàn chuyên gia quân sự (B.T).

2) Ban B.68: Đoàn chuyên gia kinh tế (B.T).

3) A.40: Đoàn chuyên gia Việt Nam tại Campuchia (B.T).

c) ở A.40, Ban B.68; mỗi nơi lập một đảng bộ gồm các chi bộ ở các bộ phận của hai cơ quan đó.

d) ở mỗi tỉnh, lập một đảng bộ gồm các chi bộ đoàn chuyên gia tỉnh và các chi bộ tổ chuyên gia huyện.

e) Đảng uỷ B.68, A.40 và các tỉnh có quyền hạn kết nạp và khai trừ đảng viên.

f) Đảng uỷ chung toàn Đảng bộ chuyên gia giúp K. được quyền tiếp nhận và giới thiệu đảng viên như một tỉnh uỷ. Các đảng viên chỉ sang giúp Bạn một thời gian, xong việc lại về, nếu có đủ điều kiện thì lập chi bộ tạm thời trực thuộc Đảng uỷ B.68 hoặc A.40, hoặc đảng uỷ tỉnh mà các đồng chí đó có liên hệ công tác; nếu không đủ điều kiện lập chi bộ tạm thời thì sinh hoạt tạm thời trong chi bộ mà các đồng chí đó có liên hệ công tác.

II- Chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ

Đảng bộ chuyên gia giúp Bạn K. phải nhận rõ vị trí đặc biệt quan trọng, quán triệt năm nhiệm vụ cơ bản của tổ chức cơ sở Đảng đã được Điều 30, 35, 36 của Điều lệ Đảng quy định. Ngoài Đảng bộ chuyên gia quân sự (478), Đảng bộ chuyên gia giúp Bạn K. làm chức năng của một đảng bộ cơ quan. Vì nhiệm vụ và hoàn cảnh công tác đặc biệt ở nước Bạn, Ban Bí thư Trung ương Đảng nhấn mạnh mấy vấn đề sau đây:

1. Đảng bộ chuyên gia tuy không quyết định nhiệm vụ giúp Bạn, nhưng phải luôn luôn ra sức nâng cao năng lực, nâng cao sức chiến đấu, phát huy trí tuệ của đội ngũ đảng viên trong đảng bộ, chủ động đóng góp ý kiến vào nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác của đoàn

chuyên gia. Tích cực đóng góp làm đúng tư cách người đảng viên, người tham mưu tốt của Trung ương Đảng ta, người chuyên gia tin cậy của Bạn.

2. Là một tổ chức mới, có phạm vi hoạt động toàn diện với quy mô giúp một Đảng Bạn, một Nhà nước Bạn xây dựng lại từ đầu, Đảng uỷ các cấp của đoàn chuyên gia càng phải chủ động góp phần cùng cơ quan, đơn vị xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, từng cá nhân làm cho tổ chức luôn luôn năng động, có hiệu lực. Tích cực đóng góp với đoàn xây dựng và quản lý đội ngũ đảng viên để giúp Bạn cả trước mắt và lâu dài đạt hiệu quả cao.

3. Là một đảng bộ có nhiều đảng viên ở những ngành mới hợp lại, làm việc ngay trên nước Bạn, các đảng viên là cán bộ lãnh đạo các đoàn phải luôn luôn cùng với các đảng uỷ, chi uỷ có chế độ kết hợp chặt chẽ, thường xuyên chăm lo xây dựng đảng bộ về mọi mặt, đặc biệt chăm lo công tác tư tưởng, giáo dục chính trị và công tác quản lý chặt chẽ đảng viên. Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng nâng cao tư cách, nhiệm vụ người đảng viên gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của mỗi đảng viên, tăng cường đoàn kết nội bộ, thực hiện chế độ tự phê bình, phê bình đều đặn ba tháng, sáu tháng một lần từ đảng uỷ cấp trên đến các đảng viên trong chi bộ. Kết hợp việc phân công công tác chuyên môn với việc phân công công tác của đảng viên trong vai trò lãnh đạo, gương mẫu trước quần chúng, thực hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Thường xuyên kiểm tra việc đảng viên công tác và chấp hành chính sách, kết nạp đảng viên mới, thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng. Trong quan hệ với Bạn, phải chú trọng giáo dục và kiểm tra mối quan hệ bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, tăng cường đoàn kết

Việt Nam - Campuchia và chấp hành kỷ luật dân vận, kỷ luật chiến trường.

4. Theo Quyết định 14 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ chuyên gia giúp Bạn K. được phân công một đồng chí Bí thư, hoặc Phó bí thư chuyên trách công tác Đảng và một, hai cán bộ chuyên trách giúp việc đảng uỷ.

Các chi bộ ở cơ quan Ban B.68, A.40, ở các đoàn chuyên gia cấp tỉnh, các tổ chuyên gia cấp huyện căn cứ vào tổ chức mới của cơ quan, điều chỉnh phân bố cán bộ của cơ quan, mà sắp xếp điều chỉnh đảng viên, kiện toàn lại chi bộ, họp đại hội chi bộ bàn nhiệm vụ, bầu cử chi uỷ và đảng uỷ.

Nhận được Quyết định này, các cấp uỷ Đảng, các đảng viên là cán bộ lãnh đạo đoàn phải tổ chức thảo luận trong các chi bộ và khẩn trương kết hợp việc kiện toàn tổ chức Đoàn mà kiện toàn tổ chức Đảng, bảo đảm đúng nguyên tắc của Điều lệ Đảng, nhanh chóng ổn định tổ chức Đảng, góp phần thực hiện tốt mọi nhiệm vụ giúp Bạn, đồng thời nâng cao năng lực, nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ.

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của ban bí thư**

Số 75-CT/TW, ngày 15 tháng 5 năm 1979

Về tổ chức lực lượng giúp Bạn K

I- Theo yêu cầu và sự thoả thuận của Trung ương Bạn, Trung ương Đảng ta đã quy định các lực lượng Việt Nam lên hoạt động tại Campuchia gồm có: các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam; các đoàn chuyên gia Việt Nam cấp trung ương, cấp tỉnh và tổ chuyên gia cấp huyện; các đội công tác hoạt động theo từng thời gian về kinh tế, kỹ thuật, y tế, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật.

Nay xác định rõ về việc tổ chức các lực lượng Việt Nam tại các tỉnh của Campuchia như sau:

1. Các đơn vị Quân đội nhân dân thuộc một tỉnh của Việt Nam được phái lên hoạt động tại một tỉnh của Campuchia theo kế hoạch của Tiền phương Bộ Quốc phòng phải được lựa chọn chu đáo bảo đảm các yêu cầu về nhiệm vụ quân sự, chính trị được giao. Nhiệm vụ, thời gian, phương thức hoạt động của các đơn vị này do Tiền phương Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh quy định. Các Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ huy trực tiếp các đơn vị này, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh của Việt Nam không chỉ huy các đơn vị nói trên.

Để tiện việc phối hợp các hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế, đồng chí chỉ huy trưởng lực lượng quân sự đồng thời là phó trưởng đoàn chuyên gia cấp tỉnh.

2. Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn chuyên gia cấp tỉnh do

Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định; các thành viên trong đoàn do Ban B.68 và Ban Tổ chức Trung ương lựa chọn và sắp xếp. Đoàn chuyên gia cấp tỉnh thuộc sự quản lý và chỉ đạo chung của Ban B.68, đồng thời chịu sự chỉ đạo về mặt công tác kinh tế của A.40 và sự chỉ đạo về mặt công tác quân sự của Đoàn 478. Các Quân khu và các tỉnh Việt Nam được Trung ương phân công giúp tỉnh Bạn có nhiệm vụ giúp đỡ đoàn chuyên gia cấp tỉnh về chi viện vật chất, bổ sung nhân viên phục vụ và các phương tiện cần thiết theo yêu cầu của A.40 và Ban B.68.

3. Các đội công tác kinh tế, y tế, kỹ thuật, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật của các tỉnh Việt Nam đưa lên hoạt động từng thời gian trên tỉnh Bạn, theo yêu cầu của Ban Cán sự Bạn, hoặc của đoàn chuyên gia cấp tỉnh đã được Bạn đồng ý. Những đội này phải được tổ chức chặt chẽ về mặt chính trị và kỹ thuật để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các tỉnh của Việt Nam, khi phái các đội công tác này đến tỉnh Bạn phải làm tốt công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, hướng dẫn kế hoạch hoạt động, cung cấp phương tiện vật tư, bảo đảm hậu cần cho các đội này chủ động triển khai công tác theo nhiệm vụ được giao. Trong thời gian hoạt động ở tỉnh của Campuchia, các đội này thuộc sự chỉ đạo, kiểm tra của đoàn chuyên gia cấp tỉnh; khi kết thúc công việc, đoàn chuyên gia cấp tỉnh có nhận xét gửi về tỉnh chủ quản để làm căn cứ đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ.

II- Ban Bí thư Trung ương Đảng ta đã quyết định phân công một số tỉnh của Việt Nam giúp tỉnh Bạn. Nội dung giúp và biện pháp thực hiện được quy định trong chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương sẽ gửi các tỉnh.

Để thực hiện tốt việc giúp này, các tỉnh uỷ được tổ chức ra một tiểu ban chuyên trách do một đồng chí Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch phụ trách và khi có yêu cầu của tỉnh Ban thì có thể phái các đội công tác như đã nói trên đến hoạt động ở tỉnh Ban trong từng thời gian. Những đội công tác này không phải là chuyên gia cho nên không thuộc diện quản lý của Ban B.68.

Các tỉnh của Việt Nam không cử các đội công tác lên tỉnh Ban làm nhiệm vụ phát động quần chúng, xây dựng chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng.

Các đơn vị quân đội hoạt động trên tỉnh Ban được Tiền phương Bộ Quốc phòng và các Quân khu giao nhiệm vụ phát động quần chúng, xây dựng chính quyền cách mạng, có thể tổ chức ra các đội công tác và phải bố trí thêm cán bộ chính trị, cán bộ dân vận đủ sức làm nhiệm vụ được giao, và phối hợp chặt chẽ với đoàn chuyên gia cấp tỉnh.

Nhận được Chỉ thị này, Ban B.68, A.40, Tiền phương Bộ Quốc phòng, các Quân khu, các tỉnh uỷ phải quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh.

T/m ban bí thư

Nguyễn duy trình

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo

Số 10-TB/TW, ngày 18 tháng 5 năm 1979

Kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị (ngày 4-5-1979) về nhiệm vụ kinh tế hai năm 1979-1980

I- Đánh giá tình hình kinh tế hiện nay

Thắng lợi của nhân dân ta ở biên giới tây nam và trong cuộc chiến đấu chống quân... xâm lược có ý nghĩa chiến lược, tạo ra thế vững chắc mới để trong tình hình nào ta cũng sẽ tiếp tục xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta có những thuận lợi mới về kinh tế:

- Biên giới tây nam có hoà bình.
- Thắng lợi ở biên giới tây nam và trong cuộc kháng chiến chống... xâm lược làm nức lòng nhân dân cả nước.
- Nhân dân hăng hái hưởng ứng Lệnh tổng động viên của Nhà nước ta.

- Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác viện trợ bổ sung, tăng cường hợp tác, giúp đỡ Việt Nam.

Nhưng cũng có nhiều khó khăn mới:

- Đất nước trải qua hai cuộc chiến tranh... Có thiệt hại nhất định, một số thiệt hại có tác động đến toàn cuộc nền kinh tế quốc dân (như mỏ apatít bị địch phá hoại...). Ta có yêu cầu mới: khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục vùng bị địch đánh phá.

- Địch chưa từ bỏ âm mưu xâm lược Việt Nam, vẫn chuẩn bị chiến tranh chống ta; dùng bọng tay sai... phá ta từ bên trong về chính trị, kinh tế (phá huỷ, bỏ việc, âm mưu bạo loạn, phao tin...).

- Ta phải tăng chi về quốc phòng. Tăng viện trợ cho Lào và Campuchia; đây cũng là công việc của chính chúng ta, vì cách mạng ba nước gắn bó với nhau.

- Nguồn ngoại tệ, vật tư nhập từ thị trường tư bản chủ nghĩa bị thu hẹp.

- Thực hiện kế hoạch quý I đạt thấp; vụ đông xuân không được tốt như dự kiến ban đầu.

Nhìn chung, nền kinh tế vốn đã mất cân đối nghiêm trọng, nay lại có những khó khăn mới.

Đời sống của nhân dân thêm khó khăn, nhất là nhân dân vùng có chiến sự, các thành phố lớn, cán bộ, công nhân, viên chức.

Trong xã hội, có nhiều biểu hiện tiêu cực phát triển.

Nguyên nhân khó khăn:

- Tác động của tình hình khách quan.

- Những thiếu sót đã được vạch ra trong các hội nghị trước đây của Trung ương chậm được sửa chữa; tổ chức quản lý, công tác kế hoạch, chỉ đạo thực hiện chưa có

chuyển biến gì lớn; chậm chần chểnh một số ngành trọng yếu; chậm xây dựng và kiện toàn cấp huyện; chậm cải tiến và ban hành những chính sách cần thiết.

Nếu chúng ta không nhận định đầy đủ và sâu sắc tình hình, từ đó mà có những cố gắng đúng hướng và đúng mức, thì tình hình có thể còn nghiêm trọng thêm, đời sống của nhân dân khó khăn thêm. Vì vậy, phải có những biện pháp thiết thực và cấp bách để ngăn chặn xu hướng đi xuống của tình hình, phát huy ưu điểm, khắc phục khó khăn, làm cho tình hình chuyển biến thuận lợi.

Phải khắc phục tư tưởng bi quan, hoài nghi, đồng thời chỉ đạo sát sao, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân để thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước.

II- Nhiệm vụ kinh tế hai năm 1979-1980

Âm mưu cơ bản và lâu dài của bọn phản động... vẫn chưa thay đổi. Tình hình nước ta vừa có hoà bình, vừa có thể lại xảy ra chiến tranh. Do đó, cả nước phải nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược:

1. Đẩy mạnh sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.
2. Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt để bảo vệ Tổ quốc.

Trước mắt, phải giải quyết đúng những nhiệm vụ chung:

- Đẩy mạnh sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân.
- Tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.
- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Tích cực làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

a) *Về đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân:*

- Tập trung sức giải quyết trước hết vấn đề *ăn*, tiếp đến vấn đề *mặc*; đồng thời, cố gắng bảo đảm *những hàng tiêu dùng thiết yếu* sản xuất bằng nguyên liệu trong nước.

- Cố gắng giải quyết tốt hơn đời sống của nhân dân các thành phố và các khu công nghiệp, nhất là Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, đời sống của đồng bào các dân tộc và các chiến sĩ bám trụ sản xuất và chiến đấu ở vùng biên giới.

b) *Về tăng cường quốc phòng:*

Phải tăng cường quốc phòng để có đủ sức đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô khác nhau, nhưng phải chú ý ba vấn đề:

- Tuyển quân đúng đối tượng: bảo đảm giữ cán bộ quản lý và cán bộ, công nhân kỹ thuật cho mặt trận sản xuất; cần xem lại biên chế quân đội một cách chặt chẽ, tăng tỷ lệ bộ đội chiến đấu, giảm tỷ lệ bộ đội văn phòng hoặc gián tiếp phục vụ chiến đấu.

- Tiết kiệm một cách nghiêm khắc chi tiêu quốc phòng: xem lại chính sách, chế độ đối với các lực lượng vũ trang.

- Mọi lực lượng quân đội tận khả năng làm kinh tế.

Về quan hệ kinh tế với quốc phòng của nước ta và quan hệ hợp tác về kinh tế và phòng thủ giữa nước ta với Lào và Campuchia, Bộ Chính trị sẽ bàn kỹ thêm.

c) *Về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội:*

- Phải tính toán chặt chẽ, tập trung cho những mục tiêu ưu tiên.

- Những công trình cần thiết đang làm dở thì tập trung làm cho xong. Phải làm dứt điểm, hết sức tránh dây dưa, kéo dài.

- Tích cực chuẩn bị điều kiện cho xây dựng lớn sau này; sử dụng tốt cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có trong công tác quy hoạch, điều tra cơ bản, thiết kế, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật.

Về kế hoạch Nhà nước năm 1979 và số kiểm tra kế hoạch năm 1980.

Bộ Chính trị chấp nhận dự án kế hoạch năm 1979 do Chính phủ đề nghị. Trong quá trình thực hiện, nếu cần thì có sự điều chỉnh cần thiết theo phương hướng sau đây:

1. Tập trung thật sự, tập trung nhiều hơn nữa cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, trước hết cho *sản xuất lương thực, thực phẩm*. Nội dung tập trung gồm bốn mặt:

- Tập trung vốn đầu tư và phương tiện vật chất,

- Tập trung cán bộ,

- Tập trung tổ chức, chỉ đạo,

- Tập trung vào các vùng trọng điểm: đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long; các tỉnh biên giới phía Bắc; Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh, Tây Nguyên.

+ Kiên quyết thực hiện cho được các chỉ tiêu về sản xuất lương thực. Về khai hoang: vừa hoàn chỉnh, củng cố, vừa mở rộng, không được để hoang hoá trở lại, nghiêm cấm phá rừng, phải bảo vệ màu đất và môi trường sống.

+ Đẩy mạnh chăn nuôi, tận dụng phân chuồng, phát triển rộng rãi các loại phân xanh, như bèo hoa dâu, điền thanh, v.v. khôi phục nhanh mỏ apatít; phát triển vôi và đá vôi nghiền để cải tạo đất.

+ Phát triển mạnh công tác thuỷ lợi, chú trọng xây dựng hệ thống kênh mương đồng bộ với các công trình đầu mối. Phải tổng kết công tác thuỷ lợi để bảo đảm xây dựng các công trình theo hướng tiết kiệm và có hiệu quả.

+ Chỉ đạo tốt việc chế biến màu; đưa màu vào bữa ăn của cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân thành thị.

2. Tăng cường xuất khẩu

- Tập trung sức tạo ra một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, trước hết ở những nơi có điều kiện như: cà phê (Tây Nguyên); cao su (đông Nam Bộ); tôm, cá (Minh Hải); gia công xuất khẩu ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, v.v.. Không nên dàn đều nhiều mặt hàng quá, mà tập trung làm cho được một số mặt hàng quan trọng.

- Thường vụ Hội đồng Chính phủ khẩn trương chuẩn bị đề án để Bộ Chính trị bàn về công tác kinh tế đối ngoại.

3. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng

- Có kế hoạch và chính sách tận dụng mọi khả năng để sản xuất hàng tiêu dùng.

- Kiên quyết không để thiếu những hàng tiêu dùng thiết yếu sản xuất bằng nguyên liệu trong nước, như đồ gỗ, đồ sành sứ, đồ mây tre, v.v..

4. Tăng cường công tác giao thông vận tải

- Chấn chỉnh gấp tổ chức quản lý trong ngành giao thông vận tải (khắc phục nhanh chóng những nguyên nhân gây ra ách tắc và những tai nạn như trong thời gian gần đây).

- Đẩy mạnh xây dựng các cảng miền Trung (từ Thanh - Nghệ trở vào). Bảo đảm cho được việc tiếp nhận và vận chuyển hàng nhập khẩu.

Về lưu thông, phân phối:

- Phải phối hợp các biện pháp kinh tế, hành chính, tư tưởng để nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước.

Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, gia đình các cán bộ, đảng viên, nhất là gia đình các cán bộ lãnh đạo, phải đi đầu trong việc làm nghĩa vụ lương thực, bán nông sản cho Nhà nước.

- Phải tổ chức tốt việc phân phối, bảo đảm phân phối hàng hoá đến tay người lao động.

Về tài chính, tiền tệ:

Hiện nay, tình trạng bội chi ngân sách, bội chi tiền mặt đến mức nghiêm trọng. Nhiều nơi không có tiền trả lương công nhân hàng mấy tháng liền, gây khó khăn lớn cho đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức. Phải khẩn cấp giải quyết bằng những biện pháp nhằm tăng thu, giảm chi.

Để tăng thu:

- Đẩy mạnh sản xuất và khai thác thêm nguồn hàng bán cho dân.

- Nghiêm chỉnh thi hành các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ.

- Ngành tài chính tăng cường tổ chức và chỉ đạo việc thu thuế, nhất là đối với khu vực kinh tế tư nhân ở miền Nam.

- Gấp rút sửa đổi các chính sách lưu thông, phân phối không hợp lý.

- Ngân hàng cần tổ chức tốt hơn việc động viên nhân dân gửi quỹ tiết kiệm.

Để giảm chi:

- Quản lý lao động chặt chẽ; kiên quyết thực hiện giảm biên chế.

- Quản lý chặt chẽ, tiết kiệm các khoản chi của Nhà nước, đặc biệt là giảm chi về hành chính sự nghiệp, chặt chẽ trong việc chi về quốc phòng và xây dựng cơ bản.

Về số kiểm tra kế hoạch năm 1980, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hoàn chỉnh thêm, để Chính phủ sớm giao cho các ngành và các địa phương kịp nghiên cứu, xây dựng kế hoạch từ dưới lên.

Trong việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 1979, xây dựng kế hoạch năm 1980, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các ngành, các địa phương phải coi trọng việc nghiên cứu, xây dựng phương án kinh tế kỹ thuật cho những chuyên đề kinh tế quan trọng.

Phải có chính sách và biện pháp sử dụng tốt lực lượng lao động hiện có và lực lượng lao động tăng thêm trong năm.

Coi trọng xây dựng cấp huyện là địa bàn quản lý kinh tế toàn diện, địa bàn xây dựng đời sống mới ở nông thôn, là pháo đài bảo vệ đất nước, có hậu cần tại chỗ. Phải xây dựng, củng cố từng hợp tác xã, phải làm cho tất cả các xã đều mạnh để toàn huyện mạnh.

II- Cải tiến tổ chức và quản lý

1. *Cải tiến kế hoạch hoá*

Thực sự đi từ lao động và các tư liệu sản xuất hiện có. Thực sự làm kế hoạch từ cơ sở, từ huyện. Muốn vậy cần phải:

- Tăng cường cán bộ cho cơ sở và cho huyện để cấp huyện đủ sức làm kế hoạch.

- Ban hành gấp một số chế độ, chính sách cần thiết về kế hoạch hoá, để cho các cơ sở có điều kiện làm kế hoạch.

2. *Ban hành gấp những chính sách kinh tế mà Nghị quyết 5 đã quyết định*

- Bộ Chính trị có thể giao cho Ban Bí thư và Thường vụ Chính phủ thông qua và ban hành. Chính sách nào quan trọng thì đưa ra để Bộ Chính trị quyết định.

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách đó nhằm mục đích: đẩy mạnh sản xuất, khuyến khích lao động và tạo điều kiện cho Nhà nước thu mua năm nguồn hàng tốt hơn.

3. *Đẩy mạnh xây dựng và kiện toàn cấp huyện*

- Định rõ thêm nhiệm vụ, quyền hạn của cấp huyện.

- Thường xuyên đào tạo cán bộ cho cấp huyện.

- Bước đầu tổng kết kinh nghiệm xây dựng huyện; vạch mô hình huyện, trong đó có bộ máy lãnh đạo và quản lý của huyện.

4. Giải quyết gấp những vướng mắc giữa các bộ, giữa bộ và địa phương theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Trung ương.

5. Tăng cường và cải tiến sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Chính phủ đối với việc thực hiện kế hoạch năm 1979 và việc xây dựng kế hoạch năm 1980.

6. Các ngành, các cấp cần đi sát cơ sở để chỉ đạo và giúp giải quyết những vấn đề cấp thiết. Thúc đẩy việc ký và thực hiện hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị kinh tế và hợp đồng kinh tế hai chiều với nông dân, ngư dân.

7. Tăng cường xây dựng Đảng và chính quyền

- Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử ăn cắp của công, ức hiếp quần chúng, vi phạm pháp luật của Nhà nước.

- Chống khuynh hướng tập trung quan liêu và tư tưởng địa phương chủ nghĩa.

- Kiên toàn bộ máy Nhà nước các cấp. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; biến chính sách của Đảng, trước hết là những chính sách lớn, thành pháp luật của Nhà nước.

8. *Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*; phát động phong trào quần chúng thi đua sản xuất và thực hành tiết kiệm. Thực hiện đúng bốn chế độ đối với mọi người lao động (Chính phủ đang chuẩn bị, sắp ban hành): chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân.

t/m ban bí thư

nguyễn duy trình

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 88-TT/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1979

Về chiêu sinh vào Trường Đảng cao cấp

Nguyễn ái Quốc năm 1979

Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc cơ sở 1 Hà Nội tiếp tục mở lớp trong năm 1979-1980.

1. *Lớp tám tháng* nhằm bồi dưỡng một số vấn đề về lý luận cơ bản và đường lối, chính sách của Đảng, về quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và công tác xây dựng Đảng. Đối tượng chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt của cấp tỉnh và cơ quan trung ương, tuổi đời trên dưới 50, có sức khỏe; ở các địa phương các đồng chí uỷ viên thường vụ tỉnh, thành uỷ, các tỉnh, thành uỷ viên, các trưởng ty, trưởng phó ban cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, các bí thư, phó bí thư, chủ tịch huyện, quận, thị; ở các cơ sở: các đồng chí giám đốc, bí thư đảng uỷ công ty, xí nghiệp loại 1, 2, 3, các trường đại học, bệnh viện lớn trực thuộc trung ương; trong quân đội: các cán bộ từ thượng tá trở lên. ở cơ quan trung ương chỉ chiêu sinh những cán bộ cấp cục, vụ, viện, chuyên viên các ban của Đảng ở xa Hà Nội

hoặc thường xuyên công tác lưu động không có điều kiện học tại chức, còn các đồng chí khác học tại chức do Trường Đảng cao cấp tại chức phụ trách.

Các địa phương từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào chỉ cử tỉnh uỷ viên, thành uỷ viên đi học, còn các trưởng phó ty, ban, ngành của tỉnh, thành và bí thư, phó bí thư, chủ tịch huyện thì học lớp một năm tại Trường Đảng cao cấp cơ sở 2 Thủ Đức.

Lớp bồi dưỡng này chỉ mở trong vài năm nữa và dành cho một số cán bộ chủ chốt vì điều kiện công tác, tuổi cao, không thể học dài ngày được.

Đề nghị các cấp uỷ soát lại trong thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ; những đồng chí bí thư, phó bí thư, chủ tịch tỉnh và những thứ trưởng, tổng cục phó chưa được học lý luận chính trị được ưu tiên đi học lớp này.

2. *Lớp hai năm* nhằm bồi dưỡng một cách cơ bản về lý luận Mác - Lênin, đường lối, chính sách, về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước và công tác xây dựng Đảng. Đối tượng cử đi học là cán bộ đương giữ những chức vụ nói trên, tuổi từ 45 trở xuống và những cán bộ dự bị, tuổi trên dưới 40, có nhiều triển vọng đề bạt vào tỉnh uỷ, thành uỷ và những chức vụ lãnh đạo và quản lý của các bộ, tổng cục, các cục, vụ, giám đốc, bí thư đảng uỷ xí nghiệp, trường đại học, bệnh viện lớn, v.v..

Về trình độ văn hoá: cán bộ các tỉnh từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào phải có trình độ hết lớp 7 (hệ 10 năm), cán bộ các ngành trung ương và các địa phương từ Bình Trị Thiên trở ra phải có trình độ hết lớp 10.

Về những *cán bộ dự bị* được cử đi học lớp hai năm, các cấp uỷ Đảng cần chú trọng chọn những cán bộ *thành phần bản thân là công nhân* hiện đang giữ chức vụ lãnh đạo hoặc quản lý từ quản đốc, phó quản đốc, bí thư đảng

uỷ bộ phận, thư ký công đoàn, bí thư đoàn thanh niên ở những phân xưởng lớn trở lên, và những *cán bộ quân đội chuyển ngành*, đã tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật, có triển vọng đề bạt vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các ngành trung ương và các tỉnh, thành uỷ. Trong quân đội, chú ý chọn trong số sĩ quan tại ngũ từ cấp thượng úy trở lên, có nhiều triển vọng.

Ngày khai giảng cho hai lớp trên: 17-9-1979.

Ban Tổ chức Trung ương và Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc có kế hoạch hướng dẫn các ngành và địa phương cử cán bộ đi học bảo đảm số lượng, cơ cấu thành phần, và các điều kiện về chất lượng đã quy định trên.

T/m ban bí thư

Tố hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 89-TT/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1979

**Về việc tổ chức đón tiếp đoàn cán bộ Lào sang ta
tham quan**

Theo đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Ban Bí thư đồng ý mời 250 cán bộ cao cấp, trung cấp của Bạn đang học lý luận ở Trường Đảng cao cấp Lào sang tham quan Việt Nam. Số cán bộ này của Bạn gồm những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các ngành và các tỉnh, huyện trên cả nước Lào, trong đó có một số bí thư, chủ tịch tỉnh, một số thứ trưởng và nhiều cục, vụ trưởng của các ngành Trung ương.

Ban Bí thư Trung ương Đảng giao cho Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Cán sự Đảng về công tác C chịu trách nhiệm tổ chức việc đón tiếp.

Đợt tham quan này của Bạn có ý nghĩa chính trị quan trọng và phải đạt ba yêu cầu sau đây:

1. Qua tham quan thực tế ở Việt Nam, giúp Bạn củng cố thêm những điều đã học, hiểu được tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam.

2. Tăng cường tình hữu nghị đặc biệt giữa hai nước Lào và Việt Nam.

3. Bảo đảm an toàn, kết hợp với nghỉ ngơi hợp lý.

Đoàn sẽ đi tham quan thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, một số cơ sở công nghiệp, nông, lâm nghiệp, văn hoá, giáo dục, y tế, một số cơ sở có kinh nghiệm kháng chiến ở một số tỉnh miền Bắc và miền Nam.

Thời gian đi về và ở Việt Nam khoảng 15 ngày.

Để cho việc đón tiếp được chu đáo, nên bàn với Bạn sang tham quan nhiều đợt, không nên đi cùng một lúc 250 người.

Yêu cầu các tỉnh, thành phố mà Bạn sẽ đến thăm và các ngành Trung ương có liên quan đến việc đón tiếp nhận rõ ý nghĩa chính trị của việc đón tiếp này, hết sức giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ban đón tiếp hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ban đón tiếp sẽ thông báo kế hoạch và yêu cầu cụ thể đối với từng ngành và từng địa phương.

T/m ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 90-TT/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1979

**Về việc tổ chức thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới
trong nhân dân**

Hiện nay, bản Dự thảo Hiến pháp mới đã được Ủy ban Dự thảo Hiến pháp chỉnh lý trên cơ sở nghiên cứu kỹ những ý kiến đóng góp của cán bộ trong bước 1. Bộ Chính trị đã xem xét và đồng ý đưa bản Dự thảo này ra nhân dân thảo luận và đóng góp ý kiến.

Để thực hiện tốt cuộc thảo luận (bước 2) Dự thảo Hiến pháp mới trong nhân dân, các cấp, các ngành cần chú ý:

1. Cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp lần này được tiến hành trong lúc cả nước ta vừa khẩn trương đẩy mạnh sản xuất, chăm sóc đời sống nhân dân, vừa chuẩn bị chống bão, lụt và sẵn sàng chiến đấu, các tỉnh biên giới phía bắc đang khắc phục hậu quả chiến tranh xâm lược. Đối tượng tham gia thảo luận lần này rất đông, trình độ hiểu biết khác nhau, phạm vi tổ chức thảo luận rất rộng, bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân.

Nước nhà đã thống nhất, đồng bào ta mong muốn có bản Hiến pháp mới; trong cả nước, đang có một khí thế cách mạng mới sau những thắng lợi oanh liệt của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc... Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới luôn luôn đứng về phía nhân dân ta, tích cực ủng hộ và giúp đỡ chúng ta.

Các cấp, các ngành cần phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, *lãnh đạo chặt chẽ* cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp; *có kế hoạch sát hợp với từng loại đối tượng, với từng vùng*.

Ngoài việc tổ chức thảo luận trong các cơ sở, cần có những hình thức thích hợp khác như: thảo luận trong các đoàn thể, thảo luận chuyên đề, phát biểu trên báo, trên đài, mở hòm thư góp ý kiến xây dựng Hiến pháp, bảo đảm cho mọi người dân đều có thể tham gia thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới, đồng thời hoàn thành được những công tác trọng tâm của mỗi cấp, mỗi ngành.

2. Trong quá trình chỉ đạo cuộc thảo luận, các cấp, các ngành *cần nắm vững và thực hiện tốt những mục đích, yêu cầu* của cuộc thảo luận đã được nêu trong Chỉ thị số 36 ngày 4-2-1978 của Bộ Chính trị¹⁾, kế hoạch hướng dẫn số 27 ngày 22-3-1978 của Ban Bí thư nhằm đạt được những kết quả cụ thể dưới đây:

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 39, tr.57 (B.T).

a) Cán bộ và nhân dân nắm và hiểu được những nội dung cơ bản của Hiến pháp, góp được những ý kiến thiết thực, xây dựng Dự thảo Hiến pháp mới.

b) Ngay trong quá trình thảo luận Dự thảo Hiến pháp, nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể của mình, hăng hái thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước, biểu thị tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nhận thức đúng đắn về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

c) Thông qua quần chúng thảo luận Dự thảo Hiến pháp, Đảng bộ và chính quyền ở các cấp, các ngành kịp thời sửa chữa những việc vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, có kế hoạch cụ thể để khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.

Các cấp uỷ Đảng, các cơ quan chính quyền và đoàn thể cần lắng nghe, ghi chép đầy đủ, nghiên cứu nghiêm túc những ý kiến đóng góp và phê bình của nhân dân, bàn biện pháp sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm trên các mặt công tác mà quần chúng đã nêu lên, đồng thời báo cáo việc làm đó cùng với những kiến nghị và nhận xét của nhân dân lên cấp trên. Cần chú ý đấu tranh khắc phục những quan điểm tư sản về tự do dân chủ và pháp chế; cảnh giác đối với các luận điệu xuyên tạc và những hành động gây rối, phá hoại việc tổ chức thảo luận Dự thảo Hiến pháp.

3. Ban Tuyên huấn Trung ương, với sự phối hợp chặt chẽ của Ban Dân vận Mặt trận Trung ương và Uỷ ban

Dự thảo Hiến pháp, phải mở hội nghị để hướng dẫn các cấp, các ngành, và có trách nhiệm giúp Ban Bí thư tổ chức, chỉ đạo cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp trong nhân dân.

Các cơ quan thông tin, tuyên truyền, báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, v.v. cần có kế hoạch tuyên truyền về Hiến pháp, đưa tin về các cuộc thảo luận Hiến pháp.

Quân uỷ Trung ương trực tiếp chỉ đạo cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp trong quân đội. Các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm chỉ đạo cuộc thảo luận trong các lực lượng vũ trang địa phương.

Uỷ ban Dự thảo Hiến pháp, căn cứ vào kế hoạch chung, tổ chức việc theo dõi, tổng hợp những ý kiến đóng góp của nhân dân, chỉnh lý bản Dự thảo Hiến pháp mới để trình Trung ương xét duyệt và Quốc hội thông qua trong thời gian tới.

4. Các cấp, các ngành cần lập ngay *các ban chỉ đạo thảo luận Dự thảo Hiến pháp của các cấp*, căn cứ vào hoàn cảnh của mình mà có kế hoạch cụ thể, thiết thực, làm cho cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp lần này thực sự là *một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, một cuộc vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa trong toàn dân*, có tác dụng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và ý thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Việc tổ chức thực hiện phải *chu đáo, dứt điểm, nhất thiết không kéo dài và tránh hình thức, chiếu lệ*.

Các tổ chức của Đảng, cán bộ, đảng viên có nhiệm vụ vận động nhân dân tích cực tham gia cuộc thảo luận, bảo đảm cho cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới giành được

thắng lợi lớn.

5. Thời gian tiến hành cuộc thảo luận (bước 2) Dự thảo Hiến pháp mới là 2 tháng, bắt đầu *từ đầu tháng 8 và kết thúc vào đầu tháng 10 năm 1979.*

Tất cả các báo cáo, thống kê, tổng hợp về tình hình và kết quả thảo luận Hiến pháp của các tỉnh, thành, các ngành, các đơn vị trực thuộc trung ương đều gửi về Văn phòng Ủy ban Dự thảo Hiến pháp (35 Ngô Quyền, Hà Nội), mỗi loại ba bản.

T/M Ban Bí thư

Xuân Thuỷ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 40-QĐ/TW, ngày 19 tháng 6 năm 1979

**Về thành lập Đảng bộ cơ quan Ban Tài chính -
Quản trị Trung ương**

- Căn cứ Điều 11, chương II của Điều lệ Đảng,
- Xét đặc điểm tổ chức của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đơn vị Ban có trách nhiệm quản lý,
- Theo đề nghị của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Thành lập Đảng bộ cơ quan Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, đặt trực thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội, bao gồm các tổ chức Đảng ở cơ quan và các đơn vị trực thuộc Ban ở Hà Nội. Ban Tổ chức Trung ương sẽ bàn với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Đảng uỷ Văn phòng Trung ương để sắp xếp cụ thể một số chi bộ trong Đảng bộ này cho phù hợp.
2. Đảng bộ cơ quan Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là Đảng bộ cơ sở, có nhiệm vụ và quyền hạn như Điều lệ Đảng đã quy định ở các Điều 35 và 36 đối với tổ chức cơ sở Đảng ở cơ quan. Đảng bộ cơ quan Ban Tài chính - Quản trị Trung ương vừa chịu sự chỉ đạo của Thành uỷ Hà Nội về các mặt chấp hành các chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước được thực hiện ở địa

phương, về công tác quần chúng và về công tác đảng vụ, đồng thời chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của Trung ương theo nội dung đã được quy định chung trong Quyết định số 14-QĐ/TW ngày 20-2-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng¹⁾ cho các Đảng bộ cơ quan trung ương được chuyển về Đảng bộ địa phương.

3. Chỉ định các đồng chí công tác ở Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hiện là đảng uỷ viên Đảng uỷ Văn phòng Trung ương vào Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời của Ban do đồng chí Minh Châu làm Bí thư.

Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời sẽ đề nghị Thành uỷ Hà Nội bổ sung một số đảng uỷ viên xét cần thiết và triệu tập đại hội để bầu lại Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức chậm nhất trong vòng sáu tháng kể từ ngày ra Quyết định này.

4. Đặt các tổ chức cơ sở Đảng ở T.78 trực thuộc Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh.

Các chi bộ ở các nhà khách do Ban Tài chính - Quản trị quản lý ở Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Lạt đặt trực thuộc các Đảng bộ tỉnh Phú Khánh, tỉnh Lâm Đồng và đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

Đảng bộ T.78 và các chi bộ trên đây chịu sự chỉ đạo của cấp uỷ địa phương (Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh uỷ Phú Khánh, Tỉnh uỷ Lâm Đồng và Đảng uỷ đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo) về việc chấp hành các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được thực hiện ở địa phương, về công tác quần chúng và về công tác đảng vụ như các tổ chức Đảng của các cơ quan trung ương khác được giao về địa phương theo quy định đã có của Ban Bí thư.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.39, tr.86 (B.T).

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương được liên hệ với Đảng uỷ T.78, các chi uỷ ở các đơn vị nhà khách ở Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu và nhận các báo cáo của các đảng uỷ, chi uỷ đó về tình hình chi bộ, đảng viên trong đơn vị. Ban có trách nhiệm giúp các đảng uỷ, chi uỷ nói trên quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng về công tác của Ban, nắm vững các quan điểm, chủ trương, biện pháp về công tác chuyên môn của Ban hoặc của đơn vị. Ban được mời các đồng chí bí thư hoặc đại diện của các đảng uỷ, chi uỷ đó dự hội nghị do Ban triệu tập để giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc hoặc phổ biến những vấn đề quan trọng về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc của Ban. Ban được quan hệ với cấp uỷ địa phương để góp ý kiến về các vấn đề thuộc trách nhiệm chỉ đạo của cấp uỷ địa phương đối với tổ chức Đảng ở các đơn vị trực thuộc Ban. Ngược lại, cấp uỷ địa phương cũng thông báo cho Ban biết những vấn đề mà Ban cần quan tâm về công tác xây dựng Đảng ở các đơn vị đó.

T/M Ban Bí thư

Xuân Thuỷ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 76-CT/TW, ngày 19 tháng 6 năm 1979

**Về một số mặt công tác đối với trí thức Việt Nam
ở nước ngoài**

Hiện nay, ở nhiều nước tư bản phát triển, số lượng người Việt Nam là trí thức vốn đã khá lớn ngày càng tăng thêm. Số trí thức này nhờ có điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và sản xuất ở các cơ sở có trang bị hiện đại và sử dụng nhiều kỹ thuật tiên tiến, cho nên có trình độ hiểu biết, trình độ chuyên môn và tay nghề khá tốt, một số người đã có trình độ khoa học khá cao về một số mặt.

Những năm qua, chúng ta có huy động tài năng của một số trí thức người Việt Nam ở nước ngoài vào công việc trong nước. Một số trí thức có nguyện vọng về hẳn trong nước đã được tổ chức cho về và sử dụng đúng tài năng. Như vậy, những trí thức người Việt Nam ở nước ngoài đã có đóng góp nhất định vào hoạt động khoa học kỹ thuật, kinh tế và các mặt khác ở trong nước.

Trước tình hình mới, việc sử dụng và phát huy khả năng của trí thức Việt Nam ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước là hết sức cần thiết.

Nhằm mục đích trên, Ban Bí thư quyết định một số chủ trương sau đây:

I- Về việc huy động khả năng của trí thức Việt Nam ở nước ngoài

1. Tích cực thu hút trí thức Việt Nam ở nước ngoài tham gia các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước, các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật của các ngành và các địa phương; mời tham gia ban chủ nhiệm chương trình, phân công một số đề tài của các chương trình cho trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài (nhóm hoặc cá nhân) làm tại nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh của anh chị em.
2. Mời làm "cộng tác viên ở nước ngoài" của các Viện nghiên cứu ở trong nước, và với tư cách đó, họ tiến hành nghiên cứu phần việc được phân công.
3. Mời tham gia giảng dạy ở các trường đại học trong nước với tư cách giáo sư cộng tác, bố trí chương trình và thời gian cụ thể cho mỗi người về nước giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh.

II- Về cơ quan quản lý việc huy động trí thức
là người Việt Nam ở nước ngoài

1. Giao cho đồng chí Bí thư Ban Cán sự Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước phụ trách bố trí công việc và tổ chức bộ máy thực hiện, sử dụng Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước là cơ quan Nhà nước có trách nhiệm

quản lý thống nhất công tác khoa học và kỹ thuật ở trong nước và hợp tác khoa học và kỹ thuật với nước ngoài, để thống nhất quản lý công tác đối với trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài, huy động họ tham gia vào việc phát triển khoa học và kỹ thuật ở trong nước.

Công việc quản lý bao gồm:

- Nghiên cứu, đề nghị lên Ban Bí thư các chủ trương, chính sách sử dụng trí thức người Việt Nam ở nước ngoài;

- Làm kế hoạch thống nhất sử dụng trí thức người Việt Nam ở nước ngoài;

- Làm đầu mối quan hệ với trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, bố trí cho họ làm việc với các cơ quan trong nước; khi họ về nước ngắn hạn làm việc, bố trí điều kiện sinh hoạt và công việc cho họ, khi họ về hẳn trong nước để phục vụ, thì bố trí công tác phù hợp với trình độ và năng lực của họ;

- Cử người ra nước ngoài làm việc với trí thức người Việt Nam ở nước ngoài mỗi khi cần thiết.

Các ngành, các địa phương muốn liên hệ, sử dụng trí thức người Việt Nam ở nước ngoài phải bàn thống nhất với Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Hai ngành quân sự và nội vụ cần bàn bạc với đồng chí Bí thư Ban Cán sự Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước để đề nghị Ban Bí thư có những quy định riêng. Trí thức người Việt Nam ở nước ngoài thường muốn có quan hệ cá nhân với một số cá nhân làm chuyên môn ở trong nước, ta chủ trương vẫn cho tiến hành các quan hệ cá nhân, nhưng về nội bộ, người có quan hệ cá nhân cần trao đổi bàn bạc thống nhất trước với Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước để tiện việc thống nhất quản lý, nhằm làm cho các quan hệ cá nhân đều tiến hành có kế

hoạch và trở thành bộ phận hữu cơ của việc phát triển khoa học kỹ thuật chung, chứ không phục vụ cho lợi ích cá nhân.

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước phải có biện pháp tích cực để tìm hiểu sâu về lực lượng trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, tiến tới có danh sách, hồ sơ cụ thể số trí thức người Việt Nam ở từng nước ngoài.

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước cần làm việc, thống nhất ý kiến với Ban Việt kiều Trung ương về các vấn đề thuộc về chế độ chính sách chung, các chủ trương vận động phong trào trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, để công tác trí thức người Việt Nam ở nước ngoài phát triển thuận lợi song song với công tác vận động chung người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Để làm tốt nhiệm vụ được giao, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước cần tổ chức tại Ủy ban một bộ phận có năng lực chuyên trách công tác trí thức người Việt Nam ở nước ngoài.

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước phải chuẩn bị cử các tổ công tác gồm những cán bộ biết công tác chuyên môn khoa học kỹ thuật, biết làm công tác vận động trí thức tại một số sứ quán của ta, trước tiên là tại Sứ quán ta ở Pháp, và tùy theo sự phát triển của tình hình, sau này có thể là ở Nhật, ở Mỹ. Các tổ công tác đó do đồng chí Bí thư Ban Cán sự Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước trực tiếp lãnh đạo, đồng thời đồng chí đại sứ cũng chỉ đạo chung và chỉ đạo về mặt chính trị

đối ngoại để phối hợp với công tác đối ngoại chung của sứ quán.

Hàng năm, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước làm dự trù kinh phí (tiền trong nước và ngoại tệ) cần thiết cho công tác này trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ giải quyết. Công tác trí thức người Việt Nam ở nước ngoài là loại công tác cơ mật. Ban Bí thư đề nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ cử một đồng chí chịu trách nhiệm về vấn đề này để đồng chí Bí thư Ban Cán sự Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước thường xuyên báo cáo và xin chỉ thị.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 91-TT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1979

**Hướng dẫn việc tiến hành đợt tự phê bình
và phê bình theo Chỉ thị 72**

Về việc tiến hành đợt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Chỉ thị số 72 ngày 8-5-1979, Ban Bí thư hướng dẫn thêm mấy điểm như sau:

1. Đợt tự phê bình và phê bình này nhằm giáo dục, nâng cao phẩm chất đảng viên và kiểm tra tư cách đảng viên. Mỗi đảng viên phải tự phê bình trước chi bộ theo 10 điểm gợi ý chung trong Chỉ thị số 72.

Các cấp ủy Đảng cần cụ thể hoá hoặc bổ sung các điểm gợi ý cho sát hợp với tình hình thực tế ở từng đảng bộ, xoay quanh 5 nhiệm vụ đảng viên (ở Điều 2 của Điều lệ Đảng).

2. Những đảng viên là cấp ủy viên phải báo cáo với cấp ủy những ưu điểm, khuyết điểm chính của mình theo nội dung 10 điểm và chức trách cấp ủy viên.

ở các tỉnh, thành, huyện thị và cơ sở, việc tự phê bình của mỗi cấp ủy viên trước Ban Chấp hành phải kết hợp với việc cấp ủy kiểm điểm công tác lãnh đạo trong khi chuẩn bị đại

hội đảng bộ.

3. Việc tự phê bình và phê bình ở các cơ quan trung ương phải kết hợp với việc kiểm điểm công tác sáu tháng đầu năm 1979.

Các ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn kiểm điểm tập thể về công tác lãnh đạo chung qua việc thực hiện các nhiệm vụ sáu tháng đầu năm, tập trung vào việc thi hành các Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư và lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Các ủy viên Ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn tự phê bình trước chi bộ về nhiệm vụ và tư cách đảng viên. Nếu có vấn đề quan trọng thì ngoài việc kiểm điểm ở chi bộ, phải báo cáo với tập thể Ban hoặc Ban Cán sự, Đảng đoàn.

4. Các cấp ủy Đảng, các ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn phải chỉ đạo chặt chẽ đợt tự phê bình và phê bình này nhằm đạt được những kết quả thiết thực về giáo dục đảng viên, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm.

Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các Ban khác của Trung ương có nhiệm vụ theo dõi việc tiến hành đợt tự phê bình và phê bình này, kịp thời báo cáo để Ban Bí thư biết kết quả, những kinh nghiệm làm tốt và làm không tốt ở các địa phương và các ngành.

T/M Ban Bí thư

Xuân Thuỷ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Quyết định của Ban Bí thư

Số 41-QĐ/TW, ngày 21 tháng 6 năm 1979

Về thành lập Đảng bộ Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo

Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng,
Căn cứ quyết định của Bộ Chính trị về thành lập Đặc
khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Thành lập Đảng bộ Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, gồm Đảng bộ thị xã Vũng Tàu, Đảng bộ xã Long Sơn, huyện Long Thành của tỉnh Đồng Nai, Đảng bộ huyện Côn Đảo của tỉnh Hậu Giang và các tổ chức Đảng ở các đơn vị kinh tế, dịch vụ của các bộ, tổng cục được chuyển giao về cấp uỷ địa phương theo quy định của Điều lệ Đảng.

2. Đại hội Đảng bộ đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo bầu ra Ban Chấp hành (gọi tắt là Đảng uỷ Đặc khu) có từ 31 đến 35 đồng chí, trong đó có 2 uỷ viên dự khuyết; Đảng uỷ cử ra ban thường vụ từ 9 đến 11 uỷ viên, trong đó có bí thư, 2 phó bí thư.

Đại hội Đảng bộ Đặc khu thường lệ được triệu tập hai năm một lần, nhiệm kỳ của Đảng uỷ là hai năm.

3. Đảng uỷ Đặc khu có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện các mặt công tác của địa phương, lãnh đạo tốt công tác xây dựng Đảng, công tác đoàn thể ở các đơn vị kinh tế, dịch vụ

của Trung ương mà tổ chức Đảng được giao về Đảng bộ địa phương theo quy định của Điều lệ Đảng. Đảng uỷ Đặc khu được quyền hạn và thực hiện mối quan hệ công tác với Trung ương, và các ban, ngành của Trung ương như các cấp uỷ khác trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.

4. Căn cứ vào nguyên tắc tổ chức của Đảng, luật tổ chức của Nhà nước, nhiệm vụ được quy định ở trên và tình hình đặc điểm địa phương, đảng uỷ, chính quyền Đặc khu sẽ cùng với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Chính phủ, các Ban Cán sự đảng ở các bộ, tổng cục, Đảng đoàn các đoàn thể để bố trí sắp xếp tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cho thích hợp, gọn nhẹ, yêu cầu đến đâu thì phát triển đến đó.

Cán bộ chủ chốt của cấp uỷ, chính quyền và các ngành quan trọng của đặc khu cần được bố trí ngang như cấp tỉnh.

5. Tỉnh uỷ Đồng Nai, Tỉnh uỷ Hậu Giang, Thị uỷ Vũng Tàu, Huyện uỷ Côn Đảo, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các Ban của Trung ương, các Ban Cán sự Đảng các bộ, tổng cục có liên quan và các Đảng đoàn, các đoàn thể có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Ban Bí thư

Xuân Thuỷ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo

Số 12-TB/VPTW, ngày 26 tháng 6 năm 1979

ý kiến của Ban Bí thư (trong cuộc họp ngày 11-6-1979) về nhiệm vụ của ngành y tế đối với Hội Đông y và Hội Chử thập đỏ

1. Chăm lo sức khoẻ của nhân dân là một nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước ta. Ngành y tế, từ bộ đến cơ sở, có trách nhiệm quản lý toàn bộ công tác y và dược, để bảo vệ và tăng cường sức khoẻ của nhân dân, hạn chế đến mức thấp nhất bệnh tật trong xã hội.

Trong toàn ngành y tế, cần quán triệt đường lối xây dựng nền y dược học Việt Nam, thừa kế và phát huy y dược học dân tộc cổ truyền kết hợp với đẩy mạnh phát triển y dược học hiện đại. Phải quan tâm đúng mức đến lực lượng lương y và thuốc nam, phát huy tài năng của những lương y giỏi và khai thác tốt nguồn dược liệu phong phú trên đất nước ta.

Ngành y tế phải tổ chức chỉ đạo việc phát hiện, tập hợp, nghiên cứu, và phổ biến những kinh nghiệm phòng bệnh và chữa bệnh của y học dân tộc cổ truyền, bồi dưỡng cho cán bộ y tế về ý thức và kiến thức cần thiết để làm tốt việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Y học, dược học dân tộc cổ truyền phải có vị trí xứng đáng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học y và dược. ở các cấp y tế, phải củng cố các vụ, viện, phòng, tổ chuyên về y dược học dân tộc cổ truyền, và phải có cán bộ chủ chốt có trình độ khá phụ trách các cơ

sở đó. ở Bộ và Sở, Ty y tế, đồng chí phụ trách này nên là thành viên Ban Cán sự Đảng, đồng thời phụ trách Hội Đông y.

Từ năm 1957 đến nay, *Hội Đông y Việt Nam* đã đạt nhiều thành tích trong việc động viên và hướng dẫn giới lương y cống hiến kinh nghiệm, phục vụ sức khoẻ nhân dân. Tuy vậy, hoạt động và tổ chức của Hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu của nhiệm vụ; trong nhiều năm, bộ máy của Hội ở Trung ương và một số địa phương không được củng cố.

Cần tăng cường Hội Đông y, làm cho Hội có đủ sức làm tốt những nhiệm vụ sau đây:

a) Vận động, tập hợp, giáo dục và đoàn kết những người làm nghề y được dân tộc cổ truyền, động viên mọi người ra sức đóng góp tài năng và kinh nghiệm vào công tác phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân ta.

b) Góp sức cùng ngành y tế Nhà nước tăng cường khối đoàn kết giữa những người làm nghề y được dân tộc cổ truyền với những người làm nghề y được hiện đại, để cùng nhau chăm lo sức khoẻ của nhân dân.

c) Đề xuất với các cơ quan của Đảng và Nhà nước, trước hết là với ngành y tế Nhà nước, những chính sách, chế độ cần thiết để phát triển công tác y dược học dân tộc cổ truyền.

Hội đổi tên thành Hội Y dược học dân tộc Việt Nam, và do Ban Cán sự Đảng của Bộ Y tế lãnh đạo.

Trong tình hình hiện nay, tuy chưa có điều kiện tổ chức đại hội của Hội, song việc củng cố tổ chức Hội, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương Hội, là rất cấp thiết để đáp ứng nguyện vọng của giới lương y nói chung. Vì vậy, Hội sớm triệu tập hội nghị mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương

Hội bao gồm đại diện của các thành hội, tỉnh hội (ở miền Bắc); hội nghị này có nhiệm vụ đề ra phương hướng hoạt động của Hội cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, quyết định đổi tên Hội, bổ sung uỷ viên mới vào Ban Chấp hành Trung ương Hội, cử Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch và Uỷ viên thường vụ để thay thế những thành viên quá yếu hoặc nhiều tuổi, hoặc đã có quyết định được nghỉ hưu.

ở các thành, tỉnh miền Bắc đã có tổ chức Hội thì nay nên tổ chức lại theo hai cấp: trung ương và thành, tỉnh. ở mỗi tỉnh, thành có một chi hội; cần coi trọng chất lượng hơn số lượng, hội viên của Hội phải đạt một số tiêu chuẩn nhất định, phải là những người thật sự làm việc chân chính về y dược dân tộc cổ truyền.

ở các thành, tỉnh miền Nam, vì công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa hoàn thành, cho nên chưa nên tổ chức Hội. Các Sở, Ty y tế ở miền Nam cần tăng cường các phòng y dược học dân tộc cổ truyền, có kế hoạch nắm chắc lực lượng lương y địa phương, thu hút và sử dụng tốt những lương y giỏi và tốt vào mạng lưới y tế chung.

Ngành y tế cần thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các phương hướng, chủ trương, chính sách, chế độ mà Nhà nước đã ban hành về công tác y dược học dân tộc, đồng thời cần nghiên cứu để bổ sung những chính sách chế độ cần thiết nhằm chăm sóc, bảo vệ tốt các lương y giỏi và phát triển y dược học dân tộc.

Tiến tới Hội Y học và dược học Việt Nam bao gồm cả những người làm nghề y và nghề dược dân tộc cổ truyền.

2. *Hội Chữ thập đỏ Việt Nam* thành lập từ năm 1946, đã có nhiều đóng góp trong công tác vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh, phòng và chống dịch, tổ chức cấp cứu, v.v. và đã trở thành lực lượng cho ngành y tế, nhất là trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, và gần đây trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở các tỉnh biên giới tây nam và phía bắc. Lấy danh nghĩa Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Nhà nước ta đã có những hoạt động đối ngoại cần thiết với Hội Chữ thập đỏ quốc tế, với một số tổ chức quốc tế khác, và với một số nước.

Trong tình hình hiện nay, để làm tốt hơn nữa những nhiệm vụ trên, cần tổ chức lại Hội Chữ thập đỏ Việt Nam theo hai cấp: trung ương và thành, tỉnh. Riêng ở miền Nam, tạm thời còn giữ cấp huyện, quận; khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành, các hội viên Hội Chữ thập đỏ ở cơ sở đã trở thành xã viên hợp tác xã, làm việc Chữ thập đỏ theo sự hướng dẫn thống nhất của trạm y tế xã, phường, thì sẽ bỏ cấp huyện, quận.

Nhiệm vụ chủ yếu của Hội vẫn là trở thành lực lượng cho ngành y tế trong việc thực hiện chức năng quản lý thống nhất sức khỏe của nhân dân và sẵn sàng phục vụ chiến đấu. Hội còn tham gia công tác đối ngoại theo những quy định của Công ước Gionevơ, và hỗ trợ cho Bộ Ngoại giao trong một số vấn đề cần thiết khi Đảng và Nhà nước yêu cầu.

Ngành y tế cần củng cố bộ phận vệ sinh, phòng và chống dịch của mình ở các cấp; bộ phận này nên kiêm nhiệm làm công tác Hội Chữ thập đỏ ở mỗi cấp. Ban Cán sự Đảng ở Bộ Y tế và Sở, Ty Y tế các thành, tỉnh cần phân công một đồng chí uỷ viên phụ trách Hội Chữ

thập đỏ, có thể đồng thời làm Chủ tịch Hội ở cấp trung ương và ở cấp thành, tỉnh.

Ban Bí thư cũng lưu ý: bọn Mỹ - nguy trước đây tổ chức ra Hội Hồng thập tự ở miền Nam là nhằm lợi dụng hình thức này để lôi kéo quần chúng, tạo điều kiện cho chúng hoạt động tình báo, gián điệp; đồng thời ta cũng có gây cơ sở trong tổ chức này ở một số nơi để tranh thủ điều kiện hoạt động hợp pháp. Ta cần tiếp tục xem xét, giải quyết vấn đề Hội này cho sát thực tế; và hết sức cảnh giác, không để cho bọn phản động và những phần tử xấu trong nước và ngoài nước lợi dụng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hòng phá rối chế độ ta.

Cần củng cố các Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ ở Trung ương và thành, tỉnh. Đối với những đồng chí đã giữ chức vụ chủ chốt ở các ngành khác, không cần phải đưa vào các vị trí lãnh đạo của Hội Chữ thập đỏ; các đồng chí đã có quyết định nghỉ hưu cũng vậy. Bộ máy làm việc của Ban chấp hành Hội Chữ thập đỏ ở Trung ương và các thành, tỉnh cần tổ chức gọn, nhẹ, nhưng có hiệu lực.

Ban Bí thư giao trách nhiệm cho Ban Khoa giáo Trung ương cùng với Ban Cán sự Đảng của Bộ Y tế làm việc với các đồng chí phụ trách chủ chốt ở hai tổ chức Hội Đông y và Hội Chữ thập đỏ để bàn việc quán triệt thi hành những ý kiến trên đây của Ban Bí thư.

Chánh văn phòng

Trần Xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**quyết định
của Bộ Chính trị**

Số 42-QĐ/TW, ngày 5 tháng 7 năm 1979

**Về chuyển giao nhiệm vụ chuyên xây dựng
kinh tế sang cho các ngành kinh tế**

Trước tình hình mới, để ổn định nhiệm vụ và tổ chức lực lượng, để quân đội tập trung vào nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đồng thời tiếp tục làm tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế theo phương thức thích hợp,

Theo đề nghị của Quân uỷ Trung ương và Hội đồng Chính phủ,

quyết định

1. Chuyển giao nhiệm vụ và các cơ sở làm nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi do quân đội phụ trách hiện nay, sang cho Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thuỷ lợi.

2. Quân đội vẫn làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế với phương thức mới thích hợp:

- Xây dựng cơ bản (có đầu tư của Nhà nước) như: công trình đường chiến lược, sân bay, bến cảng.

- Đánh bắt hải sản kết hợp bảo vệ vùng biển.
- Giúp Bạn Lào (các cơ sở do Bộ Quốc phòng của Bạn đề nghị) như xây dựng đường sá, sân bay, xí nghiệp, kho, trường và bảo đảm giao thông ở Campuchia.
- Toàn quân trên cơ sở làm tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tích cực sản xuất để góp phần làm ra của cải vật chất cho xã hội.

3. Giải thể Tổng cục xây dựng kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng.

4. Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Quân uỷ Trung ương và các bộ có liên quan khẩn trương thi hành Quyết định này.

T/M Bộ chính trị

lê duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

quyết định**của bộ chính trị**

Số 43-QĐ/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1979

Thành lập Quân đoàn 8

- Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu chống quân... xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa,

- Xét đề nghị của Thường vụ Quân uỷ Trung ương,

Bộ Chính trị Trung ương đảng quyết định:

1. Thành lập Quân đoàn 8 Quân đội nhân dân Việt Nam trực thuộc Quân khu I.

2. Chỉ định đồng chí Đại tá đàm Văn Ngụy, Phó tư lệnh Quân khu I, giữ chức Tư lệnh Quân đoàn 8.

3. Đồng chí Chủ tịch nước và Quân uỷ Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Bộ Chính trị

trường chinh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

quyết định**của Ban Bí thư**

Số 44-QĐ/TW

Về việc phân công thực hiện những thoả thuận của Hội nghị các Bí thư Trung ương các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Béclin từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 7 năm 1979

1. Vừa qua, Hội nghị lần thứ sáu các Bí thư Trung ương phụ trách công tác đối ngoại và tư tưởng các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Béclin từ ngày 3 đến ngày 5-7-1979 đã nhất trí thoả thuận 23 biện pháp nhằm phối hợp hoạt động trên lĩnh vực đối ngoại và tư tưởng trong năm 1979-1980.

Để góp phần thực hiện các thoả thuận nói trên, Ban Bí thư Trung ương phân công các ban xung quanh Trung ương, các cơ quan và đoàn thể sau đây có trách nhiệm giúp Trung ương chuẩn bị thực hiện từng biện pháp ghi dưới đây do Hội nghị các Bí thư Trung ương các Đảng anh em đã nhất trí thông qua:

1) Xuất phát từ chỗ cho rằng trong thời gian tới trọng tâm của cuộc đấu tranh tư tưởng trên trường quốc tế là vấn đề SALT-2, kết quả và ý nghĩa đối với sự nghiệp hoà bình của các cuộc hội đàm giữa đồng chí L.Brêgionép và Tổng thống Mỹ Catơ.

Trong hoạt động tuyên truyền chung, các Đảng tham gia hội nghị sẽ kiên quyết nêu cao tư tưởng của chính sách đối ngoại xã hội chủ nghĩa mà các Đảng và các

nước đó đã từng tuân theo, nhằm trước sau như một phấn đấu cho việc ký hiệp định này và tiếp tục củng cố hoà dịu và làm cho hoà dịu mở rộng sang lĩnh vực quân sự. Các Đảng sẽ góp phần huy động dư luận rộng rãi trên thế giới đấu tranh ủng hộ việc phê chuẩn và thực hiện Hiệp ước Xô - Mỹ về SALT-2 cũng như nhằm đạt được sự tiến bộ thực tế của cuộc đàm phán tại Viên về giảm quân số và vũ khí ở Trung Âu, nhằm thực hiện các đề nghị của Hội nghị Uỷ ban chính trị hiệp thương ở Mạc Tư Khoa của các nước tham gia Hiệp ước Vácava, Hội nghị các Bộ trưởng Ngoại giao ở Budapét và Hội nghị bất thường của Hội đồng hoà bình thế giới. Trên tinh thần các đề nghị đó, các Đảng tham gia hội nghị sẽ chuẩn bị các hoạt động tuyên truyền phối hợp nhằm củng cố hoà bình, tăng cường hoà dịu, hạn chế chạy đua vũ trang, giải trừ quân bị.

Cần sử dụng việc kỷ niệm lần thứ 40 ngày bắt đầu Chiến tranh thế giới lần thứ hai và 35 năm chiến thắng phát xít, để giải thích đường lối yêu chuộng hoà bình của các nước xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh chống tuyên truyền vu khống về "sự đe dọa quân sự của Liên Xô".

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì việc chỉ đạo tuyên truyền trong nước, Ban Đối ngoại phối hợp và chỉ đạo các hoạt động ngoài nước của các đoàn ra nước ngoài). 2) Ra sức phát triển phong trào đoàn kết với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia, ápganixtan, Nicaragua và các nước khác ở châu Mỹ latinh, miền Nam châu Phi, của tất cả các dân tộc đấu tranh chống đế quốc và phản động, vì độc lập và tiến bộ xã hội.

(Ban Bí thư giao việc thực hiện nhiệm vụ này cho Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì, Ban Đối ngoại phối hợp về mặt chỉ đạo các đoàn đi hoạt động ở nước ngoài).

3) Tiếp tục thoả thuận các biện pháp tuyên truyền cho các đề nghị của các nước xã hội chủ nghĩa nhằm tiếp tục củng cố an ninh và hợp tác châu Âu trên tinh thần Định ước cuối cùng của Hội nghị Henxinki. Về mặt này, cần chú ý việc chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ ở Madrit năm 1980 và thực hiện các đề nghị về việc triệu tập hội nghị về các vấn đề hoà dịu quân sự với sự tham gia của tất cả các nước châu Âu, Mỹ, Canada và các hội nghị giữa các quốc gia về bảo vệ môi trường, giao thông vận tải, năng lượng và các cuộc gặp gỡ khác. Người phối hợp tổ chức vấn đề này là Đảng Cộng sản Liên Xô.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Đối ngoại Trung ương thực hiện, Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì các hoạt động tuyên truyền trong nước, Ban Đối ngoại phối hợp và chỉ đạo hoạt động của các đoàn ra ngoài nước).

4) Sử dụng các đại hội thường kỳ của các đảng anh em ở các nước xã hội chủ nghĩa, những ngày kỷ niệm quan trọng sắp tới để tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội hiện thực, giới thiệu những thành tựu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, cho công tác giáo dục tư tưởng và lý luận, đặc biệt là kỷ niệm 25 năm Hiệp ước Vácava, 30 năm nước Cộng hoà dân chủ Đức, 50 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 25 năm Đảng Nhân dân cách mạng Lào, cũng như các sự kiện trọng đại khác trong đời sống của các nước anh em.

(Ban Bí thư giao cho Ban Đối ngoại, Ban Tuyên huấn, Bộ Ngoại giao thực hiện, Ban Đối ngoại Trung ương chủ

trì. Ban Tuyên huấn và Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng chuẩn bị đề cương và các tài liệu tuyên truyền về các ngày kỷ niệm 50 năm thành lập Đảng ta, 35 năm Quốc khánh của ta và 90 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch gửi cho các Đảng và các nước anh em để làm tài liệu tuyên truyền).

5) Nhân sắp đến ngày kỷ niệm 110 năm ngày sinh V.I. Lênin, các đại biểu tham dự hội nghị đã nhấn mạnh đến ý nghĩa không gì so sánh được của những cống hiến của Người cho lý luận cách mạng và đối với sự phát triển chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã nhấn mạnh sự quan trọng kiên trì đấu tranh bảo vệ cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin của phong trào cộng sản quốc tế.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Nghiên cứu lý luận, Ban Đối ngoại chuẩn bị kế hoạch và đề cương tuyên truyền. Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì).

6) Năm 1980 tiến hành cuộc gặp gỡ những người lãnh đạo các Ban Tuyên huấn Trung ương các đảng anh em của các nước xã hội chủ nghĩa để thảo luận những vấn đề chủ yếu về hợp tác nhiều bên. Đặc biệt trong cuộc gặp gỡ này sẽ xem xét những biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng, các vấn đề tuyên truyền về nhất thể hoá kinh tế - xã hội chủ nghĩa, đánh giá đợt tuyên truyền nhân dịp kỷ niệm 30 năm Hội đồng tương trợ kinh tế.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Đối ngoại, các ban kinh tế của Đảng thực hiện, Ban Tuyên huấn chủ trì).

7) Cần nghiên cứu thực tiễn chủ yếu của mối quan hệ theo đường Đảng, Nhà nước, khoa học và văn hoá để cùng nhau nêu ra những biện pháp cải tiến nâng cao hiệu quả công tác trao đổi kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Đảng Cộng sản Liên Xô sẽ nêu ra những đề nghị về vấn đề này.

(Ban Bí thư giao cho Ban Đối ngoại phối hợp với các ban hữu quan của Đảng và các cơ quan hữu quan của Nhà nước để chuẩn bị).

8) Tiếp tục cùng nhau phân tích những phương hướng chủ yếu của cuộc đấu tranh tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc chống chủ nghĩa xã hội hiện thực. Các cuộc gặp gỡ làm việc của các Phó ban Trung ương các đảng anh em sẽ xem xét những biện pháp có thể phối hợp để vạch trần những luận điệu tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội, chẳng hạn như những luận điệu về "sự đe dọa quân sự từ phía Liên Xô", "sự vi phạm nhân quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa", và luận điệu cho rằng nền kinh tế - xã hội chủ nghĩa "không có tiền đồ" và "không có hiệu quả" v.v., vạch trần những nhận định có tính "trung lập" về tình hình quốc tế, những mưu toan đồng nhất khối Nato và Hiệp ước Vácava; điều đó về khách quan là sự khuyến khích cho chính sách chạy đua vũ trang của chủ nghĩa đế quốc. Cần đặc biệt chú ý đến việc đấu tranh chống lại các luận điệu tuyên truyền phá hoại của các đài phát thanh, những luận điệu kích động tư tưởng khác của chủ nghĩa đế quốc, vạch trần những âm mưu của chúng tiến hành chiến tranh tâm

lý chống lại các nước xã hội chủ nghĩa. Đảng Công nhân thống nhất Ba Lan là người phối hợp.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Đối ngoại và Ban Nghiên cứu lý luận thực hiện. Ban Tuyên huấn chủ trì).

9) Thường xuyên đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít mới và chủ nghĩa phục thù, sử dụng những ngày kỷ niệm quốc gia và quốc tế đối với các chiến sĩ chống phát xít và những nạn nhân của chủ nghĩa phát xít, nhằm gìn giữ và phát huy những truyền thống đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, biến nó thành di sản cho thế hệ trẻ. Cần chứng minh một cách cụ thể rằng những truyền thống đó đã trở thành thực tiễn xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa.

Kể cả trong lĩnh vực tuyên truyền, cần có biện pháp phối hợp chống lại việc quy định thời gian đối với các tội phạm chiến tranh, sử dụng vào mục đích đó việc kỷ niệm 40 năm ngày bắt đầu cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai và 35 năm chiến thắng phát xít Đức.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Đối ngoại và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện. Ban Tuyên huấn chủ trì).

10) Tiếp tục ủng hộ những cố gắng của nước Cộng hoà Cuba về chính trị và tuyên truyền trong việc chuẩn bị tiến hành và tổng kết Hội nghị cấp cao lần thứ sáu các nước không liên kết ở La Habana. Đảng Cộng sản Cuba tiếp tục đảm nhận trách nhiệm là người phối hợp về vấn đề này.

(Ban Bí thư giao cho Ban Đối ngoại, Ban Cán sự Bộ Ngoại giao và Ban Tuyên huấn nghiên cứu. Ban đối ngoại chủ trì).

11) Tổng kết việc trao đổi ý kiến về các vấn đề trật tự kinh tế thế giới mới của khoá họp thứ năm của UNCTAD (Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển). Ghi nhận việc Đảng Cộng sản Liên Xô lãnh trách nhiệm chuẩn bị những đề nghị về những biện pháp có thể phối hợp, nhằm giải thích rõ lập trường của các nước xã hội chủ nghĩa nhân khoá họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc năm 1980 về các vấn đề hợp tác kinh tế thế giới.

(Ban Bí thư Giao cho Ban đối ngoại, Ban Cán sự Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự Bộ Ngoại thương, các ban kinh tế của Đảng và Ban Tuyên huấn Trung ương nghiên cứu, Ban Kinh tế kế hoạch Trung ương chủ trì).

12) Thấy cần thiết vạch ra những quan điểm thống nhất về các vấn đề quy chế quốc tế mới trong lĩnh vực thông tin và hợp tác với cơ quan thông tin của các nước không liên kết, đặc biệt là đối với cuộc Hội nghị về vấn đề thông tin sắp tới vào mùa thu năm 1979 ở Oasinhton do tổ chức UNESCO đỡ đầu. Đảng Cộng sản Liên Xô nhận chuẩn bị những đề nghị cần thiết.

Với mục đích nâng cao hiệu quả giúp đỡ các nước đang phát triển, cần phối hợp các biện pháp về các vấn đề gửi chuyên gia sang các nước đó. Đảng Cộng sản Tiệp Khắc là người đứng ra phối hợp để trao đổi các bản thông báo và kinh nghiệm về vấn đề này.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Đối ngoại, Ban Biên tập Thông tấn xã Việt Nam nghiên cứu. Ban Biên tập Thông tấn xã Việt Nam phụ trách thực hiện. Ban Tuyên huấn và Ban Đối ngoại chủ trì).

13) Vấn đề quan trọng của việc phối hợp của các đảng

anh em trong lĩnh vực tư tưởng và tuyên truyền đối ngoại vẫn là sự phê phán một cách cơ bản chế độ tư bản chủ nghĩa, bản chất phản nhân đạo của nó, và nêu lên những hiện tượng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, những nguyên nhân và hậu quả về xã hội của nó. Do đó đã nhấn mạnh sự cần thiết phải phân tích kỹ những triển vọng và hậu quả của quá trình nhất thể hoá tư bản chủ nghĩa, kể cả hoạt động của "Nghị viện châu Âu".

(Ban Bí thư giao cho Ban Nghiên cứu lý luận, Ban Tuyên huấn, Uỷ ban Khoa học xã hội thực hiện. Ban Nghiên cứu lý luận chủ trì).

14) Do đạo Thiên chúa cũng như đạo Hồi tăng cường hoạt động quốc tế và họ muốn đóng vai trò là những lực lượng chính trị độc lập, cho nên cần thảo luận các vấn đề này trong cuộc gặp gỡ nhiều bên với sự tham gia của các nhà bác học.

(Ban Bí thư giao cho Ban Dân vận và Mặt trận, Uỷ ban Khoa học xã hội và Ban Đối ngoại nghiên cứu. Ban Dân vận và Mặt trận chủ trì).

15) Sử dụng năm quốc tế thiếu nhi, cuộc hội nghị quốc tế sắp tới "Vì tương lai hoà bình và hạnh phúc của tất cả thiếu nhi" (sẽ họp ở Mạc Tư Khoa tháng 9 năm 1979), những biện pháp quốc tế và quốc gia khác để tuyên truyền cho tính ưu việt và thành tích của chủ nghĩa xã hội (bảo đảm quyền của con người, sự chăm sóc đến việc phát triển toàn diện cá nhân của thế hệ trẻ, bảo vệ và chăm lo đến thanh thiếu niên trong chế độ xã hội chủ nghĩa v.v.), chứng minh một cách rộng rãi tình trạng của thanh thiếu niên ở khu vực chưa phải xã hội chủ nghĩa trên thế giới, sự vi phạm hàng ngày đến những quyền cơ bản của họ.

Đảng Cộng sản Bungari là người phối hợp.

(Ban Bí thư giao cho Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương cùng Ban Đối ngoại phụ trách. Ban Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì).

16) Tăng cường tuyên truyền đấu tranh bảo vệ những quyền lợi bức thiết của phụ nữ ở các nước tư bản chủ nghĩa và các nước đang phát triển, sử dụng việc chuẩn bị cuộc hội nghị sẽ họp năm 1980 ở Côpenhagơ về các vấn đề của phụ nữ trong khuôn khổ kỷ niệm 10 năm phụ nữ Liên hợp quốc. Sau hội nghị quốc tế kỷ niệm 100 năm xuất bản cuốn sách "Phụ nữ và chủ nghĩa xã hội" của A.Bêben (Béclin, tháng 2-1979), sẽ tiếp tục phối hợp công tác của đại diện các tổ chức xã hội và khoa học của các nước xã hội chủ nghĩa để tổng kết kinh nghiệm giải quyết vấn đề phụ nữ trong điều kiện xã hội chủ nghĩa và phê phán những quan điểm tư sản về giải phóng phụ nữ. Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức là người phối hợp.

(Ban Bí thư giao cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương, Ban Dân vận và Mặt trận, Ban Đối ngoại phụ trách. Đảng đoàn Hội Liên hiệp phụ nữ chủ trì).

17) Nhận thấy những đề nghị tăng cường hợp tác trong lĩnh vực văn hoá đã được thoả thuận trong cuộc gặp gỡ các Trưởng ban Trung ương các đảng anh em phụ trách các vấn đề văn hoá ở Béclin tháng 1-1979 là bổ ích. Trong năm 1980, Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa Hunggari sẽ tiến hành cuộc gặp gỡ thường kỳ để thảo luận vấn đề về công tác đối với văn nghệ sĩ trẻ.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn cùng các đảng đoàn các hội văn học nghệ thuật và Ban Cán sự Bộ Văn hoá

và thông tin phụ trách. Ban Tuyên huấn chủ trì).

18) Để cải tiến một cách cơ bản việc thông báo cho nhau về đời sống và lao động của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, đề nghị các tổ chức tương ứng nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, vô tuyến truyền hình của các nước trao đổi cho nhau trong khuôn khổ "chương trình phát thanh quốc tế"; đồng thời xem xét vấn đề triển vọng phát triển các phương tiện kỹ thuật thông tin vô tuyến cho nhau. Đảng Công nhân thống nhất Ba Lan đứng ra phối hợp tổ chức.

(Ban Bí thư giao cho Ủy ban phát thanh và truyền hình phụ trách).

19) Các cuộc gặp gỡ làm việc của các phó ban Trung ương các đảng anh em cần thoả thuận các biện pháp trong công tác thông tin tuyên truyền nhân việc chuẩn bị và tiến hành Thế vận hội 1980 ở Mátxcơva. Người phối hợp là Đảng Cộng sản Liên Xô.

(Ban Bí thư giao cho Tổng Cục thể dục thể thao, Ban Khoa giáo Trung ương thực hiện. Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì).

20) Cải tiến sự hợp tác nhiều bên trong các ngành Khoa học xã hội có tính tới kết quả của cuộc gặp gỡ làm việc về vấn đề này (Béclin tháng 1-1979). Kiến nghị với các Viện Hàn lâm khoa học, Hội nghị lần thứ tư các phó viện trưởng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội các nước xã hội chủ nghĩa (Praha 1980) soạn thảo chương trình hợp tác toàn diện trong ngành khoa học xã hội trong thời kỳ 1981-1985 có tính tới sự phân công lao động khoa học giữa các nước, các kế hoạch 5 năm của mỗi nước về nghiên cứu khoa học, sự cần thiết nâng cao hiệu suất và ý nghĩa thực tiễn của các công trình nghiên cứu chung.

Tiếp tục công tác phát triển hệ thống thông tin quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực Khoa học xã hội, kể cả việc mở rộng trao đổi các ấn phẩm thích hợp và từ năm 1980 xây dựng hệ thống phối hợp thông tin tự động đầu tiên.

(Ban Bí thư giao cho Ban Nghiên cứu lý luận, Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc và Ủy ban Khoa học xã hội thực hiện. Ban Nghiên cứu lý luận chủ trì).

21) Thực hiện sự phối hợp hành động trong công tác chuẩn bị và tiến hành hội nghị lần thứ XI của Hội Khoa học chính trị quốc tế (tháng 8-1979 - Mátxcơva) (1); Hội nghị lần thứ tư các giáo viên dạy tiếng Nga và văn học Nga (tháng 8-1979 - Béclin) (Ban Bí thư giao cho Ban Khoa giáo và Bộ Giáo dục thực hiện); Hội nghị quốc tế về tâm lý học lần thứ 25 (1980 tại Laixích) (2); Hội nghị quốc tế các nhà sử học lần thứ 15 (1980 tại Bucarét) (3); Hội nghị quốc tế lần thứ 6 các nhà kinh tế học (1980 tại Mêhicô) (4) và Hội nghị lần thứ 8 về thẩm mỹ học (1980 tại Đubrôpních) (5) và các hội nghị khoa học quốc tế khác trong lĩnh vực Khoa học xã hội.

(Ban Bí thư giao cho Ủy ban Khoa học xã hội nghiên cứu và thực hiện các hội nghị (1), (2), (3), (4), (5) nói trên).

22) Tiếp tục phát triển sự hợp tác trong việc giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thanh niên và sinh viên, trong việc đào tạo và bổ túc cán bộ trong lĩnh vực Khoa học xã hội, kể cả việc trao đổi kinh nghiệm giữa các chủ nhiệm khoa các bộ môn Khoa học xã hội. Kiến nghị với Hội nghị lần thứ ba các Bộ trưởng Giáo dục (tháng 10-1979 tại Budapét) và Hội nghị lần thứ 12 các Bộ trưởng Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp (1980 tại Xôphia)

của các nước xã hội chủ nghĩa; xem xét các vấn đề cụ thể liên quan đến vấn đề này.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc, Ban Khoa giáo, Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp nghiên cứu và thực hiện).

23) Kiến nghị các tổ chức và các đại diện các đảng anh em tham gia các cuộc hội thảo, các hội nghị quốc tế, các hội nghị chuyên đề sau đây do các đảng anh em tiến hành:

Cộng hoà nhân dân Bungari:

- Sử dụng du lịch quốc tế như một phương tiện tuyên truyền lối sống xã hội chủ nghĩa (tháng 10-1979 tại Vácna).

(Ban Bí thư giao cho Ban Đối ngoại, Ban Tuyên huấn và Tổng cục du lịch thực hiện. Tổng Cục du lịch chủ trì).

- Văn hoá nghệ thuật và vấn đề giáo dục con người mới trong xã hội xã hội chủ nghĩa (tháng 10-1979 tại Xôphia).

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn, Bộ Văn hoá và thông tin và các Đảng đoàn các hội văn học nghệ thuật thực hiện. Ban Tuyên huấn chủ trì).

- Những vấn đề nghiên cứu dư luận quần chúng ở Xôphia vào nửa đầu năm 1980.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn thực hiện).

Cộng hoà nhân dân Hunggari:

- Các vấn đề thời sự về quan hệ đối với các đảng xã hội và xã hội dân chủ.

(Ban Bí thư giao cho Ban Đối ngoại thực hiện).

Cộng hoà dân chủ Đức:

- Sự đoàn kết của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trong giai đoạn đấu tranh hiện nay chống chủ nghĩa đế quốc, vì tiến bộ xã hội (hợp năm 1980), Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức phối hợp với Ban Biên tập Tạp chí "Những vấn đề hoà bình và chủ nghĩa xã hội".

(Ban Bí thư giao cho Ban Đối ngoại, Ban Tuyên huấn, Ban Nghiên cứu lý luận thực hiện).

- Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa nhân đạo hiện thực trong thời đại ngày nay. Nền dân chủ, tự do, công bằng và quyền con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

(Ban Bí thư giao cho Ban Nghiên cứu lý luận và Uỷ ban Khoa học xã hội thực hiện. Ban Nghiên cứu lý luận chủ trì).

- Chủ nghĩa xã hội và cách mạng khoa học - kỹ thuật (1980-1981).

(Ban Bí thư giao cho Ban Khoa giáo cùng Uỷ ban khoa học - kỹ thuật và Viện khoa học Việt Nam thực hiện).

Cộng hoà nhân dân Ba Lan:

- Những người cộng sản và hoà bình (tổ chức phối hợp với Ban Biên tập Tạp chí "Những vấn đề hoà bình và chủ nghĩa xã hội").

(Ban Bí thư giao cho Ban Nghiên cứu lý luận và Ban Đối ngoại chuẩn bị).

- ý nghĩa của những tư tưởng của Lênin đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đối với phong trào cộng sản và công nhân.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Nghiên cứu lý luận, Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc và Ban Đối ngoại phụ trách).

- Những vấn đề đấu tranh chống sự chống phá về tư

tưởng của các đài phát thanh của bọn đế quốc (1979).

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn và Ủy ban Phát thanh và truyền hình thực hiện).

Liên Xô:

- Chủ nghĩa Mác - Lênin và thời đại.

(Ban Bí thư giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Nghiên cứu lý luận và Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc thực hiện).

- Mỗi biện chứng của các quá trình dân tộc và quốc tế trên thế giới ngày nay.

(Ban Bí thư giao cho Ban Nghiên cứu lý luận, Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc và Ban Đối ngoại thực hiện. Ban Nghiên cứu lý luận chủ trì).

Các ban xung quanh Trung ương, các cơ quan và đoàn thể được phân công cần nghiên cứu kỹ các biện pháp nói trên để sớm vạch kế hoạch chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt nhằm thực hiện tốt những điều Đảng ta và các đảng anh em đã thoả thuận.

2. Ban Bí thư giao trách nhiệm cho Ban Đối ngoại cùng Ban Tuyên huấn đứng ra phối hợp và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Bí thư Trung ương các đảng anh em và báo cáo với Trung ương kết quả việc thực hiện.

T/M Ban Bí thư

Tố hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Chỉ thị của Ban Bí thư

Số 72-CT/TW, ngày 5 tháng 8 năm 1979

Về việc tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng

Từ năm 1970 đến nay, thi hành Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị¹⁾ và các nghị quyết, chỉ thị khác của Trung ương về xây dựng Đảng, các cấp uỷ Đảng đã có những cố gắng củng cố và phát triển một bước đội ngũ đảng viên, cải tiến sinh hoạt của các chi bộ, đảng bộ cơ sở, giáo dục, rèn luyện đảng viên. Công tác phát triển Đảng đã chú trọng hơn về chất lượng; việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng cũng được đẩy mạnh hơn.

Những năm qua, cách mạng nước ta không ngừng tiến tới và giành được những thắng lợi vĩ đại, chứng tỏ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta và phẩm chất tốt đẹp, năng lực chiến đấu của đội ngũ của Đảng. Qua các phong trào cách mạng, rất nhiều cán bộ, đảng viên trưởng thành, hàng chục vạn quần chúng ưu tú xuất hiện. Tuy nhiên, trong việc phát triển và sàng lọc đội ngũ của Đảng, bên cạnh mặt tích cực, tiến bộ còn có những khuyết điểm, lệch lạc.

Có tình trạng trì trệ trong công tác phát triển và củng cố, nâng cao chất lượng của Đảng ở nhiều đảng bộ địa phương.

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 31, tr.129 (B.T).

Nhiều tổ chức cơ sở Đảng trong nhiều năm không chú ý chọn lọc, bồi dưỡng giáo dục những người tích cực trong phong trào cách mạng để kết nạp họ vào Đảng; không kiên quyết đấu tranh chống các mặt tiêu cực trong Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Những thiếu sót ấy làm cho đội ngũ của Đảng chậm tăng sức chiến đấu mới và bộc lộ nhiều nhược điểm; cơ sở Đảng chưa đều khắp, còn nhiều ấp, xí nghiệp, đơn vị vũ trang, trường học v.v., nhất là ở miền Nam, miền núi, chưa có chi bộ Đảng. Nhiều đảng viên chưa gắn chặt với quần chúng trong sản xuất, chiến đấu, hoạt động ở cơ sở. Tuổi đời bình quân của đảng viên quá cao, tính năng động và tính kế thừa của đội ngũ Đảng bị hạn chế. Một bộ phận đảng viên chưa thật sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nặng tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, sợ gian khổ, hy sinh, tự tư tự lợi, thậm chí tham ô, lãng phí, thoái hoá biến chất; một bộ phận khác lớn hơn kém ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm, thấy sai không đấu tranh, thấy đúng không bảo vệ, không gương mẫu chấp hành chính sách, làm nghĩa vụ công dân, không hăng hái xung phong công tác, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động cho nên không được quần chúng tín nhiệm. Tổ chức Đảng ở một số nơi còn những người chưa trong sạch về chính trị. *Nguyên nhân* của những thiếu sót ấy là:

- Sự chỉ đạo của các cấp từ trên xuống dưới đối với công tác xây dựng Đảng thiếu chặt chẽ và toàn diện, chưa gắn chặt với việc thực hiện những nhiệm vụ chính của đảng bộ, không tích cực sửa chữa những khuyết điểm và

kịp thời ngăn chặn những lệch lạc phát sinh. Nhiều cấp uỷ Đảng, trước hết là các đồng chí bí thư, chưa đích thân chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, thiếu chương trình hành động và tổ chức chặt chẽ để thực hiện công tác ấy.

- Tinh thần trách nhiệm của nhiều cán bộ, đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng còn kém. Việc huấn luyện cho cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng Đảng tuy có cố gắng, song chất lượng chưa cao, chưa chú ý phổ biến kinh nghiệm của những đảng bộ tốt, chưa kiên quyết đấu tranh, phê phán sâu sắc để khắc phục những mặt tiêu cực trong Đảng.

- Trong công tác phát triển Đảng, còn những nhận thức không đúng về tiêu chuẩn đảng viên, còn nhiều thành kiến hẹp hòi, nhất là đối với thanh niên, phụ nữ; không chú ý kết nạp những người ưu tú, trung thực, thẳng thắn trong sản xuất, chiến đấu, công tác, thậm chí còn những hiện tượng kết nạp người vào Đảng theo lối cảm tình, ban ơn, kéo vây cánh, coi như vào Đảng để có đặc quyền, đặc lợi. Mặt khác, ở không ít đảng bộ, lại có tình trạng lỏng lẻo, thiếu cảnh giác đối với kẻ địch. Trong việc khắc phục các mặt tiêu cực trong Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, thiếu nghiêm khắc trước hết đối với những cán bộ lãnh đạo phạm sai lầm.

- Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng ở nhiều nơi chưa tốt, chưa chặt chẽ. Nhiều đảng bộ chưa nghiêm chỉnh thực hiện chế độ quần chúng tham gia xây dựng Đảng như Trung ương đã quy định. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công đoàn chưa củng cố tốt tổ chức của mình và chưa làm tốt trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng. Công tác vận động quần chúng của đảng

viên quá yếu, nhiều đảng viên không biết làm công tác tuyên truyền Đảng trong quần chúng.

- Các ban tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra có trách nhiệm lớn đối với công tác xây dựng Đảng chưa được kiện toàn, chưa phối hợp hoạt động chặt chẽ; cấp uỷ và các ban, đảng đoàn chưa đi sâu đi sát các cơ sở Đảng, nhất là ở những nơi tổ chức Đảng còn yếu kém; nhiều cấp uỷ, đảng uỷ cơ sở còn yếu, cốt cán chưa được bố trí đúng, thậm chí còn những người kém phẩm chất và năng lực giữ những cương vị quan trọng trong các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng; chưa coi trọng kiểm tra công tác xây dựng Đảng của các đảng bộ. Một số hướng dẫn về thủ tục kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đối với đảng viên còn phiền phức, cũng trở ngại cho việc phát triển và củng cố Đảng.

Để đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh theo Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và ra sức khắc phục những thiếu sót trên đây, tổ chức Đảng ở các cấp, các ngành và đơn vị cơ sở phải làm tốt các việc sau đây:

1. Việc phát triển và củng cố đội ngũ của Đảng trong thời gian tới phải nhằm mục tiêu "*phấn đấu đến hết năm 1980 tất cả các cơ sở đều có chi bộ trong sạch, vững mạnh*" như nghị quyết của Bộ Chính trị đã nêu. Để đạt mục tiêu đó, một mặt phải *tăng cường công tác phát triển Đảng*, đạt cả hai yêu cầu về chất lượng và số lượng; mặt khác phải *sớm hoàn thành việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng* và làm chuyển biến số đảng viên trình độ giác ngộ chính trị thấp, kém tiên phong gương mẫu. Những việc đó phải được tiến hành song song với việc nâng cao chất lượng đảng viên, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, gắn liền với

việc xây dựng tổ chức chính quyền và tổ chức quần chúng như đã nêu trong chỉ thị của Ban Bí thư về việc mở Đại hội Đảng ở ba cấp.

2. Căn cứ vào những yêu cầu trên, các cấp uỷ Đảng phải *đánh giá lại đội ngũ đảng viên* của đảng bộ mình cả về chất lượng và số lượng, tìm ra nguyên nhân cụ thể và theo đúng phương hướng, tư tưởng chỉ đạo sau đây để xây dựng *quy hoạch, kế hoạch, biện pháp* phát triển và củng cố đội ngũ đảng viên, kiện toàn cơ sở Đảng:

a) Công tác phát triển Đảng phải coi trọng kết nạp *những người ưu tú nhất* trong công nhân, trong nông dân tập thể, chiến sĩ quân đội và an ninh, trí thức xã hội chủ nghĩa. Phải qua việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng mà lựa chọn, bồi dưỡng những người tích cực trong kháng chiến, trong các phong trào cách mạng. Đặc biệt quan tâm phát triển Đảng ở miền Nam, miền núi. Phấn đấu hạ thấp tuổi đời bình quân của đảng viên, tăng tỷ lệ thành phần công nhân, nữ, người dân tộc trong Đảng.

Từng đơn vị cơ sở cần chú trọng phát triển Đảng ở các tổ chức *trực tiếp sản xuất, chiến đấu, công tác*.

ở các xã, ấp miền Nam, miền núi cần tích cực lựa chọn những đoàn viên thanh niên ưu tú, những cốt cán trong quần chúng để bồi dưỡng, phấn đấu để tất cả các thôn, ấp, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đều có chi bộ hoặc tổ đảng, ở các xí nghiệp, trường học, bệnh viện, v.v. thì các phân xưởng, tổ đội sản xuất, các khoa, bộ môn đều có chi bộ, tổ đảng; trường hợp có khó khăn cũng phải có đảng viên.

Phải *kết nạp vào Đảng phần lớn là những thanh niên ưu tú nhất*, đặc biệt chú trọng công nhân kỹ thuật ở các xí nghiệp, xã viên ở các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất,

chiến sĩ các lực lượng vũ trang, trí thức xã hội chủ nghĩa, có đủ tiêu chuẩn (kể cả học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật đã qua rèn luyện trong chiến đấu, sản xuất và học tập, công tác của đoàn, công tác xã hội...) từ 18 đến 30 tuổi; nhưng không vì vậy mà không kết nạp những người lao động ưu tú tuổi cao hơn, đã qua thử thách trong chiến đấu, sản xuất và công tác thực tế, xét có đủ tiêu chuẩn.

Các cấp, nhất là các đảng uỷ cơ sở, các huyện uỷ phải hướng dẫn cho các chi bộ dựa vào ý kiến của quần chúng cách mạng mà phát hiện, soát xét những đối tượng cần bồi dưỡng để phát triển Đảng một cách *tích cực và vững chắc*, gồm những người lý lịch rõ ràng, không phạm tiêu chuẩn về lịch sử chính trị đã được Ban Bí thư quy định, qua rèn luyện thử thách đã tỏ ra có tinh thần đấu tranh cách mạng kiên quyết và bền bỉ, có khả năng hoàn thành nhiệm vụ, tin tưởng tuyệt đối ở Đảng, ở chế độ, được quần chúng tin yêu.

Đảng uỷ cơ sở hoặc huyện uỷ phải có kế hoạch bồi dưỡng cho những đối tượng ấy về lý tưởng cộng sản và đường lối cách mạng, về tư cách và nhiệm vụ của đảng viên, và kết nạp những người có đủ điều kiện, theo đúng thủ tục như đã quy định trong Điều lệ Đảng.

Khắc phục tình trạng *hẹp hòi, biệt phái*, nhưng phải bảo đảm *chất lượng* trong việc phát triển Đảng, không được chạy theo số lượng, hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên.

b) Về việc *đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng*, phải tiếp tục thi hành Thông tri 22 của Ban Bí thư, để hoàn thành vào cuối năm 1979, nhằm vào ba loại đối tượng mà Nghị quyết 10-NQ/TW của Trung ương đã chỉ rõ.

Trong tình hình mới cần kịp thời thanh thải những người đã mất ý chí chiến đấu, bỏ nhiệm vụ, thoái hoá biến chất. Đối với đảng viên người Hoa, ngoài diện đã nêu trong Chỉ thị 53-CT/TW, phải đưa ra khỏi Đảng những người không tỏ rõ thái độ và không tích cực đấu tranh chống bọn phản động...

Chú trọng khắc phục tình trạng vô trách nhiệm, sợ thù oán, không dám kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, nhất là đối với những cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành phạm sai lầm. Đặc biệt chú ý những tổ chức Đảng yếu kém ở những cơ sở quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giáo dục, v.v..

Để làm tốt công tác phát triển và củng cố Đảng, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, trước hết phải khắc phục những hiện tượng tiêu cực và những khuyết điểm chính của các cấp uỷ Đảng. Nếu cần thiết, phải kiên quyết thay đổi những cán bộ lãnh đạo chủ chốt phạm sai lầm, để công tác xây dựng Đảng tiến hành được thuận lợi.

3. *Đề cao trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng đối với công tác xây dựng Đảng*. Các cấp uỷ phải coi công tác này là nhiệm vụ hàng đầu có tầm quan trọng quyết định đối với mọi thắng lợi của cách mạng.

Từ nay, đối với cấp tỉnh, thành ít nhất sáu tháng một lần, đối với cấp huyện, quận ít nhất ba tháng một lần, ban thường vụ cấp uỷ phải bàn chuyên đề về xây dựng Đảng, đánh giá đúng tình hình, để có chủ trương, biện pháp chỉ đạo cụ thể và báo cáo lên cấp trên và Trung ương. Định rõ chế độ

phối hợp giữa các ban về công tác xây dựng Đảng, giữa các ban tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra, dân vận với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ trong việc giáo dục đoàn viên và công nhân, thanh niên, phụ nữ.

Đại hội Đảng các cấp đang tiến hành phải có quyết định rõ về kế hoạch xây dựng Đảng của đảng bộ và kiện toàn cấp uỷ, bố trí cán bộ lãnh đạo theo nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc kháng chiến chống quân... xâm lược và Chỉ thị 55-CT/TW của Ban Bí thư¹⁾. Các đồng chí bí thư và các đồng chí phụ trách tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra phải có ý thức và năng lực về xây dựng Đảng, có tính đảng cao, kiên quyết đấu tranh chống các mặt tiêu cực trong Đảng.

4. Thực hiện tốt chế độ, nền nếp quần chúng tham gia xây dựng Đảng

Nghiêm túc thi hành chế độ quần chúng tham gia xây dựng Đảng; *sáu tháng một lần và khi có đợt vận động lớn*, các đảng uỷ phải tổ chức cho quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên, phát biểu ý kiến của mình với Đảng và tổ chức Đảng phải *tự phê bình nghiêm túc trước quần chúng*.

Sáu tháng một lần và sau các đợt công tác lớn, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Phụ nữ ở cơ sở phải báo cáo với đảng uỷ, chi

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 39, tr.441 (B.T).

uỷ danh sách những quần chúng ưu tú đề nghị bồi dưỡng, xem xét để kết nạp vào Đảng.

Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đảng đoàn các đoàn thể Công đoàn, Phụ nữ cần chỉ đạo tốt sinh hoạt của tổ chức mình ở cơ sở và hướng dẫn việc thực hiện chế độ quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Đoàn thanh niên cần tăng cường giáo dục cho đoàn viên về lý tưởng cộng sản, về Đảng và gây ý thức cho đoàn viên rèn luyện để trở thành đảng viên.

5. Giáo dục một cách sâu sắc cho mọi cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng Đảng

Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu bổ sung chương trình huấn luyện cho cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, tại trường và tại chức về công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt chú trọng huấn luyện về công tác Đảng cho các đồng chí bí thư, các đồng chí phụ trách tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra của các cấp uỷ Đảng.

Tất cả đảng viên dự bị phải được bồi dưỡng ngay theo chương trình cơ sở.

6. Trước mắt, tổ chức *một đợt sinh hoạt* đặc biệt trong các cấp uỷ Đảng, các đảng bộ và chi bộ để thi hành Chỉ thị này.

Bắt đầu từ tháng 5-1979, nhân dịp kỷ niệm ngày sinh của Hồ Chủ tịch, *tiến hành trong toàn Đảng một đợt tự phê bình và phê bình* để kiểm tra tư cách cán bộ, đảng viên. Mỗi cấp uỷ viên báo cáo trước cấp uỷ, mỗi đảng viên báo cáo trước chi bộ về những ưu điểm, khuyết điểm của mình bằng một bản tự kiểm điểm trên các mặt sau đây, để tập thể góp ý kiến:

1. ý thức trách nhiệm và kỷ luật trong việc chấp hành các nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, chống

thối lười biếng, sợ gian khổ hy sinh, quan liêu, vô trách nhiệm, vô kỷ luật.

2. Chấp hành và giáo dục con, em làm nghĩa vụ quân sự, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở nơi có chiến sự, thực hiện quốc phòng toàn dân.

3. Chấp hành các chính sách và giáo dục gia đình tham gia các hình thức cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp.

4. Làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, nhất là đóng thuế và bán lương thực.

5. Bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, của dân; chống tệ chiếm của công làm của riêng, ăn cắp, hối lộ, móc ngoặc, làm ăn phi pháp.

6. Tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, chống thói của quyền, ức hiếp quần chúng.

7. Chăm lo đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của quần chúng.

8. Cảnh giác cách mạng, chống mọi biểu hiện lỏng lẻo, tiêu cực trước những hành động của địch phá hoại an ninh chính trị và trật tự xã hội.

9. Đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, chống mọi biểu hiện chia rẽ, bè phái, cục bộ, địa phương.

10. Giữ gìn lối sống trong sạch, lành mạnh, chống mọi biểu hiện trụy lạc, bê tha trong sinh hoạt.

Cần biểu dương đầy đủ những mặt tốt, đồng thời phê phán nghiêm minh những khuyết điểm với thái độ chân thành, đồng chí và có biện pháp sửa chữa tích cực; kịp thời bổ sung, xây dựng các chế độ công tác, chế độ quản lý. Những trường hợp phạm sai lầm nghiêm trọng thì tùy theo mức độ, tính chất của sai lầm và thái độ thành

thật tiếp thu phê bình và sửa chữa mà xử trí thích đáng.

Đợt tự phê bình và phê bình này cần làm *trước khi tiến hành đại hội đảng bộ ở mỗi cấp* và phải được các cấp ủy Đảng lãnh đạo chặt chẽ. Những nơi đã tiến hành đại hội đảng rồi thì căn cứ vào những điểm trên đây mà kiểm tra lại tư cách cán bộ, đảng viên.

Đối với những cấp uỷ và đảng bộ cơ sở *yếu kém*, cán bộ cốt cán không gương mẫu, không trung thực, thậm chí gây trở ngại lớn thì *cấp uỷ trên phải cử cán bộ tốt đến chỉ đạo chặt chẽ*, nếu cần thì kịp thời điều chỉnh cán bộ để bảo đảm thực hiện tốt đợt tự phê bình và phê bình này.

Trên cơ sở làm tốt tự phê bình trong Đảng, các đảng viên ở cơ sở công khai tự phê bình và nhận sự phê bình của quần chúng. Các bản tự phê bình cá nhân sau khi được tổ chức Đảng thông qua cần được gửi lên cấp trên để theo dõi việc sửa chữa khuyết điểm.

7. Cải tiến sinh hoạt Đảng ở các cấp và tăng cường quản lý đảng viên

Từ nay *ba tháng một lần*, các cấp uỷ và đảng bộ cơ sở phải tự phê bình và phê bình về công tác xây dựng Đảng và về nội dung 10 điểm đã nêu trên. Mỗi đảng viên ở cơ sở phải được phân công cụ thể làm công tác vận động quần chúng, lúc bình thường cũng như khi có chiến đấu; phải phân công đảng viên vào các tổ chức trực tiếp sản xuất, chiến đấu.

Sáu tháng một lần, chi uỷ hoặc chi bộ nhận xét đảng viên, vừa biểu dương mặt tốt, vừa phê phán và thi hành kỷ luật cần thiết đối với những trường hợp không làm công tác xây dựng Đảng, hoặc làm sai nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Công tác kết nạp đảng viên, đưa người không đủ tư cách

đảng viên ra khỏi Đảng cần được tiến hành thường xuyên gắn liền với quản lý đảng viên qua các phong trào quần chúng ở cơ sở.

Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu gấp để cải tiến một số thủ tục về kết nạp đảng viên. Những đảng bộ cơ sở có 300 đảng viên chính thức và dự bị, có thành lập Đảng uỷ bộ phận, thì được quyền chuẩn y kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đảng viên như các huyện uỷ.

Chỉ thị này cần được phổ biến, thảo luận và *tất cả các cấp uỷ và các đảng bộ, chi bộ cơ sở*. Các tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc trung ương phải có kế hoạch, biện pháp phát triển và củng cố Đảng *từ nay đến năm 1980* và báo cáo về Ban Bí thư trước tháng 7 năm 1979.

Quân uỷ Trung ương chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này trong đảng bộ quân đội cho phù hợp với tình hình hoạt động của các lực lượng vũ trang.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Báo cáo
của Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV) tại Hội
ngị lần thứ sáu*

Về tình hình và nhiệm vụ, phương hướng
phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng
và công nghiệp địa phương

Tháng 8 năm 1979

Phần I

Tình hình công nghiệp hàng tiêu dùng
và công nghiệp địa phương hiện nay

1. Tình hình công nghiệp hàng tiêu dùng

Từ năm 1955 đến năm 1965, trải qua 10 năm hoà bình ở miền Bắc, chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu quan trọng cho các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng.

Từ năm 1965 đến năm 1972, chiến tranh phá hoại đã gây tổn thất lớn cho nhiều cơ sở sản xuất. Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu năm 1972 giảm sút nghiêm trọng so với năm 1965. Từ năm 1973 đến năm 1975, chúng ta đã đạt được một số kết quả trong việc khôi phục sản xuất.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta tiếp quản thêm được một năng lực công nghiệp hàng tiêu dùng đáng kể ở miền Nam, nhất là các ngành dệt, may, sành sứ, thuỷ tinh, nhựa, kim khí tiêu dùng, đường, sữa, mì chính, bia, nước giải khát, thuốc lá, v.v..

* Hợp từ ngày 15-8 đến ngày 23-8-1979 (B.T).

Năm 1978, giá trị tổng sản lượng công nghiệp hàng tiêu dùng cả nước đạt gần 5.900 triệu đồng, chiếm hơn 60% tổng giá trị sản lượng công nghiệp. Trong đó các tỉnh miền Bắc gần 50%, miền Nam hơn 50%, công nghiệp trung ương gần 40%, công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp hơn 60%.

Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu ước đạt như sau:

- Cá biển	: 53 vạn tấn,
- Đường mật	: 12 vạn tấn,
- Chè	: 17.000 tấn,
- Bia + nước giải khát	: 100 triệu lít,
- Rau quả hộp + đông lạnh	: 2 vạn tấn,
- Dầu thực vật	: 11.000 tấn,
- Vải lụa	: 330 triệu mét
- Quần áo dệt kim	: 23 triệu cái
- Giấy các loại	: 7,2 vạn tấn
- Sứ dân dụng	: 170 triệu cái
- Xe đạp	: 19 vạn cái
- Xà phòng + bột giặt	: 3 vạn tấn.

Sản xuất hàng tiêu dùng hiện nay nói chung có tăng hơn trước, nhưng tăng chậm, trong khi đó dân số lại tăng nhanh nên mức sản xuất một số sản phẩm chủ yếu tính theo bình quân đầu người năm 1978 so với năm 1965 tăng không đáng kể.

	1965 (miền Bắc)	1978 (cả nước)
- Cá biển	5,1 kg	10,0
- Vải lụa	5,9 mét	6,4
- Giấy	1,31 kg	1,33
- Sứ dân dụng	2,93 cái	2,8
- Đường mật	2,3 kg	1,5

Về xuất khẩu: năm 1978, giá trị xuất khẩu hàng tiêu dùng chiếm khoảng 15% trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp hàng tiêu dùng. Kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 230 triệu rúp và đôla, chiếm hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu, theo cơ cấu như sau:

	Triệu R	%
<i>Toàn bộ</i>	230	100
- Hải sản	17	7,4
- Thực phẩm	40	17,4
- Dệt da may mặc	120	52,2
- Hàng thêu và mỹ nghệ	22	9,6
- Mây tre đan	13	5,6
- Hàng khác	18	7,8

2. Tình hình công nghiệp địa phương

Thực hiện đường lối vừa xây dựng công nghiệp Trung ương, vừa phát triển công nghiệp địa phương, qua các thời kỳ khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã luôn luôn chú ý phát triển công nghiệp địa phương. Hai mươi một năm qua (1955-1975), ở miền Bắc, Nhà nước đã đầu tư cho công nghiệp địa phương 1.200 triệu đồng, chiếm 18% vốn đầu tư vào công nghiệp và 26% vốn đầu tư vào kinh tế địa phương. Ngoài ra Nhà nước còn cho các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề cá, nghề muối vay 350 triệu đồng, bằng 29% vốn đầu tư vào công nghiệp địa phương.

Năm 1978, công nghiệp địa phương đã sản xuất được 4.900 triệu đồng giá trị sản lượng, chiếm khoảng 52% giá trị sản lượng công nghiệp, trong đó miền Bắc 55%, miền Nam 45%, nhóm A 26%, nhóm B 74%, quốc doanh 40%, tiểu thủ công nghiệp 60%. Tiểu, thủ công nghiệp đã sản xuất gần

3.000 triệu đồng, chiếm gần 1/3 giá trị sản lượng công nghiệp và gần 2/3 giá trị sản lượng công nghiệp địa phương.

Nói chung, công nghiệp địa phương đã góp phần tích cực vào việc phục vụ đời sống, sản xuất và chiến đấu ở các địa phương và phát huy vai trò hậu cần tại chỗ trong thời chiến. Công nghiệp địa phương cũng đã làm được nhiệm vụ hỗ trợ cho công nghiệp trung ương. Có nhiều sản phẩm quan trọng, công nghiệp địa phương đã sản xuất toàn bộ hoặc 70-90% như cá, muối, gỗ, vải màn, tơ tằm, chiếu cói, nông cụ thường và cải tiến, vôi gạch ngói, đá, cát, sỏi...

Tuy nhiên, việc phát triển công nghiệp địa phương vừa qua có hai khuyết điểm đáng chú ý:

- Chưa sớm xác định được cơ cấu và quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương hợp lý, nên có lúc đã xảy ra tình trạng trùng lặp giữa các địa phương, dẫm đạp giữa công nghiệp địa phương với công nghiệp trung ương, giữa quốc doanh với hợp tác xã. Đáng chú ý là các tỉnh miền núi có vị trí kinh tế và quốc phòng quan trọng và có những đặc điểm khác với miền xuôi, nhưng chúng ta chưa coi trọng phát triển công nghiệp địa phương ở đây nhằm góp phần đưa miền núi nhanh chóng tiến kịp miền xuôi và củng cố biên giới của Tổ quốc.

- Sản xuất của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển chậm và chưa ổn định. Cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã còn nghèo nàn. Năng suất lao động còn quá thấp. Quan hệ sản xuất chưa thực sự được củng cố. Đông đảo thợ thủ công chưa thật an tâm phấn khởi sản xuất, chưa gắn bó với hợp tác xã, do chính sách chế độ còn nhiều chỗ chưa hợp lý, còn phân biệt đối xử đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

3. Một số nhận xét và nguyên nhân

Một thành tựu lớn của ta là đến nay đã bước đầu hình thành một hệ thống công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương bao gồm gần 200 xí nghiệp trung ương, 1.700 xí nghiệp địa phương và trên 3.000 hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp. Công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương đã sản xuất được nhiều mặt hàng thông thường phục vụ đời sống, sản xuất, chiến đấu và xuất khẩu, góp phần tích cực vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, tình hình sản xuất còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm.

- *Sản xuất phát triển chậm* so với nhu cầu và khả năng. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm từ năm 1960-1975 ở miền Bắc cũng như từ 1976-1987 trong cả nước chỉ trên dưới 7%. Nhiều loại hàng hiện nay đang rất căng thẳng, nghèo nàn, ít được cải tiến, một số loại có khuynh hướng teo dần; nhiều mặt hàng tiêu dùng thông thường có khả năng đáp ứng được, nhưng vẫn thiếu như hàng sành sứ, thủy tinh, hàng gỗ, mây tre, cói, hàng kim khí thông dụng, học cụ, đồ chơi trẻ em, v.v.. Chất lượng hàng hoá nhiều loại còn xấu, giá thành sản phẩm có xu hướng tăng lên, hiệu quả kinh tế thấp.

- *Hàng xuất khẩu còn ít*, tỷ trọng hàng xuất khẩu còn thấp so với sản xuất (15%), kim ngạch xuất khẩu tuy có tăng so với trước nhưng chỉ mới cân đối được phần nhập nguyên liệu cho bản thân công nghiệp hàng tiêu dùng, chưa kể thiết bị và phụ tùng. Chưa xây dựng được những mặt hàng chủ lực từ nguyên liệu trong nước nhằm phát huy thế mạnh về tài nguyên, đất đai và lao động của ta. Chất lượng nhiều hàng xuất khẩu không

theo kịp yêu cầu và thị hiếu của khách hàng. Hiệu quả kinh tế còn thấp.

Về nguyên nhân:

Chúng ta có một số khó khăn khách quan như:

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật chung của nền kinh tế quốc dân còn thấp, nhiều mặt không cân đối, phát triển không đồng bộ, công nghiệp nặng còn nhỏ bé, chưa cung cấp được nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp địa phương phát triển. Nông nghiệp còn nhiều khó khăn đang còn phải tập trung giải quyết vấn đề lương thực nên việc phát triển cây công nghiệp bị hạn chế. Đến nay diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả trong cả nước mới có hơn 60 vạn ha, chiếm 8-9% diện tích gieo trồng, và trồng còn phân tán chưa thành vùng tập trung chuyên canh, năng suất thấp.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương tuy đã phát triển được một bước nhưng còn nhiều nhược điểm. Ở miền Bắc, một số nhà máy kỹ thuật, công nghệ còn lạc hậu, thiết bị cũ kỹ, hư hỏng, thiếu phụ tùng thay thế. Ở miền Nam, tuy có một số xí nghiệp hiện đại, nhưng nhiều cơ sở không cân đối giữa khâu đầu và khâu cuối, như giữa sợi và dệt, giữa nấu bột và xeo giấy, giữa ép và tinh luyện dầu v.v.; nguyên liệu, phụ tùng hầu hết dựa vào nước ngoài. Do đó nói chung trong cả nước mới sử dụng khoảng 50-60% công suất thiết bị hiện có.

- Chiến tranh đã để lại những hậu quả nặng nề, nhiều nhà máy đến nay chưa khôi phục xong, công tác quản lý bị buông lỏng trong một thời gian dài, chưa được củng cố.

Nhưng về mặt chủ quan, là do những nguyên nhân sau đây:

- Về lãnh đạo và chỉ đạo, nắm không vững và thực hiện không tốt đường lối của Đảng về xây dựng kinh tế và phát triển hàng tiêu dùng, biểu hiện rõ nhất ở tất cả các cấp, các ngành là coi nhẹ công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, đặc biệt là coi nhẹ tiểu, thủ công nghiệp, thiếu ý thức vươn lên để tự sản xuất lấy hàng tiêu dùng, thường còn ỷ lại vào trung ương, ỷ lại vào viện trợ không muốn dùng hàng của địa phương, chưa thấy rõ vai trò của công nghiệp địa phương trong việc sản xuất hàng tiêu dùng, chưa kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Công nghiệp nặng chưa phục vụ sát yêu cầu của công nghiệp nhẹ về nguyên liệu, năng lượng và thiết bị phụ tùng. Cải tạo không đi liền với xây dựng và tổ chức lại sản xuất.

- Tổ chức sản xuất còn rời rạc, không thành một hệ thống thông suốt từ khâu sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, từ Trung ương đến cơ sở, từ chủ trương kế hoạch đến tổ chức thực hiện. Công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều địa phương. Muốn sản xuất một sản phẩm phải giải quyết đồng bộ từ khâu quy vùng nguyên liệu, đến khâu sản xuất chế biến, phân phối tiêu thụ, từ khâu kế hoạch đến các biện pháp chính sách và quản lý. Nhưng giữa các ngành, (nhất là giữa công nghiệp và nông nghiệp) giữa trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cơ sở chưa thật hiểu các vấn đề của nhau, chưa đứng trên quan điểm toàn cục và lợi ích kinh tế chung mà thực hiện sự phân công và hợp tác xã hội chủ nghĩa để giải quyết đồng bộ, triệt để các vấn đề. Trái lại còn có nhiều hiện tượng bản vị, cục bộ

địa phương chủ nghĩa, gây cản trở lẫn nhau. Việc chỉ đạo từ trên xuống dưới thiếu tập trung vào những khâu quan trọng nhất, không giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách nhất, để kéo dài từ năm này sang năm khác.

- Nguyên liệu là vấn đề sống còn của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, nhưng chưa được đặt vấn đề đúng mức, và chưa giải quyết đến nơi, đến chốn. Đầu tư quy hoạch xây dựng công nghiệp không đồng bộ, lo xây dựng nhà máy nhưng thường không lo xây dựng cơ sở nguyên liệu, chưa kết hợp chặt chẽ quy hoạch phát triển, phân bố công nghiệp với quy hoạch phát triển phân bố nông, lâm nghiệp. Việc quy hoạch các vùng nguyên liệu nông sản đặt ra từ lâu nhưng đến nay vẫn chưa hình thành được vùng tập trung chuyên canh nào rõ rệt. Lẽ ra phải tăng cường đầu tư có trọng điểm, tập trung sức tạo ra nguồn nguyên liệu đi trước một bước so với việc xây dựng xí nghiệp chế biến. Vấn đề sợi hoá học cho công nghiệp dệt đặt ra từ năm 1963 nhưng gần đây mới đi vào làm báo cáo kinh tế kỹ thuật. Việc thu hồi, sử dụng phế liệu phế phẩm có nhiều vướng mắc vẫn chưa được giải quyết.

- Chế độ kế hoạch hoá, quản lý sản xuất và các chính sách cụ thể có nhiều thiếu sót, chưa phản ánh đúng tình hình nước ta đang trong quá trình đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, kế hoạch thường không xuất phát từ thực tiễn, còn tập trung quan liêu, chưa kết hợp được kế hoạch với thị trường. Chính sách cụ thể thì gò bó, cứng nhắc không khuyến khích sản xuất phát triển. Các chính sách đúng không được thi hành nghiêm

chỉnh, nhiều chính sách không hợp lý hoặc lạc hậu rồi không được sửa đổi bổ sung kịp thời.

Phương thức quản lý còn nặng về hành chính bao cấp, không bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, không chú ý vận dụng các quy luật kinh tế, không phản ánh đúng tình hình thực tế khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không kết hợp lợi ích xã hội, tập thể và người lao động, do đó dẫn đến tình trạng ỷ lại, làm ăn không tính toán, không chịu trách nhiệm vật chất về hiệu quả kinh tế, không đề cao được tính chủ động sáng tạo của các ngành, địa phương và cơ sở trong việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Việc phân công, phân cấp giữa các ngành trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cơ sở chưa thật hợp lý, có nhiều cái ràng buộc địa phương và cơ sở.

Nội dung kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ chưa được xác định cụ thể.

Bộ máy quản lý công kênh, quá nhiều tổ chức trung gian sinh ra kém hiệu lực. Lề lối làm việc quan liêu giấy tờ, gây phiền hà cho cấp dưới và cơ sở.

Cán bộ nói chung còn yếu - cán bộ biết quản lý kinh doanh từ trung ương đến cơ sở rất thiếu - cán bộ khoa học kỹ thuật chưa được sử dụng hợp lý. Công nhân kỹ thuật, công nhân lành nghề quá thiếu, thợ thủ công giỏi nghề không được phát huy tốt.

Trong các nguyên nhân nói trên, thì nguyên nhân bao trùm là lãnh đạo và chỉ đạo chưa nắm vững và thực hiện tốt đường lối của Đảng về phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, từ đó dẫn đến

công tác kế hoạch, đầu tư, tổ chức sản xuất, chính sách và quản lý có nhiều thiếu sót, kéo dài tình trạng thiếu những hàng tiêu dùng thông thường không đáng thiếu.

Phần II

nhiệm vụ, phương hướng mục tiêu chung về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối xây dựng kinh tế ở nước ta trong giai đoạn mới là: "... Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương thành một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất..."

Đường lối kinh tế đó của Đảng đã xác định vị trí và *chức năng của công nghiệp hàng tiêu dùng là:*

- Bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân và của quốc phòng, góp phần tăng hàng xuất khẩu và tăng tích lũy.
- Cùng với nông nghiệp, làm cơ sở cho việc "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý"; ngược lại, sự phát triển của công nghiệp nặng phải nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- Tận dụng lao động xã hội, đẩy mạnh sự phân công lao động mới, phát triển ngành nghề, tăng thêm sản phẩm cho xã hội.
- Thông qua công tác chế biến, làm tăng thêm giá trị sử dụng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Đường lối kinh tế đó cũng xác định rõ *vai trò, vị trí quan trọng của công nghiệp địa phương là:*

- Tận dụng mọi nguồn tài nguyên phân tán, và lao động dồi dào ở các địa phương sản xuất ra nhiều hàng hóa phục vụ nhu cầu phong phú đa dạng trong từng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp trung ương tập trung xây dựng những công trình lớn, sản xuất những sản phẩm quan trọng phục vụ cho nhu cầu cả nước. Đại hội Đảng đã nhấn mạnh phải phát triển mạnh kinh tế địa phương (bao gồm cả công nghiệp địa phương) làm cho mỗi tỉnh và thành phố có một cơ cấu kinh tế hợp lý, một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân, từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp theo quy hoạch chung cả nước và của tỉnh.

- Phải kết hợp ngay từ đầu và từ cơ sở giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa kinh tế và quốc phòng, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng với miền núi, góp phần làm cho kinh tế trong cả nước phát triển đồng đều, miền núi mau tiến kịp miền xuôi, nông thôn xích lại gần thành thị, thực hiện tốt chính sách liên minh công nông, chính sách dân tộc và đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân của Đảng.

Gần đây Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai, ba, bốn và năm lại nhấn mạnh thêm tính chất cấp bách và quan trọng của việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương trong tình hình mới.

Trong tình hình bình thường, việc phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương đã quan trọng. Trong tình hình chiến tranh, việc phát triển

công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương lại càng cần thiết, vì nó góp phần tích cực vào việc bảo đảm đời sống cho nhân dân, thực hiện hậu cần tại chỗ cho quân đội, phục vụ tốt chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu đánh thắng... mọi kẻ thù xâm lược.

Trước mắt đang còn nhiều khó khăn, nhưng về cơ bản và lâu dài chúng ta có những điều kiện thuận lợi và khả năng to lớn trong việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nước ta đang từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa sẽ cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu nông, lâm, hải sản cho công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Các loại nguyên liệu, khoáng sản đã được sơ bộ thăm dò và phát hiện ở nhiều nơi.

- Chúng ta có nguồn lao động dồi dào, khéo tay, có năng lực tiếp thu kỹ thuật hiện đại, thuận lợi cho việc khai thác mọi tiềm năng kinh tế, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương tuy chưa lớn nhưng đã có một số cơ sở ban đầu quan trọng (2.000 xí nghiệp, 3.000 hợp tác xã, 5.000 tổ sản xuất v.v.), với lực lượng này nếu đủ nguyên liệu và biết tận dụng cũng đã có thể sản xuất thêm 30 - 40% hàng hoá.

- Chúng ta lại có khả năng mở rộng hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế và các nước khác trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng bằng nhiều hình thức.

Vì vậy sắp tới, bất kỳ tình huống nào, hoà bình hay chiến tranh, chúng ta cũng phải ra sức phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương theo đúng đường lối kinh tế của Đảng.

- Nhiệm vụ chung là nâng cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của công nhân và lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp tốt lao động với đất đai, tài nguyên trong nước, ra sức phát triển công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương nhằm phục vụ đời sống, xuất khẩu và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, phục vụ sản xuất, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, góp phần bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Phương hướng phát triển của công nghiệp hàng tiêu dùng.

+ Để làm cơ sở cho phương hướng phát triển của công nghiệp hàng tiêu dùng, cần xác định *chính sách tiêu dùng* sau đây cho thời gian trước mắt:

a) Tiêu dùng của xã hội phải dựa trên cơ sở phát triển sản xuất trong nước, chống tư tưởng ỷ lại vào viện trợ bên ngoài.

b) Ăn no, mặc ấm, đề cao tinh thần cần kiệm, giản dị, khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, hàng trong địa phương; dành hàng tốt cho xuất khẩu.

+ Nói chung, phải *phát triển toàn diện* các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng, nhằm tạo nên một cơ cấu hoàn chỉnh. Nhưng trong từng thời kỳ, nhất là trong thời gian trước mắt cần tập trung sức phát triển trước những ngành có nhu cầu cấp bách (như chế biến lương thực, thực phẩm), làm hàng tiêu dùng với nguyên liệu tương đối dễ khai thác (như đồ gỗ, sành sứ, thủy tinh, mây tre, chiếu cói v.v.), và một số mặt hàng xuất khẩu

chủ lực (như hàng dệt may mặc, chè, dưa, cà phê, cao su, tơ tằm, tôm mực, hàng thủ công mỹ nghệ, v.v.).

+ Phải *tận dụng cả ba thành phần kinh tế*: quốc doanh, tập thể và cá thể: kết hợp các quy mô lớn, vừa, nhỏ; kỹ thuật thủ công, nửa cơ giới và cơ giới; kết hợp trung ương, địa phương (tỉnh, thành, huyện) và cơ sở.

+ Phải tận dụng mọi lực lượng *lao động* xã hội, mọi nguồn *tài nguyên* của đất nước và mọi năng lực sản xuất của các ngành kinh tế, văn hoá, quốc phòng để sản xuất hàng tiêu dùng.

+ Việc phát triển công nghiệp chế biến phải gắn rất chặt với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong một *quy hoạch thống nhất*, khắc phục nhanh những sự chồng chéo, không ăn khớp hiện nay giữa các ngành đó.

+ Kết hợp *sử dụng cơ sở cũ và xây dựng cơ sở mới*, nói chung chỉ xây dựng cơ sở mới khi đã sử dụng hết năng lực của cơ sở cũ. Kết hợp *số lượng với chất lượng*, trong từng thời kỳ, ở từng nơi, theo khả năng thực tế mà phấn đấu đạt số lượng và chất lượng, tuyệt đối không được làm bừa, làm ẩu, ảnh hưởng đến tiêu dùng xã hội, gây lãng phí nguyên liệu và tạo thói xấu về lâu dài.

+ Đẩy mạnh *hợp tác quốc tế* bằng các hình thức gia công, nhập thiết bị, nguyên liệu, xuất sản phẩm; lại nhập thiết bị, nguyên liệu, xuất sản phẩm, cứ như thế mà tiến lên.

- *Phương hướng phát triển của công nghiệp địa phương*:

+ Công nghiệp địa phương phải phát triển trong cơ cấu kinh tế địa phương, gắn chặt với các ngành kinh tế khác

của địa phương, nhất là nông nghiệp để thành cơ cấu kinh tế địa phương trên phạm vi tỉnh và huyện. Đó là cơ cấu công - nông nghiệp của tỉnh, thành phố và cơ cấu nông - công nghiệp của huyện. Mặt khác công nghiệp địa phương phải phát triển gắn chặt với công nghiệp trung ương trong nền kinh tế quốc dân thống nhất, hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật cả nước.

+ Trong phạm vi từng địa phương, công nghiệp địa phương sẽ cố gắng đến mức cao nhất để tận dụng mọi khả năng, đáp ứng nhiều nhu cầu, nhất là nhu cầu của đời sống, nhưng không phải vì thế mà phát triển tất cả các ngành và tất cả các loại hàng theo hướng "khép kín", tự túc, tự cấp, trái lại cần có sự phân công hợp tác hợp lý giữa các địa phương, giữa các tỉnh và thành phố nhằm phát huy thế mạnh về tài nguyên, lao động, kỹ thuật của từng địa phương nhằm đạt hiệu quả kinh tế chung cao nhất.

+ Sự phát triển của công nghiệp địa phương phải dựa trên cơ sở phát triển kinh tế và phân công lao động ở địa phương, và trên cơ sở các nguồn tài nguyên và nguồn vốn tích lũy của địa phương (trung ương chỉ cấp phát cho các địa phương một số vốn ban đầu và giúp đỡ các mặt cần thiết).

+ Công nghiệp địa phương bao gồm hai ngành: sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất tư liệu sản xuất với cơ cấu hợp lý tùy theo đặc điểm của từng địa phương, nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và đời sống của nhân dân địa phương, đồng thời đóng góp chung cho cả nước và xuất khẩu.

+ Phải phát triển công nghiệp địa phương khắp trong nước, và chú trọng phát triển ở các tỉnh miền Nam, các

tỉnh miền núi và biên giới phía bắc. Đặc biệt phải dành sự chú ý ưu tiên cho Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, vì đó là hai trung tâm kinh tế quan trọng, là hai thành phố công nghiệp lớn, có nhiều khả năng kỹ thuật và công nhân lành nghề, có nhiều lao động đang cần phải giải quyết việc làm. Vì vậy hai thành phố lớn này phải vươn lên đúng chức năng của mình, đồng thời các tỉnh, các vùng kinh tế chung quanh và trong cả nước phải quan tâm đến việc cung cấp nguyên liệu, trao đổi sản phẩm và hợp tác kỹ thuật, vì lợi ích kinh tế chung, chống thái độ bản vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tách rời địa phương mình với nền kinh tế chung, không được giữ nguyên liệu cho địa phương mình để tự sản xuất ra hàng hoá không có hiệu quả kinh tế, và kỹ thuật không tiến bộ.

Mục tiêu phấn đấu trước mắt từ nay đến năm 1985 của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

+ *Về sản xuất hàng tiêu dùng.*

- Về ăn, phải bảo đảm đủ khẩu phần lương thực, trong đó có màu được chế biến tốt; tăng chất đạm thực vật và động vật; đủ nước giải khát cho người lao động.
- Về mặc, bảo đảm tiêu chuẩn vải từ 4 đến 5 mét một người, đáp ứng đủ nhu cầu về chiếu, chăn, màn, dép, mũ, nón làm bằng nguyên liệu trong nước.
- Về ở và đồ dùng trong nhà, đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng của từng địa phương để giải quyết nhà ở cho nhân dân; bảo đảm cung ứng các đồ dùng thiết yếu làm bằng nguyên liệu trong nước: đồ sành sứ, thủy tinh, đồ gỗ thông dụng; cố gắng sản xuất đáp ứng một phần

nhu cầu về quạt điện, đồng hồ để bàn, máy thu thanh, v.v..

- Về đi lại, tăng thêm phương tiện đi lại công cộng ở các thành phố, khu công nghiệp; đẩy mạnh sản xuất xe đạp, nhất là phụ tùng để bán bình thường cho nhân dân.
- Về văn hoá, giáo dục, bảo đảm các đồ dùng học tập thông thường cho học sinh các trường phổ thông và đại học; cố gắng bảo đảm giấy viết, các phương tiện giảng dạy, thí nghiệm của các trường cấp III và trường dạy nghề đáp ứng một phần quan trọng dụng cụ về thể dục, thể thao.

Cố gắng hết sức để có đủ đồ chơi thông thường cho các cháu bé.

- Về y tế, đẩy mạnh việc trồng cây thuốc, sản xuất dược liệu và chế biến thuốc, bảo đảm đủ thuốc chữa các chứng bệnh thông thường và một số thuốc bổ cho nhân dân; tăng trong chừng mực có thể thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, thuốc bổ chế biến bằng nguyên liệu nhập.

+ *Về sản xuất tư liệu sản xuất*, bảo đảm nhu cầu của địa phương về:

- Công cụ lao động và một số máy móc, thiết bị thông thường.
 - Vật liệu xây dựng chủ yếu là vật liệu thông thường.
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị của kinh tế địa phương.
- + *Về xuất khẩu*, phải đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu để ít nhất bảo đảm nhập đủ nguyên liệu và thiết bị cần thiết cho công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, đồng thời, phấn đấu bảo đảm một

phần nhu cầu nhập khẩu chung của nền kinh tế quốc dân.

- Trong *hai, ba năm trước mắt*, phấn đấu giải quyết cho được việc chế biến màu, nước chấm, một số hàng tiêu dùng thông thường bằng nguyên liệu trong nước như: đồ gỗ, sành sứ, thuỷ tinh, mây tre, chiếu cói, đồ dùng lao động thông thường, đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em, v.v..

Phần III

Nhiệm vụ phương hướng cụ thể

1. Công nghiệp thực phẩm

1) Chế biến lương thực

Cơ cấu lương thực của ta gồm ba thành phần chủ yếu là gạo, màu và mì. Vì vậy ngoài việc khôi phục, cải tạo, tận dụng và phát triển thêm các cơ sở xay sát lúa gạo, cần tăng thêm năng lực xay lúa mì, chế biến mì sợi, bánh mì, mì ăn liền, cung cấp cho công nhân, cán bộ ăn trưa.

Chế biến màu đưa vào bữa ăn chính là vấn đề lớn trong công nghiệp chế biến lương thực. Hướng chính là trang bị rộng rãi cho các địa phương, các hợp tác xã nông nghiệp và gia đình nông dân các loại công cụ và máy móc đơn giản để chế biến và tiêu dùng tại chỗ. Mặt khác Nhà nước sẽ xây dựng một số xí nghiệp quốc doanh tại các vùng màu tập trung để chế biến màu thành các dạng bột, bánh, sợi.

2) Khai thác và chế biến hải sản

Phát triển ngành hải sản thành một ngành mũi nhọn để phục vụ đời sống và xuất khẩu. Phương hướng chung là phát triển toàn diện, cân đối, kết hợp khai thác, nuôi

trồng với chế biến, khai thác với bảo vệ nguồn lợi, khai thác với hậu cần, quốc doanh với hợp tác xã.

Để phát triển công nghiệp hải sản, cùng với việc củng cố, mở rộng các xí nghiệp quốc doanh sẵn có và chuẩn bị điều kiện để xây dựng tiếp một số xí nghiệp quốc doanh mới, cần hết sức coi trọng lực lượng hợp tác xã và nghề cá của ngư dân vì còn chiếm một tỷ trọng lớn (80 - 90%) trong sản lượng cá khai thác của cả nước. ở miền Bắc tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất các hợp tác xã nghề cá. ở miền Nam tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nghề cá với các hình thức thích hợp. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nghề cá, trước hết là công cụ, phụ tùng, nhiên liệu, đồng thời điều chỉnh bổ sung các chính sách cần thiết, bảo đảm lương thực và hàng tiêu dùng, khuyến khích ngư dân đánh bắt và bán cá tôm cho nhà nước.

Phát triển mạnh nuôi trồng hải sản, cá nước lợ, nước ngọt theo hướng vừa tăng năng suất trên diện tích hiện có, vừa mở thêm diện tích nuôi trồng ở những vùng có điều kiện.

Cần đặc biệt chú ý tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, tổ chức quản lý tốt việc nuôi trồng, đánh bắt và chế biến tôm, mực xuất khẩu, giải quyết vấn đề cân đối xuất nhập để đưa nghề cá tiến lên.

3) Chế biến thực phẩm

Mục tiêu sản xuất *đường* trong thời gian tới là phấn đấu đạt trên dưới 20 vạn tấn năm 1980 và tăng lên 30 - 35 vạn tấn năm 1985.

Để phát triển sản xuất đường, vấn đề chủ yếu trước mắt là phải đầu tư thích đáng cho khâu nông nghiệp, quy hoạch

cho được các vùng mía tập trung chuyên canh 15 - 20 vạn ha, xây dựng một số nông trường mía gần các xí nghiệp đường, nghiên cứu tuyển chọn và trồng đại trà các giống mía có năng suất cao, chín rải vụ, để có thời gian ép dài hơn (160 - 180 ngày).

Công nghiệp đường sẽ phát triển cả quy mô lớn, vừa, nhỏ. Trung ương quy hoạch phát triển một số vùng mía lớn tập trung và xây dựng các xí nghiệp liên hợp đường công suất từ 1.000 tấn mía/ngày trở lên để phục vụ cho nhu cầu chung. Mỗi tỉnh tạo điều kiện quy hoạch một vùng mía khoảng 1.000 ha - 1.500 ha để xây dựng một nhà máy đường cỡ 350 - 500 tấn mía/ngày (thiết bị do ta chế tạo), để phục vụ cho sản xuất nước uống giải khát và bánh kẹo tại địa phương. Ngoài ra, ở các vùng mía rải rác sẽ tận dụng lực lượng đường thủ công, nửa cơ giới còn rất lớn để sản xuất các loại đường phen, đường cát... tiêu dùng trong địa phương.

Tăng nhanh năng lực cơ khí ngành đường để trước mắt sản xuất thiết bị cho các nhà máy đường nhỏ 350 - 500 tấn mía/ngày và tiến lên sản xuất một số thiết bị của các xí nghiệp đường cỡ 1.000 tấn mía/ngày.

Phát triển công nghiệp chế biến đồ hộp và đông lạnh rau quả, nhất là *dừa* thành một mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Dừa xuất khẩu phải kết hợp dưới nhiều dạng mới đạt hiệu quả kinh tế cao: dừa tươi, dừa hộp, dừa đông lạnh, nước dừa cô đặc.

áp dụng các chính sách, biện pháp có hiệu lực để xây dựng các vùng trồng dừa, chuối, cam, đồng thời phát triển các loại quả đặc sản như xoài, vải, mận, bưởi... để có thêm hàng xuất khẩu.

Để phát triển *dầu thực vật*, một mặt phải quy hoạch các vùng nguyên liệu như lạc, đỗ tương, dừa... cho các xí nghiệp hiện có, ký hợp đồng trực tiếp với hợp tác xã hay nông dân, mặt khác phải tìm mọi cách tận thu các loại hạt, loại quả có dầu (cao su, bông...) để đưa vào công nghiệp ép dầu. Chú ý tận dụng ép dầu cam và dầu ngô trong các nhà máy xay.

Hiện nay *dầu dừa* còn ít, nhưng căn cứ vào khả năng và yêu cầu, cần phát triển mạnh trồng dừa và chế biến dầu dừa để trở thành một mặt hàng chính trong cơ cấu dầu thực vật. Phấn đấu trồng thêm khoảng 15-20 vạn ha dừa ở duyên hải Liên khu V và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Xuất cùi dừa khô hoặc dầu dừa để có ngoại tệ nhập các giống dừa tốt.

Sản xuất thêm các loại *nước chấm*, *mì chính* cung cấp đủ yêu cầu của nhân dân.

Chuẩn bị và từng bước phát triển các ngành chế biến *thịt*, *sữa*, *trứng* tương ứng với tốc độ phát triển của đàn gia súc, gia cầm.

4) *Chè*, *nước uống giải khát*

Phát triển *chè* thành một mặt hàng chủ lực xuất khẩu và sớm tiến tới bán bình thường chè các loại cho nhân dân.

Phương hướng phát triển sản xuất chè trong thời gian tới là: một mặt địa phương cùng trung ương phát triển một số vùng chè tập trung với các nông trường lớn, vừa, và các nhà máy chế biến kỹ thuật tiên tiến để cung cấp chè cho nhu cầu chung và chủ yếu là sản xuất các loại chè xuất khẩu. Sản lượng chè chế biến năm 1985 phải đạt 4,5 - 5 vạn tấn, trong đó dành cho xuất khẩu 3 vạn tấn. Mặt khác, các địa phương

có điều kiện cần tìm mọi cách trồng và chế biến chè bằng các hình thức và quy mô thích hợp (hợp tác xã, nông trường nhỏ, xí nghiệp chế biến thủ công nửa cơ khí, cơ khí...) để tiêu dùng trong địa phương.

Phát triển mạnh *nước uống giải khát* để cung cấp trước hết cho lao động nặng nhọc. Vận động nhân dân trồng nhiều cây ăn quả để tự chế biến nước uống dùng trong gia đình, triệt để tận dụng phụ phẩm và năng lực chế biến của các xí nghiệp đồ hộp để sản xuất nước quả.

5) *Rượu và thuốc lá*

Sản xuất nhiều loại rượu mùi, rượu đặc sản như rượu dâu, cà phê, gừng, mơ để xuất khẩu. Nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, rút ngắn chu kỳ sản xuất rượu mùi, và giữ vững chất lượng các loại rượu xuất khẩu.

Xuất khẩu thuốc lá điều có lợi hơn nhưng vì kỹ thuật sản xuất của ta chưa thâm nhập được thị trường tư bản, nên cùng với thuốc điều, cần chú ý sản xuất thuốc lá lá để xuất khẩu. Nhà nước quy hoạch xây dựng vùng tập trung chuyên canh thuốc lá ở một số địa phương và có các chính sách khuyến khích địa phương trồng thuốc lá cung cấp cho xí nghiệp trung ương. Giải quyết tốt vấn đề giống, kỹ thuật trồng và sấy lên men tại vùng trồng thuốc lá, bảo đảm tiêu chuẩn thuốc lá xuất khẩu.

6) *Công nghiệp dược phẩm*

Cần quán triệt phương châm kết hợp *đông tây y* trong việc phát triển công nghiệp dược, tiến tới xây dựng một cơ cấu công nghiệp dược hoàn chỉnh bao gồm sản xuất dược liệu, bào chế và cung ứng phụ trợ (cơ khí, bao bì...).

Về dược liệu, ngoài hoá dược, cần hết sức coi trọng phát

triển dược liệu thiên nhiên. Phát triển rộng rãi phong trào trồng cây thuốc đến tận các gia đình, thôn xóm, đồng thời có kế hoạch trồng tập trung trên quy mô lớn khoảng 15-20 ngàn ha các loại cây thuốc phổ biến.

Về dược phẩm, cần phát triển cả các loại tân dược và cao đơn hoàn tán. Chú ý phát triển các loại thuốc nam, thuốc dân tộc và đưa dần lên trình độ khoa học.

Mở rộng hợp tác quốc tế về dược liệu và bào chế để khai thác khả năng dược liệu của ta và tạo ra một số mặt hàng xuất khẩu như dầu cao xoa, rượu rắn và tắc kè, v.v..

2. Công nghiệp nhẹ

1) *Ngành dệt da may mặc*

Phát triển toàn diện *ngành dệt* bao gồm dệt thoi, dệt kim, dệt vải, lụa, chăn, màn, chiếu, khăn. Phấn đấu đạt 350 triệu mét vải lụa năm 1980, và 480 - 500 triệu mét năm 1985, sớm đáp ứng đủ nhu cầu vải màn, khăn mặt, quần áo lót dệt kim, chiếu cói, v.v..

Tìm mọi cách giải quyết vấn đề nguyên liệu theo hướng vừa phát triển bông sợi thiên nhiên, vừa sản xuất bông sợi hoá học. Kiên quyết khắc phục khó khăn và đầu tư thích đáng để trồng từ 5 - 10 vạn ha bông. Phát triển mạnh tơ tằm để có thể đạt sản lượng 2.000 - 3.000 tấn xuất khẩu đối bông hoặc bông sợi tổng hợp. Tiếp tục phát triển các loại cây có sợi khác như đay, cói, v.v.. Mở rộng hợp tác gia công nguyên liệu dệt với khối SEV và các nước khác. Khẩn trương xây dựng và lo nguyên liệu cho nhà máy sợi Viscoo đã ký với Liên Xô.

Từ nay đến năm 1980 - 1982 tập trung xây dựng khâu kéo sợi và tận dụng năng lực dệt sẵn có kể cả dệt thủ

công để bảo đảm nhu cầu. Đồng thời chuẩn bị để sau 1980 xây dựng một số nhà máy sợi dệt mới.

Nhanh chóng xây dựng cơ khí ngành dệt để có thể bảo đảm phụ tùng thay thế và tiến lên sản xuất được máy dệt và một số loại thiết bị khác.

Đẩy mạnh *may mặc sẵn* trong nước, để tiết kiệm vải và hướng dẫn tiêu dùng. Xây dựng ngành *may xuất khẩu* thành một ngành mạnh có trình độ kỹ thuật và chuyên môn hoá cao. Cố gắng giải quyết vấn đề phụ liệu và nhảy bèn với thời trang nước ngoài để có thể mở rộng gia công may xuất khẩu.

Cải tiến chính sách và tổ chức thu mua để có thể thu mua được nhiều da trâu, bò, lợn đưa vào công nghiệp *thuộc da*.

Tận dụng các nguyên liệu sẵn có như da, cao su, lá buông, lá cọ, giang cối v.v. để phát triển các mặt hàng *giày dép*, mũ, nón phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

2) Giấy, gỗ

Để phát triển *giấy*, trước hết phải tập trung giải quyết nguyên liệu và sản xuất bột giấy. Quy hoạch xây dựng một số lâm trường chuyên doanh và tổ chức lại việc khai thác vận xuất để cung cấp gỗ nứa cho các nhà máy giấy lớn. Bộ Công nghiệp nhẹ cùng các địa phương phát triển vùng sậy ở Đồng Tháp cho các nhà máy giấy Đồng Nai. Khai thác tận dụng các loại nguyên liệu khác như bã mía, rơm rạ, thân cây đay, cối bổi, tích cực thu hồi giấy cũ, v.v.. Bảo đảm cân đối các nguyên liệu, phụ liệu khác như xút, nhựa thông, cao lanh, chần len, lưới đồng... mở rộng khâu sản xuất bột trong các nhà máy giấy hiện có.

Xây dựng nhiều xưởng bột nhỏ ở các địa phương có nguyên liệu...

Sản xuất thêm nhiều mặt hàng giấy, bảo đảm giấy viết, giấy in, giấy đánh máy, giấy bao bì, giấy vệ sinh. Công nghiệp địa phương tiếp tục phát triển các nhà máy giấy cỡ 300 - 1.000 tấn/năm. Công nghiệp Trung ương khẩn trương phục hồi mở rộng các nhà máy giấy cũ, hoàn thành xây dựng nhà máy giấy Bãi Bằng và chuẩn bị điều kiện để xây dựng thêm nhà máy giấy làm bao bì các tông, nhà máy giấy làm bao xi măng...

Hàng năm phải dành khoảng 30 - 40 vạn m³ gỗ tròn và tận dụng gỗ cành ngọn, bìa bấp để sản xuất *đồ gỗ*. Phát triển công nghiệp ngâm tẩm chế biến nguyên liệu gỗ để nâng cao tỷ lệ sử dụng gỗ và tăng tuổi thọ của đồ gỗ. Kết hợp sử dụng nhiều loại nguyên liệu như gỗ, song, mây, trúc, nhựa, kim loại trong một sản phẩm để vừa tiết kiệm gỗ, vừa làm cho mặt hàng gỗ thêm phong phú. Chú ý tổ chức sản xuất các phụ kiện và vật liệu phụ cho hàng gỗ như vít, đinh, ke, khoá, keo dán, vecni tổng hợp, v.v.. Cải tiến thiết kế và dần dần tiêu chuẩn hoá các mặt hàng gỗ dùng cho các gia đình, cơ quan, trường học, v.v..

Cải tiến kiểu cách, nâng cao chất lượng và phát triển rộng khắp các mặt hàng *song, mây, tre, cối*, để có thể bán rộng rãi cho nhân dân và xuất khẩu với số lượng lớn.

3) Sành sứ, thủy tinh

Tăng nhanh *đồ sứ dân dụng*, để sớm bán bình thường cho dân. Hướng phát triển chủ yếu là dựa vào quốc doanh địa phương và hợp tác xã. Ngoài việc tận dụng

năng lực hiện có, cần xây dựng mới nhiều cơ sở quy mô 5 triệu cái/năm ở các tỉnh có cao lanh, theo thiết kế định hình và thiết bị ta chế tạo. Cải tiến hình thức và nâng cao chất lượng sứ.

Nhu cầu *sứ vệ sinh* ngày càng lớn, nhưng hiện nay mới có một vài cơ sở nhỏ. Cần xây dựng nhà máy sứ vệ sinh để phục vụ cho kế hoạch sau.

Phát triển mạnh *sứ mỹ nghệ* xuất khẩu. Nâng cao kỹ thuật và tập trung sản xuất tại các cơ sở đã có truyền thống như Bát Tràng, Sông Bé, Đồng Nai...

Phát triển rộng rãi đồ *sành* chum vại... ở các địa phương để đáp ứng các nhu cầu bảo quản nông sản và một phần cho công nghiệp và xây dựng.

Sản xuất hàng *thủy tinh dân dụng* bao gồm các loại ly, cốc, bát, đĩa, gạt tàn, lọ hoa, chao đèn... Nâng cao trình độ kỹ thuật thủy tinh để có thể sản xuất được các hàng thủy tinh màu, thủy tinh đục, nghiên cứu tiến tới sản xuất đồ pha lê, kính đeo mắt, kính quang học, các loại thủy tinh mỹ thuật có khả năng xuất khẩu.

Tăng nhanh sản lượng phích nước, bóng đèn. Nghiên cứu sản xuất bóng đèn thủy ngân cao áp.

Để phát triển sành sứ, thủy tinh phải chú trọng đầu tư vào khâu khai thác và lọc cao lanh, nghiền men, sản xuất giấy hoa, v.v.. Chú ý bảo đảm than, củi và một số thiết bị, dụng cụ cần thiết như gạch chịu lửa, nồi cổ vịt, khuôn, bao nung...

4) *Hàng tiêu dùng kim loại*

Hàng tiêu dùng kim loại phát triển theo hướng trước mắt giải quyết những nhu cầu thông thường và tiến lên lấp rập và sản xuất các mặt hàng cao cấp.

Mở rộng sản xuất đồ dùng nhà bếp và gia đình, dụng cụ đồ nghề đơn giản. Đẩy mạnh sản xuất quạt điện, đồ điện.

Tổ chức lại các cơ sở sản xuất xe đạp và phụ tùng, phát triển có kế hoạch, bảo đảm chất lượng và lắp lẫn được. Trước mắt tập trung giải quyết phụ tùng, săm, lốp, mở rộng sản xuất xích, láp, bi, kiểm tra chặt chẽ tiêu chuẩn sản phẩm.

Từng bước tăng sản lượng máy thu thanh, đồng hồ, máy khâu, tự sản xuất một số linh kiện điện tử.

5) *Hàng cao su và nhựa, xà phòng, bột giặt, tinh dầu*

Ta có nhiều cơ sở gia công *đồ nhựa*. Vì vậy từ nay đến 1980 - 1985 hằng năm cố gắng nhập khoảng 1 vạn tấn nhựa và tận thu nhựa cũ để sản xuất đồ dùng bằng nhựa.

Ta có ưu thế về *cao su* thiên nhiên. Do đó cần có quy hoạch và kế hoạch dài hạn về phát triển cao su, đưa diện tích trồng cao su lên 40 - 50 vạn ha, hợp tác kinh tế với Liên Xô về trồng cao su, phát triển thành một mặt hàng chủ lực xuất khẩu. Từng bước phát triển công nghiệp chế biến để tiến tới xuất khẩu nhiều sản phẩm cao su.

Để sản xuất *xà phòng, bột giặt*, vấn đề đặt ra là Bộ Công nghiệp thực phẩm phải thống nhất quản lý đầu tư khâu thu mua đến tổ chức chế biến để cân đối giữa dầu ăn, dầu công nghiệp và tận dụng dầu cặn sản xuất xà phòng; Tổng cục Hoá chất có kế hoạch nghiên cứu và tổ chức sản xuất các loại hoá chất thay thế nguyên liệu nhập để sản xuất bột giặt. Công nghiệp xà phòng phải sản xuất tập trung, xí nghiệp xà phòng sẽ ký hợp đồng

với hợp tác xã và nông dân thu mua dầu dừa về sản xuất để tiết kiệm nguyên liệu và thu hồi glycerine.

Công nghiệp *tinh dầu* cần được phát triển đồng bộ ba khâu:

Sản xuất tinh dầu, sản xuất các chất thơm đơn thể, sản xuất các chất thơm hỗn hợp để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

6) Văn hoá phẩm

Cần hết sức coi trọng việc sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu văn hoá.

Bảo đảm cung cấp đủ *đồ dùng học tập* như giấy, bút, mực, v.v.. Từng bước đáp ứng nhu cầu *đồ dùng giảng dạy* như các loại giáo cụ trực quan, dụng cụ thí nghiệm...

Nhanh chóng giải quyết tình trạng thiếu *đồ chơi trẻ em*, nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục và giải trí đối với từng lứa tuổi. Phải có bộ phận nghiên cứu về đồ chơi trẻ em và xây dựng ngành sản xuất đồ chơi trẻ em thành một ngành công nghiệp có tổ chức chỉ đạo chặt chẽ.

Phát triển mạnh dụng cụ *thể dục thể thao* đáp ứng với yêu cầu của phong trào này.

Phát triển nhiều mặt hàng *văn phòng phẩm* như giấy đánh máy, giấy in rô-nê, v.v. để cung cấp cho các nhu cầu. Chú ý cải tiến và nâng cao chất lượng các mặt hàng này để sử dụng được thuận tiện.

Từng bước tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho *ngành in* như cải tạo và mở rộng Nhà máy in Tiến bộ, xây dựng Nhà máy in báo *Nhân dân*, in tem bưu điện, bổ sung thiết bị cho một số xí nghiệp in.

Sắp xếp lại mạng lưới in cả nước theo hướng tập trung thống nhất quản lý chuyên ngành và chuyên môn hoá, có sự phân công hợp lý giữa các nhà in của các ngành, giữa các nhà in trung ương và địa phương.

3. Công nghiệp địa phương

1) Phương hướng nhiệm vụ chung

Đại hội Đảng đã chủ trương xây dựng mỗi tỉnh thành một đơn vị kinh tế công - nông nghiệp, và mỗi huyện thành một đơn vị kinh tế nông - công nghiệp phù hợp với thế mạnh từng địa phương và với yêu cầu chung của cả nền kinh tế quốc dân. Huyện là địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân.

- Công nghiệp địa phương dựa vào khả năng địa phương và phục vụ nhu cầu địa phương là chính, đồng thời phục vụ nhu cầu trong từng vùng kinh tế, cả nước và xuất khẩu. Vì vậy công nghiệp địa phương và công nghiệp trung ương phải phát triển trong một quy hoạch thống nhất và phải kết hợp theo hướng: về sản xuất tư liệu sản xuất thì phát triển công nghiệp trung ương là chủ yếu, đồng thời phát triển một phần công nghiệp địa phương; về sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, thì công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương cùng phát triển, trong đó có những mặt hàng phát triển công nghiệp địa phương là chủ yếu.

- Công nghiệp địa phương phải coi trọng cả hai nhiệm vụ sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất tư liệu sản xuất để phục vụ đời sống, sản xuất, xuất khẩu và phục vụ chiến đấu. Trừ những mặt hàng quan trọng, kỹ thuật cao, phục vụ nhu cầu cả nước do công nghiệp trung ương sản xuất, công nghiệp địa phương phải tiến lên bảo đảm một phần lớn nhu cầu hàng tiêu dùng, công cụ,

vật liệu xây dựng thông thường của địa phương. Công nghiệp địa phương phải đi sâu nghiên cứu nhu cầu của từng địa phương, từng vùng, từng đối tượng (chú ý đồng bào dân tộc ở miền núi) để sản xuất nhiều mặt hàng phong phú đáp ứng nhu cầu muôn màu, muôn vẻ của đời sống nhân dân.

Công nghiệp địa phương phải phát triển trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, thành, huyện và trong một quy hoạch thống nhất theo ngành kinh tế kỹ thuật chung cả nước. Vì vậy, từng bộ quản lý theo ngành phải cùng với tỉnh xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương từng ngành ở tỉnh và huyện, và phải thực hiện sự phân công hợp tác kinh tế kỹ thuật giữa địa phương với địa phương, và giữa địa phương với ngành, tránh cục bộ, địa phương, coi địa phương như là một sự "cắt cứ" riêng, không tính toán đến hiệu quả kinh tế chung của cả nước.

- Công nghiệp địa phương phải sử dụng và kết hợp đúng đắn giữa ba thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể và cá thể) theo hướng: những ngành nghề và mặt hàng mà hợp tác xã đã đáp ứng, hoặc vươn lên đáp ứng được yêu cầu thì cần tận dụng lực lượng hợp tác xã, trang bị cho hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, không nên phát triển thêm xí nghiệp quốc doanh; công nghiệp quốc doanh chỉ nên phát triển những ngành nghề, sản xuất những mặt hàng mà các hợp tác xã không có truyền thống về nghề nghiệp đó, hoặc không có khả năng đáp ứng yêu cầu như kỹ thuật phức tạp, vốn đầu tư lớn. Giữa tập thể và cá thể cũng cần xác định rõ: trước mắt cái gì cá thể có thể làm được, phục vụ tốt yêu cầu thì nên giúp đỡ cho cá thể làm, và Nhà nước sẽ quản lý bằng các chính sách, chứ không cần thiết phải đưa vào tập thể cả.

- Công nghiệp địa phương, phải kết hợp tận dụng các cơ sở sẵn có với xây dựng cơ sở mới. Việc xây dựng thêm cơ sở mới chỉ tiến hành khi đã sử dụng hết năng lực của cơ sở cũ và phải có những điều kiện nhất định như: có nhu cầu rõ ràng, có nguyên liệu vững chắc, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết, nhất là về cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật để khi xí nghiệp xây dựng lên là có thể hoạt động tốt, đem lại hiệu quả kinh tế. Công nghiệp địa phương sẽ từng bước đổi mới kỹ thuật để dần dần chuyển lên trình độ kỹ thuật tiên tiến. Nhưng trước mắt cần sử dụng kỹ thuật thô sơ, cổ truyền, kết hợp thủ công, nửa cơ giới và cơ giới.

- Trong việc phục vụ đời sống và sản xuất, công nghiệp địa phương phải hết sức coi trọng phát triển các ngành nghề phục vụ và sửa chữa. Cần tổ chức rộng rãi mạng lưới phục vụ, sửa chữa ở khắp các địa phương từ thành thị đến nông thôn bao gồm các ngành nghề phổ biến như sửa chữa máy móc, công cụ, sửa chữa nhà cửa, điện nước, sửa chữa đồ dùng gia đình, vá mạng quần áo, v.v.. Công việc này, các cơ sở quốc doanh có thể đảm nhận một phần đối với các nhu cầu lớn và tập trung, còn chủ yếu là tổ chức các hợp tác xã, các tổ, đội sửa chữa, phục vụ, sử dụng thợ thủ công cá thể để có thể đi sát đến từng đường phố, từng làng xóm, từng gia đình phục vụ kịp thời các yêu cầu cụ thể của sản xuất và đời sống.

2) Mục tiêu từ nay đến 1985

Từ nay đến năm 1985, công nghiệp địa phương phải phấn đấu để giải quyết cho được một số yêu cầu cụ thể của các địa phương như sau:

Về hàng tiêu dùng

- Chế biến tốt mì, màu đưa vào bữa ăn, sản xuất cung cấp đủ nước nắm, nước chấm.
- Tăng thêm đường, bánh, kẹo, chè uống và các loại nước giải khát từ nguyên liệu địa phương.
- Chế biến dược liệu, dược phẩm, bảo đảm thuốc chữa các bệnh thông thường.
- Phát triển mạnh tơ tằm, đáp ứng đủ nhu cầu về vải dân tộc, chiếu, màn, khăn, dép, mũ, nón.
- Đáp ứng một số đồ dùng thông thường như gỗ, song, mây, tre, gốm, sành sứ thuỷ tinh, kim khí tiêu dùng, phụ tùng xe đạp, đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao.
- Bảo đảm các yêu cầu sửa chữa dịch vụ.

Về tư liệu sản xuất

- Đáp ứng nhu cầu về công cụ thường, công cụ cải tiến cho các đối tượng lao động.
- Sản xuất một số phụ tùng đơn giản và bảo đảm sửa chữa máy móc thiết bị cho địa phương.
- Sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng thông thường cho việc xây dựng và sửa chữa nhà ở và xây dựng cơ bản trong địa phương.
- Sản xuất apatít nghiền và một số hoá chất công nghiệp thông thường như phèn chua, bột nhẹ...

ở các nơi có điều kiện sẽ khai thác các mỏ than nhỏ, mỏ phốt phát, xây dựng các nhà máy thuỷ điện nhỏ...

Về xuất khẩu đẩy mạnh xuất khẩu để có thể bảo đảm yêu cầu nhập của địa phương.

3) Cơ cấu công nghiệp địa phương

Cơ cấu công nghiệp địa phương gồm hai loại: cơ cấu phổ biến và cơ cấu đặc thù. Cơ cấu *phổ biến* là cơ cấu mà địa phương nào cũng cần và có thể phát triển, bao gồm hai ngành cơ bản là sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất tư liệu sản xuất, với những ngành nghề chủ yếu như sau:

- Sản xuất hàng tiêu dùng thông thường.
- Chế biến lương thực, thực phẩm và thức ăn gia súc.
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
- Các ngành nghề phục vụ và dịch vụ.
 - Cơ khí sửa chữa và chế tạo công cụ, phụ tùng và thiết bị đơn giản, máy công tác nông nghiệp, máy chế biến nông sản, v.v..
 - Sản xuất vật liệu xây dựng thông thường: (gạch, ngói, vôi, xi măng nhỏ, v.v.).

Cơ cấu *đặc thù* là cơ cấu dựa vào thế mạnh về tài nguyên, lao động và nhu cầu ở từng địa phương như:

Các tỉnh miền biển chú ý phát triển các ngành khai thác, chế biến cá, muối, nước mắm, dệt chiếu, cói...

Các tỉnh đồng bằng chú ý phát triển các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, ương tơ, dệt vải thủ công, chế biến dứa, thủ công mỹ nghệ...

Các tỉnh miền núi chú ý phát triển các ngành khai thác chế biến lâm sản, chế biến màu, dược liệu, trồng bông, dệt vải dân tộc, phát triển thuỷ điện nhỏ, v.v..

Các thành phố chú ý phát triển chế biến thực phẩm, nước uống giải khát, dược phẩm kim khí tiêu dùng, công nghiệp dịch vụ, sửa chữa...

Riêng Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm kinh tế, đã sẵn có nhiều cơ sở sản xuất có kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, có nhiều trung tâm nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, có lao động kỹ thuật; nhu cầu hàng hoá ở đây cũng nhiều và đa dạng, lại có mối quan hệ rộng rãi với các địa phương và cả thị trường nước ngoài. Vì vậy, ở hai thành phố này sẽ phát triển nhiều ngành nghề, nhiều xí nghiệp, nhiều mặt hàng để không những đáp ứng nhu cầu tại chỗ mà còn phục vụ nhu cầu chung của từng vùng kinh tế, của cả nước và xuất khẩu.

Đối với các tỉnh miền núi và các tỉnh biên giới phía bắc có đặc điểm là tài nguyên phong phú, nhưng lao động ít, lương thực thiếu và giao thông vận tải khó khăn. Cần nghiên cứu để sớm xác định một cơ cấu công nghiệp thích hợp nhằm phát huy thế mạnh về khai thác và chế biến lâm sản, khoáng sản, phát triển thủy điện nhỏ, vật liệu xây dựng, chế biến dược liệu, hoa màu, dệt vải dân tộc, sản xuất đồ dùng gia đình v.v., nhanh chóng đưa miền núi mau tiến kịp miền xuôi, và có thể thực hiện hậu cần tại chỗ phục vụ cho chiến đấu.

Ngoài ra đối với các tỉnh miền Nam, là nơi tập trung nhiều tài nguyên nông sản, lâm sản, hải sản nhưng cơ sở công nghiệp còn ít, cho nên cần đặc biệt chú ý phát triển công nghiệp địa phương để phục vụ nhu cầu chung và tăng cường lực lượng hậu phương khi đất nước có chiến tranh.

4) Công nghiệp trên địa bàn huyện

Trong công nghiệp địa phương cần đặc biệt chú ý phát triển công nghiệp huyện để góp phần hình thành sớm cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

Công nghiệp huyện là một bộ phận hợp thành của kinh tế huyện, đồng thời cũng là một cơ cấu trong công nghiệp địa phương của tỉnh và thành phố, do đó cần được phát triển theo quy hoạch chung của công nghiệp địa phương và gắn chặt với nông nghiệp và các ngành kinh tế của huyện.

Công nghiệp huyện có nhiệm vụ dựa vào khả năng tại chỗ là chính để phục vụ đời sống nhân dân và các ngành kinh tế trong huyện, đồng thời cũng phục vụ chiến đấu trên địa bàn huyện. Muốn vậy, một mặt, nông nghiệp phải tạo điều kiện cho công nghiệp huyện phát triển, chủ yếu là cung cấp nguyên liệu, lao động; mặt khác công nghiệp huyện phải phục vụ trước hết cho nông nghiệp trên mặt trang bị nông cụ, chế biến nông sản và cung cấp hàng tiêu dùng cho nông dân.

Phương châm phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện là nông nghiệp và công nghiệp cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm, trước mắt dựa vào lao động thủ công, sử dụng công cụ thường, công cụ cải tiến và máy móc đơn giản là chính, đồng thời tạo điều kiện để dần dần tiến lên trang bị 1/2 cơ giới và cơ giới nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Mục tiêu phấn đấu của công nghiệp huyện từ nay đến 1985 là: các huyện đồng bằng và trung du, có 20 - 30% lao động công nghiệp và 20-30% giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp; các huyện miền núi, có 10 - 15% lao động công nghiệp và 10 - 15% giá trị sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp.

Công nghiệp huyện phải được phát triển rộng khắp trên địa bàn huyện với một số xí nghiệp quốc doanh cần thiết, và phổ biến là các hợp tác xã chuyên nghiệp, nửa chuyên nghiệp, tổ sản xuất, thủ công cá thể, thủ công nghiệp trong nông nghiệp và nghề phụ gia đình. Mỗi huyện sẽ tuỳ theo đặc điểm tài nguyên, lao động và nhu cầu của mình mà xây dựng một cơ cấu sản xuất hợp lý, cơ cấu phổ biến của công nghiệp huyện cụ thể là:

- Các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm, hoa màu,
- Các cơ sở chế biến dược liệu, dược phẩm, tinh dầu,
- Các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng thông thường,
 - Các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng xuất khẩu,
- Các cơ sở sửa chữa, dịch vụ,
- Các cơ sở khai thác chế biến lâm sản, hải sản,
- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng,
- Các đội máy kéo và các trạm sửa chữa máy kéo,
- Các đội xây dựng thuỷ lợi và các trạm bơm,
- Các cơ sở chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp,
- Các cơ sở sản xuất công cụ thông thường và cải tiến,
- Các đội xây dựng nhà ở và công trình phúc lợi,
- Các cơ sở vận tải thông tin bưu điện...

4. Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp

1) Trong công nghiệp địa phương, tiểu, thủ công nghiệp có vai trò và vị trí rất quan trọng. Từ sản xuất nhỏ tiến

lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta không thể chỉ phát triển công nghiệp lớn mà còn phải biết duy trì và phát triển công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp để tiết kiệm vốn đầu tư, thu hút mọi lực lượng lao động, tận dụng mọi nguồn tài nguyên làm ra nhiều hàng hoá cho tiêu dùng và xuất khẩu. Sản phẩm công nghiệp có nhiều loại, có loại yêu cầu kỹ thuật cao, sản lượng nhiều, phải do công nghiệp lớn, công nghiệp quốc doanh sản xuất mới có hiệu quả kinh tế, nhưng cũng có loại thông thường, sản lượng ít, hoặc phải thay đổi kiểu cách luôn, thì công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp sản xuất lại thích hợp hơn. Tiểu, thủ công nghiệp ăn sâu bám rễ trong nhân dân bao gồm nhiều ngành nghề phong phú, cho nên phát triển tiểu, thủ công nghiệp sẽ làm cho hàng hoá tiêu dùng gắn bó với đời sống nhân dân. Phát triển tiểu, thủ công nghiệp còn làm cho công nghiệp gắn bó với nông nghiệp nhanh chóng hình thành cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn huyện. Đó là những mặt tích cực. Đương nhiên, tiểu, thủ công nghiệp cũng có mặt tiêu cực và một số nhược điểm nhất định, nhưng đó chỉ là mặt thứ yếu, trong quá trình phát triển, chúng ta sẽ khắc phục.

2) Mục tiêu phấn đấu của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong thời gian tới là đưa giá trị sản lượng từ gần 3 tỷ đồng năm 1978 lên hơn 4 tỷ đồng năm 1980 và 7 tỷ đồng năm 1985; phấn đấu đến năm 1985 hầu hết các huyện đạt giá trị sản lượng 10 triệu đồng trở lên (trừ các huyện miền núi).

Về sản phẩm, tiểu thủ công nghiệp cùng với công nghiệp tập trung giải quyết cho được một số yêu cầu chính như:

- Chế biến màu và bột mì.

- Sản xuất đáp ứng nhu cầu một số mặt hàng thông dụng bằng nguyên liệu trong nước, trong địa phương như sành, gốm, thuỷ tinh, hàng đan lát, may mặc nội địa, mũ, nón, dép, guốc, đồ dùng học sinh, đồ chơi trẻ em, đồ dùng nấu ăn, đồ mộc, phụ tùng xe đạp, v.v..

- Tăng nhanh các mặt hàng xuất khẩu như hàng mây, song, tre, trúc, cọ, lá buông, hàng thủ công mỹ nghệ, các loại thảm cói, thảm đay, thảm len, thảm bẹ ngô, xơ dừa, giấy vải, các loại tinh dầu.

- Bảo đảm nhu cầu về công cụ thường, công cụ cải tiến, dụng cụ đồ nghề.

- Đẩy mạnh sản xuất các loại vật liệu xây dựng thông thường như vôi, gạch, ngói, đá, cát, sỏi...

3) Để bảo đảm cho tiểu, thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ, vấn đề cơ bản là phải coi trọng tiểu, thủ công nghiệp, có thái độ đối xử đúng đắn, xuất phát từ hiệu quả kinh tế là chủ yếu và phải chú ý giải quyết các vấn đề sau đây:

- Quy hoạch phân công hợp lý giữa công nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp theo hướng những ngành nghề, những mặt hàng nào mà tiểu thủ công nghiệp đang làm tốt, đáp ứng được nhu cầu thì nên tận dụng và giúp đỡ cho tiểu thủ công nghiệp làm, không nên phát triển quốc doanh để thay thế.

Có những mặt hàng giao toàn bộ hoặc chủ yếu cho tiểu thủ công nghiệp phụ trách sản xuất như nông cụ thường, dệt khăn mặt, vải màn, hàng đan lát, hàng thảm, hàng thêu ren, thủ công mỹ nghệ, sửa chữa, dịch vụ...

Có những mặt hàng thủ công nghiệp và quốc doanh cùng sản xuất như sứ, thuỷ tinh, vật liệu xây dựng, gia công cao su, nhựa, đồ mộc, chế biến lương thực thực phẩm, dệt vải, lụa... hoặc phân công hợp tác cùng làm ra một sản phẩm như phụ tùng xe đạp, máy khâu, quạt điện...

- Vận dụng các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp từ thủ công trong gia đình, thủ công cá thể, tổ sản xuất, hợp tác xã nửa chuyên nghiệp và chuyên nghiệp đến các hình thức liên doanh sản xuất, v.v.. Cải tiến tổ chức sản xuất trong các hợp tác xã, bảo đảm cân đối các khâu trong dây chuyền sản xuất, kết hợp sản xuất chuyên môn hoá với sản xuất nhiều mặt hàng, sản xuất tập trung với sản xuất phân tán... củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất và cải tiến tổ chức quản lý trong các hợp tác xã theo hướng kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Chấn chỉnh tổ chức liên hiệp hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp ở trung ương và các cấp để thực hiện tốt chức năng là một tổ chức kinh tế tập thể của những người lao động thủ công. Liên hiệp hợp tác xã các cấp có trách nhiệm đối với toàn bộ khu vực tiểu, thủ công nghiệp về các mặt cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất, quản lý kinh tế nội bộ hợp tác xã, xây dựng chính sách đề xuất với Đảng và Nhà nước, đồng thời tham gia với các ngành sản xuất trong việc quy hoạch các ngành nghề, xây dựng các kế hoạch dài hạn, hằng năm, v.v.. Đối với những sản phẩm mà chưa có ngành kinh tế kỹ thuật nào thống nhất quản lý thì liên hiệp hợp tác xã phụ trách toàn diện về mặt sản xuất cũng như quản lý.

5. Hợp tác quốc tế và xuất khẩu

1) Hiện nay nước ta đã chính thức tham gia Hội đồng

Tương trợ kinh tế, vì vậy chúng ta có điều kiện làm tốt hơn việc hợp tác kinh tế với các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế, và tranh thủ quan hệ hợp tác kinh tế với các nước khác. Có như vậy chúng ta mới phát huy được những ưu thế của ta về tài nguyên và lao động, khắc phục những nhược điểm về nguyên liệu và khoa học kỹ thuật, tiếp thu được những thành tựu khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý kinh tế, đưa trình độ kinh tế và khoa học kỹ thuật của nước ta tiến lên.

Muốn tiến hành được tốt công tác hợp tác kinh tế với các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế và các nước khác thì, điều quan trọng nhất là phải có sự nỗ lực chủ quan đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu. Để cải tạo nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, và đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật trong bước đi ban đầu, ta cần nhập khẩu rất nhiều thứ, từ máy móc thiết bị phụ tùng đến vật tư nguyên liệu, nhiên liệu mà trong nước chưa sản xuất được. Hiện nay, năng lực xuất khẩu của ta còn rất thấp. Muốn khắc phục sự mất cân đối ấy, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chúng ta phải xuất phát từ khả năng tiềm tàng trong nước, từ những ưu thế về lao động, tài nguyên, đất đai, rừng biển, khoáng sản, tiến tới lấy xuất khẩu bảo đảm yêu cầu nhập khẩu. Đó là bước đi đúng đắn nhất. Hiện nay, ta chưa có nhiều sản phẩm công nghiệp nặng để xuất khẩu, xuất khẩu nông sản nguyên dạng thì hiệu quả kinh tế thấp. Do đó, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp địa phương cần phải ra sức phát triển hàng xuất khẩu, nhằm tạo ra một nguồn ngoại tệ ngày càng nhiều, để bảo đảm nhập nguyên liệu, thiết bị cho mình và phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế nói chung.

2) Phương hướng xuất khẩu nói chung là:

- Về thị trường, ngoài việc tiếp tục xuất cho các nước xã hội chủ nghĩa anh em, cần tìm mọi cách mở rộng xuất cho các nước tư bản, các nước Đông Nam á, các nước đang phát triển, để có thêm ngoại tệ mạnh nhập nguyên liệu, thiết bị cần thiết của các nước này.

- Về phương thức xuất khẩu, trừ trường hợp do ta chưa có khả năng chế biến hoặc do quan hệ ngoại thương yêu cầu thì mới xuất nguyên liệu, hoặc nguyên liệu sơ chế, còn hướng chung là nên xuất khẩu thành phẩm để đạt được hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra cần mở rộng hình thức gia công xuất khẩu để tận dụng ưu thế lao động của ta. Như đối với khối SEV, ta có thể bàn với họ nhận phụ trách một số mặt hàng như cao su, giấy vải, may mặc, dụng cụ đồ nghề, v.v. để họ dành lao động làm mặt hàng khác.

- Về mặt hàng, nên tranh thủ xuất tất cả những sản phẩm gì có thể xuất được để tăng thêm ngoại tệ, nhưng hướng chính là phải căn cứ vào ưu thế tài nguyên của ta và yêu cầu của thị trường thế giới mà từng bước tập trung xây dựng một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực có khối lượng lớn, giá trị cao như:

- + Các mặt hàng hải sản đông lạnh, chủ yếu là *tôm, mực*.
- + Các mặt hàng rau quả, chủ yếu là *dứa*.
- + Các mặt hàng *chè, cà phê*, rượu, thuốc lá.
- + Các mặt hàng *tơ tằm*.
- + Các mặt hàng dệt, *may, thêu, thảm*.
- + Các mặt hàng gỗ, mây, tre, đay, cói.
- + Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, v.v..

3) Để đẩy mạnh xuất khẩu, ngoài việc làm cho các ngành, các địa phương và cơ sở nhận thức sâu sắc vấn đề để quyết tâm thực hiện, cần phải giải quyết tốt một số vấn đề cơ bản như sau:

- Đầu tư thích đáng để trang bị lại kỹ thuật và đổi mới kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu. Trong trường hợp cần thiết có thể xây dựng một số xưởng hoặc phân xưởng chuyên sản xuất hàng xuất khẩu. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, đào tạo công nhân lành nghề, bồi dưỡng những người có kỹ thuật giỏi cổ truyền nhằm sản xuất được những mặt hàng xuất khẩu đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hết sức chú ý vấn đề bao bì xuất khẩu, không để tình trạng vì bao bì mà hàng không xuất khẩu được hoặc giá trị kém đi.

Đối với các mặt hàng sản xuất để xuất khẩu như: tôm, mực, rau quả, cao su, chè, dệt, may xuất khẩu sẽ tổ chức các công ty chuyên doanh trực thuộc các bộ quản lý sản xuất, thống nhất phụ trách từ khâu nguyên liệu đến khâu chế biến và xuất khẩu. Các công ty này sẽ chịu sự hướng dẫn, giám sát và chỉ đạo về mặt lưu thông đối ngoại của Bộ Ngoại thương như về giá cả, thanh toán, v.v.; cán bộ ngoại thương cùng với cán bộ các công ty sản xuất làm việc, giao dịch buôn bán với các công ty nước ngoài.

Đối với các mặt hàng khác thì cần có sự phân công rõ ràng và kết hợp chặt chẽ giữa các ngành sản xuất với ngoại thương. Các ngành sản xuất chịu trách nhiệm hoàn toàn về khâu sản xuất từ nguyên liệu đến đóng gói bao bì giao cho ngoại thương theo đúng hợp đồng kinh tế. Ngoại thương chịu trách nhiệm về khâu lưu thông đối ngoại, không làm việc thu mua nguyên liệu để gia công xuất khẩu như hiện nay.

Thông qua cơ quan ngoại thương, các ngành sản xuất (liên hiệp xí nghiệp hoặc công ty chuyên doanh) được trực tiếp quan hệ với thị trường nước ngoài để nghiên cứu nhu cầu, tìm hiểu thị hiếu, học tập kinh nghiệm nhằm sản xuất được các mặt hàng phù hợp với yêu cầu. Mặt khác, ngành ngoại thương trực tiếp theo dõi sản xuất, xem xét chất lượng hàng xuất khẩu, giá cả, phát hiện và đề xuất những ý kiến cần thiết nhằm bảo đảm thực hiện tốt hợp đồng. Các tổ chức ngoại thương cũng cần có sự cải tiến cần thiết như công ty ngoại thương phụ trách xuất mặt hàng nào thì lo cả việc nhập nguyên liệu, phụ liệu cho mặt hàng đó, tạo điều kiện giải quyết kịp thời và đồng bộ các vấn đề.

- Cải tiến ngay cách quan hệ làm ăn, buôn bán với nước ngoài, nhất là với các nước tư bản, xoá bỏ các chế độ thủ tục phiền hà, gò bó, xây dựng phong cách làm ăn khoa học, tạo điều kiện thuận lợi trong quan hệ quốc tế, quan hệ hợp tác kinh tế - khoa học kỹ thuật và quan hệ ngoại thương.

Phần IV

Biện pháp chính sách và tổ chức quản lý

Để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, cùng với việc xác định đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, cân đối kế hoạch, cần phải kịp thời giải quyết tốt các vấn đề về chính sách và quản lý.

Về vấn đề này, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm đã nêu ra một số tư tưởng chỉ đạo và phương hướng, ở đây có cụ thể hoá thêm một mức, nhưng vẫn chưa đủ. Do đó, sau khi có Nghị quyết của Trung ương về công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, theo ý kiến của Bộ Chính trị, Tiểu ban hàng

tiêu dùng sẽ cùng với Ban Công nghiệp, Ban Nông nghiệp, Ban Kinh tế kế hoạch Trung ương, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và các ngành hữu quan tiếp tục nghiên cứu các chính sách cụ thể để lần lượt trình Chính phủ xét ban hành vào nửa cuối năm 1979.

1. Về nguyên liệu và nhiên liệu

- Phải giải quyết vấn đề nguyên liệu cho công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương theo hướng vừa sản xuất trong nước là chính, vừa xuất hàng hoá để nhập những nguyên liệu mà trong nước chưa sản xuất được; vừa tạo ra nguồn nguyên liệu mới, vừa sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên liệu, thu hồi và tận dụng phế liệu. Chú trọng giải quyết trước hết một số nguyên liệu thiết yếu phục vụ ăn, mặc, đồ dùng, đi lại, học hành, chữa bệnh...

- Phát triển mạnh mẽ và toàn diện nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp để cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu cho công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Việc xây dựng công nghiệp chế biến phải đi đôi với việc xây dựng cơ sở nguyên liệu cả về thời gian và địa điểm. Trước mắt, phải quy hoạch và xây dựng ngay một số vùng nguyên liệu nông sản tập trung chuyên canh để sử dụng hết công suất thiết bị của các nhà máy hiện có, hoặc đang xây dựng và sắp xây dựng.

- Từng bước phát triển bông sợi hoá học, chất dẻo, thuốc nhuộm, hoá chất cơ bản, đồng thời tổ chức khai thác và xử lý tốt các loại nguyên liệu khoáng sản, như cát, cao lanh, v.v.. Tích cực chuẩn bị để sớm xây dựng nhà máy sợi hoá học và cố gắng trồng bông, phát triển mạnh dâu tằm để đổi lấy bông sợi giải quyết nguyên liệu cho ngành dệt. Ngoài các vùng tập trung do Nhà nước thống nhất quản lý, cần phát triển rộng rãi trong nhân dân phong trào tận dụng đất đai trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, và trồng bông, trồng lanh để tự

giải quyết một phần về mặc, nhất là ở Tây Nguyên và các tỉnh miền núi khác.

- Phấn đấu tăng nhanh hàng hoá xuất khẩu để có ngoại tệ nhập nguyên liệu. Các ngành, các địa phương và cơ sở cần nguyên liệu nhập khẩu thì phải lo đẩy mạnh xuất để có tiền nhập. Mở rộng hình thức gia công sản xuất cho nước ngoài để khắc phục khó khăn về nguyên liệu và tận dụng ưu thế lao động của ta.

- Tìm mọi cách tận thu, tận dụng các loại phế liệu. Trừ một số phế liệu đặc biệt như kim loại màu, bông, sợi, than qua lửa... do Nhà nước quản lý, còn nói chung nên giao cho giám đốc xí nghiệp trách nhiệm và quyền hạn xử lý với hiệu quả cao nhất phế liệu trong sản xuất (xí nghiệp dùng phế liệu để sản xuất hàng tiêu dùng, hoặc bán cho các xí nghiệp khác và các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, tuyệt đối không để ứ đọng hoặc huỷ hoại đi); giao cho uỷ ban nhân dân các tỉnh và thành phố trách nhiệm tổ chức thu hồi và sử dụng tốt các loại phế liệu phát sinh trong quá trình tiêu dùng, và giải quyết những rắc rối giữa xí nghiệp và người mua phế liệu của xí nghiệp.

- Về nhiên liệu, tận dụng than nhiệt lượng thấp; đẩy mạnh khai thác các mỏ than nhỏ; nghiên cứu sử dụng than bùn ở một số địa phương. Tận dụng các loại gỗ cành, ngọn không thể dùng sản xuất đồ mộc, để làm nhiên liệu cho sản xuất đồ sành sứ, thủy tinh.

2. Về thiết bị

Để giải quyết vấn đề thiết bị, các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương phải có một lực lượng cơ khí mạnh, bảo đảm sản xuất được các loại phụ

tùng và khuôn mẫu cần thiết, sửa chữa và cải tiến thiết bị hiện có, chế tạo các loại thiết bị chuyên dùng, thiết bị lẻ và một số thiết bị toàn bộ cỡ nhỏ và vừa như các nhà máy xay xát, nhà máy đường, nhà máy chè, nhà máy gạch, v.v.. Muốn vậy, một mặt phải tăng cường lực lượng thiết kế, mặt khác phải bổ sung thiết bị máy móc nhằm xây dựng một hệ thống cơ khí bao gồm các tổ hoặc phân xưởng cơ khí của các xí nghiệp, các xí nghiệp cơ khí của các liên hiệp xí nghiệp và các địa phương.

Bộ Cơ khí có trách nhiệm sản xuất, cung cấp các thiết bị thông dụng và các thiết bị, phụ tùng kích cỡ lớn hoặc yêu cầu kỹ thuật cao mà lực lượng cơ khí chuyên dùng của các ngành và địa phương không làm được.

3. Công tác khoa học kỹ thuật

Tăng cường công tác khoa học kỹ thuật trong công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương từ trung ương đến cơ sở, từ quốc doanh đến hợp tác xã nhằm tạo thêm nguồn nguyên liệu mới từ trong nước và sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên liệu; cải tiến và tận dụng tốt năng lực thiết bị hiện có; cải tiến, mở rộng mặt hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Phương châm kỹ thuật trong công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nói chung là kết hợp thô sơ với hiện đại, cơ giới với thủ công, nhưng tất cả các ngành và các cơ sở đều phải phấn đấu nâng cao tiến bộ kỹ thuật.

Về biện pháp thực hiện, cần chú ý một số điểm như: củng cố tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch khoa học kỹ thuật để làm cơ sở vững chắc cho kế hoạch kinh tế. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật từ bộ đến cơ sở, chú ý cả các mặt quản lý thiết bị, quản lý công nghệ và quản lý chất lượng sản

phẩm. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, trước mắt chú ý công tác nghiên cứu ứng dụng. Tăng cường công tác thông tin khoa học kỹ thuật và hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật. Duy trì và phát triển phong trào phát minh sáng kiến hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật.

4. Về chính sách

Đây là vấn đề có tính chất quyết định để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Chính sách đối với công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương có nhiều loại, nhiều vấn đề, nhưng cần tập trung giải quyết bốn loại chính sách quan trọng: chính sách nguyên liệu, chính sách xuất khẩu, chính sách đối với công nghiệp địa phương và tiểu, thủ công nghiệp, các chính sách về lưu thông, phân phối (giá cả, tài chính, thu mua, tiêu thụ).

Việc cải tiến các chính sách phải quán triệt tinh thần chung là: xoá bỏ ngay những chính sách chế độ bất hợp lý, gây trở ngại cho sản xuất, khuyến khích việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương; mở rộng quyền chủ động hợp lý của các ngành, các địa phương và cơ sở (kể cả quốc doanh, tập thể và cá thể) trong sản xuất, kinh doanh nhằm làm cho sản xuất "bung ra" để có nhiều hàng hoá cho xã hội. Kết hợp đúng đắn ba loại lợi ích: lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích của người sản xuất. Chú ý thích đáng đến lợi ích của tập thể và của người sản xuất, nhất là người sản xuất ra nguyên liệu.

a) Chính sách nguyên liệu

- Để khuyến khích phát triển nguyên liệu nông sản cần giải quyết đồng thời nhiều chính sách trong mối quan hệ hữu cơ với nhau.

+ Phải đầu tư thích đáng và đồng bộ để xây dựng cho được một số vùng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh như các vùng mía, chè, cao su, cà phê, vùng dâu tằm, bông, vùng lạc, đỗ tương, rau quả, dược liệu, vùng trồng sậy làm bột giấy, v.v.. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các vùng trồng cây công nghiệp, trước hết là hệ thống thủy lợi, giống, phân bón và thuốc trừ sâu, bảo đảm cho diện tích được ổn định, năng suất cây trồng tăng nhanh.

+ Bảo đảm cung cấp đủ lương thực, vật tư và hàng tiêu dùng cần thiết cho vùng trồng cây công nghiệp. Đồng thời phải sử dụng lương thực một cách thật tập trung, như đối với xã Phú Hoa (Đồng Nai) nếu cần bỏ ra một tấn lương thực để thu mua một tấn đỗ tương thì cũng nên làm, chứ không nên để cho Phú Hoa bỏ đỗ tương, trồng lương thực để tự túc. Và để cho lương thực, vật tư đến tận tay người trồng cây công nghiệp, đối với các vùng nguyên liệu tập trung chuyên canh, các xí nghiệp sẽ quan hệ trực tiếp ký hợp đồng kinh tế hai chiều với các hợp tác xã nông nghiệp trong việc cung cấp lương thực, vật tư, phân bón và thu mua nguyên liệu nông sản.

+ Nghiên cứu thực hiện chính sách thu mua thích hợp đối với từng loại sản phẩm. Các loại như thuốc lá, mía, cà phê, chè, bông, tơ tằm, đay, cói, sơn ta, hạt thầu dầu..., sẽ mua toàn bộ, nhưng Nhà nước sẽ tăng cường đầu tư, có chính sách giá, chính sách thưởng và bán lại sản phẩm chế biến một cách thoả đáng, bảo đảm cho nông dân mức thu nhập khá. Các loại như lạc, vừng, đỗ các loại, rau quả... Nhà nước mua 60-80%, phần còn lại nông dân bán thêm theo giá thoả thuận hoặc trao đổi ở thị trường.

+ Nghiên cứu phân phối hợp lý tích lũy giữa sản xuất nguyên liệu và chế biến công nghiệp, giữa ngân sách

trung ương và ngân sách địa phương bằng nhiều hình thức như: tăng giá nguyên liệu nông sản một cách thoả đáng để bảo đảm chi phí sản xuất và có tích lũy; bán lại cho địa phương và người trồng nguyên liệu một tỷ lệ sản phẩm công nghiệp chế biến để tiêu dùng, rộng hơn tiêu chuẩn chung (Về mức độ cụ thể sẽ tính toán sau). Ngoài ra trung ương sẽ phân cho ngân sách địa phương một khoản khuyến khích giao nộp nông sản cho Nhà nước, trích từ tỷ lệ % số thuế nông nghiệp về nông sản và một phần thu quốc doanh của xí nghiệp trung ương dùng nguyên liệu nông sản đó.

- Nâng giá thu mua da và cải tiến tổ chức thu mua cho thuận tiện để có thể tập trung được nhiều da cho công nghiệp. Có thể nghiên cứu thu thuế sát sinh bằng da để kết hợp việc thu thuế với mua da.

- Chính sách đối với phế liệu và sản phẩm làm từ phế liệu nói chung phải linh hoạt, rộng rãi như mua bán trực tiếp, giá cả thoả thuận, miễn thuế, giảm thuế, để cho cơ sở sản xuất hưởng toàn bộ hoặc phần lớn lợi nhuận đưa vào quỹ xí nghiệp và quỹ phúc lợi. Có loại phế liệu phải định thành kỷ luật như có đem nạp cái cũ mới được mua cái mới như ống thuốc đánh răng, chai thuốc, các loại phụ tùng...

- Có chính sách khen thưởng thích đáng về tiết kiệm nguyên liệu và dùng nguyên liệu thay thế, đồng thời trừng phạt nghiêm khắc những hành động ăn cắp hoặc lãng phí nguyên liệu.

b) Chính sách khuyến khích xuất khẩu

Để khuyến khích làm hàng xuất khẩu, cần giải quyết một số chính sách như:

- Giá cả hàng xuất khẩu phải theo hệ thống giá chung trong nước (có thu quốc doanh), đồng thời, vì hàng xuất khẩu đòi hỏi tiêu chuẩn và phẩm chất cao hơn, mẫu mã đẹp hơn, bao bì đóng gói kỹ hơn, nên khi định giá bán phải xét đầy đủ các yếu tố này trong giá thành. Đối với các mặt hàng xuất có thể thu được ngoại tệ mạnh thì mua giá cao hơn để đẩy mạnh sản xuất.

- Làm hàng xuất khẩu khó hơn, do đó định mức lợi nhuận xí nghiệp nên cao hơn hàng bán trong nước từ 1-2%, (hàng bán trong nước 3,5%) để khuyến khích các cơ sở làm hàng xuất khẩu.

- Thực hiện từng bước chính sách lấy xuất bù nhập, ngành, địa phương và cơ sở nào cần nhập thì phải đẩy mạnh xuất để có tiền nhập. Trước mắt các ngành, địa phương và cơ sở được sử dụng khoảng 10% ngoại tệ trong kim ngạch xuất khẩu của mình để nhập nguyên liệu vật tư cần thiết.

Ngoài ra cần có chính sách sử dụng một số tư nhân ở miền Nam trước đây đã có quan hệ buôn bán với các công ty tư bản nước ngoài để làm một số mặt hàng xuất khẩu cần thiết dưới sự quản lý của Nhà nước.

c) Chính sách đối với công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp

- Chính sách quan trọng nhất đối với công nghiệp địa phương là, trên cơ sở giao cho địa phương chịu trách nhiệm chính trong việc sản xuất những hàng hoá dùng trong địa phương, thì cần cho phép các địa phương được lựa chọn, quyết định các phương án kinh tế tối ưu, xây dựng các chính sách cụ thể, sử dụng các biện pháp cần thiết để phát triển công nghiệp địa phương. Chẳng hạn các địa phương được quyết định kế hoạch sản xuất, định

giá cả và giải quyết vấn đề tiêu thụ đối với những sản phẩm sản xuất và tiêu dùng trong địa phương, không thuộc diện trung ương thống nhất quản lý. Đối với những sản phẩm, nguyên liệu do trung ương thống nhất quản lý, sau khi hoàn thành kế hoạch giao nộp thì địa phương được hưởng tỷ lệ % khuyến khích vượt kế hoạch. Đây chính là vấn đề bảo đảm quyền làm chủ kinh doanh sản xuất của các địa phương.

Mặt khác, các ngành ở trung ương có trách nhiệm giúp đỡ đến nơi đến chốn các địa phương, nhất là các tỉnh ở miền Nam, các tỉnh miền núi trong việc xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp, cũng như xây dựng các xí nghiệp địa phương về các mặt kinh tế, kỹ thuật, đào tạo cán bộ công nhân và các nghiệp vụ quản lý, đồng thời phải làm tròn trách nhiệm quản lý theo ngành đối với công nghiệp địa phương theo nhiệm vụ chức năng đã quy định.

- Đối với tiểu, thủ công nghiệp, một mặt, phải phát huy tinh thần tự lực tự cường của các hợp tác xã và của những người lao động thủ công để khai thác mọi khả năng sẵn có, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống. Mặt khác, Nhà nước phải có chính sách thoả đáng tạo điều kiện thuận lợi cho tiểu, thủ công nghiệp phát triển. Những chính sách đó là:

+ Cùng với cho vay tín dụng là chính, Nhà nước cũng đầu tư qua ngân sách một phần để xây dựng một số cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết, (nhất là các cơ sở làm hàng xuất khẩu) mà các hợp tác xã không đủ sức làm.

+ Nhà nước có kế hoạch bán cho các hợp tác xã một số thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải và vật tư kỹ thuật

mà hợp tác xã không thể có được. (Kể cả những thiết bị thừa, vật tư ứ đọng của các xí nghiệp quốc doanh).

+ Thu hẹp những mặt hàng gia công, cải tiến chế độ gia công đặt hàng, từng bước thực hiện chế độ bán nguyên liệu mua sản phẩm và giao kế hoạch trực tiếp cho hợp tác xã sau khi đã được củng cố, có phương hướng sản xuất ổn định, nhằm phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của các hợp tác xã.

+ Bỏ thuế lợi tức vượt cấp, thực hiện đánh thuế lũy tiến từng phần trên thực lãi.

+ Ban hành sớm điều lệ giá thành và chế độ quản lý giá đối với tiểu, thủ công nghiệp, điều chỉnh giá gia công và thu mua đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất.

+ Thực hiện chế độ đăng ký kinh doanh đối với tiểu, thủ công nghiệp một cách rộng rãi, đơn giản như được làm nhiều mặt hàng, không phải một năm xét đăng ký lại một lần, không phải có hội đồng gồm nhiều ngành xét mà chỉ do chính quyền cấp quận, khu phố, huyện xét là đủ.

+ Cung cấp lương thực, trang bị lao động và một số nhu yếu phẩm nhằm bảo đảm đời sống bình thường của thợ thủ công và gia đình họ.

+ Xây dựng và ban hành sớm điều lệ hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, quy định thống nhất chế độ phân phối nội bộ theo hướng giảm các quỹ không chia, tăng phần thu nhập thực tế cho xã viên. Chú ý thích đáng đến việc xây dựng quỹ bảo hiểm xã hội của hợp tác xã.

Đối với thủ công nghiệp trong nông nghiệp, cần có chế độ phân phối hợp lý để vừa khuyến khích phát triển thủ

công nghiệp, vừa tránh tình trạng nông dân bỏ nông nghiệp chạy theo làm nghề thủ công nghiệp.

d) *Các chính sách về lưu thông, phân phối*

Chính sách đầu tư tín dụng và tài chính:

- Cải tiến chính sách đầu tư theo hướng kết hợp đúng đắn giữa đầu tư chiều sâu với đầu tư chiều rộng và trước mắt cần hết sức coi trọng đầu tư chiều sâu để đồng bộ hoá và cân đối các dây chuyền sản xuất nhằm tận dụng công suất thiết bị máy móc hiện có. Về đầu tư chiều rộng cần đặc biệt chú ý đầu tư để tạo ra nguồn nguyên liệu. Thực hiện rộng rãi việc đầu tư qua tín dụng nhằm thúc đẩy việc xây dựng và đưa nhanh công trình vào sử dụng, nhưng cần cải tiến các thủ tục vay vốn để giảm bớt phiền hà cho cơ sở.

- Chú ý thi hành đúng chính sách của Chính phủ về chi tiêu tiền mặt để cơ sở sản xuất có thể mua được một số vật liệu phụ cần thiết cho sản xuất.

- Cần cải tiến phương thức đầu tư, bảo đảm cho các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất thực sự làm chủ về đầu tư và chịu trách nhiệm vật chất về hiệu quả đầu tư.

- Việc bố trí ngân sách địa phương phải nhằm đạt các yêu cầu: bảo đảm các khoản chi cơ bản của địa phương, khuyến khích phát triển tốt kinh tế địa phương, công nghiệp địa phương, quan tâm đến công nghiệp trung ương tại địa phương và cung cấp nhiều nguyên liệu cho công nghiệp trung ương. Muốn vậy, ngoài phần ngân sách cơ bản do trung ương thống nhất điều tiết, các xí nghiệp trung ương đóng tại địa phương nào phải nạp vào ngân sách địa phương đó một phần tích lũy (có thể 10-20% mức thu quốc doanh) và một phần quỹ phúc lợi

(có thể 40-50%). Và xí nghiệp trung ương dùng nguyên liệu của địa phương nào phải nạp vào ngân sách địa phương đó một khoản thuế nông sản như đã nói ở chính sách nguyên liệu. Có như vậy mới giải quyết được tình trạng địa phương giữ nguyên liệu nông sản lại chế biến để có thêm hàng hoá và ngân sách cho địa phương.

Bộ Tài chính đang làm thử việc phân cấp và xây dựng ngân sách huyện, bước đầu có kết quả. Khó khăn của ta hiện nay là có bội chi ngân sách, mặc dù vậy vẫn phải quyết tâm thay đổi những cái trì trệ đang gây cản trở sản xuất ở địa phương và cơ sở thì mới đẩy mạnh sản xuất, tạo ra được nguồn hàng hoá và tài chính giải quyết khó khăn nói trên. Vấn đề quan trọng nhất là phát huy quyền *tự chủ tài chính* của xí nghiệp, hợp tác xã, tức là quyền quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phải tôn trọng tư cách pháp nhân của cơ sở, và cơ sở phải làm ăn có trách nhiệm, có tính toán, chú trọng đến hiệu quả kinh tế.

- Cải tiến chế độ lợi nhuận của xí nghiệp và để cho các xí nghiệp được hưởng phần lớn lợi nhuận vượt kế hoạch nhằm khuyến khích họ phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

- Cải tiến chế độ khấu hao để thu hồi nhanh vốn đầu tư, đồng thời định chế độ thu trên vốn sản xuất nhằm bắt buộc xí nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả.

Chính sách giá cả, lưu thông, tiêu thụ:

- Về giá nguyên liệu nông sản (đã nói ở đoạn nói về nguyên liệu).

- Nghiên cứu điều chỉnh giá một số mặt hàng cần thiết nhằm phục vụ tốt cho sản xuất, đời sống, xuất khẩu và

tích lũy, tiến tới chấm dứt sớm tình trạng bù lỗ không hợp lý.

Phân cấp rộng rãi cho các ngành, các địa phương quyết định giá để bảo đảm sản xuất phát triển và hạn chế tình trạng hàng hoá ứ đọng vì không duyệt kịp giá. Về hàng hoá và nguyên liệu không thuộc trung ương thống nhất quản lý, mà do địa phương được trực tiếp quản lý, thì giữa các địa phương được trao đổi mua bán với nhau và được quyền quyết định giá. Giá hàng giữa các địa phương có thể khác nhau tùy theo điều kiện sản xuất của từng địa phương. Giá mặt hàng mới do cơ sở định, khi nào đưa vào kế hoạch sản xuất chính thức mới do cấp trên định.

- Cải tiến phương thức lưu thông vật tư, hàng hoá theo hướng gắn sản xuất với thị trường. Các xí nghiệp dùng nguyên liệu nông sản được trực tiếp quan hệ với nông trường hoặc hợp tác xã nông nghiệp trong việc thu mua nguyên liệu, cung cấp vật tư theo hợp đồng kinh tế hai chiều. Các xí nghiệp dùng nguyên liệu nhập được cùng với ngoại thương trực tiếp quan hệ với thị trường nước ngoài trong việc nhập nguyên liệu bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật.

Phải tăng cường mạng lưới thương nghiệp quốc doanh để có thể thu mua nắm được nguồn hàng trong tay Nhà nước, và làm tốt công tác phân phối đưa hàng bán đến người tiêu dùng. Phải quản lý chặt chẽ thị trường, chống bọn đầu cơ ăn cắp; nghiêm ngặt bảo vệ kinh tế nội bộ các xí nghiệp quốc doanh, các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh, không để những vật tư hàng hoá Nhà nước thống nhất quản lý lọt ra thị trường tự do.

Về tiêu thụ hàng hoá nói chung phải qua thương nghiệp, nhưng cần giảm trung gian để cho hàng hoá đi từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng bằng con đường ngắn nhất. Ngoài ra, các cơ sở sản xuất có thể có cửa hàng để giới thiệu và bán thử hàng mẫu. Về hàng hoá do các cơ sở sản xuất không thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý, trước hết cũng phải bán cho thương nghiệp, nhưng nếu thương nghiệp không mua thì các xí nghiệp có quyền tổ chức tiêu thụ để giải phóng kho tàng, tiền vốn. Việc tiêu thụ hàng hoá của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cần tuỳ theo tính chất từng mặt hàng và mức độ cung cấp nguyên liệu của Nhà nước mà chia ra hai loại: loại do thương nghiệp gia công thì phải giao toàn bộ cho thương nghiệp, giá cả do Nhà nước định; loại do thủ công nghiệp tự tìm lấy vật tư bằng cách làm ăn chính đáng, nếu thương nghiệp mua thì phải mua theo giá thoả thuận, nếu không thì hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, tổ sản xuất, người thủ công cá thể được quyền bán cho người tiêu dùng bằng phương thức ký gửi, hoặc có cửa hàng bán, Nhà nước quản lý bằng chính sách đăng ký kinh doanh và thuế khoá.

5. *Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam*

Tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Phải quán triệt mục đích cải tạo là để đẩy mạnh sản xuất, và phải nắm vững phương châm kết hợp cải tạo với xây dựng, không nên cho rằng cải tạo là sau đó một thời gian "sản xuất tụt xuống", mà phải bằng việc tổ chức lại sản xuất, tăng cường quản lý, sản xuất vẫn giữ vững và phát triển lên.

ở miền Nam các cơ sở công nghiệp và vận tải hầu hết đã thành xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh; nay phải tiếp tục củng cố tăng cường cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo, phải tổ chức lại sản xuất (những cơ sở quá nhỏ thì nhập lại), phải giáo dục ý thức giai cấp công nhân cho người lao động, phải sử dụng những người tư sản đã tham gia cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Có một số người tư sản nhỏ chưa đủ điều kiện vào công tư hợp doanh thì vận động họ vào xí nghiệp hợp tác, hoặc để họ làm gia công cho Nhà nước.

Đối với tiểu, thủ công nghiệp, điều cơ bản là phải nắm vững nguyên tắc tự nguyện khi tiến hành hợp tác hoá. Phải xuất phát từ yêu cầu sản xuất, kỹ thuật mà vận dụng các hình thức tổ chức thích hợp: hợp tác xã, tổ sản xuất, thủ công cá thể, thủ công gia đình. Có như vậy mới bảo đảm trong và sau khi cải tạo, sản xuất của tiểu, thủ công nghiệp vẫn giữ vững và tiếp tục phát triển, mặt hàng vẫn giữ được tính đa dạng và phong phú, đáp ứng được yêu cầu đời sống và xuất khẩu.

Việc cải tạo nghề cá của ngư dân cũng phải trên cơ sở tự nguyện, tự giác, vận động họ vào các hình thức từ thấp đến cao: tổ đoàn kết sản xuất, tổ hợp tác và hợp tác xã nghề cá, và cũng phải làm từng bước vững chắc nhằm mục đích phát triển sản xuất nghề cá.

Tổ đoàn kết sản xuất thực chất chỉ là một tổ chức để giáo dục giúp đỡ lẫn nhau, cử đại diện nhận xăng dầu, phương tiện của Nhà nước và bán cá cho Nhà nước.

Tổ hợp tác từ 4-5 đơn vị trở lên đã thực hiện một bước tập thể hoá tư liệu sản xuất cũng cần phải có sự tự nguyện. Việc tổ chức hợp tác xã nghề cá chỉ tiến hành

khi có đủ các điều kiện như ngư dân giác ngộ về chủ nghĩa xã hội và tự nguyện vào hợp tác xã, cán bộ quản lý được đào tạo và biết quản lý, và Nhà nước có điều kiện cung cấp được thuyền, lưới, xăng dầu..., bảo đảm làm sao vào hợp tác xã thì năng suất cá phải cao hơn, từ đó việc làm nghĩa vụ bán cá cho Nhà nước phải khá hơn.

Tóm lại, phải làm đúng tinh thần chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, kết hợp quá trình cải tạo với quá trình tổ chức lại sản xuất từng bước cho thích hợp nhằm mục đích đẩy mạnh phát triển sản xuất.

6. Cải tiến quản lý kinh tế

Cũng như đối với các ngành kinh tế khác, vấn đề cấp bách và cơ bản nhất là phải từng bước xoá bỏ phương thức quản lý mang nặng tính chất hành chính bao cấp, thực hiện phương thức quản lý sản xuất - kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Có nghĩa là phải có sự thay đổi một bước cơ chế quản lý kinh tế thì mới làm chuyển biến được tình hình. Nội dung chủ yếu là bảo đảm quyền làm chủ tập thể về sản xuất và kinh doanh của các đơn vị kinh tế, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, bắt buộc mọi người, mọi tổ chức kinh tế phải làm ăn có tính toán, phải chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh tế. Nó đòi hỏi phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, bảo đảm người làm giỏi được hưởng nhiều hơn, người làm kém thì phải hưởng ít hơn.

a) Về tổ chức sản xuất

Hàng tiêu dùng và sản phẩm công nghiệp địa phương gồm nhiều loại từ đơn giản đến phức tạp, do nhiều người, nhiều cơ sở, nhiều địa phương, nhiều ngành cùng làm. Do đó về tổ chức sản xuất phải thật rộng rãi, linh hoạt từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ tỉnh, thành phố, huyện, thị xã đến cơ sở, từ

công nghiệp lớn, kỹ thuật hiện đại, đến công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp kỹ thuật thô sơ, từ các xí nghiệp quốc doanh đến các hợp tác xã, tổ sản xuất, thủ công cá thể và nghề phụ gia đình ở thành thị và nông thôn. Yêu cầu về tổ chức sản xuất là phải phát huy được tính chủ động và sáng tạo của quần chúng, của cơ sở và địa phương nhằm tận dụng mọi lực lượng, mọi khả năng để làm ra nhiều hàng hoá cho xã hội. Vì vậy, phải xuất phát từ hiệu quả kinh tế mà xét, cái gì cá thể có thể làm tốt, phục vụ tốt nhu cầu thì nên để cá thể làm, không nhất thiết phải đưa vào tập thể ngay, cái gì tổ sản xuất làm tốt thì để tổ sản xuất làm, không nhất thiết phải tập hợp ngay vào hợp tác xã, cái gì hợp tác xã đã làm tốt thì không vội phát triển quốc doanh thay thế, cái gì địa phương làm được thì giao cho địa phương làm, trung ương không nên nắm giữ, cái gì ngành này đã làm tốt thì không cần thiết phải chuyển sang ngành khác.

Nhưng quá trình tổ chức sản xuất không phải cố định mà sẽ thay đổi chuyển hoá tùy theo trình độ phát triển kinh tế kỹ thuật. Có những công việc trước mắt cá thể làm là tốt, nhưng sau này phải đưa vào tập thể mới có lợi, có những mặt hàng, lúc này trung ương làm là cần thiết nhưng sau này phải giao cho địa phương mới hợp lý, hoặc ngược lại: có những ngành nghề, giai đoạn này, bộ này quản lý là đúng, nhưng giai đoạn sau phải chuyển cho bộ khác quản lý mới tốt hơn.

- Việc tổ chức sản xuất hàng tiêu dùng phải dần dần tiến theo hướng tập trung hoá, liên hiệp hoá, chuyên môn hoá, hợp tác hoá nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao. Nhưng trước mắt, vấn đề chính là phải lo củng cố và tổ chức sản xuất tốt ở cơ sở (hợp tác xã, xí nghiệp, xí

ngiệp liên hợp) *bảo đảm quyền tự chủ về tài chính* của cơ sở, còn việc tổ chức liên hiệp các xí nghiệp thì phải tính toán cẩn thận, có luận chứng kinh tế kỹ thuật đầy đủ, để không trở thành cấp trung gian một cách hình thức, bảo đảm sau khi tổ chức và hoạt động, hiệu quả kinh tế của toàn liên hiệp các xí nghiệp phải cao hơn. Trong toàn quốc hiện nay đã có *liên hiệp các xí nghiệp dệt - sợi*, vì ngành dệt - sợi phải được xây dựng thành một ngành công nghiệp hản hoi, quy mô ngày càng lớn, có tính tập trung hoá, chuyên môn hoá, liên hiệp hoá cao. Ngành chè cũng đang được thành lập vì đã có nhiều nông trường và xí nghiệp chè, và cần liên kết giữa khâu sản xuất nguyên liệu và chế biến công nghiệp; ở trung ương có liên hiệp các xí nghiệp chè, dưới có xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè do trung ương hay địa phương trực tiếp quản lý. Ngành đường cũng đang xúc tiến thành lập cùng với ý nghĩa đó... Còn những ngành khác cần được nghiên cứu kỹ thêm. Nói chung là có hai hình thức liên hiệp *dọc* hoặc *ngang*, phải tùy theo trình độ phát triển kinh tế kỹ thuật, nhất là phải có cán bộ biết quản lý và kinh doanh, thì mới tổ chức các liên hiệp xí nghiệp có hiệu quả.

- Việc tổ chức sản xuất hàng tiêu dùng còn phải theo hướng tổng hợp lợi dụng như trong các nhà máy đường phải tổ chức sản xuất thêm giấy, rượu, men; trong các nhà máy xay xát gạo phải tận dụng ép dầu cám; trong các nhà máy rau quả hộp phải lợi dụng phế liệu để sản xuất nước quả... Và nói chung, tất cả các xí nghiệp công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nặng, các nông trường, lâm trường, các hợp tác xã... đều phải tận dụng mọi khả năng thiết bị, nguyên liệu, phế liệu, lao động để sản xuất thêm hàng tiêu dùng.

b) *Đổi mới công tác kế hoạch hoá*

Nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến lên và đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tình hình kinh tế đời sống có nhiều mặt phức tạp, điều kiện vật chất còn thấp... Trong tình hình đó, Nhà nước chưa thể nắm hết mọi sản phẩm, bao quát mọi nhu cầu xã hội, mà phải xác định cái gì Nhà nước lo, cái gì nhân dân lo, cái gì trung ương thống nhất quản lý, cái gì giao cho địa phương quản lý. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch lúc này càng phải chú trọng xây dựng từ cơ sở nhằm phát huy và sử dụng hợp lý mọi khả năng sẵn có về lao động, tài nguyên, đất đai, rừng, biển để làm ra hàng hoá, chứ không thể xây dựng theo kiểu từ trên dội xuống hoặc dưới cứ trông chờ trên. Trong công tác kế hoạch hoá nên phân biệt, đối với những sản phẩm thật quan trọng đến toàn bộ nền kinh tế và đời sống cả nước thì trung ương phải nắm, phải cân đối đồng bộ và tạo mọi điều kiện thực hiện cho bằng được coi là chỉ tiêu pháp lệnh, còn các sản phẩm khác thì nên là những chỉ tiêu hướng dẫn, hoặc giao cho địa phương và cơ sở, kết hợp kế hoạch với thị trường, sử dụng chính sách, biện pháp để giải quyết nhằm đáp ứng nhu cầu muôn màu, muôn vẻ của đời sống nhân dân địa phương.

Đại thể, công tác kế hoạch hoá có thể phân làm mấy loại:

- Có loại trung ương phải lo cho cả nước và thống nhất quản lý, phải cân đối đồng bộ từ khâu nguyên liệu đến sản xuất và tiêu thụ theo một kế hoạch chung, ví dụ: lương thực, muối, đường, sữa, vải lụa, giấy viết, v.v..

- Có loại trung ương chỉ thống nhất kế hoạch phân phối và giao cho địa phương lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, cung ứng cho nhu cầu địa phương và nhu cầu cả nước như chiếu cói, sành sứ, thủy tinh, đồ gỗ...

- Có loại do địa phương lo toàn diện về sản xuất và tiêu dùng trong địa phương như chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng thông thường.

- Còn tất cả các loại hàng khác sẽ giao quyền cho các cơ sở sản xuất, kể cả quốc doanh, tập thể và cá thể, xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương, xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và các xí nghiệp khác, kết hợp kế hoạch với thị trường, tìm kiếm nguyên liệu, tổ chức sản xuất và lưu thông theo phương thức thuận tiện và giá cả linh hoạt.

Trên cơ sở phân cấp quản lý sản phẩm, sẽ phân cấp quản lý vật tư, nguyên liệu, quy định rõ loại nào trung ương phải cung cấp cho địa phương, loại nào địa phương phải cung cấp cho trung ương toàn bộ, loại nào cung cấp một phần và sử dụng một phần, loại nào được sử dụng toàn bộ, loại nào do Nhà nước thống nhất quản lý, loại nào được tự do gây trồng, khai thác, lưu thông...

Đối với các địa phương vừa có nguyên liệu, vừa có cơ sở chế biến như trồng cói dệt chiếu, thì trung ương không giao chỉ tiêu mua nguyên liệu mà chỉ giao chỉ tiêu nộp sản phẩm chiếu cói, và chỉ điều đi phần nguyên liệu mà địa phương không chế biến hết.

Theo tinh thần này, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ lập danh mục những loại vật tư, nguyên liệu, hàng hoá do trung ương thống nhất quản lý, và những loại vật tư hàng hoá địa phương được quản lý và trao đổi với địa phương khác, trình Chính phủ phê chuẩn, ban hành.

c) Về phân công, phân cấp quản lý

Việc *phân công, phân cấp* quản lý công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương phải quán triệt

nguyên tắc kết hợp thống nhất quản lý theo ngành kinh tế - kỹ thuật với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Cụ thể là:

- Các bộ (hay tổng cục) phụ trách quản lý ngành nào thì ngoài việc quản lý toàn diện các xí nghiệp trực thuộc, phải thống nhất quản lý hành chính kinh tế đối với tất cả các cơ sở thuộc ngành kinh tế kỹ thuật từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ quốc doanh, tập thể đến cá thể (không kể cơ sở đó thuộc ngành nào, địa phương nào quản lý) về các mặt xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn, thực hiện việc phân công và hợp tác nội bộ ngành, hướng dẫn khoa học kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, xây dựng chính sách chế độ quản lý ngành, kiểm tra hoạt động của công nghiệp địa phương.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố, ngoài việc quản lý các cơ sở công nghiệp địa phương, phải quản lý theo lãnh thổ đối với các xí nghiệp trung ương nằm trên lãnh thổ về các mặt, tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm hậu cần, chăm lo đời sống công nhân cán bộ, trật tự an toàn xí nghiệp, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và các chính sách chế độ luật pháp của Nhà nước.

Theo nguyên tắc đó, cần khắc phục ngay hiện tượng bộ chỉ lo phần các xí nghiệp Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ lo phần công nghiệp địa phương, thiếu trách nhiệm chung hoặc dẫn đến tình trạng tranh chấp lẫn nhau.

Việc *phân công* quản lý công nghiệp hàng tiêu dùng giữa các ngành phải linh hoạt, Bộ Công nghiệp nhẹ và Bộ Công nghiệp thực phẩm không nhất thiết phải quản lý tất cả các ngành, các xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, mà ngành nghề nào, cơ sở nào xét để ở bộ nào,

tổng cục nào quản lý có lợi nhất thì để cho bộ đó, tổng cục đó quản lý.

Cụ thể việc phân công giữa các ngành về cơ bản vẫn như hiện nay nhưng có điều chỉnh và xác định rõ thêm mấy điểm:

Tách phần lương thực từ Bộ Lương thực thực phẩm ra thành lập *Tổng cục Lương thực* trực thuộc Chính phủ (phụ trách cả ba khâu: thu mua, chế biến, phân phối).

- *Bộ Công nghiệp thực phẩm:*

+ Thống nhất quản lý cả khâu nông nghiệp đối với các vùng tập trung chuyên canh *chè* và *mía* (để rút kinh nghiệm trước).

+ Thống nhất quản lý công nghiệp *dầu thực vật và tinh dầu*.

- *Bộ Công nghiệp nhẹ* thống nhất quản lý các ngành:

+ Sản xuất đồ mộc;

+ May xuất khẩu (may nội địa do Bộ Nội thương phụ trách);

+ Sành sứ, thủy tinh dân dụng, kể cả mỏ cao lanh;

+ Đồ chơi trẻ em và văn phòng phẩm;

+ Công nghiệp bao bì;

+ Kim khí tiêu dùng thông thường, gồm cả xe đạp, máy khâu, đồng hồ. Còn các mặt hàng yêu cầu kỹ thuật cao như máy thu thanh, thu hình, tủ lạnh do Bộ Cơ khí quản lý.

- *Bộ Nông nghiệp* quản lý:

+ Trồng dâu nuôi tằm kén, còn ươm tơ và dệt lụa do Bộ Công nghiệp nhẹ quản lý;

+ Chế biến sữa ở các nông trường;

+ Chế biến thức ăn gia súc;

+ Thủ công nghiệp trong nông nghiệp;

- Chuyển *Tổng công ty cao su* hiện thuộc Bộ Nông nghiệp thành cơ quan trực thuộc Chính phủ.

- *Bộ Lâm nghiệp* quản lý công nghiệp chế biến đặc sản xuất khẩu, tananh, nhựa thông...

- *Bộ Giáo dục* thống nhất quản lý đồ dùng giáo dục kể cả đại học.

- *Tổng cục Thể dục, thể thao* quản lý cả xí nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao.

- *Bộ Văn hoá* quản lý công nghiệp in và văn hoá phẩm.

- *Bộ Y tế* quản lý công nghiệp dược phẩm.

Đối với *công nghiệp địa phương* sẽ không giao cho Bộ nào chủ quản mà tất cả các Bộ hữu quan đều phải quản lý tốt phần công nghiệp thuộc ngành mình ở địa phương. ở Văn phòng Phủ Thủ tướng sẽ tổ chức một bộ phận để theo dõi chung và giúp Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vấn đề có liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương.

Về *phân cấp* quản lý. Cần xác định rằng công nghiệp là một thể thống nhất hình thành theo ngành kinh tế kỹ thuật và được bố trí trên những vùng lãnh thổ nhất định. Các bộ có trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi đối với tất cả các cơ sở công nghiệp trong cả nước thuộc ngành kinh tế kỹ thuật do mình quản lý. Các Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi

đối với tất cả các cơ sở công nghiệp đặt tại địa phương. Phân ra công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương chỉ là vấn đề phân cấp quản lý trực tiếp các xí nghiệp. Vì vậy, việc phân cấp này phải xuất phát từ đặc điểm của từng ngành kinh tế - kỹ thuật, của từng xí nghiệp và trình độ quản lý của từng cấp mà xem xét giao xí nghiệp đó cho cấp nào quản lý là có lợi nhất. Và cũng do đó việc phân cấp này không cố định, mà trong quá trình phát triển, có những xí nghiệp hiện nay do trung ương quản lý nhưng sau này sẽ giao cho địa phương quản lý và ngược lại.

Với điều kiện hiện nay, việc phân cấp quản lý quy định như sau.

Nói chung *các ngành quản lý*:

- Những xí nghiệp sản xuất những mặt hàng thiết yếu, quan trọng, yêu cầu nguyên liệu hầu khắp cả nước hay trên nhiều địa phương, phục vụ tiêu dùng cả nước và xuất khẩu với khối lượng lớn, tiêu chuẩn cao;
- Những xí nghiệp quy mô lớn và tương đối lớn, kỹ thuật hiện đại, cần nhiều vốn đầu tư.

Nói chung *địa phương quản lý*:

- Những xí nghiệp sản xuất những mặt hàng thông thường, quy mô vừa và nhỏ, kỹ thuật ít phức tạp, đầu tư không lớn, nguyên liệu và tiêu thụ tại địa phương hay nhiều địa phương gần nhau;
- Những xí nghiệp sản xuất những mặt hàng thuộc nghề truyền thống, những sản phẩm đặc thù của địa phương phục vụ nhu cầu địa phương hoặc nhu cầu cả nước và xuất khẩu.

Trong từng địa phương cũng cần có sự phân cấp hợp lý giữa tỉnh và huyện, dần dần giao cho huyện quản lý những xí nghiệp quy mô nhỏ phục vụ nhu cầu trong huyện, nhằm từng bước thực hiện yêu cầu xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn huyện.

d) *Tổ chức bộ máy quản lý*

Bộ máy quản lý công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương phải được cải tiến theo hướng gọn, nhẹ, giảm trung gian, tăng hiệu lực, tạo điều kiện đưa cán bộ về tăng cường cho địa phương và cơ sở.

- ở *huyện*, tổ chức phòng công nghiệp và thủ công nghiệp để giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý tiểu, thủ công nghiệp và một số cơ sở quốc doanh ở huyện.

ở *tỉnh và thành phố*, chỉ nên tổ chức một sở, ty công nghiệp để trực tiếp quản lý các xí nghiệp thuộc sở, ty và quản lý theo ngành đối với tất cả các cơ sở công nghiệp trong tỉnh và thành phố.

- ở *trung ương*, các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm hiện nay nên tổ chức theo hai loại: có ngành thì hai cấp (bộ - xí nghiệp), có ngành thì ba cấp (bộ - liên hiệp xí nghiệp - xí nghiệp):

+ Bộ (hay tổng cục) là cơ quan quản lý hành chính kinh tế;

+ Liên hiệp xí nghiệp hay công ty là tổ chức sản xuất - kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế;

+ Xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp (kể cả xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp) là đơn vị kinh tế cơ sở, có tư cách pháp nhân và kinh doanh hạch toán, nằm trong liên hiệp xí nghiệp (hay công ty) hoặc trực tiếp với bộ (hay tổng cục).

Các liên hiệp xí nghiệp hay công ty, ngoài các bộ môn hành chính nghiệp vụ, tùy theo phạm vi rộng lớn đến đâu, cần có một viện hay trung tâm nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, một, hai xí nghiệp cơ khí sửa chữa hay chế tạo và một trường đào tạo công nhân để giúp liên hiệp xí nghiệp làm tốt nhiệm vụ quản lý toàn ngành.

- Kiện toàn Liên hiệp hợp tác tiểu, thủ công nghiệp Trung ương và các cấp để làm tốt chức năng quản lý kinh tế nội bộ cả hệ thống hợp tác xã, xây dựng chính sách đề xuất với Đảng và Chính phủ, củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất, và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, vận động tư tưởng chính trị trong quần chúng xã viên...

đ) Về đào tạo cán bộ, công nhân

Có quy hoạch và kế hoạch đào tạo đồng bộ, cân đối các loại cán bộ, công nhân cho các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp địa phương. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trường đào tạo cán bộ và công nhân.

- Về cán bộ, phải đào tạo đồng bộ giữa cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ nghiệp vụ. Trước mắt có kế hoạch đào tạo gấp đội ngũ cán bộ quản lý xí nghiệp và quản lý các liên hiệp xí nghiệp. Lựa chọn ngay một số cán bộ có năng lực, có triển vọng, biết quản lý kinh doanh phụ trách các công ty, các liên hiệp xí nghiệp sản xuất các mặt hàng quan trọng như cao su, tơ tằm, chè, đường, dứa, may xuất khẩu, v.v..

- Hết sức coi trọng đào tạo công nhân kỹ thuật để sớm có một đội ngũ công nhân lành nghề cho các ngành công nghiệp nhẹ. Ngoài công nhân công nghệ, cần chú ý đào

tạo công nhân cơ điện. Đặc biệt chú ý đào tạo đốc công, tổ trưởng sản xuất và công nhân đầu nghề.

Phần V

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của việc phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

1. Các cấp uỷ Đảng từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt cấp uỷ đảng của các địa phương và các ngành có liên quan, phải:

- Làm cho cán bộ các cấp, các ngành thấu suốt đường lối, chính sách và Nghị quyết của Trung ương về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương; chú ý khắc phục những khuynh hướng, tư tưởng sai lầm như:

+ Coi nhẹ việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, coi nhẹ công nghiệp địa phương, tiểu thủ công nghiệp.

+ Không tìm mọi cách khai thác nguyên liệu trong nước, trong địa phương, ỷ lại, trông chờ vào nguyên liệu nhập khẩu.

+ Tập trung quan liêu, bảo thủ; không thấy sự cần thiết phải cải tiến chính sách, chế độ quản lý công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

+ Cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, không xuất phát từ lợi ích kinh tế chung, ít quan tâm đến yêu cầu chung của đất nước; nặng về đòi hỏi phần lợi cho địa phương mình, đơn vị mình.

- Dành thì giờ thích đáng để bàn bạc, lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

- Tăng thêm cán bộ có phẩm chất và năng lực cho khu vực công nghiệp địa phương. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ và Công đoàn trong khu vực công nghiệp địa phương; phát triển Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ trong các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp.

- Đặc biệt coi trọng lãnh đạo chính sách và cải tiến quản lý. Phải soát xét lại để có sự thay đổi cần thiết về những chính sách và chế độ quản lý hiện hành. Phải chống quan liêu, bảo thủ, mạnh dạn đổi mới để có tác dụng rõ rệt.

Phải căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này mà cải tiến công tác, sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ, tổ chức quản lý. Phải làm khẩn trương, nghiêm túc với đầy đủ tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa.

Các cấp uỷ địa phương phải tăng cường lãnh đạo công nghiệp địa phương, bảo đảm công nghiệp địa phương và nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau và thúc đẩy lẫn nhau phát triển; làm cho mọi người nhất trí về vai trò và vị trí của tiểu, thủ công nghiệp, có thái độ và chính sách đúng đắn đối với tiểu, thủ công nghiệp.

Các tỉnh, thành mà công nghiệp đã phát triển lớn (kể cả công nghiệp trung ương) cần tổ chức riêng Ban Công nghiệp để giúp tỉnh, thành uỷ lãnh đạo.

Các đảng uỷ xí nghiệp và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân và xã viên, lãnh đạo và kiểm tra chặt chẽ mọi mặt hoạt động của đơn vị, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, hoàn thành tốt nhất kế hoạch Nhà nước.

Ban Cán sự các bộ và tổng cục quản lý công nghiệp hàng tiêu dùng phải cải tiến và tăng cường lãnh đạo công nghiệp hàng tiêu dùng, phải đề ra các chủ trương, biện pháp lớn và tăng cường kiểm tra, bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng.

Các Ban của Đảng cần tăng cường công tác nghiên cứu, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương để kịp thời đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề cần xem xét, uốn nắn và giải quyết.

2. *Thường vụ Hội đồng Chính phủ* cần chỉ đạo các ngành hữu quan căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, khẩn trương xây dựng thành những chính sách, chế độ cụ thể trước hết là những chính sách lớn, và thể chế hoá những chính sách đó thành pháp luật của Nhà nước; biến những nhiệm vụ, phương hướng của Nghị quyết về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương thành những phương án kinh tế - kỹ thuật, những quy hoạch và kế hoạch cụ thể; nhanh chóng thực hiện các quyết định về cải tiến tổ chức quản lý, kiện toàn bộ máy quản lý, đặc biệt là quyết định về củng cố tổ chức liên hiệp hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp Trung ương và các cấp.

Tất cả các ngành, tùy theo chức năng của mình mà góp phần tích cực vào việc phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Ngành nông nghiệp phải nắm vững

phương hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, nhanh chóng phát triển cây công nghiệp và đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính, trước hết là phải tập trung sức xây dựng cho được một số vùng cây công nghiệp tập trung chuyên canh. Các ngành công nghiệp nặng phải quán triệt đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, kết hợp chặt chẽ với công nghiệp nhẹ, có kế hoạch và biện pháp bảo đảm cung cấp nguyên liệu, năng lượng và trang bị kỹ thuật cho các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Các ngành lưu thông phân phối phải phối hợp chặt chẽ với các ngành sản xuất, làm cho lưu thông gắn với sản xuất, thật sự thúc đẩy sản xuất phát triển.

Các bộ và tổng cục quản lý công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phải nắm chắc ba khâu nguyên liệu, sản xuất và tiêu thụ, tăng cường các mặt quản lý, làm tròn trách nhiệm đối với địa phương và cơ sở. Tất cả các bộ và tổng cục khác cần tận dụng thiết bị, nguyên liệu, lao động còn thừa của các cơ sở vào sản xuất hàng tiêu dùng thích hợp.

3. Để phát huy quyền *làm chủ tập thể của quần chúng* trong công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương:

- Việc xây dựng và cải tiến các chính sách và chế độ quản lý có liên quan phải thấu suốt tinh thần nói rộng quyền chủ động hợp lý của địa phương và cơ sở trong việc sản xuất, lưu thông phân phối, chăm lo đời sống và quyền lợi chính đáng của người sản xuất kể cả người sản xuất nguyên liệu trong khu vực quốc doanh cũng như trong khu vực tập thể.

- Các cấp, các ngành có liên quan, đặc biệt là Liên hiệp hợp tác xã tiểu, thủ công Trung ương, phải chú ý:

Lãnh đạo các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp thực hiện đúng chế độ làm chủ tập thể trong hợp tác xã, bảo đảm

xã viên tham gia quản lý sản xuất và kiểm tra việc phân phối trong hợp tác xã.

Lãnh đạo quần chúng, nhất là quần chúng trong các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đấu tranh chống tham ô, móc ngoặc và các hành vi sai trái khác, đấu tranh để thực hiện đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.

4. *Cải tiến chỉ đạo thực hiện.* Yêu cầu của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương rất lớn, vấn đề cần giải quyết rất nhiều, trong một lúc không thể giải quyết được mọi công việc, thỏa mãn mọi yêu cầu. Cho nên trong chỉ đạo thực hiện phải thật tập trung, vào một số mặt hàng chủ yếu, vào những công việc then chốt, và đã làm việc gì thì phải dứt điểm, đến nơi đến chốn; phải biết kết hợp ngành này với ngành khác, trung ương với địa phương, cấp trên và cơ sở vì lợi ích kinh tế chung của đất nước để giải quyết đồng bộ các vấn đề. Phải đề cao trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của tổ chức, mỗi việc phải giao cho một người và một tổ chức chịu trách nhiệm rõ ràng, toàn diện từ đầu đến cuối, kết quả công việc tốt hay xấu phải được đánh giá rõ ràng, kết luận dứt khoát, thưởng phạt phân minh.

*

* *

sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương là một nhiệm vụ cấp bách và quan trọng. Tuy trước mắt còn nhiều khó khăn nhưng vẫn có những khả năng phát triển nhanh chóng. Nếu coi trọng đúng mức vai trò của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, phát huy được quyền làm chủ tập thể của quần chúng và giải quyết tốt các vấn đề về kế hoạch,

chính sách và quản lý thì nhất định chúng ta sẽ tạo ra một sự chuyển biến mạnh mẽ, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, đáp ứng nhu cầu đời sống và xuất khẩu, tăng cường năng lực chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Bài phát biểu của đồng chí Lê Duẩn
Tại hội nghị lần thứ sáu
ban chấp hành trung ương (khoá IV)**

Thưa các đồng chí Trung ương,

Từ sau Đại hội lần thứ IV của Đảng, đã có mấy cuộc Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương về các vấn đề kinh tế. Ngoài hai cuộc Hội nghị (lần thứ ba và lần thứ năm) quyết định những nhiệm vụ kinh tế hằng năm, Hội nghị lần thứ hai chuyên bàn về nông nghiệp, và lần này, Hội nghị lần thứ sáu chuyên bàn về công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

Như vậy là Trung ương rất quan tâm đến những ngành trực tiếp làm ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, đồng thời là những ngành tạo điều kiện cần thiết cho việc phát triển công nghiệp nặng. Đó cũng là những ngành dính liền nhất với địa phương, những bộ phận quan trọng nhất trong kinh tế địa phương.

Báo cáo trình ra Hội nghị lần này của Trung ương đã kiểm điểm tình hình, vạch rõ nguyên nhân ưu điểm và khuyết điểm, nêu lên nhiệm vụ, mục tiêu cùng những chủ trương và biện pháp nhằm đẩy mạnh công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương trong những năm trước mắt.

Để góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề cơ bản trong đường lối kinh tế, cung cấp thêm tài liệu để các đồng chí Trung ương suy nghĩ, thảo luận về công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, tôi xin trình bày chủ trương phát triển *kinh tế địa phương* đồng thời xây dựng kinh tế trung ương.

Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cùng một lúc chúng ta phải thực hiện ba nhiệm vụ chiến lược, đáp ứng ba yêu cầu cơ bản:

- Cải thiện đời sống nhân dân.
- củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.
- Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Làm thế nào để trong điều kiện chưa có đại công nghiệp cơ khí, chưa có sản xuất lớn, mà vẫn có thể bắt đầu thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội: thoả mãn - cố nhiên còn ở mức tối thiểu - nhu cầu ăn, mặc, ở, học hành, đi lại và các nhu cầu khác của người lao động, giữ vững độc lập, tự do và lãnh thổ toàn vẹn của đất nước, đồng thời thúc đẩy được sự ra đời của đại công nghiệp cơ khí, của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phù hợp với cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay?

Đó là bài toán kinh tế tổng quát nhất, cơ bản nhất và khó khăn nhất đặt ra cho chúng ta.

Không thể gạt bỏ hoặc tạm gác lại bất kỳ nhiệm vụ nào trong ba nhiệm vụ chiến lược này, là những nhiệm vụ không phải do ý muốn chủ quan đặt ra, mà được quyết định bởi chính cuộc sống, bởi bản chất của chế độ, bởi những điều kiện và đặc điểm của đất nước, bởi quyền lợi và nguyện vọng sâu xa của nhân dân lao động.

Khi câu hỏi do chính cuộc sống, chính nền kinh tế đặt ra, thì lời giải đáp cũng nằm ngay trong quy luật của cuộc sống, trong quy luật phát triển của nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vấn đề là phát hiện và nắm vững những quy luật ấy, định đường lối kinh tế và cách làm kinh tế hợp lý, kết hợp được việc thực hiện các nhiệm vụ với nhau, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối đó trên những nét chính. Đó là đường lối mang tính cách mạng triệt để và tính khoa học sâu sắc, mà nội dung chủ yếu là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế thống nhất, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất, kết hợp kinh tế và quốc phòng, kết hợp phân công trong nước với phân công và hợp tác quốc tế.

Đứng về cơ cấu tổng quát mà nói, toàn bộ nền kinh tế sẽ lớn lên dựa trên hai khâu then chốt: một là, các ngành kinh tế - kỹ thuật thống nhất cả nước; hai là, kinh tế địa phương.

Hai khâu then chốt này không tách rời nhau, mà kết hợp chặt chẽ với nhau, thâm nhập vào nhau, nương tựa lẫn nhau để phát triển.

Là tổ chức cơ bản của sản xuất lớn hiện đại, các ngành kinh tế - kỹ thuật có vai trò cực kỳ quan trọng là chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí, tạo ra công cụ

và vật liệu mới, thúc đẩy chuyên môn hoá, hợp tác và liên hiệp sản xuất, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất lao động, làm ra sản phẩm với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Tích cực và chủ động xây dựng sớm các ngành là một chủ trương chiến lược trước mắt và lâu dài.

Các ngành kinh tế - kỹ thuật ra đời trong một quá trình bao gồm hai mặt: *một mặt*, phát triển nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) theo hướng sản xuất lớn; phân công lại lao động nông nghiệp, để sử dụng hết đất, rừng, biển và các tài nguyên khác; mở mang ngành, nghề làm hàng tiêu dùng cho đời sống nhân dân và cho xuất khẩu; hình thành các ngành công nghiệp chế biến nông sản và cung ứng tư liệu sản xuất cho nông nghiệp. *Mặt khác*, xây dựng thẳng các ngành công nghiệp nặng then chốt, tiêu biểu nhất cho nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đủ sức trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Hai mặt của quá trình này quan hệ hữu cơ với nhau, vì việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng phải dựa trên cơ sở phát triển của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; các cơ sở công nghiệp nặng phải gắn liền với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ thành một cơ cấu, nhằm trước hết thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp nhẹ tiến lên.

Kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương đều gồm có công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp. Song, kinh tế trung ương chủ yếu là những cơ sở quan trọng nhất trong các ngành công nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống then chốt trong công nghiệp nặng; còn kinh tế địa phương chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, dính liền với lao động, tài nguyên và ngành, nghề ở địa phương. Kinh tế trung

ương được xây dựng lớn mạnh, các ngành kinh tế - kỹ thuật được hình thành nhanh chóng, thì kinh tế địa phương càng có điều kiện phát triển mạnh. Và phát triển mạnh kinh tế địa phương là nhằm bảo đảm đời sống nhân dân, đồng thời đóng góp lực lượng xây dựng kinh tế trung ương.

Các quá trình kinh tế nói trên là những tất yếu khách quan hợp quy luật, đồng thời là những khả năng thực tế do có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; chế độ này cho phép thực hiện sớm sự tập trung lực lượng trên quy mô lớn để xây dựng các cơ sở kinh tế then chốt, đồng thời mở rộng quyền dân chủ, phát huy sức chủ động, sáng tạo của các địa phương trong việc phát triển sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế mới.

I- Vai trò của kinh tế địa phương

Trong toàn bộ sự vận động của cơ cấu kinh tế tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vai trò chiến lược của kinh tế địa phương thể hiện trong những điểm chính sau đây:

1. Có phát triển mạnh kinh tế địa phương, mới *dùng được hết lao động, đất, rừng, biển và mở mang được ngành, nghề*, bởi vì lao động cũng như tài nguyên tồn tại trên từng địa phương, gắn bó trước hết với sự vận động của từng địa phương dựa trên đường lối và quy hoạch chung của cả nước. Đi từ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, thì tất yếu phải thừa nhận rằng địa phương là địa bàn quan trọng để tổ chức sản xuất, phân công lao động, khai thác các nguồn tài nguyên của đất nước,

tăng nhanh năng suất lao động xã hội. Thông qua việc nắm vững, bảo vệ và sử dụng hợp lý đất, rừng, biển cùng những nguồn của cải thiên nhiên khác, kinh tế địa phương góp phần giữ gìn, cải tạo và tô điểm môi trường sống của nhân dân từng địa phương và của cả dân tộc.

Sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa chỉ có thể ra đời khi tích lũy được một khối lượng lớn *tiền tệ* đủ mua tư liệu sản xuất và sức lao động để sản xuất ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Khối lượng tiền tệ đó có được là do kinh doanh thương nghiệp, tước đoạt nông dân, cướp bóc thuộc địa, thôn tính trong cạnh tranh tự do, đúng như Mác nói chủ nghĩa tư bản ra đời mình đầy "máu và bùn".

ở những nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, *đại công nghiệp cơ khí* do lịch sử để lại, là "cơ sở vật chất", là chỗ dựa cơ bản để chuyển lên chủ nghĩa xã hội.

Còn nước ta, một nước sản xuất nhỏ là phổ biến, cơ sở vật chất - kỹ thuật thấp kém, muốn tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một quá trình vừa phát triển sản xuất, vừa bảo đảm đời sống nhân dân, thì ở trong nước không có chỗ dựa cơ bản nào khác ngoài *lao động tập thể*, cái vốn quý dồi dào nhất đồng thời là lực lượng sản xuất to lớn nhất hiện nay. Vì vậy, ngay từ đầu, phải nắm vững lao động, nhanh chóng tổ chức và phân công lại lao động, để tạo ra lực lượng sản xuất mới và năng suất lao động cao, nhằm khai thác tài nguyên, mở mang ngành, nghề, làm ra nhiều của cải. Bằng mọi cách, kết hợp cho được và sử dụng cho hết, càng sớm càng tốt, lao động và đất, rừng, biển, mở mang nhanh ngành, nghề, đó là chìa khoá mở rộng của kinh tế, đưa sản xuất xã hội vượt qua những "cửa ải" ban đầu, tạo thế cân đối

mới, tích cực, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa tiêu dùng và tích lũy. Trong điều kiện công nghiệp lớn chưa phát triển thì địa phương là địa bàn hợp lý để kết hợp lao động với tài nguyên (đặc biệt là với đất, rừng, biển). Vì vậy, phát triển kinh tế địa phương trở thành một khâu mấu chốt trong việc sử dụng lao động và tài nguyên, đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Và làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không những tiêu biểu cho quan hệ sản xuất mới, mà còn là một lực lượng sản xuất vô cùng quan trọng, nhất là trong điều kiện kỹ thuật thủ công. Thực tế của Định Công và của nhiều điển hình tiên tiến khác cho phép kết luận: với *lao động thủ công là chính*, nếu biết làm chủ, biết tổ chức và phân công lại lao động, đồng thời có sự đầu tư vừa phải về một số vật tư cần thiết, thì thông qua việc đẩy mạnh kinh tế địa phương gắn liền với các cơ sở, có thể thâm canh trồng trọt, phát triển chăn nuôi, mở mang ngành, nghề, vừa cải thiện được đời sống nhân dân, vừa xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật mới, bước đầu tạo lập một chế độ mới thật sự, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

2. Kinh tế địa phương, với bản chất liên ngành của nó, chính là nơi công nghiệp và nông nghiệp gắn bó với nhau từ đầu thành cơ cấu nông - công nghiệp (huyện) hoặc công - nông nghiệp (tỉnh). Nắm vững và xây dựng tốt kinh tế địa phương thì khắc phục được sự tách rời giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn.

Không có sự phát triển trước hết của nông nghiệp, sản xuất được nhiều lương thực, thực phẩm và nguyên liệu nông sản thì công nghiệp không thể phát triển. Nhưng không có tác động của công nghiệp thì sản xuất nông

ng nghiệp không thể trở thành sản xuất lớn, hiện đại. Theo kinh nghiệm của các nước phát triển, phải có hàng trăm ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp; số lao động trong các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp nhiều gấp ba lần số lao động trực tiếp làm nông nghiệp. ở nước ta, chúng ta chủ trương kết hợp công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu ngay từ buổi đầu xây dựng kinh tế. Đề ra chủ trương đó, chúng ta xuất phát từ tổng kết kinh nghiệm của bản thân nước ta và các nước anh em, từ những thành tựu mới của thế giới về xây dựng kinh tế và phát triển khoa học kỹ thuật, từ chế độ làm chủ tập thể đối với cả công nghiệp lẫn nông nghiệp, từ khả năng thực tế của nền kinh tế nước ta. Do gắn với công nghiệp, nên nông nghiệp có thể thâm canh, mở rộng diện tích, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến, phát triển cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, mở mang nhiều ngành, nghề. Do gắn với nông nghiệp, nên công nghiệp có cơ sở về lao động, nguyên liệu và thị trường, có hướng phục vụ lợi nhất, vì phục vụ nông nghiệp phát triển chính là tạo điều kiện để mở rộng công nghiệp hơn nữa.

Sự kết hợp công - nông nghiệp thành cơ cấu được thực hiện trong toàn bộ kinh tế quốc dân, song *trực tiếp nhất là kinh tế địa phương*, trên địa bàn tỉnh, huyện.

3. Kinh tế địa phương là một khâu *tích tụ và tập trung* sản xuất, thúc đẩy hình thành cơ cấu kinh tế của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Kinh tế địa phương càng phát triển thì càng mở rộng khả năng tích tụ, do đó có điều kiện cung cấp cho trung ương một nguồn tập trung ngày càng lớn. Phát triển mạnh kinh tế địa phương, mở nhanh sản xuất trên từng địa bàn, thì càng bảo đảm được nhiều nhu cầu đời sống, và trung ương càng có thể

dành một phần quan trọng lực lượng của cả nước để xây dựng những công trình lớn, những cơ sở vật chất - kỹ thuật then chốt. Đó là cách đi hợp lý phù hợp với quá trình phát triển của sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa diễn ra một cách khách quan vừa ở từng địa phương, vừa trong phạm vi cả nước. Với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quy mô kinh tế trong từng địa phương không ngừng lớn lên, mà quy mô kinh tế trong cả nước cũng không ngừng mở rộng. Nó khác hẳn quá trình sản xuất nhỏ phát triển thành sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, vì quá trình này diễn ra trước hết chỉ trong từng địa phương, sau đó mới hình thành thị trường dân tộc bao trùm cả nước; và trải qua "tự do cạnh tranh" trong một thời gian lịch sử dài, mới dẫn đến sự tập trung có tính độc quyền.

ở vào vị trí bản lề của nền kinh tế quốc dân, kinh tế địa phương, thông qua hoạt động tích tụ và tập trung, vừa giúp phát huy vai trò nền tảng của các đơn vị cơ sở, vừa thúc đẩy hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật. Như vậy, phát triển kinh tế địa phương một cách đúng đắn, là tạo điều kiện thuận lợi làm nảy nở sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ kinh tế quốc dân.

4. Sản có lao động và tài nguyên trong tay, sản có nhiều ngành, nghề, kinh tế địa phương là một nguồn *xuất khẩu* quan trọng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi xuất khẩu chủ yếu là xuất thành quả của lao động thể hiện ở sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và hàng tiêu dùng. Nhà nước cần có những quy định thoả đáng, khuyến khích và bắt buộc các địa phương phải làm xuất khẩu, phải kết hợp sự phân công lao động trong nước

với hợp tác và trao đổi quốc tế, nhằm trực tiếp xây dựng và phát triển kinh tế ở địa phương, đồng thời đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá nước nhà.

Mạnh bạo thực hiện điều này là mở ra những khả năng mới cho hoạt động kinh tế, nâng cao tầm nhìn và cách nghĩ của các địa phương, buộc mỗi địa phương phải tính toán phần nhập và phần xuất của mình, phải phát huy hết các khả năng sản xuất và nâng cao chất lượng mặt hàng; tạo thời cơ cho các địa phương tiến bộ nhanh qua sự tiếp xúc với nền kinh tế, kỹ thuật, quản lý và thị trường thế giới.

Thời đại mà sản xuất nhỏ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là thời đại mà đặc điểm nổi bật là:

- Chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới, một cộng đồng quốc tế nắm trong tay một khối lượng lớn công nghiệp hiện đại và khoa học kỹ thuật tiên tiến.

- Lực lượng sản xuất đã vượt ra khỏi khuôn khổ một nước, hình thành vô số mối quan hệ kinh tế, khoa học - kỹ thuật giữa nhiều nước trên thế giới, hình thành thị trường quốc tế thống nhất, đi đôi với hai hệ thống thị trường thế giới (xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa) và các thị trường khu vực.

Đó chính là những điều kiện khách quan thuận lợi mà không có nó, sản xuất nhỏ *không thể* tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, mở rộng kinh tế đối ngoại với nhiều nước, *trước hết và chủ yếu với Liên Xô và Hội đồng Tương trợ kinh tế*, phải là bộ phận hợp thành của đường lối, chiến lược kinh tế, chỗ dựa cực kỳ quan trọng để đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh lên sản xuất lớn, hiện đại; phải đem một phần lao động và tài nguyên của

nước ta tham gia vào sự phân công, hợp tác kinh tế trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, tiếp xúc và mở rộng trao đổi với thị trường thế giới. Xuất nhập khẩu là vấn đề chiến lược đối với mọi nền kinh tế, càng trở nên bức thiết đối với việc phát triển kinh tế ở nước ta.

Để thực hiện cho được quyết định đúng đắn là dành hàng triệu lao động, hàng chục vạn héc-ta đất và nhiều tài nguyên khác cho sản xuất xuất khẩu, phải có một loạt chủ trương mạnh mẽ từ kế hoạch hoá, chính sách đến tổ chức, trong đó, một hướng rất quan trọng là *đẩy mạnh xuất khẩu từ kinh tế địa phương*.

5. Tạo ra nhiều giá trị sử dụng để đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân, lo bữa cơm, chỗ ở trước mắt, lo hạnh phúc tương lai của toàn dân, là trách nhiệm chung của trung ương và địa phương, của tất cả các ngành, các cấp. Song, về *sản xuất*, thì đi đôi với phát triển sản xuất trên từng địa phương, phải hết sức coi trọng phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật vừa đi sâu vào chuyên môn hoá, vừa mở rộng hiệp tác, sớm đạt trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại, năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Còn về *phân phối*, thì trung ương phải thông qua địa phương, lấy địa phương làm địa bàn trực tiếp thực hiện phân phối xã hội chủ nghĩa. Có như vậy mới sát nhu cầu tiêu dùng nhiều mặt của các tầng lớp nhân dân, mới thỏa mãn được đời sống chung của xã hội cũng như đời sống riêng của từng gia đình, từng người. Kinh tế địa phương là một bộ phận của sản xuất xã hội, của cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp thống nhất cả nước, đồng thời là *đơn vị phân phối cơ bản của trung ương* để thỏa mãn nhu cầu đời sống nhân dân. Như vậy, kinh tế địa phương là nơi kết hợp chặt chẽ sản xuất với

phân phối, thể hiện sáng tỏ mục đích của các hoạt động kinh tế trong xã hội ta.

Chính trên địa bàn từng địa phương và từng cơ sở, chúng ta có điều kiện thực hiện một sự phân phối thể hiện rõ chế độ làm chủ tập thể, một sự phân phối của dân, do dân và vì dân, gắn bó riêng với chung, cá nhân với tập thể, không chỉ phân phối giá trị mà nắm vững mặt cơ bản là phân phối giá trị sử dụng, không chỉ thông qua tiền lương hoặc thu nhập cá nhân mà còn coi trọng phúc lợi tập thể và phúc lợi xã hội. Sự phân phối như vậy có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ đối với sản xuất, trở thành một động lực cả về vật chất và tinh thần.

6. Theo quy luật chung của lịch sử, chủ nghĩa xã hội chỉ ra đời sau khi đã có lực lượng sản xuất phát triển cao, nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và tính chất tư nhân của chế độ chiếm hữu và phân phối của cải. Còn nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong khi lực lượng sản xuất còn thấp kém. Do đó, phải *kết hợp làm một ngay từ đầu* việc xây dựng quan hệ sản xuất mới với việc phát triển lực lượng sản xuất, thì mới tạo được phương thức sản xuất, vừa hình thành được quan hệ xã hội tiên tiến, vừa đẩy mạnh được sản xuất, làm ra nhiều của cải. Cải tạo quan hệ sản xuất không chỉ vì bản thân quan hệ sản xuất, mà chính là để phát triển lực lượng sản xuất. Muốn thế, phải tìm hình thức và bước đi thích hợp cho công cuộc cải tạo; phải mạnh dạn và linh hoạt áp dụng những hình thức cải tạo có tác dụng duy trì và thúc đẩy sản xuất, và kiên quyết gạt bỏ những hình thức cải tạo có ảnh hưởng tiêu cực đối với sản xuất.

Trong việc cải tạo quan hệ sản xuất và tổ chức sản xuất, phải tùy từng đối tượng mà áp dụng những hình thức thích hợp. Trong nông nghiệp, cần xác định hợp lý trình độ và quy mô của hợp tác xã, gắn hợp tác xã với huyện và đứng trên địa bàn huyện để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh sản xuất tập thể là hình thức sản xuất chính, cần tạo điều kiện cho kinh tế gia đình phát triển đúng hướng nhằm tận dụng lao động nhàn rỗi, lao động phụ, tăng thêm của cải cho xã hội. Trong công nghiệp, bên cạnh những xí nghiệp quốc doanh lớn, cần phát huy năng lực của các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất và các tư nhân, bảo đảm cho tiểu, thủ công nghiệp phát triển, liên kết các đơn vị lớn, vừa và nhỏ thành tổ chức sản xuất hợp lý. Cách làm đó cho phép khai thác hết mọi tài năng, đi sâu vào chuyên môn hoá lao động, đạt chất lượng và hiệu quả cao, kết hợp làm một lợi ích riêng với lợi ích chung, tạo động lực mạnh mẽ đối với sản xuất.

Muốn củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, không những phải củng cố chế độ sở hữu, cải tiến chế độ quản lý và phân phối, mà còn phải ra sức xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, tăng thêm của cải và thu nhập của người lao động. Ngược lại, muốn phát triển lực lượng sản xuất, không những phải mở mang xây dựng cơ bản, áp dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến, mà phải không ngừng cải tiến chế độ quản lý và phân phối nhằm kích thích người lao động hăng hái sản xuất, quản lý tốt lao động, máy móc, vật tư, tiền vốn để làm ra nhiều của cải với chi phí ít nhất.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất phải được thực hiện trong toàn bộ kinh tế quốc dân, trên phạm vi cả nước cũng như trong từng ngành,

từng địa phương và từng cơ sở. Kinh tế địa phương có đủ các yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, gồm các khâu sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng, là nơi mà quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất quyện chặt với nhau một cách trực tiếp theo quan hệ nhân - quả hai chiều, là nơi mà các thành phần quốc doanh, hợp tác và cá thể dính liền với nhau theo một sự phân công hợp lý, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát huy được mọi khả năng kinh tế, kỹ thuật và quản lý của các thành phần khác. Như vậy, kinh tế địa phương là một khâu thể hiện cụ thể mối quan hệ qua lại giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; phát triển kinh tế địa phương thì làm cho *lực lượng sản xuất được bung mạnh ra, và quan hệ sản xuất mới được tổ chức hợp lý, được củng cố vững chắc*.

7. Kinh tế địa phương là một trong những *địa bàn quy tụ và thể hiện quyền làm chủ tập thể về kinh tế* của nhân dân lao động. Cả ba khâu làm chủ tập thể gặp gỡ nhau trong kinh tế địa phương, bằng sức mạnh từ dưới vươn lên, sức mạnh từ trên tỏa xuống, và sức mạnh bung ra ngay tại chỗ.

Kinh tế địa phương là một khâu bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích toàn xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích cá nhân người lao động, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giá trị sử dụng và giá trị, kết hợp tốt kế hoạch hoá với vận dụng thị trường.

Sản xuất nhỏ phát triển thành sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa là kết quả tự phát của quá trình theo đuổi mục đích lợi nhuận. Còn chúng ta đưa sản xuất nhỏ lên sản

xuất lớn xã hội chủ nghĩa là nhằm thoả mãn nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân, và những nhu cầu ấy chỉ có thể thoả mãn bằng giá trị sử dụng.

Tuy nhiên, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và trong cả giai đoạn xã hội chủ nghĩa, *giá trị và quy luật giá trị* là một tất yếu khách quan, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và quản lý kinh tế. Đó là thước đo tính toán, công cụ kiểm tra và đòn bẩy kích thích có hiệu lực. Được vận dụng đúng đắn trong hệ thống các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, quy luật giá trị có tác dụng tích cực, bổ sung cho quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân, gắn liền với quy luật phân phối theo lao động. Trên tinh thần đó, tài chính, ngân hàng, tiền tệ, giá cả, tiền lương là những đòn bẩy mạnh mẽ và nhanh, nhạy, để tổ chức lao động và khai thác tài nguyên, thúc đẩy sản xuất phát triển. Coi thường tính toán giá trị, không chú trọng hiệu quả kinh tế, coi thường lợi ích vật chất của người lao động, không giải quyết đúng các vấn đề giá cả, tiền lương, thu mua, khen thưởng và xử phạt vật chất, không bảo đảm nhất trí giữa lợi ích chung với lợi ích riêng, sẽ gây hậu quả xấu đối với tinh thần hăng hái của người lao động, gây tâm lý ỷ lại, dung thứ thái độ chây lười, vô trách nhiệm.

Trong nền kinh tế của chúng ta, giá trị sử dụng và giá trị không tách rời nhau, càng không đối lập nhau, mà thống nhất làm một, và đều nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân.

Không nắm vững mục đích đó, không thấy rõ tác dụng cơ bản của *giá trị sử dụng* trong chế độ ta, không tìm hiểu đầy đủ các nhu cầu của nhân dân để cố gắng đáp ứng bằng cách sản xuất đầy đủ những giá trị sử dụng

thích hợp, mà đơn thuần tính toán lời lỗ một cách hẹp hòi theo lối kinh doanh của tư nhân, thì sẽ đi đến hạn chế sản xuất, làm rối loạn cơ cấu kinh tế và cơ cấu mặt hàng, trái với quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Là địa bàn gắn liền sản xuất với phân phối một cách trực tiếp, *kinh tế địa phương có điều kiện thể hiện đầy đủ mối quan hệ đúng đắn nói trên giữa giá trị sử dụng và giá trị.*

Sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa là quá trình tự phát, vô chính phủ, thông qua sự điều tiết của thị trường và quy luật giá trị. Còn sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là quá trình tự giác, có tổ chức, có kế hoạch. Do đó, *kế hoạch* trở thành công cụ chủ yếu của tổ chức và quản lý kinh tế.

Trong từng thời kỳ, phải tùy theo trình độ phát triển của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất mà xác định *nội dung, phạm vi và phương pháp* kế hoạch hoá thích hợp. Trong giai đoạn hiện nay của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế hoạch hoá ba khâu (trung ương, địa phương và cơ sở). Trung ương phải nắm một số cân đối cơ bản và chỉ tiêu chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, và phải có tổ chức, chế độ, chính sách, bảo đảm cho được quyền tập trung đó, buộc mọi ngành, mọi cấp phải tôn trọng đầy đủ quyền tập trung đó. Trên cơ sở ấy, mạnh dạn mở rộng quyền hạn và trách nhiệm cho các địa phương và các cơ sở, bảo đảm cho các cơ sở và các địa phương thật sự làm chủ được kinh tế và đời sống của mình, chủ động thực hiện cân đối sản xuất và tiêu dùng trong khuôn khổ phương hướng, mục tiêu chung của nền kinh tế quốc dân mà Đảng và Nhà nước đã vạch ra.

Trong công tác kế hoạch (xây dựng, thực hiện, kiểm tra, đánh giá), phải sử dụng rộng rãi các quan hệ hàng hoá - tiền tệ, hình thành kế hoạch hiện vật đi đôi với kế hoạch giá trị, trong đó kế hoạch hiện vật là cốt lõi. Phải kết hợp khéo léo công cụ kế hoạch là chính với công cụ thị trường như là những bộ phận hợp thành của cơ chế quản lý, để vừa giữ vững tính thống nhất, vững chắc của kinh tế, vừa bảo đảm tính linh hoạt, nhanh nhạy và đa dạng của sản xuất và đời sống xã hội. Ôm đồm, tập trung quan liêu, biến công tác kế hoạch và quản lý kinh tế thành những công việc hành chính đơn thuần, muốn kế hoạch hoá tất cả mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh trong xã hội, không mạnh dạn sử dụng, trong một mức độ nhất định, sự tự điều chỉnh của xã hội thông qua hoạt động của thị trường, là xa rời thực tế kinh tế của nước ta hiện nay, gò bó khả năng sản xuất, kìm hãm tài năng sáng tạo của đông đảo quần chúng, làm khó khăn thêm việc thoả mãn những nhu cầu thiết yếu hàng ngày của nhân dân.

Cần thấy rằng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không phủ định các quan hệ hàng hoá - tiền tệ, thị trường, mà đem lại cho chúng những nội dung mới nhằm thoả mãn nhu cầu của nhân dân, tạo cho chúng một phương thức vận động mới: có tổ chức, có kế hoạch. Chúng ta không để cho thị trường chi phối sản xuất một cách tự phát như trong chủ nghĩa tư bản, mà phải làm chủ thị trường, hiểu rõ nhu cầu xã hội để tác động vào sản xuất, làm chủ sản xuất và phân phối.

Tổ chức và xây dựng các quan hệ thị trường kiểu mới là một bộ phận hợp thành của việc xây dựng nền kinh tế mới, là tạo một đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy sự ra đời và

phát triển của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cả nước cũng như trên từng địa phương.

Về cơ cấu thị trường, một mặt, phải ra sức xây dựng thị trường cả nước, nối liền các ngành sản xuất và kinh tế các địa phương thành nền kinh tế quốc dân thống nhất. Mặt khác, phải chủ động mở rộng các thị trường địa phương, bộ phận hợp thành của kinh tế địa phương, nối liền sản xuất với đời sống, thúc đẩy sự phân công và hiệp tác trong địa phương và giữa các địa phương với nhau trên cơ sở phương hướng và kế hoạch kinh tế của trung ương.

Trong một thời gian khá dài, bên cạnh thị trường có tổ chức, có kế hoạch, còn tồn tại một cách khách quan thị trường ngoài kế hoạch. Về sản xuất, có phần chủ động của xí nghiệp quốc doanh được làm thêm sản phẩm sau khi hoàn thành kế hoạch Nhà nước, có kinh tế của gia đình nông dân trên đất 5% và các nghề phụ trong nông thôn, có sản xuất của thủ công nghiệp cá thể ở thành phố v.v. thì tất nhiên về lưu thông, cần có thị trường ngoài kế hoạch. Thị trường đó bổ sung cho thị trường có kế hoạch và do thị trường có kế hoạch chi phối về tính chất và quy mô phát triển.

Trong việc xây dựng và quản lý thị trường, một công tác cực kỳ quan trọng và cấp bách hiện nay là tập trung sức thực hiện cho được *hợp đồng hai chiều* giữa Nhà nước và nông dân, kết hợp làm một mua với bán, trao đổi trực tiếp giữa hàng hoá, vật tư của Nhà nước với sản phẩm của nông dân. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu, thả tay trừng trị những phần tử phá hoại thị trường, làm rối loạn giá cả, nhất là ở miền Nam.

Phát triển kinh tế địa phương là xây dựng quyền làm chủ của địa phương đối với sản xuất và thị trường, tạo điều kiện bảo đảm nhu cầu của nhân dân một cách vững chắc và chủ động, loại trừ hiện tượng bấp bênh, vô tổ chức trong đời sống, tạo phấn khởi và củng cố lòng tin của quần chúng.

8. Kết hợp *kinh tế với quốc phòng*, quốc phòng với kinh tế là một chủ trương chiến lược lâu dài, càng nổi bật lên trong tình hình hiện nay của đất nước. Sự kết hợp này diễn ra trên phạm vi cả nước, trong từng địa phương và từng cơ sở.

Là một địa bàn sản xuất và đơn vị tổ chức đời sống xã hội, kinh tế địa phương cần được phát triển mạnh để trở thành cơ sở *hậu cần trực tiếp tại chỗ* của quốc phòng. Phải biến mỗi địa phương thành một đơn vị kinh tế giàu mạnh, đồng thời là một pháo đài vững chắc; kết hợp nghĩa vụ lao động với nghĩa vụ quân sự, sản xuất với chiến đấu và phục vụ chiến đấu; kết hợp xây dựng kinh tế với bảo vệ kinh tế, bảo vệ Tổ quốc.

9. Kinh tế địa phương vừa là kết quả của ba cuộc cách mạng, vừa là *cử điểm thúc đẩy ba cuộc cách mạng* đồng thời phát triển. Ba cuộc cách mạng là hoạt động hàng ngày của mọi ngành, mọi cấp, nhưng nơi diễn ra cụ thể, sôi nổi nhất là ở các cơ sở và các địa phương. Mọi cơ sở sản xuất và kinh doanh (của địa phương cũng như của trung ương) đều đặt tại địa phương, nơi hàng ngày Nhà nước trực tiếp với nhân dân là địa phương; vì vậy, địa phương là địa bàn diễn ra mọi hoạt động cách mạng nhằm xây dựng cuộc sống mới, thực hiện làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân. Chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xuất hiện cụ thể trước hết trong từng cơ sở và từng địa

phương dựa theo mô hình tổng quát của cả nước. Đẩy mạnh xây dựng kinh tế địa phương chính là đẩy mạnh ba cuộc cách mạng một cách sinh động và cụ thể trên từng địa phương, tạo cơ sở cho việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động cả về chính trị, văn hoá, xã hội.

II- Nhiệm vụ và phương hướng phát triển của kinh tế địa phương

Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tất yếu phải có cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp với nó là đại công nghiệp cơ khí. Xây dựng đại công nghiệp cơ khí là trách nhiệm chung của cả trung ương lẫn địa phương. Phát triển mạnh kinh tế địa phương vừa nhằm thoả mãn nhu cầu đời sống của nhân dân địa phương, vừa góp phần xây dựng các công trình kinh tế then chốt do trung ương trực tiếp quản lý.

Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương là hai mặt của một cơ cấu kinh tế thống nhất. Không có cơ sở nào trực thuộc trung ương lại không nằm trên một địa phương nhất định, do đó lại không có những quan hệ kinh tế nhất định với kinh tế địa phương. Ngược lại, các cơ sở kinh tế trực thuộc địa phương đều nằm trong ngành này hay ngành khác, đều gắn liền với các cơ sở kinh tế trực thuộc trung ương thành những ngành kinh tế - kỹ thuật thống nhất cả nước. Mỗi bước tiến lên của kinh tế địa phương cũng là một bước tiến lên của các ngành, và mỗi bước tiến lên của các ngành cũng là một bước tiến lên của kinh tế địa phương. Kinh tế địa

phương càng lớn mạnh thì càng tạo điều kiện phát triển cho kinh tế trung ương; và kinh tế trung ương càng vững chắc thì càng tạo được nền tảng cho kinh tế địa phương lớn lên nhanh chóng.

Là một bộ phận hợp thành khăng khít của nền kinh tế quốc dân, kinh tế địa phương vừa là của địa phương, vừa là của cả nước, do trung ương (Hội đồng Chính phủ và các bộ) cùng địa phương xây dựng và quản lý, theo sự phân công, phân cấp hợp lý. Không nên cho rằng kinh tế địa phương chỉ là của riêng địa phương, chỉ thuộc quyền hạn và trách nhiệm của địa phương. Phải thấy rằng, chính quyền địa phương, người trực tiếp xây dựng và quản lý kinh tế địa phương, là một tổ chức không chỉ của nhân dân địa phương, mà còn là của Nhà nước trung ương tại địa phương. Nó xây dựng và quản lý kinh tế địa phương không chỉ vì lợi ích riêng của nhân dân địa phương mà còn vì lợi ích chung của nhân dân cả nước, thể hiện quyền làm chủ tập thể vừa trong cả nước, vừa trong từng địa phương.

Nhiệm vụ của kinh tế địa phương là:

1. Ruộng đất, tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp, đều nằm ở các địa phương; sản lượng nông nghiệp của cả nước chủ yếu do các địa phương làm ra. Do đó, địa phương là người đại diện đầy đủ nhất của trung ương về nông nghiệp, có trách nhiệm trực tiếp đối với sản xuất nông nghiệp. Để phát triển sản xuất nông nghiệp, cần kết hợp xây dựng với cải tạo, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; tổ chức và phân công lại lao động nông nghiệp; sử dụng tốt đất đai; phát triển cân đối trồng trọt và chăn nuôi; kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và công nghiệp; đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ đi đôi với mở diện tích mới.

2. Phát triển công nghiệp địa phương, nhất là công nghiệp hàng tiêu dùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nhu cầu của đời sống và của xuất khẩu.

3. Tổ chức tốt lực lượng xây dựng và phát triển mạnh vật liệu xây dựng, nhằm bảo đảm xây dựng các cơ sở kinh tế, nhà ở, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế, phúc lợi công cộng ở địa phương, và góp sức xây dựng một số công trình của trung ương đặt tại địa phương.

4. Xây dựng và bảo dưỡng hệ thống giao thông ở địa phương, tổ chức và quản lý tốt lực lượng vận tải, bảo đảm vận chuyển hàng hoá và hành khách phục vụ sản xuất và đời sống ở địa phương, và đảm nhận một phần công việc vận chuyển cho nhu cầu của trung ương.

5. Xây dựng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tổ chức và quản lý tốt thị trường địa phương, nhằm phục vụ sản xuất và đời sống ở địa phương, đồng thời làm đầy đủ nhiệm vụ thu mua, chủ yếu bằng hợp đồng hai chiều, bảo đảm cho trung ương nắm được số lượng nông sản, hải sản và lâm sản cần thiết.

6. Vận dụng các công cụ ngân hàng, tài chính; giá cả, nhất là mở mạnh tín dụng, để tổ chức lao động, phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất - nhập khẩu của địa phương.

7. Tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hoá, thoả mãn nhu cầu của nhân dân địa phương, đồng thời làm tốt nghĩa vụ đóng góp cho cả nước. Phải thông qua hoạt động và thành quả cụ thể của kinh tế địa phương, thể hiện rõ mối quan hệ khăng khít giữa Nhà nước và quần chúng, giữa trung ương và nhân dân, làm cho mỗi người dân đều thấy rõ mình thật sự là người làm chủ tập thể. Để thực hiện những nhiệm vụ ấy, mỗi địa phương cần có một cơ cấu kinh tế thích hợp bao gồm nông nghiệp,

lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp (nhất là công nghiệp hàng tiêu dùng), xây dựng, giao thông vận tải và lưu thông, phân phối, trong đó bộ phận nông cốt có tính phổ biến là *nông nghiệp* và *công nghiệp địa phương*. Địa phương nào cũng có sản xuất nông nghiệp; và sản xuất công nghiệp, ngoài quy hoạch chung, cần được đặt ra và giải quyết cụ thể tuỳ điều kiện của từng địa phương về đất đai, khí hậu, thời tiết. Địa phương nào cũng cần có công nghiệp với cơ cấu ngành, nghề thích hợp, để tác động vào sản xuất nông nghiệp, để sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ đời sống và xuất khẩu.

Trên địa bàn của mỗi địa phương, ngoài kinh tế địa phương ra, còn có những cơ sở công nghiệp lớn của trung ương. Từ những cơ sở công nghiệp đó, đặt ra những yêu cầu về lao động và nguyên liệu, toả ra sức hút về kinh tế, kỹ thuật và quản lý, tạo nên những mối quan hệ về phân công, hợp tác sản xuất và lưu thông, phân phối, làm xuất hiện những khả năng mới để phát triển kinh tế địa phương, có khi làm thay đổi hẳn bộ mặt của kinh tế địa phương.

Để phát triển kinh tế địa phương, phải ra sức củng cố các cơ sở trong địa phương, làm cho mỗi cơ sở (hợp tác xã, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, công trường, cửa hàng) thật sự là một tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa, một đơn vị hạch toán kinh tế; phải mở rộng quan hệ kinh tế giữa địa phương này với địa phương khác về phân công và hợp tác sản xuất, về cung ứng nguyên liệu cho nhau và tiêu thụ sản phẩm của nhau; phải kết hợp địa phương với ngành, gắn liền kinh tế địa phương với kinh tế trung ương.

Để khuyến khích các địa phương tích cực sản xuất, phát huy mọi khả năng sáng tạo, chúng ta không chủ trương

cào bằng mức sống giữa các địa phương, mà địa phương nào sản xuất giỏi hơn có thể có mức sống phong phú hơn; nhưng mỗi địa phương phải làm thật tốt *nghĩa vụ* đối với toàn xã hội, góp phần lớn nhất của mình vào việc thoả mãn nhu cầu đời sống của nhân dân cả nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và tiến hành công nghiệp hoá nước nhà. Phải chống triệt để lối tập trung quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, gò bó, hẹp hòi; đồng thời kiên quyết đả phá tư tưởng cục bộ, địa phương chủ nghĩa, thái độ biệt phái, không nghĩ đến sự nghiệp chung của cả nước.

Kinh tế địa phương ở mỗi tỉnh, huyện có cơ cấu cụ thể, phù hợp với điều kiện lao động, tài nguyên và ngành, nghề của mỗi địa phương. Điều đó có nghĩa là, ngoài nông nghiệp và những cơ sở công nghiệp mà địa phương nào cũng cần có, mỗi địa phương phải *dồn sức phát huy thế mạnh* kinh tế của mình, không nên rải ra cái gì cũng làm để có đủ ngành, nghề, tự túc một cách sai lầm theo kiểu cát cứ, kìm hãm kinh tế trong vòng sản xuất nhỏ, manh mún; kết quả là hại cho mình và cho cả nước.

Trong các địa phương, phải đặc biệt chú trọng xây dựng kinh tế ở các tỉnh, huyện biên giới, miền núi và Tây Nguyên, là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, là những địa bàn chiến lược về kinh tế và những vùng xung yếu về quốc phòng. Ở những nơi đó, cần đẩy mạnh sản xuất lương thực phù hợp với điều kiện đất đai, phát huy khả năng phong phú về chuyên canh cây công nghiệp, về chăn nuôi đại gia súc đi liền với mở mang lâm nghiệp và khai thác lâm sản, vừa đáp ứng nhu cầu của địa phương, đưa kinh tế và đời sống miền núi và Tây Nguyên tiến lên nhanh, vừa tạo nguồn xuất

khẩu lớn, góp phần quan trọng cho nền kinh tế cả nước. Kinh tế địa phương ở những nơi đó cần được xây dựng bằng sự phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước, đưa người từ đồng bằng lên góp sức cùng đồng bào tại chỗ, kết hợp sự cố gắng vươn lên của địa phương với sự giúp đỡ tích cực của trung ương, của các ngành và các địa phương khác.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của cả nước, là khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất có kỹ thuật cao, làm ra sản phẩm cho cả nước và cho xuất khẩu. Xây dựng và phát triển cơ cấu kinh tế của thủ đô, cung ứng lương thực, thực phẩm và nguyên liệu, bảo đảm việc làm và đời sống cho nhân dân thủ đô, là nhiệm vụ trực tiếp của đảng bộ và chính quyền Hà Nội, đồng thời là nhiệm vụ chung của các ngành trung ương, của các địa phương trong cả nước, đặc biệt là của các tỉnh ở miền Bắc.

Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố lớn, một trung tâm kinh tế có sức toả rộng rãi và sức hút mạnh mẽ, tiếp xúc với thị trường nhiều nước, là một đầu mối lưu thông quan trọng đối với trong nước cũng như giữa nước ta với nước ngoài. Xây dựng và phát triển kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh, bảo đảm đời sống của nhân dân thành phố là nhiệm vụ trực tiếp của thành phố, đồng thời là nhiệm vụ của các ngành trung ương, của các tỉnh miền Tây, và miền Đông Nam Bộ.

Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh phải có những quan hệ hai chiều về sản xuất và lưu thông rất phong phú với các tỉnh, phải phát huy khả năng công nghiệp của mình, cùng các ngành trung ương, tích cực giúp phát triển kinh tế ở các tỉnh theo một sự phân công hợp lý, vừa có lợi cho kinh tế từng tỉnh, vừa có lợi cho sự

phát triển của hai thành phố và cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Do địa lý kinh tế của nước ta, nhiều tỉnh và nhiều huyện vừa có đất ruộng ở đồng bằng, vừa có rừng và có biển. Đó là điều kiện đặc biệt thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương một cách phong phú, đa dạng.

Từ hơn mười năm nay, chúng ta đã mò mẫm, thử nghiệm để xác định các địa bàn kinh tế địa phương với quy mô và nội dung thích hợp. Đó là tỉnh, thành phố công - nông nghiệp chừng hai - ba triệu dân và huyện nông - công nghiệp chừng 20 vạn dân.

Trong phạm vi tỉnh, thành phố, phải nắm vững nhiệm vụ phát triển *công nghiệp*, động viên mọi khả năng của công nghiệp phục vụ đắc lực cho việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; phải tập trung sức cùng các ngành trung ương xây dựng nhanh các huyện.

Đối với huyện, nhiệm vụ cơ bản quan trọng nhất là đẩy mạnh sản xuất *nông nghiệp* và xây dựng nông thôn mới, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thâm canh, chuyên canh phát triển cân đối cả trồng trọt và chăn nuôi. Muốn thế, một mặt, phải dựa vào sức công nghiệp của trung ương và của tỉnh, thành phố; mặt khác, phải xây dựng ngay trên địa bàn từng huyện một số cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa, gắn liền với các cơ sở kinh tế khác trong huyện thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp.

Nắm vững đường lối phát triển kinh tế ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, gắn công - nông nghiệp thành cơ cấu ngay từ đầu, thì tất yếu đi đến nhận thức về vị trí quan trọng của *huyện*, về vai trò lịch sử của đơn vị kinh tế nông - công nghiệp huyện.

Huyện là địa bàn kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, địa bàn trực tiếp xây dựng nền văn hoá mới và con người mới. Như vậy, huyện là mô hình sản xuất lớn ở nông thôn, mô hình xây dựng đời sống mới trên cơ sở của chế độ làm chủ tập thể.

Mỗi huyện là một đơn vị kinh tế cơ bản bao gồm nhiều tổ chức sản xuất và kinh doanh hạch toán độc lập, nhưng liên kết với nhau thành một cơ cấu, làm *nền tảng* cho tỉnh và trung ương.

Huyện là nơi thể hiện trực tiếp quyền làm chủ tập thể về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của nhân dân. Trong từng cơ sở và trên địa bàn huyện, người lao động có thể cảm nhận bằng hoạt động sản xuất và phân phối, bằng việc xây dựng và sử dụng các công trình văn hoá, giáo dục, y tế và phúc lợi công cộng, bằng cả cuộc sống của mình, sự gắn bó giữa riêng và chung, giữa cá nhân và tập thể, làm cho mình và làm cho nhau, nghĩa vụ hoà hợp với quyền hạn và lợi ích.

Vì những lẽ nói trên, ra sức xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp là một nhiệm vụ chiến lược góp phần mang lại nhiều đổi mới sâu xa trong nền kinh tế quốc dân, thiết thực đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo ra chế độ mới và cuộc sống mới ở nông thôn.

Bắt tay *ngay* xây dựng kinh tế của từng huyện, gắn liền với xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp tỉnh và các ngành kinh tế - kỹ thuật, kiện toàn và củng cố *ngay* bộ máy lãnh đạo và quản lý của từng huyện, đó là một công tác then chốt trên mặt trận kinh tế hiện nay. Nội dung xây dựng kinh tế huyện bao gồm những gì? Xây dựng huyện gắn liền với xây dựng hợp tác xã như thế

nào? Những vấn đề đó đã được trình bày tương đối kỹ trong Nghị quyết số 33 của Bộ Chính trị. Để biến nghị quyết thành hiện thực, các ngành và các địa phương, tùy theo chức năng và nhiệm vụ của mình, phải có chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể, phải tích cực, chủ động lao vào việc, hết sức tránh hô hào chung chung. Thông thường đối với một việc lớn và mới như việc xây dựng huyện, trong lúc đầu không tránh khỏi vấp vấp, khó khăn, không tránh khỏi có những điều cụ thể chưa thật rõ. Nhưng để giải quyết tình hình đó, không có cách nào khác hơn là dựa vào những phương hướng lớn đã được vạch ra chính xác, hãy "bắt tay làm đi, sự vật sẽ cho chúng ta biết thêm", hãy lăn xả vào mà làm thì mới sáng tỏ hơn, mới giải đáp được những khúc mắc trong thực tiễn.

Hiện nay, chúng ta đang ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp và mở mang công nghiệp hàng tiêu dùng, để đáp ứng hai yêu cầu cấp bách trước mắt là bảo đảm đời sống và tăng nguồn hàng xuất khẩu. Những nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế đó đã được trình bày cụ thể trong nhiều nghị quyết của Hội nghị Trung ương trước đây và trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này. Ở đây, không nhắc lại những nội dung đó, mà chỉ xin nhấn mạnh một điều rất cơ bản là các nhiệm vụ kinh tế ấy chỉ có thể thực hiện tốt khi thấu suốt đường lối phát triển kinh tế địa phương đồng thời xây dựng kinh tế trung ương, khi nắm vững nhiệm vụ xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp gắn liền với xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp tỉnh và các ngành kinh tế - kỹ thuật.

III- Cải tiến quản lý kinh tế địa phương

Là những bộ phận hợp thành của một tổng thể, kinh tế địa phương cũng như kinh tế ngành và từng đơn vị cơ sở đều chịu ảnh hưởng của tình hình quản lý kinh tế nói chung. Vì vậy, cải tiến quản lý kinh tế địa phương trước nhất và cơ bản nhất có nghĩa là cải tiến quản lý toàn bộ nền kinh tế trong cả nước. Đồng thời, trong khuôn khổ chung ấy, cần tiến hành một số công việc cải tiến quản lý riêng đặt ra - và do đó, có tác động trực tiếp nhất - đối với kinh tế địa phương.

Như chúng ta đều biết, có nắm vững được nội dung xây dựng *cơ cấu kinh tế* sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có thấu suốt được *phương hướng, nhiệm vụ kinh tế* trong từng thời kỳ, mới tạo được nền tảng vững chắc, vạch rõ được quỹ đạo đúng cho các hoạt động quản lý kinh tế, cho việc giải quyết chính xác các vấn đề kế hoạch hoá, chính sách kinh tế, bộ máy và cán bộ.

Nói một cách tổng quát, những khuyết điểm của chúng ta về lãnh đạo và quản lý kinh tế có thể quy về ba điểm sau đây:

Một là, chưa nắm vững đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng. Một số vấn đề trong đường lối như xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng kinh tế trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương v.v. chưa được nhận thức sáng tỏ trong nhiều cán bộ, đảng viên.

Hai là, chưa nắm vững thực tế của nền kinh tế nước ta về các mặt lao động, tài nguyên, ngành, nghề, thiết bị, máy móc... về khó khăn và thuận lợi, về những mặt trệ trệ cũng như những nhân tố tích cực.

Ba là, chưa từ sự thấu suốt đường lối mà vạch rõ được đầy đủ và cụ thể những chủ trương đúng đắn về phát

triển kinh tế của từng ngành, từng địa phương và từng cơ sở. Thiếu những biện pháp thực hiện có hiệu lực, trong đó quan trọng nhất là biện pháp về tổ chức, về các chính sách kinh tế. Trong cơ chế tổ chức và quản lý, có nhiều sai sót: hành chính quan liêu, gò bó cứng nhắc; chưa biết kết hợp kế hoạch hoá với vận dụng thị trường; tổ chức bộ máy không dựa trên yêu cầu của cơ cấu kinh tế; đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề chưa được đào tạo, bồi dưỡng đồng bộ, chưa được bố trí tốt để phát huy hết năng lực; chế độ thực hiện quá lỏng lẻo, kém kỷ luật, thiếu trách nhiệm.

Vì vậy, việc cải tiến quản lý kinh tế phải được đặt ra một cách toàn diện và đồng bộ.

Nhiệm vụ cơ bản của quản lý kinh tế là trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, quy luật xã hội và quy luật tự nhiên, nắm vững các khả năng về lao động, tài nguyên và ngành nghề, xác lập chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở ba khâu, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý trong cả nước cũng như trong từng ngành và từng địa phương, phù hợp với quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải áp dụng những hình thức tổ chức, phương thức quản lý và chính sách, chế độ thích hợp, để đạt cho được mục đích sử dụng tốt lao động, đất, rừng, biển, thiết bị, máy móc và các năng lực sản xuất khác; mở mang các ngành nghề, gắn công nghiệp với nông nghiệp; kết hợp ngành, địa phương với cơ sở; tận dụng khả năng của cả ba thành phần kinh tế; bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích của xã hội, của tập thể và của cá nhân; đẩy mạnh công tác khoa học kỹ thuật; kết hợp phân công lao động trong nước với phân công và hợp tác quốc tế; kết hợp kế hoạch hoá với vận dụng thị trường, giải quyết tốt các vấn đề

giá cả, tiền lương; đạt năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế cơ bản: cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Về *phương thức quản lý*, phải bảo đảm sự ăn khớp nhất quán giữa đường lối của Đảng với kế hoạch và chính sách kinh tế của Nhà nước; khẩn trương khắc phục những mặt lỗi thời trong kế hoạch hoá và chính sách kinh tế.

Quan trọng nhất là phải thực hiện đúng chế độ kế hoạch hoá ba khâu, xây dựng kế hoạch từ cơ sở, xuất phát từ lao động, đất, rừng, biển và các thiết bị, máy móc, các năng lực sản xuất hiện có; khéo kết hợp kế hoạch hoá với vận dụng thị trường ở quy mô toàn bộ nền kinh tế, trong từng ngành, từng địa phương và trong từng cơ sở.

Các chính sách kinh tế phải thật sự có tác dụng thúc đẩy sản xuất, gây được lòng hăng hái, phấn khởi của từng người lao động, gắn bó làm một riêng với chung, cá nhân với tập thể, mạnh dạn mở rộng quyền hạn, trách nhiệm và khuyến khích lợi ích của người lao động, của cơ sở, của địa phương và của ngành.

Về *tổ chức quản lý*, phải xác định cho được cách tổ chức và chế độ làm việc đúng giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý, làm cho hệ thống tổ chức sát quần chúng, sát thực tế, có sức mạnh tổng hợp lớn và có hiệu lực cao.

Bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước phải được chấn chỉnh và kiện toàn một cách cơ bản, dựa trên yêu cầu của các quy luật kinh tế, xuất phát từ cơ cấu kinh tế, từ tổ chức sản xuất và phục vụ cho sản xuất. Phải cắt bỏ những bộ phận thừa, giảm nhẹ những bộ phận quá

nặng, phân biệt rõ và kết hợp chặt giữa quản lý hành chính - kinh tế với quản lý sản xuất - kinh doanh, phân công hợp lý giữa các Bộ chuyên ngành và tổng hợp, phân cấp mạnh dạn giữa trung ương và địa phương, mở rộng quyền cho đơn vị cơ sở được tự chủ về tài chính, thực hiện hạch toán kinh tế.

Về *công tác cán bộ*, phải đổi mới việc lựa chọn, sắp xếp, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ. Không quá câu nệ vào tuổi tác, lương bậc hay chức vụ trong quá khứ, mà căn cứ chủ yếu vào *phẩm chất và năng lực thực tế hiện hành*, để tạo nguồn cán bộ mới mau chóng kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt của các ngành, các địa phương, các cơ sở, theo một cơ cấu đồng bộ, gồm những người đáp ứng được các tiêu chuẩn cụ thể của từng vị trí, phải tạo ra một nền nếp bình thường là cán bộ có lên, có xuống, làm được thì để, không làm được thì thay ngay.

Về *chế độ công tác*, phải đề cao trách nhiệm cá nhân, xiết chặt kỷ luật, tăng cường kiểm tra, thưởng phạt nghiêm minh và kịp thời đối với bất cứ ai.

Đi đôi với những chủ trương, biện pháp chung về quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phải đi sâu nghiên cứu, kiện toàn tổ chức và cải tiến công tác của các ngành tổng hợp giữ vai trò rất quan trọng, như: kế hoạch, tài chính, ngân hàng, vật giá... phải tìm ra cách tổ chức và quản lý thích hợp đối với từng ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thương nghiệp..., đối với từng địa phương tỉnh, thành phố, huyện, quận...

Phải hết sức coi trọng cải tiến tổ chức và quản lý các loại đơn vị *cơ sở*: hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, các tập đoàn sản xuất,

các loại xí nghiệp quốc doanh, công ty, liên hiệp xí nghiệp... Quản lý tốt các cơ sở là nền tảng để quản lý tốt các địa phương, các ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Riêng đối với kinh tế địa phương, một hướng cải tiến quản lý vừa cơ bản vừa cấp bách là quy định đúng quyền hạn và trách nhiệm của cấp tỉnh, thành phố và cấp huyện về tất cả các mặt: kế hoạch hoá, hợp tác sản xuất và trao đổi sản phẩm giữa các địa phương, xuất - nhập khẩu, quản lý lao động, vật tư, tiền vốn, điều hành sản xuất, tổ chức thị trường và quyết định các giá cả có tính chất địa phương, chăm lo việc làm và bảo đảm đời sống cho toàn bộ dân cư trong địa phương.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, mỗi ngành trung ương, mỗi tỉnh, thành phố đều phải coi việc *xây dựng huyện* và *kiện toàn cấp huyện* là công tác trung tâm trước mắt của mình. Phải làm sáng tỏ nội dung và phương pháp công tác của ngành mình, cấp mình trên địa bàn huyện; thông qua việc phục vụ, giúp đỡ, chỉ đạo, kiểm tra các huyện và các cơ sở, mà xây dựng cơ cấu hợp lý và cách thức quản lý tốt nhất của ngành mình, cấp mình. Phải thấy rằng xây dựng được các đơn vị kinh tế nông - công nghiệp huyện là tạo lập được nền tảng cho cơ cấu kinh tế tỉnh, thành phố và cả nước; xây dựng được chế độ mới ở từng huyện là tạo lập được nền tảng của chế độ mới trong cả nước.

Để cải tiến quản lý kinh tế địa phương, các cơ quan trung ương (Hội đồng Chính phủ và các bộ) có trách nhiệm giúp các địa phương về những mặt chủ yếu như sau:

1. *Xây dựng quy hoạch* phát triển từng ngành kinh tế - kỹ thuật trong cả nước, và cùng với từng địa phương,

xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế địa phương. Trong các quy hoạch đó, để bảo đảm hiệu quả kinh tế cao nhất, phải vạch rõ *mỗi ngành* xây dựng những cơ sở gì ở những địa phương nào, *mỗi địa phương* xây dựng những cơ sở gì thuộc những ngành nào, và *mỗi cơ sở* phải trực thuộc cấp nào, cấp trung ương, cấp tỉnh hay cấp huyện? Chậm trễ trong việc làm quy hoạch, là kéo dài tình hình nhập nhằng, không rõ ràng, thậm chí lộn xộn, vướng mắc, giữa ngành với địa phương, cũng như giữa các địa phương với nhau.

2. *Tổ chức cơ cấu sản xuất và tiêu dùng* ở địa phương, củng cố và kiện toàn các cơ sở, thiết lập các mối quan hệ kinh tế đúng đắn với các địa phương khác và với các ngành kinh tế - kỹ thuật.

3. *Xây dựng và thực hiện kế hoạch* kinh tế của địa phương (bao gồm phần trực thuộc địa phương và phần nhiệm vụ của địa phương đối với các cơ sở trung ương đặt tại địa phương), chú trọng xây dựng cho được kế hoạch từ cơ sở, ổn định cho được quan hệ hai chiều giữa trung ương và địa phương, trong đó xác định số lượng đầu tư của trung ương cho địa phương và nghĩa vụ giao nộp của địa phương cho trung ương trong từng thời hạn; bảo đảm cân đối cho được giữa chỉ tiêu và biện pháp, giữa nghĩa vụ và phương tiện.

4. *Quy định danh mục sản phẩm và các mặt quản lý*: lao động, vật tư, tài chính, tín dụng, giá cả..., trung ương trực tiếp quyết định những gì và chính quyền địa phương được quyền quyết định những gì.

Ban hành và thực hiện những chính sách kinh tế, những hình thức tổ chức thích hợp, khiến cho mỗi Bộ bị bắt buộc và được khuyến khích chăm lo toàn ngành sản xuất - kỹ thuật mà mình được giao, chứ không phải chỉ

chăm lo những đơn vị trực thuộc bộ, và cấp chính quyền địa phương bị bắt buộc và được khuyến khích chăm lo toàn bộ kinh tế trên địa bàn địa phương, kể cả những đơn vị kinh tế trực thuộc trung ương, chứ không phải chỉ chăm lo những đơn vị trực thuộc địa phương.

5. *Tăng cường cán bộ* cho địa phương, giúp địa phương đào tạo cán bộ và xây dựng bộ máy đủ năng lực giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật ở địa phương, đưa kinh tế địa phương phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

*

* *

Để phát triển kinh tế địa phương mạnh mẽ và đúng hướng, bản thân từng địa phương phải vươn lên, tiến bộ vượt bậc về mọi mặt, đón nhận những quyền hạn và trách nhiệm mới, rộng rãi hơn và nặng nề hơn, xứng với tầm quan trọng chiến lược của kinh tế địa phương trong quá trình đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải *nâng cao chất lượng* các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể ở địa phương; *phát động quần chúng nhân dân* đứng lên làm chủ sản xuất, phân phối và đời sống, đẩy lên phong trào lao động sản xuất sôi nổi và bền bỉ, quét sạch mọi hiện tượng tiêu cực, phát huy mọi nhân tố tích cực, tạo khí thế mới ở các địa phương.

Các tổ chức Đảng và Nhà nước phải được gấp rút củng cố để trở thành những trung tâm vững mạnh đủ sức lãnh đạo và quản lý các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở địa phương; mạnh dạn đưa vào bộ máy Đảng và Nhà nước những lực lượng trẻ có hiểu biết kinh tế và khoa học kỹ thuật, được

thủ thách trong thực tiễn. Phải hình thành sớm những *tổ chức chuyên gia về kinh tế và kỹ thuật* làm tham mưu cho các cấp Đảng và chính quyền; và để tránh những sai sót về kinh tế, kỹ thuật, các cấp phải có chế độ và phương pháp làm việc thích hợp để lắng nghe, thu thập hết ý kiến của tổ chức tham mưu.

Phải biết thông qua từng công tác cụ thể về xây dựng kinh tế tổ chức đời sống nhân dân mà kiểm tra, sàng lọc cán bộ, đảng viên. Các cấp uỷ phải nhạy cảm với những nhân tố mới, để kịp thời bồi dưỡng, đề bạt; đồng thời mạnh dạn thay thế những người kém năng lực, không đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Phải cải tiến chế độ đãi ngộ để thật sự khuyến khích những người sản xuất giỏi và công tác giỏi.

Các ban tổ chức và tuyên huấn, các trường Đảng và Nhà nước phải xuất phát từ yêu cầu và nội dung củng cố các tổ chức lãnh đạo và quản lý địa phương mà xây dựng chương trình học tập và kế hoạch đào tạo thích hợp, để sau một thời gian nhất định, tạo ra được những "kíp" đồng bộ đủ năng lực và phẩm chất phù hợp với từng địa phương.

Một công tác cấp bách trước mắt là *kiên quyết* loại ra khỏi bộ máy Đảng và Nhà nước những phần tử úc hiếp quần chúng, ăn cắp của công, hối lộ, móc ngoặc... Không một tổ chức hoặc cá nhân nào được phép dung thứ, bao che; không một lý do nào có thể bào chữa cho những hành động phi nghĩa đó. Hội đồng Chính phủ và các bộ, các ban Tổ chức, Kiểm tra, Nội chính và Tuyên huấn phải tập trung sức cùng các cấp giải quyết cho được tình trạng đó một cách cơ bản. Không thể kéo dài sự bất lực của Nhà nước trong việc khắc

phục các mặt tiêu cực trong xã hội.

Phát triển kinh tế, tổ chức đời sống, xây dựng bộ máy Đảng và Nhà nước v.v. không chỉ là công việc riêng của người lãnh đạo, mà phải biến thành *phong trào cách mạng* của đông đảo quần chúng. Các đoàn thể công đoàn, nông hội, thanh niên, phụ nữ, mặt trận phải đi sâu vào từng giới, từng lứa tuổi, tìm ra phương thức hoạt động thích hợp, để làm cho mọi người đều đánh giá đúng tình hình, nhận rõ nghĩa vụ phải đóng góp và quyền lợi được hưởng. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền phải xây dựng thành chế độ việc quần chúng tham gia thiết thực vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức đời sống, xây dựng Đảng và Nhà nước, kiểm tra cán bộ và đảng viên. Thành công to lớn của chúng ta là làm thế nào cho mỗi người dân đều thật sự cảm thấy mình là người làm chủ, cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Trước mắt, để tạo phấn khởi trong quần chúng, đẩy lên khí thế thi đua lao động sản xuất, cần làm thật tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên; kịp thời sửa đổi một số mặt không hợp lý trong tổ chức quản lý, trong chính sách, chế độ; tôn trọng đầy đủ quyền làm chủ tập thể của quần chúng, chăm lo chu đáo đời sống của người lao động, không để xảy ra những thiếu thốn không đáng có; kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong sản xuất, công tác, trong chấp hành chính sách và thực hiện lối sống tiết kiệm, giản dị, có quan hệ tốt với quần chúng.

Toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu để trong thời gian ngắn, ổn định được đời sống nhân dân, tạo được một bước chuyển của nền kinh tế, củng cố lòng tin, gây khí

thế, làm cơ sở và làm đà tiến lên mạnh mẽ trong những năm sau.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Đề cương kết luận
Hội nghị lần thứ sáu
Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV)

Thưa các đồng chí Trung ương,

Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận hai bản báo cáo: Báo cáo về đẩy mạnh công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, và Báo cáo về tình hình kinh tế hiện nay và những chủ trương cấp bách để cải thiện tình hình.

Hội nghị sẽ ra hai nghị quyết. Nhưng bản kết luận này của Bộ Chính trị chỉ nói những vấn đề chung: nhận định tình hình cách mạng trong mấy năm qua, xác định những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, làm rõ một số quan điểm cần nắm vững và những việc cần làm để tăng cường chỉ đạo thực hiện.

I- Tình hình mấy năm qua

Sau thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, nhân dân ta hy vọng có điều kiện thuận lợi để xây dựng đất nước trong hoà bình, khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước cải thiện đời sống. Nhưng trong bốn năm qua, nhiều sự kiện đã diễn ra trái với điều mong muốn đó.

- Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình là một sự *đảo lộn* lớn về kinh tế, xã hội trong cả nước.

+ Hơn hai tỷ đôla viện trợ hàng năm không còn nữa, mất một nguồn hàng hoá quan trọng đối với đời sống, nhất là lương thực, thực phẩm và một nguồn vật tư đáng kể đối với sản xuất.

+ Máy triệu người ở miền Nam đang làm ăn sinh sống nhờ chiến tranh bỗng trở thành thất nghiệp. Nhiều nhu cầu mới về kinh tế và đời sống trong cả nước đặt ra rất cấp bách, quá sức chịu đựng của một nền kinh tế sản xuất nhỏ lại trải qua chiến tranh lâu dài.

- Từ năm 1976, *thiên tai* xảy ra liên tiếp (hạn hán, bão lụt, sâu bệnh) với mức độ nặng nề và nhịp độ dồn dập khác thường, không phải ba năm mất một vụ như trước đây, mà ba năm mất ba vụ, làm đảo lộn nhiều dự tính trong kế hoạch.

- Những khó khăn trên đây, chúng ta đã tính đến, nhưng thật sự không lường hết quy mô, mức độ và ảnh hưởng của nó. Chính trong lúc đó, *bọn phản động... đã phát động chiến tranh* chống chúng ta ở biên giới tây nam... và ở biên giới phía bắc, khiến cho nền kinh tế của chúng ta chưa khắc phục hết hậu quả của cuộc chiến tranh trước, lại phải đáp ứng những yêu cầu mới rất lớn về quốc phòng, chịu đựng những khó khăn và đảo lộn mới.

Vì vậy, nhiều chủ trương và chỉ tiêu kinh tế do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra, đã không có điều kiện thực hiện.

- Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã phấn đấu rất kiên cường và giành được *thắng lợi rất to lớn*, như đồng chí Trường Chinh đã nêu ra trong bài phát biểu ý kiến ở Hội nghị Trung ương.

+ Chúng ta đã chiến thắng vẻ vang *hai cuộc chiến tranh xâm lược...*, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Campuchia và Lào, tạo ra thế và lực mới, rất vững chắc cho cách mạng nước ta và cách mạng hai nước láng giềng anh em. Chiến thắng của chúng ta đã... bảo vệ và phát triển ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, bảo vệ phong trào độc lập dân tộc, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam á. Để có chiến thắng đó, chúng ta đã phải tập trung tinh lực lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, động viên một phần rất lớn sức người, sức của của nhân dân ta.

+ Chúng ta đã thu được nhiều thành tựu trong việc *hàn gắp vết thương chiến tranh, chống thiên tai, khôi phục sản xuất*, cố gắng bảo đảm yêu cầu tối thiểu của đời sống nhân dân, duy trì được lực lượng vũ trang cần thiết để bảo vệ vững chắc đất nước, và xây dựng được một số công trình kinh tế mới.

+ Chúng ta đã *đập tan được nhiều mưu mô* của bọn phản động... câu kết với đế quốc hùng làm giảm uy tín và cô lập nước ta trên trường quốc tế, đã tăng cường đoàn kết với Liên Xô và các nước anh em, mở rộng quan hệ với nhiều nước khác trên thế giới.

Kể địch tính toán sâu độc khi chọn thời cơ đánh ta, tưởng có thể làm chúng ta suy sụp. Nhưng chúng ta đã đứng vững và tiếp tục tiến lên. Đó là thắng lợi rất đáng tự hào.

Thắng lợi của chúng ta đã góp phần quan trọng vào thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Nó chứng minh rằng nhân dân lao động nước ta, từ Bắc đến Nam, rất giàu lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, rằng Đảng ta thật sự là một Đảng Mác - Lênin vững mạnh có đường lối đúng đắn.

Lẽ ra, thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cùng những thắng lợi mấy năm qua phải tạo nên một sự phấn khởi to lớn và một sức vươn lên mãnh liệt của nhân dân lao động. Nhưng, sự phấn khởi và sức vươn lên đó đã bị hạn chế và gần đây phát sinh tâm lý bi quan, xao xuyến, thiếu tin tưởng trong một bộ phận dân cư.

Đó là do có nhiều khó khăn trong kinh tế và xã hội:

- Sản xuất phát triển chậm, nhất là *nông nghiệp*;
- Đời sống *thiếu thốn*, nhất là đời sống của những người ăn lương;
- Các hiện tượng tiêu cực có chiều hướng tăng lên;
- Những điều trên đây thấy đã lâu, nói đã nhiều, nhưng sửa chữa quá chậm, quá ít;
- Điều đặc biệt nghiêm trọng là người lao động nông nghiệp cũng như công nghiệp, trong quốc doanh cũng như trong hợp tác xã, giảm sút lòng hăng hái sản xuất. Kẻ địch đã lợi dụng tình hình đó, phá hoại kinh tế, gây rối thị trường và giá cả, tuyên truyền xuyên tạc, kích động tâm lý hoài nghi.
- Những khó khăn về kinh tế có nguyên nhân khách quan như đã nói trên, đồng thời về mặt chủ quan, tuy đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng rất đúng, nhưng có những điểm *chưa được nhận thức nhất trí, chưa được hiểu đúng và chưa được thấu suốt* trong một bộ phận cán bộ từ trung ương đến các ngành, các cấp. Do đó, trong việc vận dụng đường lối, đã có những sai lầm, thiếu sót về kế hoạch hoá, xây dựng chính sách

cụ thể, quản lý kinh tế, quản lý xã hội và tổ chức thực hiện.

Điều cần nhấn mạnh là muốn đánh giá chính xác thắng lợi cũng như khó khăn, phải luôn luôn nắm vững hai đặc điểm của công cuộc xây dựng và quản lý kinh tế ở nước ta, những đặc điểm chưa từng có ở các nước khác:

Một là: Chúng ta xây dựng kinh tế trong điều kiện đất nước suốt mấy chục năm qua luôn luôn có chiến tranh, và hiện nay vẫn còn bị chiến tranh đe dọa, buộc nhân dân ta phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu.

Hai là: Từ một nền sản xuất nhỏ, không có đại công nghiệp cơ khí, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhưng phải thực hiện ngay hai nhiệm vụ cơ bản là thoả mãn nhu cầu đời sống nhân dân và tích lũy vốn để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

II- Nhiệm vụ cấp bách trước mắt

Sự đánh giá tình hình trên đây cho thấy cần xác định đúng những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, gấp rút có một loạt chủ trương về kinh tế và đời sống đáp ứng đòi hỏi của tình hình.

Những nhiệm vụ cấp bách hiện nay là:

1. Cải thiện đời sống trước mắt của nhân dân, ổn định sản xuất.
2. củng cố quốc phòng, an ninh và sẵn sàng chiến đấu.
3. Phát động phong trào cách mạng, đẩy mạnh sản xuất phát triển; kiên quyết đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cấp bách đó, phải quán triệt đường lối của Đảng, nắm vững cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, sửa chữa những sai sót về tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Trước hết, cần thấy rằng đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng chính là đường lối đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, được vận dụng cụ thể trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là đường lối của giai đoạn xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh. Nhưng do chưa quán triệt đường lối đó, nên trong một số chính sách, biện pháp, chỉ tiêu và cách làm, có những biểu hiện nóng vội, thiếu căn cứ thực tế.

Đường lối chung và đường lối kinh tế phải được thể hiện đúng trong cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, trên những mặt chủ yếu sau đây:

1. Xây dựng đúng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động

Thông thường, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải công nghiệp hoá, phải có đại công nghiệp cơ khí. Còn nước ta, từ sản xuất nhỏ tiến lên, phải xây dựng ngay chế độ làm chủ tập thể, để đi nhanh vào xã hội hoá, trên cơ sở đó tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá.

Như vậy, xây dựng làm chủ tập thể không phải là nóng vội, mà chính là một sự cần thiết để tổ chức lại sản xuất và lao động, phát triển ngành nghề, tạo ra quan hệ sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất mới, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất làm một.

Chế độ làm chủ tập thể cho phép phát huy sức mạnh to lớn

của tập thể, đồng thời tận dụng khả năng của cá nhân, làm cho cá nhân và tập thể kết hợp hữu cơ và bổ sung cho nhau.

Trong điều kiện nước ta, chúng ta chủ trương xây dựng chế độ làm chủ tập thể ở ba khâu: cả nước, địa phương và cơ sở, để vừa bảo đảm tính tập trung thống nhất, vừa phát huy được hết mọi khả năng sáng tạo của các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế.

Chế độ làm chủ tập thể tạo ra sự nhất trí cao giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa lợi ích của toàn xã hội, của tập thể và của từng người lao động. Mặt khác, có thực hiện được sự nhất trí giữa ba lợi ích ở mỗi khâu thì mới phát huy được sức mạnh của làm chủ tập thể.

Vừa qua, chúng ta chưa hiểu đúng và làm đúng, chưa xây dựng được một cơ chế làm chủ hợp lý, tạo nên phong trào cách mạng sôi nổi và động lực cơ bản đưa kinh tế và xã hội tiến lên. Vì vậy, xây dựng chế độ làm chủ tập thể phải trở thành công tác thường xuyên của mọi ngành, mọi cấp và nội dung hoạt động chủ yếu của các đoàn thể quần chúng.

2. Nắm vững và sử dụng tốt lao động, ngành nghề, đất đai, máy móc, vật tư sẵn có và năng lực sản xuất khác

Từ sản xuất nhỏ tiến lên, chúng ta không có cái vốn nào quý hơn là lao động, không có tài nguyên nào quan trọng và dễ khai thác hơn là đất, rừng, biển. Vì vậy, ngay từ đầu, làm chủ cho được lao động, đất, rừng, biển là cực kỳ quan trọng.

Thế nhưng, trong thời gian qua, chúng ta chưa có chủ trương và kế hoạch đầy đủ về tổ chức và phân công lại lao động, sử dụng hết mọi nguồn lao động; chúng ta đã không mở rộng được ngành nghề mà thậm chí còn làm mất đi một số ngành nghề; chúng ta đã không tận dụng được đất đai, mà còn để nhiều diện tích hoang, hoá (10

vạn héc-ta ở đồng bằng Bắc Bộ), chưa tập trung đầu tư đúng mức về cán bộ, về phương tiện, về chỉ đạo để thâm canh và mở rộng diện tích. Lâm nghiệp và hải sản là hai thế mạnh của chúng ta, nhưng do có nhiều thiếu sót, nên cả hai ngành này đều phát triển rất chậm, gây khó khăn cho đời sống, cho sản xuất, cho xây dựng cơ bản và hạn chế nguồn xuất khẩu.

Để thoát khỏi khó khăn trước mắt, tạo cơ sở tiến lên, chúng ta phải dùng mọi biện pháp và hình thức nắm lại lao động, kết hợp ngay lao động với đất, rừng, biển, mở mang nhanh ngành nghề trong từng hợp tác xã, cho đến cả huyện, cả tỉnh. Khi chúng ta nói bảo đảm đời sống của nhân dân thì cơ bản nhất là tìm đủ việc làm cho người lao động, để nâng cao mức thu nhập của họ.

Trong từng nhà máy, từng địa phương, từng ngành, phải tiến hành kiểm kê, nắm chắc thiết bị, máy móc, vật tư, có kế hoạch sử dụng tốt mọi năng lực sản xuất, nâng cao năng suất lao động, phát triển sản xuất.

Làm được như vậy thì vừa giải quyết được đời sống, vừa tạo được tích lũy cho công nghiệp hoá.

3. *Xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp*

Từ sản xuất nhỏ tiến lên, phải kết hợp ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp thành cơ cấu trong phạm vi cả nước cũng như trên từng tỉnh, huyện. Có như vậy, nông nghiệp mới tiến lên sản xuất lớn được và công nghiệp mới có điều kiện phát triển. Về vấn đề này, chúng ta đã nêu ra và nhấn mạnh nhiều lần, đã làm được một số việc, nhưng còn nhiều thiếu sót:

Chưa đầu tư đúng mức cho cơ khí, để cơ khí phục vụ nông nghiệp được nhiều hơn, chưa đẩy mạnh sản xuất than để đưa được vài triệu tấn than về nông thôn. Nói

chung, chưa hướng các ngành công nghiệp vào việc thúc đẩy nông nghiệp tiến lên.

Ngược lại, nông nghiệp chưa bảo đảm được lương thực, thực phẩm cho công nhân, chưa hình thành được các vùng chuyên canh sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp, kéo dài tình trạng sản xuất manh mún, phân tán.

Đặc biệt, do *chậm xây dựng huyện*, nên chưa gắn bó được nông - công nghiệp thành một cơ cấu, để hỗ trợ cho nhau cùng phát triển.

Những khuyết điểm đó cần được kiểm điểm kỹ và kiên quyết khắc phục trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch sắp tới.

Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, xây dựng một cơ cấu gồm nhiều thành phần là cần thiết, hợp lý, để tận dụng mọi khả năng sản xuất, lao động, kỹ thuật, quản lý.

Tuỳ theo từng ngành nghề, từng địa phương mà áp dụng một cơ cấu thành phần thích hợp, không thể nhất loạt giống nhau. Ví dụ: trong hệ thống công nghiệp nặng then chốt (điện than, hoá chất lớn, luyện kim v.v.) thì chỉ một thành phần quốc doanh; trong công nghiệp nhẹ ở miền Nam có năm thành phần, còn ở miền Bắc thì thực chất có ba thành phần, v.v..

Cải tạo kết hợp với xây dựng phải nhằm vận dụng cho được khả năng của mỗi thành phần, trong đó thành phần xã hội chủ nghĩa chiếm vai trò chủ đạo.

4. *Xây dựng các ngành kinh tế - kỹ thuật, phát triển kinh tế địa phương, củng cố cơ sở*

Từ sản xuất nhỏ tiến lên, phải dựa trên hai khâu then chốt là: ngành kinh tế - kỹ thuật và kinh tế địa phương, và phải hết sức xem trọng cơ sở.

Là lực lượng sản xuất cơ bản của nền kinh tế hiện đại, *các ngành kinh tế - kỹ thuật* có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển khoa học kỹ thuật, tăng năng suất lao động, chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí. Tích cực xây dựng sớm các ngành là một chủ trương chiến lược. Nhưng chúng ta đã chậm trễ ra chủ trương và biện pháp thích hợp cho việc xây dựng từng ngành, chậm hình thành các ngành, do đó đã hạn chế việc chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trong một nước đã công nghiệp hoá, vai trò của ngành là cơ bản và quyết định. ở nước ta, trước mắt, đi đôi với xây dựng ngành, phải nắm vững xây dựng *kinh tế địa phương*, lấy địa phương làm địa bàn tổ chức sản xuất, phân phối và đời sống. Để phát huy khả năng sáng tạo và trách nhiệm của các địa phương, quan hệ giữa trung ương và địa phương phải là *quan hệ nghĩa vụ hai chiều*, quy định trung ương cung ứng những gì cho địa phương về nhiên liệu, nguyên liệu, thiết bị, vật tư, và ngược lại, địa phương có trách nhiệm cung ứng những gì cho trung ương. Mỗi địa phương phải tự cân đối lấy sản xuất và tiêu dùng, phải tự trang bị cho mình và đóng góp cho sự nghiệp của cả nước. Các địa phương phải xây dựng quy hoạch, kế hoạch và những phương án kinh tế - kỹ thuật hợp lý, *tập trung sức phát huy thế mạnh của mình*. Các địa phương có quyền mở rộng giao dịch với trung ương và các địa phương khác, có quyền vay ngân hàng, kể cả ngoại tệ, có quyền xuất, nhập khẩu, có quyền ban hành những chính sách có tính chất địa phương (đương nhiên không được mâu thuẫn với chính sách chung của cả nước), có quyền xây dựng những cân đối kinh tế, quyết

định những vấn đề về giá cả, thị trường trong phạm vi địa phương.

Vừa qua, chúng ta đã không nhận thức đúng vai trò của ngành cũng như tầm quan trọng của địa phương, không tiến hành phân cấp quản lý rõ ràng, chính xác giữa trung ương và địa phương, kéo dài tình trạng chồng chéo, vướng mắc, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

Chúng ta chưa kiên trì xây dựng cơ sở, xây dựng huyện, kết quả là: trong xí nghiệp, chưa khôi phục được các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trước chiến tranh; trong hợp tác xã, sản xuất và thu nhập từ kinh tế tập thể còn kém, chưa tương xứng với đất đai và phương tiện sản xuất, khiến cho người nông dân thiếu gắn bó với kinh tế tập thể và chú trọng kinh tế gia đình hơn.

Hội đồng Chính phủ và các bộ phải ban hành kịp thời những chính sách, chế độ để thực hiện tốt mối quan hệ đúng đắn giữa trung ương và địa phương, nhất là phải làm tốt và khẩn trương việc phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương, giữa tỉnh và huyện.

Các ngành, các địa phương phải tập trung sức kiện toàn các *cơ sở*, nâng cao cho được năng suất và thu nhập của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

5. *Nắm vững và đưa nhanh khoa học kỹ thuật vào sản xuất*

Là lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học kỹ thuật đóng vai trò then chốt trong việc đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể cho phép áp dụng ngày càng rộng rãi các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật. Trong việc tổ chức và quản lý kinh tế, phải luôn nắm vững khoa học kỹ thuật, coi việc áp dụng đúng các quy trình, quy phạm kỹ thuật là một kỷ luật lao động.

Vừa qua, do chưa nhận thức đầy đủ vai trò của khoa học kỹ thuật, nên không có kế hoạch chu đáo về ứng dụng khoa học kỹ thuật, chưa coi trọng tổng kết những kinh nghiệm tốt để xây dựng thành quy trình kỹ thuật tiến bộ. Đặc biệt chưa coi trọng việc đào tạo công nhân lành nghề, chưa có chính sách đãi ngộ thoả đáng để tận dụng được năng lực của số công nhân kỹ thuật hiện có; công tác phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật cho toàn dân còn quá yếu.

Sửa chữa các khuyết điểm trên đây, các ngành, các cấp, các cơ quan quản lý kỹ thuật và quản lý kinh tế phải thông qua đội ngũ cán bộ kỹ thuật của mình, làm chủ cho được khoa học kỹ thuật, có kế hoạch đưa nhanh khoa học kỹ thuật vào sản xuất, làm cho sản xuất ngày càng tiến bộ, khắc phục tình trạng năng suất, chất lượng quá kém ở nhiều cơ sở.

6. Kế hoạch và thị trường

Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một quá trình phát triển có ý thức, có tổ chức; do đó, *kế hoạch* là công cụ chủ yếu của quản lý kinh tế. Nhiệm vụ của kế hoạch là bảo đảm thoả mãn nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân bằng cách sản xuất ra nhiều giá trị sử dụng. Mặt khác, do phải phân phối theo lao động, do còn có sản xuất hàng hoá, giá trị, tiền tệ, nên cần vận dụng rộng rãi các *quan hệ thị trường*.

Vừa qua, chúng ta chưa làm tốt công tác kế hoạch hoá, lại không vận dụng tốt thị trường. Kế hoạch hoá tập trung quan liêu, chưa tạo điều kiện cho các ngành, các địa phương, các cơ sở làm kế hoạch. Vận dụng thị trường có nhiều lệch lạc, gò bó, cứng nhắc, thiên về biện pháp hành chính, gây khó khăn cho sản xuất, lưu thông và đời sống.

Kinh tế nước ta còn có nhiều thành phần, nhiều quy mô, nhiều trình độ, cho nên phải có chế độ kế hoạch hoá thích hợp; đó là chế độ kế hoạch hoá ba khâu: trung ương, địa phương và cơ sở. Ba khâu đó không phải tách rời nhau, đối lập nhau, mà bổ sung cho nhau để có được kế hoạch hoàn chỉnh. Từng ngành phải làm cho được kế hoạch toàn ngành và từ cơ sở đi lên; từng địa phương tỉnh, huyện phải trở thành một cấp kế hoạch toàn diện, cân đối cho được sản xuất và tiêu dùng, đồng thời đóng góp được nhiều nhất cho nền kinh tế cả nước.

Thị trường của chúng ta bao gồm nhiều loại, tùy theo từng mặt hàng, từng ngành, nghề: có thị trường toàn quốc, có thị trường địa phương; có thị trường trong kế hoạch, có thị trường ngoài kế hoạch (tức thị trường "tự do"); có thị trường trong nước, có thị trường ngoài nước. Mỗi loại thị trường có vai trò và tác dụng của nó, chúng ta không nên dùng thái độ giản đơn hay thô bạo đối với thị trường. Phải tích cực mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, đồng thời do còn có kinh tế gia đình, nghề phụ ở nông thôn và sản xuất của thợ thủ công cá thể ở thành phố, nên còn có thị trường tự do trong một chừng mực nhất định. Chúng ta phải biết quản lý thị trường tự do, chủ yếu bằng các *biện pháp kinh tế*, các hình thức kinh doanh mua bán thích hợp, không nên chỉ dùng biện pháp hành chính đơn thuần, như kiểm tra, bắt bớ; những biện pháp này dùng để đối phó với bọn đầu cơ, bọn phá hoại.

Không sử dụng thị trường thì không khuyến khích sản xuất, khuyến khích lưu thông, gây khó khăn cho đời sống, nhưng không nên sùng bái thị trường, không nên buông thả để cho thị trường chi phối sản xuất và đời sống một cách tự phát. Chúng ta phải cải tạo và xây dựng thị trường, phấn

đấu vươn lên làm chủ thị trường, để phát huy tác dụng tích cực của thị trường, hạn chế đi đến xoá bỏ tác dụng tiêu cực của thị trường ngoài kế hoạch.

7. Cải tiến các chính sách lưu thông, phân phối (giá, lương, tiền, tài chính, ngân hàng)

Các chính sách lưu thông, phân phối của chúng ta hiện nay nói chung không có tác dụng thúc đẩy sản xuất, không khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất cho tập thể và quốc doanh, do không bảo đảm được sự nhất trí giữa ba lợi ích (xã hội, tập thể và cá nhân).

Tình hình sản xuất, kinh tế, đời sống đã có nhiều thay đổi; từ Đại hội lần thứ IV, đường lối của Đảng đã được bổ sung thêm nhiều điểm mới. Trong khi đó, phần lớn các chính sách về lưu thông, phân phối được định ra đã lâu, vì vậy có sự không ăn khớp giữa chính sách và tình hình thực tế, giữa chính sách và đường lối.

Nhiệm vụ đặt ra là phải tổ chức nghiên cứu chính sách để có sự đổi mới cần thiết và kịp thời; phải chống thái độ bảo thủ, không nhìn thấy những mặt cũ kỹ, thiếu sót trong chính sách; đồng thời phải có thái độ nghiêm túc thận trọng trong khi xác định những chính sách mới để tránh những sai sót có thể xảy ra.

Tinh thần chung của các chính sách lưu thông, phân phối là: *thúc đẩy sản xuất bung ra* theo đường lối của Đảng và phương hướng của kế hoạch Nhà nước; khuyến khích người lao động sản xuất, bảo đảm cho Nhà nước làm chủ được thị trường, thu mua được nhiều hàng hoá; tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng, bảo đảm sự nhất trí giữa ba lợi ích. *Phải lấy việc phát triển sản xuất làm tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá tính chính xác của các chính sách.*

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải tập trung sức sớm nghiên cứu và ban hành một số chính sách trước mắt có liên quan đến công nghiệp địa phương, công nghiệp hàng tiêu dùng, sản xuất, thu mua và phân phối lương thực, thực phẩm. *Còn toàn bộ vấn đề giá, lương, tiền, tài chính, ngân hàng*, là những vấn đề rất lớn, thì sẽ lập những tiểu ban chuyên môn để nghiên cứu một cách toàn diện, cơ bản, và sẽ trình ra Bộ Chính trị và Trung ương.

8. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại - Đẩy mạnh xuất khẩu

Mở rộng kinh tế đối ngoại, trước hết và chủ yếu với Liên Xô và Hội đồng Tương trợ kinh tế, là một bộ phận hợp thành của đường lối kinh tế, là một chỗ dựa cực kỳ quan trọng để đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh lên sản xuất lớn, hiện đại. Phải đem một phần lao động và tài nguyên của nước ta tham gia vào sự phân công, hợp tác kinh tế trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, tiếp xúc và trao đổi với thị trường thế giới. Xuất, nhập khẩu là vấn đề chiến lược đối với mọi nền kinh tế, càng trở nên bức thiết đối với nước ta.

Vừa qua, khuyết điểm của chúng ta là chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của kinh tế đối ngoại, chưa xây dựng được một chiến lược toàn diện về kinh tế đối ngoại, chưa xác định rõ được các thị trường, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, các hình thức hợp tác, gia công. Đặc biệt chưa xây dựng được một bộ máy đủ sức đảm đương nhiệm vụ xuất, nhập khẩu, chấp hành đúng đắn đường lối kinh tế đối ngoại của Đảng. Chưa xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm xuất, nhập khẩu của các ngành, các cấp. Thiếu chính sách khuyến khích và tổ chức bảo đảm xuất khẩu nên xuất khẩu quá kém.

Để khắc phục tình trạng nói trên, sau đây sẽ có những cuộc họp chuyên đề để bàn. Trước mắt, cần nắm lại tình hình xuất nhập khẩu, tình hình ký kết và thực hiện các hiệp định và hợp đồng kinh tế với nước ngoài, đánh giá được hiệu quả kinh tế của từng công trình và có cơ sở định ra phương hướng, cách thức tiến hành phân công, hợp tác quốc tế sau này.

9. Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, phát động phong trào cách mạng của quần chúng

Đây là cơ chế tổ chức của chế độ làm chủ tập thể, từ Trung ương đến cơ sở. Trong cơ chế đó, mỗi thành phần có vai trò và chức năng của nó. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện công việc Nhà nước; Nhà nước quản lý là thực hiện đường lối của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân.

Khuyết điểm của chúng ta là chưa xác định được rõ ràng, cụ thể quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng trong từng cấp, từng ngành, từng đơn vị. Phải nhận thức một cách khoa học cơ chế tổ chức này, đồng thời qua thực tiễn công tác mà sửa chữa khuyết điểm, để tăng cường cho được vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực mạnh mẽ của Nhà nước, chấm dứt những sự vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Từng địa phương phải xuất phát từ nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của mình mà *phát động phong trào quần chúng* sôi nổi, liên tục và bền bỉ tiến hành ba cuộc cách mạng, phát triển sản xuất, xây dựng đời sống, phát huy các nhân tố tích cực, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực: tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Vừa qua, các hiện tượng tiêu cực có chiều hướng phát triển là do chưa phát huy được quyền làm chủ của nhân dân;

từng ngành, từng cấp, từng đơn vị chưa nắm chắc tài sản mà Nhà nước giao cho mình, chưa nắm chắc việc làm của cán bộ, nhân viên; lời lỏng, hữu khuynh trong việc trừng trị những phần tử xấu, loại trừ ra khỏi bộ máy Đảng và Nhà nước những kẻ thoái hoá, biến chất.

Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Chính phủ, từng bộ, từng địa phương, từng đơn vị phải chỉ đạo gắt gao, kiểm tra chặt chẽ việc đấu tranh chống tiêu cực.

Đối với những vụ, việc đã phát hiện, phải xử lý đến cùng, trừng trị nghiêm khắc, kiên quyết không dung túng, bao che kẻ có tội, xử phạt nặng việc trù dập những người tố giác.

Đối với thiết bị, máy móc, vật tư của Nhà nước bị tuồn ra thị trường tự do, nhất thiết phải thu hồi và truy đến cùng.

Trong việc đấu tranh chống tiêu cực, cán bộ của Đảng và Nhà nước phải gương mẫu, không được đặc quyền đặc lợi.

*

* *

Mấy vấn đề nông nghiệp trước mắt

Trong hơn mười năm qua, nông nghiệp miền Bắc hầu như dậm chân tại chỗ, các điển hình tiên tiến không nhân ra được. Sở dĩ có tình hình đó là do:

1. Chậm đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không đi vào chuyên canh trên quy mô lớn, thâm canh ngày càng cao thông qua xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện, mà nặng về tự túc trong từng hợp tác xã. Trong thời gian dài, Bộ Nông nghiệp không làm kế hoạch nông nghiệp, các địa phương tỉnh, huyện cũng không làm kế hoạch nông

ng nghiệp, do đó không có phương hướng và điều kiện hình thành sản xuất lớn.

2. Các chính sách thu mua, giá cả, phân phối ăn chia v.v. vi phạm quyền làm chủ của hợp tác xã, của xã viên, không bảo đảm sự nhất trí giữa ba lợi ích, không khuyến khích áp dụng khoa học - kỹ thuật, không khuyến khích hăng hái lao động cho kinh tế tập thể.

3. Các ngành công nghiệp, giao thông, nội thương, ngoại thương... chưa tập trung toàn lực phục vụ nông nghiệp, chưa bảo đảm được nhu cầu của sản xuất nông nghiệp.

4. Chiến tranh đã thu hút một phần đáng kể lực lượng lao động trẻ, khoẻ của nông nghiệp; phần lớn lao động nông nghiệp là phụ nữ, do đó không bảo đảm cày cấy kịp thời vụ, đẩy mạnh thâm canh, mở rộng diện tích...

Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là động viên cao độ toàn dân, toàn quân trong cả nước *đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp*, nhằm thực hiện ba nhiệm vụ: bảo đảm lương thực, thực phẩm; cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp; tạo nguồn xuất khẩu lớn. Phải thấy rằng sản xuất nông nghiệp phát triển được là một điều kiện quan trọng để cải thiện đời sống, cân đối được nền kinh tế.

Các ngành thuỷ lợi, công nghiệp (cơ khí, điện than, hoá chất, giao thông vận tải, v.v.) phải có kế hoạch cụ thể phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các lực lượng bộ đội trên các địa bàn phải tận dụng mọi khả năng tham gia sản xuất lương thực, thực phẩm.

Đẩy mạnh trồng hoa màu và rau đi đôi với thâm canh lúa chú trọng những vùng màu ở Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, vùng rau xung quanh Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các khu công nghiệp, để trong bất cứ

tình huống nào cũng không xảy ra đói lương thực, thiếu rau ăn.

Một mặt, phải tận khả năng đẩy mạnh sản xuất lương thực trong nước. Mặt khác, phải biết sử dụng ưu thế của ta về cây công nghiệp, về lâm sản, hải sản, tạo nguồn xuất khẩu để nhập cho được một khối lượng lương thực ổn định. Trung ương cùng các địa phương phải tính toán cụ thể cân đối này trên từng huyện.

Cần khẳng định lương thực là vật tư chiến lược số một, đặc biệt càng quan trọng trong tình hình hiện nay. Với mức bình quân đầu người chưa đầy 300 kg, muốn khỏi đói, phải có một sự phân phối hết sức chặt chẽ; nếu buông lơi thì có thể dẫn tới tình hình nguy hiểm trong xã hội. Do đó, nói chung, Nhà nước *phải bằng mọi cách nắm cho được một khối lượng lương thực ngày càng lớn, để có thể bảo đảm lương thực cho những người không sản xuất lương thực.*

Để nắm lương thực, không phải dùng hình thức hành chính, kiểm soát, bắt buộc như cách làm vừa qua ở một số nơi, mà phải có chính sách đúng về thuế, về ổn định nghĩa vụ và hợp đồng hai chiều, về giá cả, để vừa bảo đảm cho Nhà nước nắm được lương thực, vừa khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất và vui vẻ bán lương thực cho Nhà nước. Phải tính toán lại giá thu mua lương thực, để thật sự bảo đảm cho nông dân làm lương thực được mức lãi cao hơn các ngành khác. Đối với bọn đầu cơ, buôn lậu lương thực thì phải kiên quyết trừng trị.

Ngoài thuế (10% sản lượng) và mua theo hợp đồng hai chiều, Nhà nước dùng *giá thoả thuận* đi đôi với động viên chính trị để mua phần lương thực hàng hoá còn lại. Giá thoả thuận là giá nông dân đồng ý bán và Nhà nước đồng ý mua, không hoàn toàn theo giá thị trường tự do,

nhưng không nên quy định cứng nhắc bằng gấp đôi giá chỉ đạo như hiện nay.

Nói chung, Nhà nước bảo đảm cung ứng lương thực cho mọi người không sản xuất lương thực trong xã hội; và vì Nhà nước đã mua bằng hai giá thì cũng có thể bán ra bằng hai giá, tùy từng đối tượng, từng thời gian.

Chủ trương thu mua và phân phối lương thực trên đây được thực hiện cụ thể phù hợp với tình hình sản xuất lương thực và khả năng nắm lương thực của Nhà nước. Trong một thời gian nhất định, ngoài phần Nhà nước mua và bán lương thực, còn có lưu thông tự do giữa người sản xuất lương thực và người tiêu dùng lương thực.

Đi đôi với việc xây dựng đúng quan hệ giữa Nhà nước và nông dân, cần sửa *gấp chế độ phân phối ăn chia trong nội bộ hợp tác xã* để thật sự khuyến khích xã viên hăng hái sản xuất cho kinh tế tập thể. Bỏ chế độ định suất, định lượng, áp dụng nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời mở rộng từng bước phúc lợi tập thể.

Về cây công nghiệp, phải làm gấp quy hoạch và đầu tư thích đáng về vốn và cán bộ để xây dựng nhanh một số vùng tập trung, tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nhất là những vùng cây công nghiệp hợp tác với nước ngoài, như cao su, cà phê, chè v.v., coi đây là một trong những vấn đề mấu chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng.

Trong sản xuất nông nghiệp, phải luôn luôn nắm vững hai hướng *thâm canh và mở rộng diện tích*.

Về thâm canh, đã trồng trọt là phải có chăn nuôi, phải đi sâu vào thâm canh, khắc phục tình trạng chênh lệch quá lớn về mức độ thâm canh, năng suất giữa các vùng. Nhà nước phải có kế hoạch đầu tư đẩy mạnh thâm canh ở các

huyện, các hợp tác xã trọng điểm có sản lượng lương thực hàng hoá lớn. Ví dụ: ở miền Bắc đã có nhiều hợp tác xã đóng góp từ 500 đến 1.000 tấn thóc cho Nhà nước, nếu chúng ta đầu tư đặc biệt để tạo ra khoảng 2.000 hợp tác xã như vậy trong tổng số 20.000 hợp tác xã ở miền Bắc, thì hàng năm Nhà nước có thể nắm chắc trên một triệu tấn lương thực (so với 80 vạn tấn hiện nay).

Về mở rộng diện tích, phải coi đây là một nhiệm vụ chiến lược cực kỳ quan trọng và phải tập trung lực lượng của các địa phương, của bộ đội để phân bố lại lao động, tăng nhanh diện tích mới; chú trọng trước hết đến đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. Phải làm nơi dễ trước, nơi khó sau, làm ăn chắc đạt hiệu quả thiết thực, mau đưa lại sản phẩm; không làm nham nhở, nhưng cũng không cầu toàn. Ở đồng bằng Bắc Bộ, phải nhanh chóng sử dụng cho hết 10 vạn ha hoang, hoá. Bộ Nông nghiệp và các địa phương phải nắm lại tình hình đất đai một cách cụ thể và chắc chắn để có kế hoạch cho hợp tác xã làm, chỗ nào hợp tác xã không làm được thì cho gia đình xã viên làm. Không cho phép để đất hoang, hoá, bắt buộc phải làm cho hết, đồng thời có chính sách rộng rãi khuyến khích người sản xuất, bảo đảm cho họ có lãi.

Cải tạo nông nghiệp ở miền Nam: phương châm chung là tích cực và vững chắc, nhưng trước mắt phải nhấn mạnh *vững chắc*. Vững chắc không phải là chần chừ, buông trôi, mà là tích cực tạo ra những điều kiện cần thiết để bảo đảm thành công, không làm ồ ạt, thiếu chuẩn bị. Phải kiện toàn cấp huyện để đủ sức lãnh đạo phong trào hợp tác hoá; lựa chọn và đào tạo cán bộ quản lý hợp tác xã.

Không nên thúc ép làm vội mà phải chuẩn bị kỹ và bảo đảm hiệu quả của phong trào. Việc hợp tác hoá nông nghiệp

ở miền Nam có thể cơ bản hoàn thành vào vài năm đầu của những năm 1980, như đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương.

Đối với hợp tác xã ở miền Bắc phải có kế hoạch kiên toàn và củng cố để sau vài năm, không còn hợp tác xã kém nát, chủ yếu là gắn việc củng cố hợp tác xã với xây dựng huyện, tăng cường cán bộ cho hợp tác xã, chấm dứt ăn cắp, mất dân chủ, thực hiện "5 công khai hoá"¹. Đối với những hợp tác xã quá lớn, khó quản lý, thì nên chia ra cho vừa phải.

Đi đôi với sản xuất nông nghiệp, cần chú ý làm tốt mấy công tác sau đây về công nghiệp:

a) Khẩn trương và ráo riết thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu về sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, chấm dứt tình trạng thiếu thốn hàng tiêu dùng thông thường.

b) Có biện pháp tập trung đẩy mạnh sản xuất *than*, đạt cho được chỉ tiêu kế hoạch năm nay, đồng thời tạo điều kiện phát triển mạnh trong năm 1980 và các năm sau.

c) Ra sức chấn chỉnh *hai cảng Hải Phòng và Sài Gòn* để tăng năng lực bốc dỡ, không để tàu phải chờ đợi lâu, loại trừ cho được tệ ăn cắp và những hành động có tính chất phá hoại.

III- Chỉ đạo thực hiện

Những khuyết điểm trong việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng và Nhà nước là một

1. "5 công khai hoá" là: công khai hoá thu chi, công điểm, hàng hoá, các quỹ, kho tàng.

nguyên nhân quan trọng khiến cho tình hình kinh tế chậm chuyển biến. Vì vậy, lần này phải có sự *thay đổi mạnh trong chế độ làm việc và tác phong chỉ đạo* để bảo đảm thực hiện nghị quyết.

1. Trong Hội nghị này, các đồng chí Trung ương đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ đối với các khuyết điểm. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ xin tiếp thu sự phê bình đó.

Ngay sau đây, căn cứ vào kiến nghị của các đồng chí Trung ương, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần sớm vạch một chương trình hành động, xác định những việc phải làm, ai làm và thời gian hoàn thành. Đối với những công tác cấp bách trước mắt, phải kiểm tra, đôn đốc ráo riết. Phải sử dụng các ban chuyên môn của Đảng để làm việc này; sau mỗi lần kiểm tra, Ban Bí thư phải có kết luận, có phương hướng giải quyết. Các cơ quan Nhà nước phải tôn trọng và thực hiện chu đáo những kiến nghị uốn nắn của tổ chức Đảng. Các bộ, các ngành, các địa phương, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, cũng phải lập chương trình hành động cụ thể. Việc gì thuộc thẩm quyền của mình thì làm ngay, không chờ đợi.

2. *Xây dựng và kiên toàn cấp huyện* là một khâu mấu chốt trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất nông nghiệp, nhưng lâu nay việc này tiến hành chậm do nhận thức vấn đề không đầy đủ. Để thực hiện được nghị quyết của Hội nghị này, làm tốt những nhiệm vụ cấp bách nói trên, các huyện uỷ, tỉnh uỷ, các ngành trung ương phải đặt đúng vấn đề xây dựng huyện và kiên toàn cấp huyện, coi đó là một công tác trung tâm thường xuyên. Mỗi địa phương, mỗi ngành đều phải có

kế hoạch thiết thực thi hành Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị.

3. Vừa qua, công tác *tổ chức* không theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ cải tạo và xây dựng kinh tế. Bộ máy công kênh, kém hiệu lực. Công tác *cán bộ* chậm chuyển biến, chậm thay thế những người không đảm đương được nhiệm vụ, không tạo được nguồn cán bộ mới bảo đảm thực hiện tốt đường lối của Đảng. Nhiệm vụ đặt ra là phải cải tiến mạnh mẽ công tác tổ chức. Ngay trước mắt, phải khẩn trương kiện toàn một số ngành và địa phương yếu kém, từ nhân sự cho đến tổ chức.

4. Công tác tư tưởng, giáo dục chính trị thiếu sắc bén, thiếu kịp thời, chưa làm cho cán bộ và nhân dân nhận rõ tình hình, hiểu đúng và làm đúng đường lối của Đảng, chưa bám sát tình hình và nhiệm vụ kinh tế, giải đáp trúng những thắc mắc và tâm tư của quần chúng. Do đó, chưa phát động được phong trào cách mạng sâu rộng và lâu bền.

Trong việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết lần này, các cấp, các ngành phải *truyền đạt cho được sự nhất trí của Trung ương* về các vấn đề kinh tế, xã hội. Phải tiến hành một đợt công tác chính trị, tư tưởng thật mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, nhằm:

- Khẳng định thắng lợi rất to lớn của cách mạng Việt Nam trong ba, bốn năm qua.
- Thấy rõ những khó khăn tất yếu của nhân dân ta trong sứ mệnh lịch sử phải vừa bảo vệ Tổ quốc... vừa bảo đảm đời sống và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, cũng thấy rõ những khuyết điểm chủ quan trong việc xây dựng và quản lý kinh tế.

- Nêu cao ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, quyết đập bằng khó khăn, tin tưởng và phấn khởi tiến lên, khắc phục mọi sự hoài nghi, dao động, xao xuyến, đập tan những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch.

Đối với đảng viên, cần phải nêu cao tư thế của người chiến sĩ cộng sản, biết phân rõ phải, trái, đúng, sai, nắm vững mục tiêu cách mạng, tiên phong gương mẫu trong cuộc chiến đấu mới hiện nay.

Trên tinh thần đó, các cấp, các ngành hãy tạo ra một sự chuyển biến về tư tưởng, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần này để trong vài năm trước mắt, *ổn định được sản xuất, đời sống và xã hội, củng cố được Đảng và Nhà nước*.

Nắm vững thế thắng của cách mạng, phát huy mạnh mẽ động lực làm chủ tập thể, nhất định chúng ta sẽ vượt qua được khó khăn, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên, xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới.

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

Nghị quyết
Hội nghị lần thứ sáu
Ban Chấp hành Trung ương Đảng
(khoá IV)

Số 20-NQ/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1979

Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách

Phần I

Tình hình hiện nay

Sau chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975, nước nhà thống nhất, nhân dân cả nước ta hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, lẽ ra có điều kiện tập trung toàn lực vào công cuộc lao động hoà bình, xây dựng đất nước, khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước cải thiện đời sống. Nguyên vọng và quyền lợi chính đáng của nhân dân ta sau ba chục năm chiến tranh là sống hoà bình, hạnh phúc trong độc lập, tự do.

Nhưng bọn... phản động ... đã công khai và điên cuồng chống Việt Nam trong khi nhân dân Việt Nam chưa kịp băng bó xong những vết thương chiến tranh, lại gặp thiên tai lớn trong ba năm liên.

Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã phấn đấu rất kiên cường và giành được thắng lợi to lớn.

Quân và dân ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược ..., giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với cách mạng hai nước Campuchia và Lào. Cách mạng ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia có thể và lực mới; tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước được củng cố hơn bao giờ hết... Nhiều mưu mô thâm độc của bọn phản động... hòng làm giảm uy tín và cô lập nước ta trên trường quốc tế đã bị thất bại. Với Hiệp ước hoà bình hữu nghị và hợp tác Việt - Xô, tình đoàn kết giữa nước ta và Liên Xô được tăng cường. Quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng ngày thêm củng cố và phát triển. Quan hệ ngoại giao và kinh tế của nước ta đang mở rộng với nhiều nước trên thế giới. Thắng lợi của nhân dân ta đã trực tiếp góp phần tích cực bảo vệ và phát triển ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh phong trào độc lập dân tộc, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam châu á, và góp phần quan trọng vào thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Mặc dầu có những khó khăn lớn và những thử thách mới, nhân dân ta cũng đã thu được những thành tựu quan trọng trong việc hàn gắn những vết thương chiến tranh, chống thiên tai, khôi phục sản xuất, bảo đảm yêu cầu tối thiểu của đời sống và xây dựng thêm một số công trình kinh tế.

... Sự thật đã chứng minh rằng nhân dân lao động nước ta, từ Bắc đến Nam, rất giàu lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa

xã hội, Đảng ta thật sự là một Đảng Mác - Lênin vững mạnh.

Thắng lợi của cách mạng nước ta thật là to lớn, đồng thời những khó khăn mà ta phải vượt qua cũng rất gay gắt. Chính vì vậy, về tư tưởng và tâm lý đang có trạng thái vừa tự hào, tin tưởng, vừa băn khoăn, lo lắng; bên cạnh số đông đảng viên và nhân dân có tinh thần kiên định, phấn đấu vươn lên, nêu cao phẩm chất cách mạng, cũng có những biểu hiện dao động, bi quan, hoài nghi, sa sút ý chí phấn đấu.

Chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống: sản xuất phát triển chậm, năng suất thấp, đời sống thiếu thốn, nhất là đời sống của những người ăn lương ở thành thị và các khu công nghiệp; nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội có tính nghiêm trọng. Điều cần đặc biệt quan tâm là người lao động sản xuất thiếu hăng hái sản xuất, bọn làm ăn bất chính và phi pháp vẫn ngang nhiên hoạt động. Kẻ địch đang lợi dụng tình hình kinh tế và đời sống khó khăn để phá rối ta trên nhiều mặt sản xuất và thị trường, tâm lý và dư luận, trong nước và ngoài nước.

Những khó khăn về kinh tế và đời sống một mặt do những nguyên nhân khách quan, mặt khác, do những khuyết điểm chủ quan, nhất là trong công tác kinh tế. Các cấp, các ngành chưa quán triệt sâu sắc đường lối kinh tế đã xác định ở Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng; do đó, trong việc vận dụng đường lối, đã có những khuyết điểm về kế hoạch hoá, về xây dựng chính sách cụ thể, về các biện pháp tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc xây dựng kế hoạch kinh tế vẫn tập trung quan liêu, thiếu căn cứ thực tế và khoa học, chưa kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá với sử dụng thị

trường, chưa chú ý đầy đủ tăng cường và phát huy kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, và cũng chưa chú ý sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế cá thể và tư sản dân tộc (ở miền Nam). Chậm khắc phục tình trạng trì trệ, bảo thủ trong việc xây dựng các chính sách cụ thể về kinh tế, tài chính để khuyến khích phát triển sản xuất. Những khuyết điểm vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng vẫn chưa được sửa chữa kiên quyết. Có những biểu hiện nóng vội, giản đơn trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.

Trước tình hình mới, toàn Đảng và toàn dân ta phải nâng cao hơn nữa lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy những thuận lợi và ưu điểm, ra sức sửa chữa khuyết điểm, tạo nên một chuyển biến lớn trong tình hình sản xuất và đời sống, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên, giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Phần II

Nhiệm vụ cấp bách trước mắt

Hiện nay, nước ta vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh ...

Tình hình kinh tế và đời sống nhân dân đang có nhiều khó khăn, Đảng và Nhà nước ta phải có những chủ trương và biện pháp cấp bách, mạnh mẽ, kiên quyết, đem lại hiệu quả thiết thực nhằm *đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội,*

đồng thời *ra sức củng cố quốc phòng, giữ vững trật tự an ninh, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc.*

Tiếp tục thi hành những nhiệm vụ chung do các Hội nghị lần thứ tư và thứ năm của Trung ương đã đề ra, từ nay đến năm 1981, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tập trung sức thực hiện *ba nhiệm vụ cấp bách:*

Một là, đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân.

Hai là, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cấp bách kể trên, phải quán triệt sâu sắc đường lối đã xác định ở Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, sửa chữa những sai lầm, thiếu sót về tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Phải làm khẩn trương và làm thật tốt *những công tác* dưới đây:

1. *Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu*

Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là động viên cao độ và tổ chức toàn dân, toàn quân *đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nhằm trước hết bảo đảm vững chắc lương thực và thực phẩm*, đồng thời cung ứng nhiều nguyên liệu cho *công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.*

Các ngành thủy lợi, cơ khí, điện, than, hoá chất, giao thông vận tải, vật tư, nội thương, ngoại thương, tài chính, ngân hàng... phải tích cực phục vụ nông nghiệp, bảo đảm thủy lợi, sức kéo, phụ tùng, nhiên liệu, công cụ lao động, phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu. Các lực lượng vũ trang trên các địa bàn vừa phải sẵn sàng chiến đấu tốt, vừa phải tận dụng mọi khả năng để tham gia sản xuất lương thực, thực phẩm theo kế hoạch của trung ương và địa phương.

Ra sức đẩy mạnh sản xuất *lúa* bằng *thâm canh, tăng vụ* và *sử dụng hết diện tích*, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Tập trung đầu tư về thủy lợi, phân bón, thuốc trừ sâu, sức kéo để đưa năng suất lên nhanh ở những vùng có khối lượng lớn về lương thực. Phải hết sức đẩy mạnh sản xuất vụ đông ở các tỉnh miền Bắc, mở rộng diện tích trồng các loại *màu* ở Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, vùng đồi núi miền Trung và miền Bắc. Ở tất cả các vùng, phải rất coi trọng việc phát triển các loại *rau, đậu*, các loại cây có *dầu* và có *đường* thích hợp.

Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố khác và các khu công nghiệp phải xây dựng nhanh các vành đai *thực phẩm* (chăn nuôi, trồng rau) để bảo đảm giải quyết một phần quan trọng nhu cầu về thực phẩm.

Mỗi tỉnh, huyện phải cố gắng đến mức cao nhất để cân đối lương thực trong địa phương mình, đồng thời làm tốt nghĩa vụ đóng góp với cả nước.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất lương thực trong nước, phải phát huy *ưu thế của ta về cây công nghiệp, lâm sản, hải sản*, ra sức *tạo nguồn xuất khẩu* để nhập cho được một khối lượng lương thực ổn định. Đặc biệt

chú ý phát triển các loại *cây công nghiệp và cây ăn quả* có thể xuất khẩu với khối lượng lớn, như cà phê, chè, cao su, thuốc lá, dâu tằm, đay, cói, dừa, chuối, dứa v.v., và các loại *hải sản* (tôm, cá v.v.).

Phải khẩn trương *khai hoang mở rộng diện tích*, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên, nhưng phải chuẩn bị chu đáo, làm đến đâu chắc đến đó và đạt hiệu quả thiết thực. Kịp thời kiểm điểm, rút kinh nghiệm việc khai hoang xây dựng các vùng kinh tế mới để xúc tiến công tác này được tốt hơn.

Chính phủ cần *ban hành các chính sách khuyến khích mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp*. Cụ thể là:

- *Ổn định mức nghĩa vụ bán lương thực trong 5 năm*; phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thỏa thuận và được lưu thông tự do. Mức ổn định phải định cho sát, đúng để động viên nông dân phấn khởi sản xuất, đồng thời chú ý đến nhu cầu của cả nước. Đối với các loại nông sản khác cũng ổn định mức nghĩa vụ bán cho Nhà nước thích hợp với từng loại.

- Khuyến khích các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và cả gia đình xã viên, nông dân cá thể *tận dụng diện tích* ruộng đất, hồ, ao còn bỏ hoang hoặc bỏ hoá.

- Khuyến khích các cơ sở quốc doanh, tập thể và gia đình *đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm*. Đối với khu vực tập thể và gia đình, cần ổn định mức bán thịt lợn; phần còn lại được bán cho Nhà nước với giá thỏa thuận hoặc lưu thông tự do.

- *Sửa lại biểu thuế nông nghiệp* nhằm khuyến khích thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích. Ngoài biểu thuế của Nhà nước, nghiêm cấm các địa phương tự tiện đặt ra các thứ thuế.

- *Sửa lại giá lương thực và giá các nông sản khác* cho hợp lý để khuyến khích sản xuất và mở rộng nguồn thu mua của Nhà nước.

- *Khuyến khích xuất khẩu nông sản* của các địa phương và cơ sở sản xuất.

- Sửa đổi cách *phân phối, ăn chia trong nội bộ hợp tác xã nông nghiệp*, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, bỏ lối phân phối theo định suất, định lượng không khuyến khích tích tích cực của quần chúng. Nghiêm cấm các quỹ và mọi sự quỵên góp trái phép. Định quỹ không chia của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cho hợp lý.

- Phải có kế hoạch củng cố *các hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc*, gắn việc củng cố hợp tác xã với xây dựng huyện, tăng cường cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ. Quy mô của hợp tác xã cần giữ ổn định trong một số năm và không nên quá lớn, vượt quá khả năng quản lý của cán bộ và trình độ về cơ sở vật chất - kỹ thuật. Đối với những hợp tác xã quá lớn, quản lý không tốt thì tình uỷ xem xét kỹ, có thể tổ chức lại cho hợp lý. Gấp rút chấn chỉnh công tác quản lý của hợp tác xã, phổ biến kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến, phát huy hiệu quả kinh tế của lao động, đất đai và phương tiện sản xuất, làm cho người nông dân xã viên thật gắn bó với kinh tế tập thể, lao động đạt năng suất cao, thu nhập của kinh tế tập thể cũng như kinh tế gia đình ngày càng tăng.

Trong việc *cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam*, phải nắm vững phương châm *tích cực và vững chắc*, hiện nay phải nhấn mạnh *vững chắc*. ở những nơi đã có hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất, phải kịp thời *củng cố*. Tổ chức nông dân vào hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất, phải theo đúng ba nguyên tắc: *tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ*. ở những nơi chưa tổ chức nông dân sản xuất tập thể, phải chuẩn bị kỹ các điều kiện cần thiết, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý ở cơ sở, đưa nông dân từ những hình thức vắn công, đổi công, tổ đoàn kết sản xuất lên hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã; chống tư tưởng chủ quan, nóng vội, cưỡng ép mệnh lệnh, làm ô ạt, gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân.

- *Đẩy mạnh khai thác thủy sản, hải sản* để giải quyết thực phẩm cho nhân dân. Củng cố các đoàn tàu quốc doanh đánh cá, củng cố các hợp tác xã nghề cá ở miền Bắc, tổ chức lại nghề cá ở miền Nam một cách thích hợp, tích cực và vững chắc, chỉnh đốn việc cung ứng nhiên liệu, vật tư, hàng hoá cho các hợp tác xã và người đánh cá. Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ, ngư dân có thể bán phần hải sản còn lại cho Nhà nước với giá thỏa thuận hoặc được lưu thông tự do. Sửa đổi giá Nhà nước mua cá cho hợp lý. Triển khai nhanh việc hợp tác đánh cá với Liên Xô, Ba Lan, Cộng hoà Dân chủ Đức.

- *Về nghề rừng*, phải gấp rút chấn chỉnh và cải tiến tổ chức quản lý trong ngành lâm nghiệp, củng cố lâm trường quốc doanh và hợp tác xã nghề rừng. Kiên quyết ngăn chặn nạn phá rừng và cháy rừng, nhất là rừng đầu nguồn, xúc tiến công tác trồng cây gây rừng. Tổ chức tốt công tác khai thác gỗ, phân phối gỗ và vận chuyển gỗ để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu;

ban hành chính sách khuyến khích khai thác, sử dụng gỗ cành, ngọn.

- Đặc biệt tăng cường chỉ đạo các ngành *than, điện, giao thông vận tải*. Hết sức khắc phục khó khăn về gỗ chống lò, thuốc nổ, phụ tùng, thiết bị v.v., để đẩy mạnh sản xuất than, bảo đảm dự trữ đủ than cho giao thông đường sắt và cho các nhà máy, nhất là các nhà máy điện. Phải có kế hoạch và biện pháp bảo đảm nguồn điện liên tục trong mọi tình huống. Chuẩn bị phương án dự phòng về điện trong trường hợp xảy ra chiến tranh.

Kiểm điểm và chấn chỉnh gấp công tác giao thông vận tải, cả đường sắt, đường bộ, đường biển, đường sông và hàng không dân dụng. Trước hết, phải tập trung sức chấn chỉnh cho được *tổ chức và quản lý cảng Hải Phòng, cảng Sài Gòn và cảng Đà Nẵng* để tăng năng lực bốc dỡ, giải phóng tàu nhanh, loại trừ tệ ăn cắp và những hành động có tính chất phá hoại.

Tất cả các ngành công nghiệp phải tiến hành khẩn trương việc *kiểm kê* trong từng nhà máy, từng địa phương, từng cơ quan, nắm toàn bộ lao động, vật tư, thiết bị hiện có trong ngành, từ đó có kế hoạch sử dụng tốt, triệt để phát huy mọi năng lực sản xuất, nâng cao năng suất lao động, phát triển sản xuất.

- Chỉ đạo chặt chẽ và khẩn trương việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này về *phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*, khuyến khích phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Bỏ thuế lợi tức vượt cấp.

- Các ngành và các địa phương phải phấn đấu rất cao để *đẩy mạnh xuất khẩu*, tăng cường đầu tư, mở rộng các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là những mặt hàng ta có thế mạnh: nông sản nhiệt đới (cao su, cà phê, chè,

thuốc lá, dưa, chuối và sản phẩm chăn nuôi...), hải sản (tôm, cá), lâm sản (gỗ, nhựa thông...), cây dược liệu, khoáng sản và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống (mây tre đan, thêu, đan len, sơn mài, đồ mỹ nghệ bằng sứ, đồ gốm, vàng, bạc...). Phát triển hình thức hợp tác gia công với Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác.

Chính phủ cần bổ sung các chính sách cụ thể khuyến khích sản xuất, kinh doanh các mặt hàng xuất khẩu; cho phép các liên hiệp xí nghiệp, công ty của các ngành sản xuất và công ty xuất khẩu của địa phương (tỉnh, thành phố) được giao dịch thẳng và ký kết hợp đồng với các công ty nước ngoài theo kế hoạch của Nhà nước, dưới sự hướng dẫn của Bộ Ngoại thương.

Trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, trước hết phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của ta trong việc hợp tác kinh tế với *Hội đồng Tương trợ kinh tế* (SEV). Đối với những công trình hợp tác với Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác, phải thực hiện nghiêm túc những điều ta đã ký kết và phải cố gắng học tập để nâng cao trình độ quản lý, trình độ kỹ thuật.

- *Về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam*, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải khẩn trương kiểm tra, rút kinh nghiệm, uốn nắn những lệch lạc, thực hiện đúng chủ trương của Đảng về *năm thành phần kinh tế ở miền Nam* để tận dụng mọi khả năng về lao động, kỹ thuật, quản lý nhằm phát triển sản xuất. Trong các ngành công nghiệp, nhất là trong công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng, thành phần kinh tế quốc doanh

phải giữ vai trò chủ đạo, nhưng vẫn để cho một số tư sản dân tộc hoạt động dưới sự quản lý của Nhà nước.

2. *Giải quyết những yêu cầu cấp bách về đời sống*

Phải khẩn trương giải quyết các vấn đề cấp bách về đời sống ở các thành phố, khu công nghiệp tập trung, ở các vùng biên giới phía bắc, ở một số vùng nông thôn mùa màng có khó khăn.

ở các thành phố lớn và khu công nghiệp, phải cố gắng bảo đảm *lương thực, thực phẩm và các hàng tiêu dùng thiết yếu* theo tiêu chuẩn quy định và đúng kỳ hạn. Ngoài số lương thực phân phối thường xuyên, Bộ Lương thực và Thực phẩm phải bảo đảm cho Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có *lương thực dự trữ*.

Các Bộ Hải sản, Nội thương, Lương thực và Thực phẩm, Giao thông Vận tải phải bảo đảm cung cấp thực phẩm như rau, cá, nước mắm hoặc nước chấm, xà phòng, giấy viết, theo tiêu chuẩn quy định cho công nhân, viên chức và nhân dân tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các khu công nghiệp khác. Phải kiên quyết dành một lực lượng vận tải để đưa cá, nước mắm và một số hàng tiêu dùng từ miền Nam ra cho Thủ đô Hà Nội, các khu công nghiệp và vùng biên giới phía bắc.

Trong việc phân phối, ngoài tiêu chuẩn cung cấp theo định lượng, ngành thương nghiệp được phép bán theo giá cao hơn giá bán cung cấp một số mặt hàng lương thực, nông sản và hàng công nghiệp đã mua của người sản xuất theo giá thỏa thuận. Ngoài hệ thống cửa hàng của thương nghiệp quốc doanh, cần tổ chức tốt hệ thống căng tin của các cơ quan, xí nghiệp, bảo đảm đưa hàng hoá đến tay người tiêu dùng. Kết hợp các biện pháp kinh tế với các biện pháp hành chính, giáo dục để quản lý thị trường; kiên quyết trừng trị

bọn phá hoại, đầu cơ nâng giá.

Tổ chức bữa ăn giữa ca không phải trả tiền cho công nhân ở các xí nghiệp, công trường và bến cảng lớn, chú trọng những nơi làm việc nặng nhọc.

Trong khi chuẩn bị cải tiến chế độ tiền lương, Chính phủ cần ban hành khoản trợ cấp đặc biệt cho những người có mức lương thấp để giảm bớt khó khăn trong đời sống. Đồng thời, áp dụng rộng rãi ở các ngành, các địa phương chế độ trả lương theo sản phẩm và chế độ trả lương khoán theo hiệu quả thực tế của sản xuất, kinh doanh, để khuyến khích các đơn vị, cá nhân làm tốt và tăng thu nhập của công nhân, cán bộ.

Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân các cấp phải *bảo đảm trả lương đủ và đúng kỳ hạn cho cán bộ, công nhân, viên chức.*

Các ngành và các tỉnh miền Nam phải tích cực giáo dục, giúp đỡ và mạnh dạn giao việc cho công nhân, viên chức, trí thức mới giải phóng; nghiêm cấm mọi thái độ thành kiến, phân biệt đối xử. Phải tiếp tục tuyển vào biên chế những người hiện đang làm theo chế độ hợp đồng, tạm tuyển; đối với những người có nghề giỏi, cần áp dụng chế độ phụ cấp kỹ thuật thích đáng.

3. Cải tiến các chính sách lưu thông, phân phối (giá, lương, tiền tài chính, ngân hàng)

Phải nghiên cứu để cải tiến một cách cơ bản các chính sách lưu thông, phân phối, khắc phục tình trạng không ăn khớp hiện nay giữa chính sách và tình hình thực tế về sản xuất và đời sống, chống tư tưởng chủ quan, bảo thủ, không

nhìn thấy những thiếu sót trong chính sách; đồng thời phải nghiên cứu kỹ các mặt khi xác định những chính sách mới để tránh sai sót.

Các chính sách về lưu thông, phân phối phải nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh theo đường lối của Đảng và phương hướng của kế hoạch Nhà nước, kết hợp lợi ích của toàn xã hội với lợi ích của tập thể và cá nhân, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, làm nhiều được hưởng nhiều, đồng thời bảo đảm cho Nhà nước nắm được nguồn hàng, làm chủ được thị trường.

Tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá sự đúng đắn của các chính sách lưu thông, phân phối là *tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.*

Từ nay đến cuối năm 1979, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần tập trung nghiên cứu và ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp địa phương, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; thu mua và phân phối lương thực, thực phẩm và các nông sản quan trọng. Còn toàn bộ vấn đề giá cả, tiền lương, tiền tệ, tài chính, ngân hàng, Bộ Chính trị sẽ lập những tiểu ban nghiên cứu một cách cơ bản, toàn diện và giải quyết vào đầu năm 1980.

4. Tích cực chuẩn bị, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc

Tiếp tục thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương về việc xây dựng lực lượng vũ trang, tăng cường các công tác ở biên giới, hải đảo. Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Chính phủ và Quân ủy Trung ương cùng với các tỉnh

uỷ, thành uỷ phải *kiểm tra* chặt chẽ và thường xuyên các công tác cấp bách về chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ nhân dân, bảo đảm luôn luôn chủ động và sẵn sàng đập tan các cuộc tiến công xâm lược của địch.

Đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang" trong toàn quân, ở tất cả các địa phương, các đơn vị *tăng cường đoàn kết quân dân, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt bảo vệ Tổ quốc*.

Triển khai việc thi hành chế độ *nghĩa vụ quân sự* đối với mọi công dân đến tuổi nghĩa vụ; người nào không đủ điều kiện vào quân đội thì thực hiện chế độ nghĩa vụ lao động đưa đi xây dựng các vùng kinh tế mới trong một thời hạn nhất định.

Các cấp uỷ Đảng và chính quyền phải chỉ đạo chặt chẽ công tác quốc phòng và an ninh, tăng cường các biện pháp chuyên môn kết hợp với phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, kịp thời phát hiện âm mưu và hoạt động của bọn phản động, gián điệp, bọn gây bạo loạn, truy quét bọn thổ phỉ, tập trung cải tạo bọn lưu manh chuyên nghiệp, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5. Phát động phong trào cách mạng của quần chúng, kiên quyết khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong xã hội

Tất cả các ngành và các địa phương phải căn cứ vào nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của mình mà phát động phong trào cách mạng của quần chúng sôi nổi, liên tục, nhằm đẩy mạnh sản xuất, tổ chức tốt đời sống, phát

huy những nhân tố tích cực, đồng thời *kiên quyết đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng*.

Phải phát huy mạnh mẽ *vai trò làm chủ tập thể của quần chúng*, nhất là của công nhân, viên chức và nông dân lao động, làm cho quần chúng tự giác, chủ động thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình cùng với cơ quan Nhà nước đấu tranh mạnh mẽ chống tệ lấy cắp của công, hối lộ và ức hiếp quần chúng, trước hết là trong những ngành trọng điểm, ở những khâu trọng điểm như lương thực, thương nghiệp, giao thông vận tải (kể cả hàng không dân dụng), vật tư, quản lý nhà đất, hộ khẩu.

Người đứng đầu mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị phải chịu trách nhiệm bảo vệ chu đáo những tài sản mà Nhà nước giao cho mình quản lý, chấn chỉnh gấp việc tổ chức quản lý tài sản, kho tàng, cửa hàng,... tổ chức kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất để phát hiện những vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, thưởng phạt nghiêm minh và kịp thời.

Cần công bố lại trên báo, đài và phổ biến rộng khắp các Pháp lệnh về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản của công dân, trừng trị các hành động phản cách mạng, chọn ngay một số vụ ăn cắp của công nghiêm trọng đưa ra xử công khai, trừng trị đích đáng và thông báo rộng rãi trong nhân dân.

Phải vừa chống tệ ăn cắp, hối lộ và ức hiếp quần chúng, vừa *xây dựng và thực hiện đúng các chế độ, thể lệ quản lý*, kết hợp thực hiện *bốn chế độ* (chế độ trách nhiệm,

chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân) trong mỗi cơ quan, đơn vị sản xuất, xây dựng và kinh doanh, vận tải, khôi phục và phát huy nền nếp lành mạnh, tốt đẹp trong lao động, quản lý kinh tế và tổ chức đời sống.

Các đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các tổ chức nông dân tập thể phải phát huy chức năng và tác dụng quan trọng của mình trong việc giáo dục chính trị và phát động phong trào quần chúng, xây dựng và bồi dưỡng các nhân tố tích cực, các điển hình tiên tiến, phê phán và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể, bám sát các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, bám sát cơ sở, giải đáp trúng yêu cầu của tình hình và nguyện vọng của quần chúng, đem lại hiệu quả thiết thực.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải phân công một số đồng chí chuyên trách để chỉ đạo ráo riết công tác này.

6. Tăng cường công tác tư tưởng

Ban Bí thư Trung ương Đảng và các cấp uỷ Đảng ở các cấp, các ngành phải chỉ đạo *công tác tư tưởng, giáo dục chính trị* một cách sắc bén, kịp thời, làm cho cán bộ và nhân dân nhận rõ tình hình, hiểu đúng và làm đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác giáo dục chính trị phải bám sát tình hình và nhiệm vụ các mặt, kinh tế và xã hội, quốc phòng và an ninh, giải đáp trúng những thắc mắc và tâm tư của quần chúng.

Trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, ở tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở, phải *truyền đạt cho được quan điểm và quyết tâm của Trung*

ương, nhất là về các vấn đề kinh tế, xã hội. Tiến hành một đợt công tác chính trị, tư tưởng mạnh mẽ trong Đảng và trong quần chúng, nhằm làm cho mọi người:

- Thấy hết những thắng lợi rất to lớn của cách mạng Việt Nam trong bốn năm qua, hiểu rõ những khó khăn không thể tránh khỏi trong hoàn cảnh vừa bảo vệ Tổ quốc..., vừa bảo đảm đời sống và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đồng thời, cũng thấy rõ những khuyết điểm chủ quan trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

- Nêu cao ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, quyết tâm vượt mọi khó khăn trước mắt, tin tưởng và phấn khởi tiến lên, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, khắc phục tư tưởng bi quan, hoài nghi, dao động, kịp thời đập tan những luận điệu chia rẽ, xuyên tạc, kích động của địch.

Đối với cán bộ, đảng viên, phải nêu cao tư thế của người chiến sĩ cộng sản, biết phân rõ phải, trái, đúng, sai, nắm vững mục tiêu cách mạng, tiên phong gương mẫu trong cuộc chiến đấu mới hiện nay, xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc góp phần làm chuyển biến tình hình.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở mỗi cấp, mỗi ngành, phải rất chủ động và sắc bén trong việc chỉ đạo công tác tư tưởng và các cơ quan tuyên truyền giáo dục nhanh chóng tạo ra một sự chuyển biến về tư tưởng, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương.

Đối với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phải tích cực chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư về xây dựng Đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng và bộ máy Nhà nước những phần tử thoái hoá, biến chất, xử lý kịp thời và

nghiêm minh các vụ vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Chấn chỉnh công tác tổ chức và chỉ đạo thực hiện

Để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách kể trên, nhất thiết phải chấn chỉnh công tác tổ chức và cán bộ, thực sự đổi mới cách chỉ đạo thực hiện ở các ngành, các cấp.

Ngay sau Hội nghị Trung ương lần này, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải định ra một chương trình hành động tích cực, xác định những việc phải làm, ai làm và thời gian hoàn thành. Đối với những công tác cấp bách trước mắt, phải kiểm tra, đôn đốc ráo riết; sau mỗi lần kiểm tra, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phải có kết luận và có biện pháp giải quyết cụ thể.

Các bộ, các ngành, các địa phương, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, cũng phải lập chương trình hành động và có kế hoạch cụ thể thực hiện các nhiệm vụ cấp bách. Những việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của mình thì làm ngay, không chờ đợi, không chần chừ.

Kiên quyết chấn chỉnh bộ máy chỉ đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở, trước hết là *cải tiến cách làm việc của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ*, sắp xếp lại bộ máy và kiện toàn cơ quan lãnh đạo một số ngành quan trọng.

Các ngành, các cấp phải làm tốt công tác cán bộ theo Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, chú trọng đổi mới đội ngũ cán bộ thật sự có phẩm chất và năng lực. Tăng cường cán bộ cho *cấp huyện và cơ sở*, kiên quyết giảm mạnh biên chế các cơ quan hành chính cấp trung ương và cấp tỉnh, thành.

Xây dựng và kiện toàn cấp huyện là một khâu mấu chốt trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tất cả các ngành trung ương, các tỉnh uỷ, huyện uỷ phải đặt đúng vấn đề xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện, tích cực và khẩn trương thi hành các nghị quyết của Trung ương và Chính phủ về xây dựng huyện, gắn với củng cố cơ sở, củng cố các hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân và đóng góp với Nhà nước.

Về chế độ làm việc, phải xác định rõ ràng, dứt khoát trách nhiệm, quyền hạn của Bộ trưởng và quan hệ giữa các bộ với Thường vụ Hội đồng Chính phủ. Hội đồng Chính phủ và các ngành ở trung ương phải xúc tiến nhanh việc phân cấp quản lý cho các địa phương, phân rõ trách nhiệm giữa trung ương, tỉnh và huyện trong công tác quản lý và kế hoạch hoá.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cấp bách theo tinh thần Nghị quyết này, sớm công bố các chính sách cụ thể, quyết định nhanh các biện pháp thực hiện, phân công rõ ràng và kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ việc thực hiện từng công tác cụ thể; kịp thời phổ biến những kinh nghiệm tốt, và thưởng phạt nghiêm minh.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên hãy phát huy truyền thống cách mạng của Đảng ta, nêu cao bản chất dũng cảm, kiên cường của người cộng sản, tích cực lãnh đạo nhân dân vượt qua

mọi khó khăn, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cấp bách trước mắt nêu trong Nghị quyết này. Đó cũng là cách thiết thực chuẩn bị và tiến hành kỷ niệm những ngày lịch sử vẻ vang trong năm 1980.

Hãy nêu cao tinh thần phục vụ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phục vụ nhân dân, ra sức tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, thực hiện trọn vẹn lời dạy của Hồ Chủ tịch trong *Di chúc* của Người: "Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng, Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân".

Với lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nắm vững đường lối của Đảng, dựa vào nhân dân lao động, phát huy mạnh mẽ chế độ làm chủ tập thể, nhất định chúng ta sẽ tạo nên một sự chuyển biến mạnh mẽ, đưa cách mạng nước ta tiến lên giành những thắng lợi mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

T/M Ban Chấp hành Trung ương

Tổng Bí thư

Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Nghị quyết

Hội nghị lần thứ sáu

ban chấp hành trung ương đảng (khoá IV)

Số 21-NQ/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1979

Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương

I

Tình hình và phương hướng phát triển
công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp
địa phương

1. Thời gian vừa qua, trong hoàn cảnh khó khăn chung của đất nước, nền kinh tế đã thấp kém, lại bị chiến tranh tàn phá, thiên tai dồn dập, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương trong cả nước đã bước đầu phát triển, đạt được một số thành tích đáng kể, sử dụng gần 2 triệu lao động và sản xuất được một số mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống, sản xuất, chiến đấu và xuất khẩu.

Tuy nhiên, sản xuất còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm:
- *Hàng tiêu dùng thiếu nghiêm trọng*, mặt hàng nghèo nàn, chất lượng kém, giá thành cao. Có những mặt hàng thông dụng có khả năng sản xuất nhiều nhưng vẫn thiếu, như hàng sành sứ, thủy tinh, đồ gỗ, mây, tre, chiếu cói, kim khí thông dụng, đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em, v.v..

- *Hàng xuất khẩu ít*, chưa cân đối được phần nhập nguyên liệu, thiết bị cho bản thân công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Chưa tạo được những mặt hàng xuất khẩu chủ lực nhằm phát huy thế mạnh về tài nguyên, đất đai và lao động của ta. Chất lượng nhiều hàng xuất khẩu không theo kịp yêu cầu của thị trường thế giới.

- *Một số tư liệu sản xuất* như công cụ thường và cải tiến, vôi, gạch, ngói, đá, cát, sỏi... công nghiệp địa phương có khả năng giải quyết được nhưng vẫn bị thiếu thốn từ nhiều năm.

Tình trạng trên đây có những nguyên nhân khách quan sâu xa: sau khi giành được độc lập hoàn toàn và thực hiện thống nhất nước nhà, nhân dân ta còn chưa băng bó xong vết thương của hơn ba mươi năm chiến tranh và đang gặp thiên tai liên tiếp thì lại phải chiến đấu chống hai cuộc chiến tranh xâm lược mới ở biên giới tây nam, biên giới phía bắc và những hành động phá hoại thâm độc khác... Nền kinh tế nước ta, trong đó có công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, gặp thêm những khó khăn to lớn mới. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh đến những *nguyên nhân chủ quan* như đã phân tích trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

Các ngành, các cấp *nhận thức chưa đúng vị trí của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*, đặc biệt là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; còn có tư tưởng ỷ lại vào trung ương và trông chờ nhập khẩu hàng tiêu dùng và nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng.

Tổ chức sản xuất hàng tiêu dùng không thành hệ thống thông suốt từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ

sản phẩm, từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương và cơ sở, chưa kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa công nghiệp nhẹ với công nghiệp nặng, chưa kết hợp cải tạo với xây dựng và tổ chức lại sản xuất.

Nguyên liệu là vấn đề sống còn của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, nhưng chưa được giải quyết tốt; chưa đầu tư thích đáng, tạo nguồn nguyên liệu vững chắc từ nông nghiệp. Các mặt công tác kế hoạch hoá, xây dựng chính sách cụ thể và tổ chức quản lý có nhiều trì trệ và khuyết điểm, đạt hiệu quả thấp. Chưa tăng cường và phát huy đúng mức kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, mặt khác chưa sử dụng đúng đắn khả năng của kinh tế cá thể, kể cả tư sản dân tộc ở miền Nam. Đội ngũ cán bộ quản lý từ trung ương đến cơ sở còn yếu, cán bộ khoa học kỹ thuật chưa được sử dụng hợp lý.

2. Phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương là một nhiệm vụ rất quan trọng của tất cả các ngành, các cấp, trước mắt cũng như lâu dài, thời bình cũng như thời chiến nhằm thi hành Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và thực hiện ba nhiệm vụ chung trong tình hình mới là: đẩy mạnh sản xuất và bảo đảm đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Công nghiệp hàng tiêu dùng phải góp phần tận dụng lao động xã hội, đẩy mạnh sự phân công lao động mới; thông qua chế biến làm tăng thêm giá trị sử dụng và giá trị của sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp; góp phần tăng năng suất lao động xã hội và tăng nhanh sản phẩm xã hội để

bảo đảm nhu cầu đời sống nhân dân, tăng nguồn xuất khẩu và tích lũy, cùng với nông nghiệp làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp nặng.

Công nghiệp địa phương có vai trò quan trọng là kết hợp ngay từ đầu với nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp thành một cơ cấu, hình thành nòng cốt của kinh tế địa phương, tận dụng mọi nguồn lao động và tài nguyên tại chỗ, mở mang ngành nghề, làm ra nhiều hàng hoá bảo đảm nhu cầu sản xuất và đời sống của địa phương, góp phần phục vụ nhu cầu cả nước và xuất khẩu, cùng với nông nghiệp bảo đảm nhu cầu tại chỗ cho quốc phòng.

3. Phương hướng phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng

Phương hướng phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng phải căn cứ vào *chính sách tiêu dùng* trong thời gian trước mắt là:

- Tiêu dùng của xã hội phải dựa trên cơ sở sản xuất trong nước, chống tư tưởng ỷ lại vào viện trợ bên ngoài để tiêu dùng.
- Ăn no, mặc ấm, đề cao tinh thần cần kiệm, giản dị.
- Khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, trong địa phương, dành hàng tốt cho xuất khẩu.

Nói chung, phải *phát triển toàn diện* tất cả các ngành chủ yếu của công nghiệp hàng tiêu dùng, nhằm tạo nên một cơ cấu hoàn chỉnh, bao gồm chế biến lương thực, thực phẩm, khai thác và chế biến hải sản, chế biến chè và các loại nước uống giải khát, dược phẩm, dệt, da, may mặc, giấy, gỗ, sành sứ, thủy tinh, kim khí tiêu dùng, cao su, nhựa, văn hoá phẩm... Mọi nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, kể từ cái nhỏ nhất, mà điều kiện trong nước có thể đáp ứng thì không được

để thiếu. *Trong vài năm trước mắt*, phải tập trung sức phát triển những ngành có nhu cầu cấp bách như chế biến lương thực, thực phẩm, làm hàng tiêu dùng với nguyên liệu trong nước (gỗ, giấy, dệt, da, xà phòng, sành sứ, thủy tinh, mây tre, chiếu cói v.v.) và một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực (cà phê, chè, cao su, tơ tằm, thuốc lá, dứa, tôm mực, hàng gia công dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ v.v.).

Phải tận dụng các thành phần kinh tế: quốc doanh, công tư hợp doanh, tập thể, cá thể (kể cả tư sản được kinh doanh hợp pháp); kết hợp quy mô lớn, vừa, nhỏ; kỹ thuật thủ công, nửa cơ giới và cơ giới; kết hợp trung ương, địa phương (tỉnh thành, huyện) và cơ sở.

Tận dụng mọi khả năng về *lao động, tài nguyên và năng lực* sản xuất của các ngành kinh tế, quốc phòng, văn hoá để sản xuất hàng tiêu dùng.

Phát triển công nghiệp chế biến phải *cân đối với nguồn nguyên liệu*, trước hết phải gắn chặt với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong một quy hoạch thống nhất, khắc phục nhanh những sự chông chéo, không ăn khớp hiện nay giữa các ngành đó.

Sử dụng tốt *cơ sở hiện có*, chú trọng đầu tư chiều sâu để trang bị lại và mở rộng các cơ sở ấy. Xây dựng *cơ sở mới* phải tính đến nguồn vốn, nguyên liệu được cung ứng, và sau khi đã khai thác hết năng lực của cơ sở đã có. Chú trọng cả *số lượng* và *chất lượng*, khả năng thực tế cho phép đến đâu thì phải phấn đấu đạt số lượng và chất lượng đến đó, không được làm bừa, làm ẩu, gây lãng phí nguyên liệu và tạo thói xấu trong sản xuất và quản lý.

Đẩy mạnh *hợp tác quốc tế* bằng các hình thức gia công, nhập thiết bị, nguyên liệu, xuất sản phẩm; tham gia các

chương trình phân công hợp tác sản xuất hàng tiêu dùng của Hội đồng Tương trợ kinh tế.

4. *Phương hướng phát triển công nghiệp địa phương*

Nhiệm vụ cơ bản của công nghiệp địa phương là phục vụ đời sống nhân dân địa phương, phục vụ sản xuất và quốc phòng của địa phương, góp phần phục vụ nhu cầu cả nước và xuất khẩu.

Công nghiệp địa phương, ngay từ đầu, phải gắn chặt với các ngành kinh tế khác của địa phương, nhất là nông nghiệp để hình thành cơ cấu công - nông nghiệp của tỉnh, và cơ cấu nông - công nghiệp của huyện. Mặt khác, trong từng ngành, công nghiệp địa phương phải gắn chặt với công nghiệp trung ương, hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật cả nước.

Sự phát triển của công nghiệp địa phương chủ yếu phải dựa trên cơ sở phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, và sự phân công lao động ở địa phương, trên cơ sở tài nguyên, nguồn vốn tích lũy của địa phương và vay tín dụng; trung ương chỉ cấp phát cho các địa phương một số vốn ban đầu và giúp đỡ những mặt cần thiết.

Công nghiệp địa phương phải phát triển rộng khắp trong cả nước, nhằm tận dụng lao động và tài nguyên của tất cả các địa phương. Cần chú ý phát triển ở các tỉnh miền Nam, Tây Nguyên và miền núi phía bắc.

Trong việc phát triển kinh tế địa phương nói chung và công nghiệp địa phương nói riêng, phải chống lối "tự túc" khép kín trong từng địa phương; phải mở rộng phân công, hợp tác giữa các địa phương nhằm phát huy thế mạnh của từng địa phương, đạt được hiệu quả kinh tế lớn.

Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai thành

phố công nghiệp lớn, có nhiều khả năng kỹ thuật và công nhân lành nghề, phải vươn lên, phát huy khả năng công nghiệp của mình, tích cực giúp đỡ phát triển kinh tế ở các địa phương khác, hình thành những quan hệ phong phú về sản xuất và lưu thông với các tỉnh trong cả nước theo một sự phân công hợp lý, dưới sự chỉ đạo của trung ương. Đồng thời, các tỉnh khác trong cả nước, nhất là các tỉnh lân cận, phải cung ứng nguyên liệu, lương thực, thực phẩm cho hai thành phố theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hoặc trên cơ sở hợp tác sản xuất, trao đổi sản phẩm và kỹ thuật.

Về cơ cấu công nghiệp địa phương, tỉnh, thành phố nào cũng cần phát triển các ngành nghề phổ biến sau đây:

- Cơ khí sửa chữa và chế tạo máy và công cụ phụ tùng, phương tiện vận tải đơn giản,
- Chế biến lương thực, thực phẩm và thức ăn gia súc,
- Sản xuất hàng tiêu dùng thông thường, văn hoá phẩm, hàng thủ công, mỹ nghệ,
- Khai thác, chế biến lâm sản, hải sản,
- Sản xuất vật liệu xây dựng phù hợp với điều kiện của tỉnh, thành phố,
- Chế biến dược liệu, dược phẩm, tinh dầu,
- Dịch vụ và sửa chữa.

Ngoài ra tỉnh, thành nào cũng có lực lượng xây dựng, giao thông, vận tải, bưu điện.

Từng địa phương phải nhằm vào ưu thế tài nguyên và lao động của mình mà xác định và phát triển mạnh những ngành nghề thích hợp.

Công nghiệp huyện là một bộ phận hợp thành của kinh tế huyện và của công nghiệp tỉnh, thành phố, cần được phát triển theo quy hoạch chung của công nghiệp tỉnh và gắn chặt với nông nghiệp và các ngành kinh tế khác của huyện để có thể hình thành sớm cơ cấu nông - công nghiệp

trên địa bàn huyện.

Mỗi huyện tùy theo đặc điểm tài nguyên, lao động và nhu cầu của mình mà xây dựng một cơ cấu hợp lý. Nói chung, *cơ cấu phổ biến của công nghiệp huyện là:*

- Các đội máy kéo và các trạm sửa chữa máy nông nghiệp nhỏ và vừa,
- Sản xuất công cụ thường và công cụ cải tiến,
- Các cơ sở chế biến thức ăn gia súc và chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp,
- Các đội xây dựng thủy lợi và các trạm bơm,
- Chế biến màu và thực phẩm,
- Khai thác, chế biến lâm sản, hải sản,
- Sản xuất vật liệu xây dựng phù hợp với điều kiện của huyện,
- Chế biến, chủ yếu là sơ chế, dược liệu, dược phẩm, tinh dầu,
- Sản xuất hàng tiêu dùng thông thường, đồ dùng dạy học, văn hoá phẩm bằng nguyên liệu địa phương; hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ xuất khẩu,
- Sửa chữa, dịch vụ.

Ngoài ra, còn có các đội xây dựng, các cơ sở giao thông, vận tải, bưu điện.

Các địa phương phải hết sức coi trọng *tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp*, ra sức duy trì và mở rộng ngành nghề trong phạm vi tỉnh, thành phố, huyện, quận cho đến từng hợp tác xã. Có kế hoạch, chính sách, chế độ thoả đáng về tổ chức sản xuất, cung ứng nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm nhằm khuyến khích phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; phân công hợp lý giữa các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã hoặc tổ sản xuất; coi trọng và có chính sách thoả đáng đối với thủ công cá thể nhằm sử dụng tốt lực lượng này.

5. *Mục tiêu phấn đấu từ nay đến năm 1985 của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*
+ *Sản xuất hàng tiêu dùng:*

- Về ăn, bảo đảm đủ khẩu phần lương thực, trong đó có màu được chế biến tốt, tăng chất đạm thực vật và động vật; đủ nước giải khát.

- Về mặc, bảo đảm tiêu chuẩn vải do Nhà nước quy định, đáp ứng đủ nhu cầu về chiếu, chăn, màn, dép, mũ, nón làm bằng nguyên liệu trong nước.

- Về ở và đồ dùng trong nhà, sản xuất đủ vật liệu xây dựng thông thường trong địa phương để giải quyết nhà ở cho nhân dân; bảo đảm cung ứng các đồ dùng thiết yếu làm bằng nguyên liệu trong nước như đồ sành sứ, thủy tinh, đồ gỗ, song, mây, tre. Đáp ứng một phần nhu cầu về quạt điện, đồng hồ bàn, máy thu thanh.

- Về đi lại, tăng thêm phương tiện đi lại công cộng ở các thành phố, khu công nghiệp; đẩy mạnh sản xuất xe đạp, nhất là sản xuất phụ tùng.

- Về văn hoá, giáo dục, bảo đảm giấy viết và các đồ dùng học tập thông thường cho học sinh các cấp, cố gắng trang bị các phương tiện giảng dạy và thí nghiệm cho các trường; đáp ứng một phần quan trọng dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi trẻ em và các đồ dùng văn hoá khác.

- Về y tế, đẩy mạnh trồng cây thuốc, sản xuất dược liệu, hoá dược và chế biến thuốc, bảo đảm đủ thuốc chữa các chứng bệnh thông thường và một số thuốc bổ cho nhân dân.

+ *Sản xuất tư liệu sản xuất*, cố gắng bảo đảm đủ nhu cầu về:

- Công cụ lao động và một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải thông thường.

- Vật liệu xây dựng thông thường.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị của địa phương.
- Tham gia phục vụ hậu cần tại chỗ cho quân đội.

+ Xuất khẩu:

Đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu để bảo đảm nhập đủ nguyên liệu và thiết bị cần thiết cho công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, bảo đảm một phần nhu cầu nhập khẩu cho nền kinh tế chung.

Trong hai, ba năm trước mắt, phải giải quyết cho được việc chế biến màu, bảo đảm cho được nhu cầu thiết yếu của nhân dân về nước chấm, đồ gỗ, song, mây tre, hàng dệt, da, chiếu, cối, sành sứ, thuỷ tinh, xà phòng, công cụ lao động thông thường, đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em, v.v..

II

Biện pháp và chính sách

1. Nguyên liệu, nhiên liệu và thiết bị

Phải tích cực đẩy mạnh sản xuất nguyên liệu, nhiên liệu trong nước; xuất khẩu để nhập các loại nguyên liệu cần thiết mà ta chưa sản xuất được; sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn nguyên liệu, tận thu, tận dụng các loại phế liệu, phế phẩm.

a) Ngành nông nghiệp phải xây dựng cho được một số vùng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh, thâm canh, có năng suất cao, sản lượng hàng hoá lớn: mía, chè, cà phê, cao su, dừa, thuốc lá, dâu tằm, đay, cối, bông, cây ăn quả (chủ yếu là dứa), cây dược liệu v.v..

Phát động phong trào nhân dân tận dụng đất đai, lao động trồng dâu nuôi tằm, ương tơ, trồng bông để tự túc một phần về mặc.

Phát triển mạnh chăn nuôi, sớm đưa chăn nuôi cân đối với trồng trọt, để cung ứng ngày càng nhiều thịt, sữa, trứng và da trâu, bò, lợn cho công nghiệp chế biến.

b) Ngành lâm nghiệp có kế hoạch và biện pháp cụ thể về:

- Trồng rừng cung ứng gỗ cho các nhà máy giấy và sợi viscose.

- Khai thác và trồng sậy hoặc các cây thích hợp khác ở Minh Hải, Đồng Tháp, Long An, dùng làm nguyên liệu cho các nhà máy giấy ở miền Nam.

- Cung ứng đủ gỗ cho nghề cá. Hằng năm dành 30-40 vạn m³ gỗ tròn và tận dụng gỗ cành, ngọn cho ngành sản xuất đồ mộc.

- Cung ứng đủ nhựa thông cho công nghiệp giấy và tananh cho công nghiệp thuộc da.

- Cung ứng mây, tre, nứa, lá để chế biến hàng tiêu dùng và làm hàng xuất khẩu bằng cách tự tổ chức khai thác hoặc hướng dẫn các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp khai thác.

c) Các ngành công nghiệp nặng phải khai thác, sản xuất, cung ứng các loại nguyên liệu khoáng sản, kim loại cho công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Cần khẩn trương xây dựng và phát triển công nghiệp sợi hoá học và có kế hoạch sản xuất các loại hoá chất thay cho nguyên liệu nhập; khẩn trương giải quyết nguyên liệu hoá chất cho bột giặt.

d) Các địa phương và cơ sở sản xuất phải tìm mọi cách khai thác, sử dụng các loại nguyên liệu sẵn có trong địa phương, các loại vật tư ứ đọng; tận thu, tận dụng đến mức cao nhất các loại phế liệu, phế phẩm, tuyệt đối không được để ứ đọng hoặc hủy hoại. Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và giám đốc xí nghiệp phải được giao đủ trách nhiệm và quyền hạn để giải quyết tốt vấn đề này.

e) Các ngành, các địa phương và cơ sở sản xuất cần nhập nguyên liệu thì phải lo xuất để nhập; Nhà nước phải dành một phần ngoại tệ để nhập các loại

nguyên liệu, phụ liệu rất cần thiết mà trong nước chưa sản xuất được. Phải mạnh dạn nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu nhằm tạo việc làm cho người lao động và có thêm ngoại tệ. Mở rộng hình thức gia công sản xuất cho nước ngoài để khắc phục một phần khó khăn về nguyên liệu. Tiến tới ký hợp đồng dài hạn nhập nguyên liệu với các nước có điều kiện.

g) Cải tiến và tăng cường công tác quản lý vật tư, nguyên liệu: vận chuyển và bảo quản tốt vật tư, tránh hư hỏng, hao hụt; quản lý chặt chẽ vật tư theo định mức; cải tiến thiết kế sản phẩm, áp dụng công nghệ tiên bộ để tiết kiệm vật tư trong một đơn vị sản phẩm, lợi dụng tổng hợp nguyên liệu và không để nguyên liệu ứ đọng.

h) Bộ Điện than phải cung ứng đủ than cho công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Ngoài việc đẩy mạnh sản xuất ở các mỏ than lớn, cần tận dụng than nhiệt lượng thấp, khai thác các mỏ than nhỏ, sử dụng than bùn ở một số địa phương. Tận dụng các loại gỗ cành, ngọn không thể dùng sản xuất đồ mộc để làm nhiên liệu sản xuất đồ sành sứ, thủy tinh.

i) Để giải quyết vấn đề thiết bị, các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương phải có một lực lượng cơ khí tương đối mạnh, bao gồm các tổ hoặc phân xưởng cơ khí của các xí nghiệp, các xí nghiệp cơ khí của các liên hiệp xí nghiệp và các địa phương, nhằm bảo đảm sản xuất được các loại phụ tùng và khuôn mẫu cần thiết, sửa chữa và cải tiến thiết bị hiện có, chế tạo các loại thiết bị chuyên dùng, thiết bị lẻ và một số thiết bị toàn bộ cỡ nhỏ và vừa, như các nhà máy xay xát, nhà máy đường, nhà máy chè, nhà máy gạch v.v.. Bộ Cơ khí luyện kim có trách nhiệm sản xuất và cung ứng các thiết bị thông dụng và các thiết bị, phụ

tùng cỡ lớn hoặc yêu cầu kỹ thuật cao mà lực lượng cơ khí chuyên dùng của các ngành, các địa phương không làm được.

Trước mắt phải tận dụng tốt thiết bị hiện có, chú ý huy động sử dụng số thiết bị tịch thu của tư sản mại bản và tư sản công thương hiện còn để trong kho.

k) Kết hợp đúng đắn giữa đầu tư chiều sâu với đầu tư chiều rộng và trước mắt coi trọng đầu tư chiều sâu, để đồng bộ hoá và cân đối các dây chuyền sản xuất nhằm tận dụng công suất thiết bị hiện có. Phải cải tiến các thủ tục cho vay, giảm bớt phiền hà cho cơ sở để thực hiện rộng rãi việc đầu tư qua tín dụng.

2. Tổ chức sản xuất

Phải tùy từng ngành nghề, từng mặt hàng và xuất phát từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp, quốc doanh, tập thể hoặc cá thể. Cái gì hợp tác xã đã làm tốt thì không vội thay thế bằng quốc doanh; cái gì địa phương làm có hiệu quả thì cứ giao cho địa phương làm. Đối với cá thể, kể cả sản xuất, sửa chữa và dịch vụ, xét sản phẩm nào, công việc nào cá thể hiện đang làm tốt, phục vụ tốt thì giúp đỡ cá thể tiếp tục làm; Nhà nước quản lý bằng chính sách. Một số mặt hàng hiện đang do quốc doanh phụ trách sản xuất, nhưng nay nếu xét thấy để cho tiểu, thủ công nghiệp và tư bản tư nhân sản xuất có điều kiện phát triển sản xuất thuận lợi hơn, thì cũng cần mạnh dạn giao lại cho tiểu, thủ công nghiệp và tư nhân làm. Hình thức tổ chức sản xuất không nên cố định, mà có thể thay đổi tùy theo đặc điểm ngành, nghề và trình độ phát triển của kinh tế, kỹ thuật nhằm mục đích có lợi nhất cho sản xuất.

Tổ chức sản xuất phải theo hướng từng bước thực hiện tập trung hoá, chuyên môn hoá, hiệp tác hoá và liên hiệp hoá nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Trước mắt, tập trung sức củng cố tốt *cơ sở* (hợp tác xã, xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp), bảo đảm *quyền chủ động sản xuất kinh doanh* và *quyền tự chủ về tài chính của cơ sở*. Xúc tiến thành lập một số tổ chức liên hiệp sản xuất - kinh doanh đã có điều kiện chín muồi, dưới hình thức liên hiệp xí nghiệp công - nông nghiệp để kết hợp khâu chế biến công nghiệp với khâu sản xuất nguyên liệu nông sản, hoặc công ty chuyên doanh hàng xuất khẩu trực thuộc bộ sản xuất, để thống nhất quản lý từ khâu sản xuất đến xuất khẩu. Các liên hiệp xí nghiệp phải hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế. Việc tổ chức liên hiệp các xí nghiệp phải được tiến hành chu đáo, vững chắc, đạt hiệu quả kinh tế thiết thực, không để trở thành cấp trung gian hình thức.

3. *Kế hoạch hoá*

Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế hoạch hoá ba cấp, làm kế hoạch từ cơ sở và xuất phát chủ yếu từ lao động, đất, rừng, biển và thiết bị kỹ thuật hiện có. *Trung ương* nắm một số cân đối cơ bản, một số chỉ tiêu chủ yếu của nền kinh tế. Trên cơ sở nắm vững quyền tập trung ấy, phải giao cho các *địa phương*, dựa vào lao động và tài nguyên của mình, chủ động tạo cân đối để sản xuất những mặt hàng thông thường, đáp ứng nhu cầu nhiều về của đời sống; đồng thời tạo điều kiện cho các cơ sở phát huy hết năng lực sản xuất, chủ động được trong sản xuất và kinh doanh.

Kết hợp kế hoạch hoá với sử dụng quan hệ thị trường; vừa xây dựng thị trường thống nhất cả nước,

vừa mở rộng thị trường địa phương; kết hợp thị trường có kế hoạch với thị trường ngoài kế hoạch.

Hội đồng Chính phủ ban hành ngay quyết định phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương về các loại vật tư, nguyên liệu, hàng hoá; về sản xuất, lưu thông và tiêu thụ sản phẩm.

4. *Chính sách kinh tế*

Mạnh dạn sửa đổi và cải tiến các chính sách hiện hành, nhất là về lưu thông, phân phối, nhằm làm cho sản xuất bung ra đúng hướng.

Việc sửa đổi và cải tiến các chính sách phải nhằm khuyến khích sản xuất, mở rộng quyền chủ động của cơ sở, của địa phương và ngành; tận dụng và hướng dẫn tất cả các thành phần kinh tế; kết hợp đúng đắn lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người sản xuất, chú ý thích đáng đến lợi ích của người sản xuất nguyên liệu.

Phải giải quyết tốt bốn loại chính sách quan trọng sau đây:

a) *Chính sách nguyên liệu:*

Nhà nước phải đầu tư thích đáng và đồng bộ cho các vùng cây công nghiệp tập trung để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, trước hết là hệ thống thủy lợi và giống cây trồng, phân bón, bảo đảm cho diện tích được ổn định và năng suất cây trồng tăng nhanh. Bảo đảm cung cấp lương thực cho người trồng cây công nghiệp ở vùng tập trung chuyên canh theo hợp đồng kinh tế hai chiều. Ở một số vùng cây công nghiệp tập trung chuyên cung cấp nguyên liệu nông sản cho những xí nghiệp chế biến nhất định, thì giao cho các xí nghiệp đó trực tiếp ký hợp đồng hai chiều với các hợp tác xã nông nghiệp về cung ứng lương thực, phân bón, thuốc trừ sâu, hàng công nghiệp, và thu mua nguyên liệu nông sản.

Thực hiện chính sách thu mua thích hợp đối với từng loại sản phẩm. ổn định mức bán nguyên liệu nông sản cho Nhà nước theo hợp đồng kinh tế hai chiều; phần còn lại Nhà nước mua thêm theo giá thoả thuận và hợp tác xã có thể trao đổi ở thị trường. Phải phân phối lợi nhuận một cách hợp lý giữa đơn vị sản xuất nguyên liệu và đơn vị chế biến công nghiệp, giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bằng nhiều hình thức như: tăng giá thu mua nông sản một cách thoả đáng, bảo đảm cho người sản xuất bù được chi phí sản xuất và có lãi; bán lại cho địa phương và người trồng nguyên liệu một tỷ lệ sản phẩm công nghiệp chế biến để tiêu dùng rộng hơn tiêu chuẩn chung; địa phương nào sản xuất giỏi hơn, giao nộp nguyên liệu nông sản khá hơn thì được hưởng mức tiêu dùng cao hơn địa phương khác; trung ương phân cho ngân sách địa phương một khoản khuyến khích giao nộp nguyên liệu nông sản cho Nhà nước, trích theo một tỷ lệ % thích đáng trên số thuế nông sản thu được.

Chính sách đối với *phế liệu, phế phẩm và sản phẩm làm từ phế liệu, phế phẩm*, phải hết sức linh hoạt, rộng rãi: mua bán trực tiếp, giá cả thoả thuận, miễn thuế, giảm thuế; cơ sở sản xuất được hưởng toàn bộ hoặc phần lớn lợi nhuận để đưa vào quỹ xí nghiệp.

Khen thưởng thích đáng, kịp thời về *tiết kiệm nguyên liệu và dùng nguyên liệu thay thế*; đồng thời xử phạt đúng mức bằng biện pháp kinh tế và kỷ luật hành chính những hành động ăn cắp hoặc lãng phí nguyên liệu.

b) Chính sách khuyến khích xuất khẩu:

- Giá thu mua hàng xuất khẩu phải theo hệ thống giá chung trong nước, có thu quốc doanh. Đối với những mặt hàng xuất khẩu đòi hỏi chất lượng cao hoặc có thể thu được

nhiều ngoại tệ (nhất là ngoại tệ mạnh), thì thu mua với giá cao hơn để khuyến khích người sản xuất.

- Định mức lợi nhuận xí nghiệp đối với hàng xuất khẩu cao hơn hàng bán trong nước.

- Thực hiện từng bước chính sách lấy xuất bù nhập. Trước mắt, các ngành, các địa phương và cơ sở được sử dụng khoảng 10% kim ngạch xuất khẩu trong kế hoạch và khoảng 50% kim ngạch xuất khẩu vượt kế hoạch để nhập nguyên liệu, vật tư cần thiết.

- Có chính sách sử dụng một số tư nhân ở miền Nam trước đây đã có quan hệ buôn bán với các công ty tư bản nước ngoài để làm một số mặt hàng xuất khẩu cần thiết dưới sự quản lý của Nhà nước.

Liên hiệp các xí nghiệp hoặc công ty chuyên doanh sản xuất được trực tiếp quan hệ với thị trường quốc tế, được giao dịch buôn bán với các công ty nước ngoài, dưới sự hướng dẫn và chỉ đạo về chính sách và pháp luật của Bộ Ngoại thương.

c) Chính sách đối với sản xuất công nghiệp địa phương, và tiểu, thủ công nghiệp:

Trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và kế hoạch của Nhà nước, các địa phương được lựa chọn, quyết định các phương án kinh tế - kỹ thuật, sử dụng các biện pháp cần thiết để phát triển công nghiệp địa phương. *Đối với sản phẩm do trung ương quản lý hoặc có chỉ tiêu điều động một phần thì địa phương phải chấp hành nghiêm chỉnh. Đối với những sản phẩm không thuộc diện trung ương thống nhất quản lý, các địa phương được quyền quyết định sản xuất, quyết định giá và tiêu dùng trong địa phương hoặc trao đổi với các địa phương khác.*

Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đi đôi với

việc phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các hợp tác xã và của những người lao động thủ công, Nhà nước cần có chính sách thoả đáng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển. Nhà nước dùng tín dụng ngân hàng là chính và đầu tư qua ngân sách một phần, để xây dựng một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết mà các hợp tác xã không đủ sức làm. Bán cho các hợp tác xã một số thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải và vật tư kỹ thuật mà hợp tác xã không thể có được. Thu hẹp những mặt hàng do thương nghiệp gia công, cải tiến chế độ gia công đặt hàng; mở rộng việc bán nguyên liệu, mua sản phẩm nhằm phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của các hợp tác xã. Bỏ thuế lợi tức vượt cấp, thực hiện thuế lũy tiến từng phần trên thực lãi. Ban hành sớm điều lệ giá thành và chế độ quản lý giá đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, điều chỉnh giá gia công và thu mua đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất. Cung ứng lương thực, thực phẩm, dụng cụ phòng hộ lao động và một số nhu yếu phẩm nhằm bảo đảm đời sống của thợ thủ công và gia đình họ. Xây dựng điều lệ hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, quy định thống nhất chế độ phân phối trong hợp tác xã, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các quỹ không chia và phần thu nhập thực tế của xã viên, chú ý thích đáng việc xây dựng quỹ bảo hiểm xã hội của hợp tác xã.

Khuyến khích phát triển mạnh thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp, nhưng không tách thành đơn vị sản xuất riêng mà phải gắn với hợp tác xã nông nghiệp để bảo đảm tốt việc quản lý lao động và thu nhập, phân phối trong hợp tác xã nông nghiệp.

d) Chính sách phân phối và tiêu thụ:

- Cải tiến chế độ lợi nhuận xí nghiệp, nhằm khuyến khích xí nghiệp đặt kế hoạch tích cực và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

- Các xí nghiệp trung ương đóng tại địa phương phải đóng góp vào ngân sách địa phương một phần thu quốc doanh và quỹ phúc lợi nhằm gắn bó lợi ích của địa phương với xí nghiệp trung ương.

- Phân cấp rộng rãi cho các bộ và địa phương quản lý giá để xét duyệt được kịp thời. Giá mặt hàng mới do cơ sở định, khi nào đưa vào kế hoạch sản xuất chính thức mới do cấp trên định.

- Cải tiến phương thức lưu thông vật tư, hàng hoá theo hướng gắn sản xuất với thị trường. Các cơ sở sản xuất được trực tiếp quan hệ với nguồn cung ứng vật tư, kể cả vật tư nhập khẩu.

- Về tiêu thụ hàng hoá, nói chung, phải qua thương nghiệp, nhưng cần giảm trung gian để cho hàng hoá đi từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng bằng con đường ngắn nhất. Ngoài ra, các cơ sở sản xuất có quyền lập cửa hàng để giới thiệu và bán thử hàng mẫu. Về hàng hoá làm ngoài kế hoạch, trước hết cũng bán cho thương nghiệp theo giá thoả thuận, nếu thương nghiệp không mua thì các cơ sở sản xuất (xí nghiệp, hợp tác xã, tổ sản xuất, thợ thủ công cá thể) có quyền tự tiêu thụ số hàng hoá đó.

5. Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam

Tiếp tục tiến hành tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Phải quán triệt mục đích cải tạo là để *đẩy mạnh sản xuất*; nắm vững phương châm kết hợp cải tạo với xây dựng và tổ chức lại sản xuất, không làm ồ ạt nóng vội, mệnh lệnh.

ở miền Nam, trong công nghiệp, nhất là trong công nghiệp nhẹ, vẫn còn năm thành phần kinh tế: quốc doanh, công tư hợp doanh, tập thể, lao động cá thể và tư

bản tư nhân, cho nên cần có những chủ trương, chính sách đúng đối với từng thành phần kinh tế.

Đối với các cơ sở công nghiệp và vận tải đã thành xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh, phải tiếp tục củng cố và tổ chức lại sản xuất, bổ sung cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý có năng lực, tăng cường giáo dục về chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân; sử dụng đúng mức những người tư sản đã tham gia cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đối với những cơ sở đã đưa vào công tư hợp doanh một cách gượng ép thì phải cân nhắc tình hình cụ thể, xuất phát từ lợi ích sản xuất mà có biện pháp uốn nắn thích hợp nhằm củng cố công tư hợp doanh đã lập ra, hoặc trường hợp cần thiết thì mạnh dạn sửa lại cho đúng chính sách.

Đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, phải nắm vững ba nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ khi tiến hành hợp tác hoá. Phải xuất phát từ yêu cầu sản xuất, kỹ thuật mà vận dụng các hình thức tổ chức thích hợp: hợp tác xã, tổ sản xuất, thủ công cá thể, nghề phụ gia đình, nhằm bảo đảm sản xuất phát triển, mặt hàng phong phú, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

Việc cải tạo nghề cá và chế biến nước mắm của ngư dân phải trên cơ sở tự nguyện, tự giác, vận động họ vào các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp từ thấp đến cao: tổ đoàn kết sản xuất, tổ hợp tác và hợp tác xã nghề cá, và phải làm từng bước vững chắc nhằm mục đích phát triển sản xuất.

6. Khoa học kỹ thuật

Tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tạo nguồn nguyên liệu mới từ trong nước, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên liệu, phế liệu, phế phẩm; cải tiến mặt hàng, chế tạo mặt hàng mới và nâng

cao chất lượng sản phẩm; trang bị lại và sử dụng tốt năng lực thiết bị hiện có, kết hợp thô sơ với hiện đại, cơ giới với thủ công.

Tăng cường quản lý kỹ thuật từ bộ đến cơ sở, nhất là ở cơ sở, chú ý các mặt quản lý thiết bị, vật tư, công nghệ và chất lượng sản phẩm. Phải coi việc áp dụng đúng các quy trình công nghệ, quy phạm kỹ thuật, các định mức, tiêu chuẩn là một kỷ luật lao động để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và bảo đảm an toàn lao động. Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến hợp lý hoá sản xuất và cải tiến kỹ thuật.

Củng cố các cơ quan nghiên cứu và quản lý khoa học kỹ thuật, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công tác nghiên cứu; sử dụng hợp lý cán bộ khoa học kỹ thuật.

7. Tổ chức quản lý

Các bộ, tổng cục, ngoài việc quản lý trực tiếp các đơn vị cơ sở trực thuộc, phải thống nhất quản lý hành chính - kinh tế, đối với tất cả các cơ sở thuộc ngành kinh tế - kỹ thuật từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ quốc doanh, tập thể đến cá thể về các mặt: xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, tổ chức việc phân công, hợp tác sản xuất, hướng dẫn, chỉ đạo khoa học kỹ thuật, quy trình công nghệ, quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, xây dựng chính sách, chế độ quản lý ngành, kiểm tra hoạt động của toàn ngành.

Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố, ngoài việc quản lý trực tiếp các cơ sở công nghiệp địa phương, phải quản lý các xí nghiệp trung ương nằm trên lãnh thổ về các mặt: góp ý kiến xây dựng quy hoạch, kế hoạch; bảo đảm một phần hậu cần cho sản xuất do Nhà

nước quy định; chăm lo đời sống của công nhân, cán bộ; giữ gìn an ninh trật tự để bảo đảm an toàn cho xí nghiệp; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và các chính sách, chế độ, luật pháp của Nhà nước.

Việc phân cấp quản lý xí nghiệp giữa trung ương và địa phương phải xuất phát từ đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của từng xí nghiệp và khả năng quản lý của từng cấp để có lợi nhất về mặt kinh tế, thoả mãn được nhu cầu và sử dụng tốt lao động của địa phương.

Bộ máy quản lý công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương phải được cải tiến theo hướng gọn, nhẹ, giảm trung gian, tăng hiệu lực, tạo điều kiện đưa cán bộ về tăng cường cho địa phương và cơ sở.

ở huyện, phải có tổ chức để giúp uỷ ban nhân dân huyện quản lý tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và một số xí nghiệp quốc doanh của huyện.

ở tỉnh và thành phố, chỉ tổ chức một ty, sở công nghiệp để trực tiếp quản lý các xí nghiệp trực thuộc ty, sở và giúp uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo toàn bộ công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong tỉnh, kể cả các cơ sở trực thuộc các ty, sở khác.

ở trung ương, các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm tổ chức theo hai loại: có ngành thì hai cấp (bộ - xí nghiệp và xí nghiệp liên hợp), có ngành thì ba cấp (bộ - liên hiệp xí nghiệp - xí nghiệp). Bộ và tổng cục làm tốt chức năng quản lý hành chính - kinh tế, đối với toàn ngành trong cả nước; các công ty, liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý sản xuất - kinh doanh.

Đối với *công nghiệp địa phương*, không giao cho bộ nào chủ quản mà tất cả các bộ hữu quan đều phải quản lý tốt phần công nghiệp thuộc ngành mình ở địa phương. Văn phòng Phủ Thủ tướng có một bộ phận theo

dõi để giúp Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vấn đề có liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương.

Kiên toàn Liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trung ương và các cấp để làm tốt chức năng là tổ chức của kinh tế tập thể và những người lao động thủ công. Liên hiệp xã các cấp có nhiệm vụ: tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong khu vực tiểu, thủ công nghiệp; hướng dẫn công tác quản lý kinh tế hợp tác xã; kiến nghị với Đảng và Nhà nước về những chính sách, chế độ đối với tiểu, thủ công nghiệp và kiểm tra việc thực hiện; đào tạo cán bộ và thợ lành nghề cho các hợp tác xã; tham gia với các bộ và tổng cục trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch của tiểu, thủ công nghiệp; được Nhà nước uỷ nhiệm làm nhiệm vụ quản lý ngành đối với một số ngành nghề và mặt hàng xét thấy cần thiết mà chưa có ngành kinh tế - kỹ thuật nào quản lý.

8. Cán bộ, công nhân

Làm nhanh quy hoạch và kế hoạch đào tạo các loại cán bộ, công nhân lành nghề cho các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp địa phương. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường.

Về cán bộ, phải đào tạo đồng bộ cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ nghiệp vụ, hình thành những kíp cán bộ giỏi, những nhóm chuyên gia có kinh nghiệm. Trước mắt, có kế hoạch đào tạo gấp đội ngũ cán bộ quản lý xí nghiệp và liên hiệp xí nghiệp.

Hết sức coi trọng đào tạo công nhân kỹ thuật để sớm có một đội ngũ công nhân lành nghề cho các ngành công nghiệp nhẹ. Có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với những công nhân giỏi. Ngoài công nhân công nghệ,

cần chú ý đào tạo công nhân cơ điện. Đặc biệt chú ý đào tạo đốc công, tổ trưởng sản xuất, công nhân đầu nghề và thợ thủ công giỏi.

Đổi mới việc lựa chọn, sắp xếp, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, không câu nệ vào tuổi tác và lương bậc, chức vụ trong quá khứ, mà căn cứ chủ yếu vào phẩm chất và năng lực thực tế hiện nay. Trước mắt chú ý tăng cường cán bộ cho công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; lựa chọn ngay một số cán bộ có năng lực, có triển vọng, biết quản lý kinh doanh, phụ trách các công ty, các liên hiệp xí nghiệp sản xuất các mặt hàng quan trọng.

III

Tăng cường sự lãnh đạo của đảng, vai trò quản lý của nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân và lao động

1. *Các cấp ủy Đảng* từ trung ương đến cơ sở phải làm cho cán bộ các cấp, các ngành thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, về quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, giữa nông nghiệp và công nghiệp, về vai trò của công nghiệp địa phương, của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Đặc biệt coi trọng lãnh đạo chính sách và cải tiến quản lý. Chống quan liêu, bảo thủ, mạnh dạn đổi mới để có tác dụng rõ rệt.

Bổ sung cán bộ có phẩm chất và năng lực cho công nghiệp địa phương, cho Liên hiệp xã các cấp. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong các cơ sở công nghiệp.

Các tỉnh, thành có nhiều cơ sở công nghiệp (công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương), cần tổ

chức ban công nghiệp để giúp tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, kiểm tra sản xuất và quản lý công nghiệp

2. *Hội đồng Chính phủ* chỉ đạo các bộ, tổng cục và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương biến phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nêu trong Nghị quyết này thành những phương án kinh tế - kỹ thuật, quy hoạch và kế hoạch cụ thể; thành những chính sách, chế độ và pháp luật của Nhà nước; nhanh chóng thực hiện các quyết định về cải tiến tổ chức quản lý và kiện toàn bộ máy quản lý, trước hết cải tiến công tác kế hoạch hoá, kiện toàn bộ máy các liên hiệp xí nghiệp, các công ty chuyên doanh, các xí nghiệp liên hợp và liên hiệp hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp các cấp.

Tất cả các ngành, các cấp phải căn cứ vào vị trí và chức năng của mình, có kế hoạch hành động cụ thể nhằm thi hành Nghị quyết này của Trung ương, tập trung trước hết vào những công việc then chốt và cấp bách nhất, làm dứt điểm, đến nơi đến chốn, tránh dây dưa kéo dài; kết hợp chặt chẽ các ngành với nhau, trung ương với địa phương, cấp trên với cơ sở, để giải quyết đồng bộ các vấn đề. Đề cao trách nhiệm của cá nhân và của tổ chức; việc nào cũng cần có người và tổ chức chuyên lo với những quyền hạn và trách nhiệm cụ thể từ đầu đến cuối: kết quả công việc tốt hoặc xấu phải được đánh giá rõ ràng, kết luận dứt khoát, thưởng, phạt phân minh.

3. Để phát huy quyền *làm chủ tập thể của quần chúng*, toàn bộ các công việc tổ chức sản xuất, kế hoạch hoá, chấn chỉnh tổ chức quản lý, xây dựng và cải tiến các chính sách, chế độ quản lý phải thấu suốt tinh thần mở rộng quyền hạn và tăng trách nhiệm của cơ sở và địa phương trong sản xuất, lưu thông và tiêu thụ, phát

huy vai trò chủ động và sức sáng tạo của người lao động, gắn chặt nghĩa vụ với quyền lợi.

Các đoàn thể quần chúng, nhất là Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, có trách nhiệm giáo dục, động viên quần chúng, đề cao tinh thần tự lực, tự cường, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, đẩy lên một phong trào thi đua sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương, nhằm biến Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương thành hiện thực sinh động.

*

* *

Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng và cấp bách, tuy đang có nhiều khó khăn, nhưng khả năng phát triển rất lớn. Các ngành, các cấp phải phấn đấu tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, đáp ứng nhu cầu đời sống và xuất khẩu, tăng cường năng lực chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

T/M ban chấp hành trung ương
Tổng Bí thư
Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 98-TT/TW, ngày 26 tháng 10 năm 1979

**Về việc thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu
của Trung ương***

Để chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương, nhanh chóng tạo ra sự chuyển biến về tổ chức và quản lý ở các ngành, các cấp, yêu cầu các ban, Ban Cán sự, các Đảng đoàn báo cáo ngay để Ban Bí thư biết việc tổ chức thi hành Nghị quyết ở các ngành trung ương theo nội dung sau đây:

1. Chương trình hành động và kế hoạch cụ thể của ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn để thi hành Nghị quyết Trung ương trong phạm vi ngành, cơ quan mình. Nói rõ những việc mà ngành, cơ quan đang làm và sẽ làm từ nay đến hết năm 1979.
2. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, các ban, Đảng đoàn, bộ, tổng cục đã có những quyết định gì hoặc những dự kiến gì về việc sửa đổi ngay những chính

sách, quy định cụ thể không hợp lý, đang gây trở ngại cho việc khuyến khích sản xuất, thúc đẩy tinh thần hăng hái lao động và công tác của cán bộ, nhân viên và nhân dân. Cần nói rõ từng chính sách và quy định cụ thể sẽ được bộ, tổng cục quyết định hoặc xin Chính phủ quyết định vào thời gian nào?

* Để thuận lợi cho bạn đọc, chúng tôi xếp các tài liệu theo cụm vấn đề (B.T).

3. Sau khi đã phổ biến, truyền đạt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân viên trong các ngành, các cơ quan, trước hết là các cán bộ cao cấp và trung cấp, còn có những điều gì đáng chú ý?

Các báo cáo về việc này phải gửi đến Ban Bí thư trước ngày 15-11-1979.

Các ban của Đảng, nhất là các Ban Kinh tế, có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc các ngành ở trung ương tổ chức tốt việc thi hành Nghị quyết của Trung ương.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 94-TT/TW, ngày 10 tháng 8 năm 1979

**Về kỷ niệm lần thứ 34 Cách mạng Tháng Tám,
Quốc khánh 2-9 và kỷ niệm lần thứ 10
ngày công bố *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Năm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 34 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, đồng thời kỷ niệm lần thứ 10 ngày công bố *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh giữa lúc trên đất nước ta có những sự kiện chính trị quan trọng.

Cách mạng nước ta đã giành thêm những thắng lợi và thuận lợi mới to lớn và cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách trên bước đường tiến lên. Chúng ta đã liên tiếp chiến thắng oanh liệt trên hai mặt trận biên giới tây nam và biên giới phía bắc, đánh bại hai cuộc tiến công xâm lược... bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; đồng thời tích cực giúp đỡ nhân dân Campuchia nổi dậy, nhanh chóng đánh đổ tập đoàn phản động Pôn Pốt - Yêng Sary... Nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia bước vào một giai đoạn mới của sự đoàn kết chiến đấu và hợp tác toàn

diện và vững chắc. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đang tăng cường hợp tác và giúp đỡ chúng ta về mọi mặt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mình.

... Nền kinh tế nước ta và đời sống nhân dân ta vốn đã khó khăn nay lại thêm những khó khăn mới. Những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, những hiện tượng tiêu cực trong các tổ chức Đảng và trong bộ máy Nhà nước chậm được khắc phục.

Tuy vậy, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào ta vẫn kiên trì tinh thần cách mạng, nâng cao khí phách anh hùng, quyết tâm vượt mọi hy sinh, gian khổ, ra sức xây dựng và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhân dịp những ngày kỷ niệm lớn này, cần tổ chức *một đợt động viên chính trị đặc biệt nhằm khẳng định những thắng lợi, phát huy truyền thống cách mạng, tăng cường đoàn kết, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, mỗi chiến sĩ, mỗi người Việt Nam, trước tình hình và nhiệm vụ mới*, thiết thực góp phần thúc đẩy phong trào lao động sản xuất, tổ chức tốt đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng an ninh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc theo phương hướng Nghị quyết của Bộ Chính trị về việc kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 1980.

Cần làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta:

- Nhận rõ tình hình cơ bản của đất nước, khẳng định thắng lợi, thấy hết thuận lợi, khó khăn và thiếu sót; hiểu rõ âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù và nhiệm vụ hiện nay của cách mạng nước ta, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, ở sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân ta, ở sự đoàn kết quốc tế, ở tiền đồ xán lạn của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nêu cao truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất, đoàn kết chống ngoại xâm, ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", quyết chiến quyết thắng; "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"; phát huy ý thức và năng lực làm chủ tập thể, kiên quyết phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, ổn định và tổ chức tốt hơn đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

- Biểu thị lòng tôn kính và biết ơn sâu sắc công lao và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch, người sáng lập và xây dựng Đảng ta, Nhà nước ta; ra sức học tập tư tưởng và đạo đức trong sáng của Người, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng, thực hiện trọn vẹn *Di chúc* thiêng liêng của Người: "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Phải kết hợp chặt chẽ đợt động viên chính trị đặc biệt này với cuộc thảo luận *Dự thảo Hiến pháp mới* trong nhân dân và các cuộc vận động chính trị khác đang tiến hành hiện nay.

Sau đây là một số biện pháp cụ thể:

1. *Tổ chức một đợt tuyên truyền giáo dục* sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về tình hình và nhiệm vụ mới với những nội dung trên đây.
2. Trong Đảng, cần kết hợp chặt chẽ việc kiểm điểm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch với việc thực hiện Chỉ thị 72-CT/TW của Ban Bí thư. Việc kiểm điểm phải tiến hành nghiêm túc từ trên xuống dưới, từ trong cấp uỷ tới các đảng viên. Nội dung kiểm điểm phải gắn chặt với tình hình và nhiệm vụ hiện nay, và phải góp phần giải quyết thiết thực những vấn đề cấp bách đang đặt ra.
3. Ngày 2-9, tất cả các thành phố, thị xã, thị trấn và các cơ sở đều *tổ chức mít tinh kỷ niệm Quốc khánh 2-9 và tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Trong cuộc mít tinh này, cần đọc lại *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch. Đồng chí thay mặt đảng bộ và chính quyền báo cáo về những công việc đã làm theo *Di chúc* của Người, nêu rõ những thuận lợi và khó khăn, những thành tích và

khuyết điểm, và vạch rõ những nhiệm vụ trước mắt, động viên đảng bộ và nhân dân ra sức thực hiện.

4. Báo chí, đài phát thanh, truyền hình, các cơ quan thông tin, văn hoá, nghệ thuật... mở một đợt tuyên truyền cổ động bằng nhiều hình thức sinh động theo những yêu cầu và nội dung trên đây từ 19-8 đến hết tháng 9, chú trọng giới thiệu và biểu dương những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trong phong trào cách mạng của quần chúng.

Ngày 3-9, báo chí, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình đăng và phát lại *Di chúc* của Hồ Chủ tịch và 5 lời thề của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta do đồng chí Tổng Bí thư đọc trước anh linh của Người.

Trong dịp này, các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể cần chú ý quan tâm chăm sóc các gia đình có công với cách mạng, các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và động viên thăm hỏi các cán bộ, chiến sĩ ở vùng biên giới, hải đảo.

Về mặt *tuyên truyền quốc tế*, cần chú ý:

Nêu cao những thành tích to lớn của cách mạng Việt Nam, giải thích rõ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng và Nhà nước ta; tố cáo âm mưu và hành động thù địch đối với nước ta... nêu cao tình đoàn kết đặc biệt giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác mọi mặt với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ quốc tế mạnh mẽ hơn nữa đối với sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 95-TT/TW, ngày 23 tháng 8 năm 1979

Về việc chống chiến tranh tâm lý của địch

Bọn phản động... và các thế lực đế quốc đang dùng nhiều thủ đoạn chiến tranh tâm lý để phá ta. Một mục tiêu thâm độc của địch là đả kích chế độ xã hội chủ

nghĩa, đường lối và cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Gần đây, địch càng phao đồn tin nhảm, bịa đặt, xuyên tạc sự thật, lợi dụng những khó khăn về kinh tế và đời sống để gieo rắc nghi ngờ, kích động tâm lý bất mãn trong quần chúng. Trong khi đó, có những phần tử bất mãn cá nhân đã phụ hoạ và truyền bá những luận điệu của địch và không ít cán bộ, đảng viên và quần chúng nhẹ dạ, thiếu cảnh giác chính trị, không phân biệt đúng sai, cũng truyền tin đồn nhảm.

Ban Bí thư nhắc các ngành, các cấp, các chi bộ trong toàn Đảng:

1. Phải nắm vững tư tưởng và tổ chức, làm cho mọi người phát huy truyền thống tốt đẹp là thống nhất ý chí, thống nhất hành động, tin tưởng vào Trung ương, cùng nhau phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, khắc phục mọi khó khăn trước mắt, hoàn thành mọi nhiệm vụ.
2. Phải nêu cao tinh thần cảnh giác, kiên quyết và kịp thời đấu tranh chống mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại của địch, chống mọi luận điệu chiến tranh tâm lý của chúng, chống lại việc chúng phao đồn tin nhảm. Khi có tin đồn phải lập tức phân biệt đúng sai, tìm ra nguồn tin, báo cáo ngay với lãnh đạo để ngăn chặn việc lan truyền, phê phán kịp thời mọi thái độ vô kỷ luật, nói năng bừa bãi. Từng chi bộ phải chấn chỉnh ngay sinh hoạt chi bộ, tăng cường vận động giáo dục quần chúng, lãnh đạo kịp thời về tư tưởng và tổ chức.
3. Đối với một số ít phần tử xấu, bất mãn, phải kiên quyết phê bình, tích cực giáo dục và có kỷ luật thích đáng đối với những kẻ ngoan cố.

Khi đánh giá và xử lý trong việc này, cần có sự phân biệt giữa những kẻ xấu về chính trị và những người có bất mãn cá nhân hoặc trình độ lạc hậu.

Thông tri này phổ biến đến tất cả chi bộ Đảng.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Nghị quyết của Bộ Chính trị

Số 19-NQ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1979

Về việc thành lập Ban phụ trách công tác K

Để thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ và Quân uỷ
Trung ương giải quyết mọi công việc có quan hệ với Ban

ở Campuchia, đồng thời cũng là cơ quan tổng chuyên gia giúp Ban trong mọi mặt công tác, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ban phụ trách công tác K. để làm nhiệm vụ trên.

Ban này gồm có:

1. Đồng chí Lê Đức Thọ, Trưởng ban,
2. Đồng chí Lê Đức Anh, Phó ban thứ nhất,
3. Đồng chí Nguyễn Côn, Phó ban,
4. Đồng chí Hoàng Thế Thiện, Phó ban.

Ban này dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị. Đối với những chủ trương, chính sách lớn, phải xin ý kiến Bộ Chính trị, Chính phủ và Quân uỷ Trung ương.

T/M Bộ Chính trị

Lê Duẩn

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 77-CT/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1979

**Về đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ
thành phần công nhân**

Từ khi có Nghị quyết số 225 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ trong giai đoạn mới, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá III), Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, công tác đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ thành phần công nhân đã có những chuyển biến bước đầu. Tỷ lệ cán bộ thành phần công nhân được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường Đảng có tăng hơn, việc đề bạt cán bộ thành phần công nhân cũng có tiến bộ.

Tuy vậy, việc chấp hành chủ trương của Đảng tăng cán bộ thành phần công nhân trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước tiến bộ chậm, tỷ lệ cán bộ thành phần công nhân trong cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn còn thấp. Tình hình đó do nhiều nguyên nhân. Một mặt, do nhận thức chưa đúng mức, chưa thấy hết tầm quan trọng của vấn đề tăng cán bộ thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh

đạo, cán bộ quản lý đối với việc xây dựng chính đảng Mác -

Lênin; mặt khác là do thiếu biện pháp tích cực và thiết thực. Để chấp hành tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là phấn đấu tăng cường cán bộ thành phần công nhân, nhất là công nhân đại công nghiệp, trong đội ngũ cán bộ ở các cấp, các ngành, trước hết là trong cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, Ban Bí thư quyết định một số biện pháp sau đây:

1. Tích cực xây dựng nguồn cho công tác đào tạo cán bộ thành phần công nhân

Đây là vấn đề rất quan trọng, là cơ sở để phát triển nhanh đội ngũ cán bộ thành phần công nhân.

Cần phải qua phong trào sản xuất và chiến đấu mà chọn những công nhân ưu tú, những chiến sĩ thi đua để bồi dưỡng, trên cơ sở đó chọn người đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng và đưa họ vào các hoạt động chính trị và quản lý sản xuất trong xí nghiệp. Mỗi đơn vị sản xuất, mỗi xí nghiệp cần lập danh sách chiến sĩ thi đua, công nhân ưu tú của đơn vị mình, xí nghiệp mình. Mỗi bộ, tổng cục phải tổ chức kê khai để nắm và quản lý được số cán bộ thành phần công nhân đã tốt nghiệp đại học và trên đại học. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các ngành, các cấp nắm và tổ chức quản lý nguồn cán bộ thành phần công nhân.

Để việc xây dựng nguồn được tốt, còn phải tổ chức bồi dưỡng kiến thức các mặt cho công nhân, giáo dục chính trị và bồi dưỡng văn hoá cho họ. Từng xí nghiệp hoặc liên hiệp xí nghiệp cần có *trường lớp bồi túc văn hoá và chính trị*. Các ngành đông công nhân cũng cần mở các lớp, trường bồi túc văn hoá tập trung riêng để bồi dưỡng cho công nhân ưu tú, chiến sĩ thi đua, anh hùng lao động; từ đó mà chọn người đủ tiêu chuẩn đưa đi đào tạo các lớp cao hơn.

Ban Bí thư giao cho Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục cùng với Ban Tổ chức Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương tổ chức hai trường bồi túc văn hoá (một ở miền Nam, một ở miền Bắc) để bồi túc văn hoá *cho công nhân ưu tú, anh hùng lao động, anh hùng các lực lượng vũ trang còn trẻ, tuổi trên dưới 35*, có nhiều triển vọng trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, từ đây tạo ra nguồn cơ bản, ổn định đưa đi đào tạo tiếp để đưa vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trường bồi túc văn hoá này cần được kiện toàn về lãnh đạo cũng như cán bộ giảng dạy, chọn những cán bộ tốt, có kinh nghiệm phụ trách. Những công nhân ưu tú đã tốt nghiệp lớp 10 cần được ưu tiên tuyển vào các trường đại học và cao đẳng. Ban Tổ chức Trung ương phải có kế hoạch tuyển sinh số công nhân, anh hùng đưa vào học tại các trường này, kế hoạch đưa đi đào tạo tiếp ở các trường chính trị hoặc chuyên nghiệp và bố trí sử dụng sau khi ra trường để đạt mục đích đào tạo họ trở thành những cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng và của Nhà nước ở các cấp.

2. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và mạnh dạn đề bạt cán bộ thành phần công nhân

Để phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thành phần công nhân, phải đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, coi đây là vấn đề cơ bản, then chốt.

Các trường Đảng cao cấp ở hai cơ sở 1 và 2, các trường Nguyễn ái Quốc 2, Nguyễn ái Quốc 7, các trường Đảng tỉnh, thành, nhất là các trường Đảng thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh cần tăng nhanh thành phần học viên là công nhân để đào tạo thành cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý.

Trong những khoá sắp tới, các lớp đào tạo cán bộ lãnh

đạo, quản lý chiêu sinh vào các trường Đảng cấp tỉnh cần bảo đảm từ 5-10%, Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc từ 25-30% cán bộ thành phần công nhân. Các trường đào tạo cán bộ quản lý ngành, nhất là các ngành tập trung công nhân như điện và than, cơ khí luyện kim, công nghiệp nhẹ, hoá chất, xây dựng, giao thông vận tải, lương thực thực phẩm..., cần bảo đảm tỷ lệ từ 40-50% cán bộ thành phần công nhân vào học mỗi lớp đào tạo. Trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, cũng phải bảo đảm từ 3-5% học sinh thành phần công nhân và tiến tới nâng tỷ lệ đó lên từ 5 đến 10%.

Trong việc chọn cán bộ thành phần công nhân để đào tạo tại các trường Đảng, trường quản lý ngành cũng như các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, cần phải xem xét hướng phát triển của từng người để bố trí ngành học cho hợp lý. Trong quá trình học tập đào tạo, phải tổ chức quản lý chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để anh chị em học tập tốt. Khi ra trường, phải bố trí sử dụng vào công tác phù hợp, tích cực đề bạt những cán bộ thành phần công nhân đủ tiêu chuẩn, coi việc bố trí sử dụng tốt cán bộ là tiếp tục công tác đào tạo bồi dưỡng. Những cán bộ qua thời gian công tác ở cương vị mới chứng tỏ bảo đảm được nhiệm vụ, cần có kế hoạch đào tạo tiếp và nhanh chóng giao việc ở cương vị cao hơn.

Những bộ, tổng cục tập trung công nhân phải có kế hoạch đào tạo và đề bạt cán bộ thành phần công nhân ngay trong ngành, đồng thời mỗi năm phải cung cấp cho trung ương một số cán bộ thành phần công nhân theo quy định để trung ương điều chỉnh cho những nơi cần thiết.

Các ngành, các cấp cần làm tốt công tác này để trong thời gian ngắn bảo đảm mục tiêu đưa cán bộ thành phần công nhân vào cơ quan lãnh đạo, quản lý, như Chỉ thị số 45 của

Ban Bí thư về xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.

3. Giải quyết một số vấn đề về chính sách, chế độ

Để tạo thuận lợi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thành phần công nhân, Ban Bí thư giao cho Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động và các ngành có liên quan nghiên cứu trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ bổ sung ngay chế độ bảo đảm cho công nhân được cử đi đào tạo không bị sụt thu nhập ảnh hưởng đến đời sống, đồng thời nghiên cứu sửa đổi và bổ sung một số chế độ đối với cán bộ làm công tác Đảng, đoàn thể tại xí nghiệp trên tinh thần bảo đảm mối tương quan hợp lý giữa cán bộ làm công tác chuyên môn với cán bộ làm công tác Đảng và công tác đoàn thể.

Tăng cường cán bộ thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý là vấn đề lớn, có ý nghĩa nguyên tắc. Các ngành, các cấp cần có kế hoạch, biện pháp thực hiện tốt Chỉ thị này và từng thời gian báo cáo kết quả cho Ban Bí thư biết. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Chỉ thị này.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 47-QĐ/TW, ngày 1 tháng 9 năm 1979

**Về cử cán bộ đi học tại Trường Đảng cao cấp
của các nước xã hội chủ nghĩa**

Căn cứ vào đề nghị của Ban Tuyên huấn Trung ương, được sự đồng ý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định:

1. Bắt đầu từ năm nay, tùy theo yêu cầu của việc bồi dưỡng lý luận cho cán bộ giảng dạy và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, hàng năm sẽ cử một số cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực nghiên cứu và giảng dạy lý luận, đã tốt nghiệp chương trình cao cấp, có sức khoẻ, đi học tại các trường Đảng cao cấp và Viện Hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa anh em.

2. Cuối năm 1979, cử ngay một số cán bộ đi học ngắn hạn theo chuyên đề tại trường Đảng cao cấp hoặc Viện Hàn lâm khoa học xã hội các nước sau đây:

- 44 cán bộ đi Liên Xô,
- 5 cán bộ đi Cộng hoà Dân chủ Đức,
- 11 cán bộ đi Bungari,
- 10 cán bộ đi Tiệp Khắc.

3. Ban Tuyên huấn Trung ương cùng Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc chịu trách nhiệm lựa chọn và lập danh sách cán bộ đi học, chuẩn bị tốt về các mặt (kể cả ngoại ngữ) cho cán bộ trước khi đi học, theo dõi quá trình học tập, và phân phối sử dụng tốt sau khi đi học.

Ban Đối ngoại Trung ương Đảng cùng Ban Tuyên huấn Trung ương chịu trách nhiệm liên hệ với các Đảng anh em để tổ chức các lớp học đạt kết quả tốt.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 46-QĐ/TW, ngày 4 tháng 9 năm 1979

**Về việc mở lớp đào tạo và bồi dưỡng cán bộ
quản lý kinh tế**

Việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và nâng cao trình độ kiến thức quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ là một công tác rất quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay.

Để đẩy mạnh công tác này, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Mở tiếp lớp bồi dưỡng về quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp và trung cấp với sự giúp đỡ của các giáo sư Liên Xô.

- Thời gian học tập của lớp này là ba tháng (13 tuần) bắt đầu từ ngày 5-1-1980.

- Chương trình học tập dựa theo chương trình của lớp trước, có tinh giản, cải tiến, chú trọng đi sâu vào những vấn đề chung của hệ thống quản lý nền kinh tế quốc dân và một số ngành quan trọng (chưa đi sâu vào chuyên ngành), đưa vào một tỷ lệ thích đáng phần quản lý kinh tế Việt Nam, giúp cho học viên có thêm cơ sở lý luận và thực tiễn để nghiên cứu, đề xuất những kiến nghị cải tiến công tác quản lý kinh tế chung hoặc của ngành, địa phương, đơn vị mình đang công tác.

- Số lượng học viên khoảng 300 người, gồm: bộ trưởng,

thứ trưởng hoặc bí thư Ban Cán sự Đảng, trưởng hoặc phó ban các ban của Đảng và lãnh đạo các đoàn thể quần chúng; chủ tịch hoặc bí thư và đồng chí phụ trách kinh tế các tỉnh, thành phố, giám đốc hoặc phó giám đốc liên hiệp xí nghiệp, công ty và xí nghiệp lớn; các đồng chí phụ trách các cục, vụ, viện nghiên cứu quản lý kinh tế của các ngành, cán bộ giảng dạy về kinh tế trong hệ thống các trường Đảng và các trường đại học; một số cán bộ làm kinh tế trong quân đội.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng với Ban Tổ chức Trung ương tiến hành công tác tuyển sinh theo đúng thành phần và tiêu chuẩn quy định trên, chú trọng sắp xếp để nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt được đi học; tổ chức cho các học viên ở phía nam nghiên cứu một số vấn đề về kinh tế chính trị học trước khi vào học lớp này.

- Mời tiếp các chuyên gia Liên Xô sang giảng cho lớp, đồng thời bố trí một lực lượng giảng viên có đủ năng lực phụ đạo, hướng dẫn thảo luận môn học cùng với các giáo sư Liên Xô, và từng bước hình thành đội ngũ cán bộ đủ sức đảm nhiệm toàn bộ chương trình giảng dạy sau này.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế lập danh sách giảng viên chuyên trách của Viện và số giảng viên kiêm chức, trình Ban Bí thư quyết định điều động phục vụ cho lớp học.

- Giao cho Văn phòng Phủ Thủ tướng và Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế chuẩn bị về cơ sở cho lớp học nói trên và cho những lớp tiếp theo.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 48-QĐ/TW, ngày 17 tháng 9 năm 1979

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức
của Ban Nội chính Trung ương**

**I- Chức năng, nhiệm vụ của Ban Nội chính
Trung ương**

Ban Nội chính Trung ương là cơ quan giúp Trung ương Đảng về công tác nội chính, bao gồm các ngành công an, kiểm sát, toà án, pháp chế, thanh tra, có nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Theo dõi công tác xây dựng, giải thích và thi hành pháp luật trong các cơ quan Nhà nước, trong nhân dân nhằm từng bước thể chế hoá và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh đấu tranh chống tội phạm, bảo đảm an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự xã hội. Ban có trách nhiệm thẩm tra các dự án pháp luật trước khi trình Bộ Chính trị.
2. Kiểm tra các cấp, các ngành, trước hết là các ngành trong khối nội chính, chấp hành đường lối, chính sách của

Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, kịp thời phát huy những ưu điểm, phát hiện những lệch lạc và kiến nghị với Trung ương bổ sung đường lối, chính sách về

nội chính khi cần thiết.

3. Thẩm tra và kiến nghị về việc xét xử những vụ án quan trọng cần xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đối với những vụ án có ý kiến khác nhau thì Ban Nội chính cùng các cơ quan hữu quan bàn và giải quyết cho đúng với chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; nếu chưa nhất trí, thì xin chỉ thị của Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư.

4. Tham gia chuẩn bị các hội nghị của Trung ương, hoặc Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về nhiệm vụ công tác của các ngành trong khối nội chính.

5. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương theo dõi và quản lý cán bộ các ngành trong khối theo quy định của Trung ương.

II- Tổ chức, quan hệ công tác và chế độ làm việc

1. Ban Nội chính Trung ương tổ chức theo chế độ thủ trưởng, có trưởng ban và một hoặc hai phó trưởng ban. Tổ chức bộ máy và biên chế của Ban phải gọn nhẹ, coi trọng chất lượng, gồm những cán bộ có phẩm chất chính trị tốt, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, có kinh nghiệm công tác nội chính, có năng lực nghiên cứu.

2. Dựa vào chương trình công tác của Trung ương, Ban xây dựng chương trình công tác cụ thể của mình và tổ chức thực hiện. Ban được cung cấp các văn kiện của Trung ương và các thông tin cần thiết như các ban khác của Đảng. Trưởng ban được dự những cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về công tác nội chính có liên quan đến trách nhiệm của Ban.

3. Ban Cán sự Đảng những ngành trong khối nội chính có trách nhiệm gửi cho Ban Nội chính các báo cáo và đề

án công tác sẽ trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; kế hoạch thực hiện các chủ trương công tác lớn của Đảng về nội chính, các văn bản có tính chất pháp chế, các báo cáo về tình hình và công tác; các nội san của ngành. Trưởng ban, phó trưởng ban được dự những cuộc họp của Ban Cán sự Đảng các ngành trong khối và dự hội nghị cấp uỷ địa phương bàn về công tác nội chính. Cán bộ của Ban theo dõi ngành nào trong khối được tham dự hội nghị cán bộ của ngành ấy.

4. ở các tỉnh và thành phố, cần thành lập Ban Nội chính với tổ chức gọn nhẹ, có cán bộ đủ phẩm chất và năng lực, giúp cấp uỷ về công tác nội chính. Ban Nội chính Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức và nhiệm vụ cụ thể của Ban Nội chính tỉnh, thành.

Ban Nội chính Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Cán sự Đảng các ngành trong khối nội chính, các tỉnh uỷ, thành uỷ, có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Ban Bí thư

Tố hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 96-TT/TW, ngày 17 tháng 9 năm 1979

**Về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 35
ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam
(22-12-1944 – 22-12-1979)**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, được nhân dân nuôi dưỡng, giáo dục, động viên, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã trải qua 35 năm xây dựng, chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, không ngừng phát huy bản chất truyền thống tốt đẹp, không ngừng lớn mạnh và chiến thắng rất vẻ vang, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước, nhân dân giao cho.

... Tổ quốc ta đang đứng trước nguy cơ bị bọn phản động... xâm lược, nhân dân và quân đội ta phải hết sức cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt chống kẻ thù xâm lược. Cùng với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ hết sức cấp bách, lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Chấp hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương, không ngừng nâng cao chất lượng mọi mặt của lực lượng vũ trang và tăng cường nền quốc phòng toàn dân trong tình hình mới, cuối năm

1978, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định mở cuộc vận động lớn: "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang nhân dân trong thời gian hai năm (22-12-1978 – 22-12-1980). Cuộc vận động đang được tích cực thực hiện trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và đã đạt được những kết quả tốt bước đầu.

Năm nay Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định tổ chức kỷ niệm trọng thể lần thứ 35 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 – 22-12-1979) trong toàn dân, toàn quân nhằm mục đích:

- Động viên cả nước vừa ra sức đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa khẩn trương tăng cường nền quốc phòng toàn dân, nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, cách mạng, chính quy, hiện đại, tăng cường đoàn kết quân với dân, nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, quyết đánh thắng... xâm lược trong mọi tình huống, nếu chúng lại liều lĩnh xâm lược nước ta.

- Biểu dương sự trưởng thành lớn mạnh, chiến thắng vẻ vang, bản chất truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam trong 35 năm qua.

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động lớn "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, ở tất cả các địa phương, các cơ quan, đơn vị, thúc đẩy cuộc vận động chuyển biến mạnh mẽ và đạt kết quả tốt trong năm 1980.

Để đạt mục đích nói trên cần làm tốt các việc sau đây:

1. Cấp uỷ Đảng và thủ trưởng các cấp trong quân đội, các cấp uỷ địa phương, các cơ quan, các ngành, các đoàn thể nhân dân và lực lượng công an nhân dân vũ trang tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả một năm thực hiện cuộc vận động lớn: "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của các lực lượng vũ trang; trên cơ sở đó có kế hoạch đẩy mạnh cuộc vận động trong năm 1980.

2. Mở một đợt tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong toàn dân, toàn quân, các ngành, các giới, nhất là trong thanh niên, về bản chất, lịch sử, truyền thống tốt đẹp của quân đội, về nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, về ý thức kết hợp kinh tế với quốc phòng, về ý thức chăm lo xây dựng quân đội, đoàn kết quân với dân cùng một ý chí, quyết đánh thắng kẻ thù xâm lược.

3. Các cấp Đảng, chính quyền trong và ngoài quân đội chủ động phối hợp chặt chẽ tiến hành những việc có ý nghĩa thiết thực như:

- Tiến hành hội nghị đoàn kết quân dân, thực hiện phê bình và tự phê bình và giải quyết kịp thời các vấn đề cụ thể về sự phối hợp hành động trong các nhiệm vụ chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, chăm lo đời sống, tăng cường đoàn kết quân dân.

- Làm tốt việc thi hành chính sách hậu phương quân đội, giúp đỡ các gia đình liệt sĩ, thương binh, quân nhân, tu sửa nghĩa trang, mộ liệt sĩ...

- Tổ chức các hoạt động có tính chất quần chúng nhằm nâng cao ý thức quốc phòng toàn dân, ý thức sẵn sàng tham gia quân đội bảo vệ Tổ quốc như: Đại hội khoẻ trong thanh

niên, luyện tập thể thao quân sự, đại hội tổng quân, đăng ký gia nhập các lực lượng vũ trang tham gia lực lượng dự bị, tổ chức lại các hoạt động của hội mẹ chiến sĩ, hội phụ nữ tình nguyện động viên chồng, con, em gia nhập quân đội, giúp đỡ động viên quân đội thực hiện nhiệm vụ...

4. Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với Bộ Quốc phòng, Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức lễ kỷ niệm trọng thể tại Thủ đô. Mặt trận Tổ quốc và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phối hợp với các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng tổ chức kỷ niệm ở các địa phương trong toàn quốc.

5. Bộ Quốc phòng (Tổng cục Chính trị) và Ban Tuyên huấn Trung ương có kế hoạch tuyên truyền đối ngoại về bản chất, nhiệm vụ, lịch sử quân đội ta nhằm tăng cường đoàn kết, hữu nghị và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân và quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân thế giới đối với nhân dân và quân đội ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

T/m ban bí thư

Tố hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 49-QĐ/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1979

**Về thành lập Ban Chỉ đạo đấu tranh
chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng**

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương,

Ban Bí thư trung ương đảng quyết định:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng với nhiệm vụ:
 - Giúp Ban Bí thư và Hội đồng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức Đảng và cơ quan Nhà nước ở tất cả các ngành, các cấp tiến hành đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, để bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần

chúng và giữ gìn phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên.

- Trực tiếp chỉ đạo đấu tranh ở một số ngành trung ương và một số tỉnh, thành để rút kinh nghiệm chung.

- Ban Chỉ đạo có quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị có người sai phạm và các cơ quan có trách nhiệm giải quyết nhanh việc xem xét, xử lý; kiến nghị với Ban Bí thư và Chính phủ việc thi hành kỷ luật hoặc xử lý theo pháp luật đối với những cấp uỷ Đảng, cơ quan Nhà nước, những cán bộ lãnh đạo thuộc diện Trung ương quản lý phạm sai lầm hoặc có trách nhiệm lớn trong ngành và địa phương xảy ra những sai phạm nghiêm trọng.

2. ở trung ương, thành phần Ban Chỉ đạo nói trên gồm có:

1- Đồng chí Đỗ Mười, Uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban;

2- Đồng chí Song Hào, Bí thư Trung ương Đảng, Phó trưởng ban;

3- Đồng chí Trần Nam Trung, Chủ nhiệm Uỷ ban Thanh tra Chính phủ, Uỷ viên thường trực;

4- Đồng chí Trần Hữu Dục, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Uỷ viên;

5- Đồng chí Lê Quốc Thân, Trưởng ban Nội chính Trung ương, Uỷ viên;

6- Đồng chí Trần Quyết, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Uỷ viên;

7- Đồng chí Nguyễn Đình Ly, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Uỷ viên;

8- Đồng chí Lê Đông, Phó trưởng Ban Kinh tế - kế hoạch Trung ương, Uỷ viên;

9- Đồng chí Vũ Quang, Phó trưởng Ban Công nghiệp Trung ương, Uỷ viên;

10- Đồng chí Đoàn Trọng Truyến, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Ủy viên;

11- Đồng chí Nguyễn Tam Ngô, Đảng đoàn Tổng Công đoàn Việt Nam, Ủy viên;

12- Đồng chí Vũ Thị Hồng, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ủy viên;

13- Đồng chí Nguyễn Thị Hằng, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

Ban Chỉ đạo có một số cán bộ giúp việc, bộ máy làm việc gọn nhẹ, chủ yếu dựa vào bộ máy của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Thanh tra Chính phủ.

3. Tất cả các ngành ở trung ương đều có một bộ phận chuyên trách do một đồng chí lãnh đạo (trưởng hoặc phó ban, bộ trưởng hoặc thứ trưởng) phụ trách. Các ngành có quản lý nhiều tài sản, các tỉnh, thành, các huyện, quận, các cơ sở quan trọng về kinh tế, cần thành lập Ban Chỉ đạo đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Trong quân đội, Quân ủy Trung ương có kế hoạch và tổ chức chỉ đạo thích hợp.

4. Ban Chỉ đạo trung ương, các Ban Cán sự, Đảng đoàn và các tỉnh, thành ủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

t/m ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo của Ban Bí thư

Số 15-TB/TW, ngày 25 tháng 9 năm 1979

Về việc giải thể Ban Pháp chế Trung ương

Theo Nghị quyết số 133-NQ/TW ngày 5-1-1966 của Bộ Chính trị, Ban Pháp chế Trung ương được thành lập với ba nhiệm vụ:

1. Dự thảo và trình Bộ Chính trị thông qua chương trình xây dựng pháp luật của Nhà nước, giúp Trung ương chỉ đạo việc thực hiện chương trình đó; chuẩn bị dự án pháp luật trình Bộ Chính trị xét duyệt.

2. Phối hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương đặt kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.

3. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các công tác pháp chế khác do Trung ương giao.

Nay, về mặt Nhà nước, Ủy ban Pháp chế của Chính phủ đã được thành lập; về mặt Đảng, Ban Bí thư đã thành lập Ban Nội chính Trung ương; những nhiệm vụ trên đây do Ban Nội chính Trung ương cùng Ủy ban Pháp chế của Chính phủ đảm nhiệm. Ban Pháp chế Trung ương được giải thể; cán bộ,

nhân viên và phương tiện làm việc của Ban Pháp chế Trung ương chuyển giao sang Ban Nội chính Trung ương.

Ban Tổ chức, Ban Tài chính - Quản trị, Ban Nội chính, Văn phòng Trung ương thi hành Thông báo này.

T/m ban bí thư

Tổ hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 50-QĐ/TW, ngày 26 tháng 9 năm 1979

**Về việc tăng cường tổ chức Đảng ở các tiểu khu
thuộc thành phố Hà Nội**

- Căn cứ chương V của Điều lệ Đảng quy định về tổ chức cơ sở của Đảng,

- Thi hành Nghị quyết số 198 ngày 12-4-1970 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 125 ngày 4-4-1970 của Ban Bí thư về việc giới thiệu đảng viên của các tổ chức Đảng ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, cửa hàng... về tham gia sinh hoạt chính trị và công tác ở đường phố, phường, xóm nơi ăn ở, sinh sống hằng ngày,

- Xét các mặt lãnh đạo của Đảng và tình hình tổ chức Đảng trong các tiểu khu của thành phố Hà Nội hiện nay,

- Xét đề nghị của Thành uỷ Hà Nội,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Thành uỷ Hà Nội được chọn một số đảng viên của Đảng bộ các cơ quan, xí nghiệp, trường học thuộc thành phố và các

bộ, các ban của Trung ương về tham gia sinh hoạt và hoạt động trong các tổ chức Đảng ở các tiểu khu trong thành phố.

Số đảng viên nói trên vẫn giữ đảng tịch và sinh hoạt Đảng ở các đảng bộ nơi làm việc, nhưng được giới thiệu để sinh hoạt và làm công tác của Đảng ở tiểu khu nơi họ đang ở và có thể được bầu vào các cương vị phụ trách ở đảng bộ tiểu khu.

Các chế độ cụ thể về sinh hoạt và hoạt động của các đảng viên đó sẽ do Ban Tổ chức Trung ương quy định hoặc đề nghị Ban Bí thư quyết định.

2. Thành uỷ Hà Nội được đăng ký theo đơn vị tiểu khu nơi ở các đảng viên thuộc tất cả các đảng bộ đóng trong thành phố (trừ những Đảng bộ đặc biệt của Trung ương). Các đảng viên ở các tiểu khu sẽ định kỳ nghe thông báo tình hình công tác các mặt của tiểu khu, của khu phố, góp ý kiến với tiểu khu, khu phố nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền nơi mình ở, hoặc giúp đỡ tổ chức Đảng ở tiểu khu, khu phố những việc mà tổ chức Đảng ở đó yêu cầu.

Tổ chức Đảng ở các tiểu khu, khu phố có trách nhiệm xem xét tư cách đảng viên trong sinh hoạt của các đảng viên và nếu cần thiết thì thông báo cho đảng bộ nơi các đồng chí đó làm việc.

3. Thành uỷ Hà Nội được thành lập các đảng bộ tiểu khu ở những nơi có điều kiện. Đảng bộ tiểu khu bao gồm các chi bộ Đảng ở ban đại diện hành chính tiểu khu, các chi bộ Đảng ở các đường phố, các đồn công an tiểu khu, các trạm y tế, các trường mẫu giáo, vỡ lòng, các trường phổ thông cấp I, II, các hợp tác xã sản xuất nhỏ và một số đơn vị khác. Đảng uỷ tiểu

khu có một số cán bộ chuyên trách; số lượng và chế độ đãi ngộ các cán bộ này do Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quy định.

Thành uỷ Hà Nội, các đảng uỷ các cơ quan, xí nghiệp, trường học... tại Hà Nội có trách nhiệm thi hành Quyết định này với sự giúp đỡ và kiểm tra của Ban Tổ chức Trung ương.

T/m ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 97-TT/TW, ngày 26 tháng 9 năm 1979

**Về việc chỉ đạo tổng kết đợt thảo luận
Hiến pháp trong nhân dân**

Theo dõi tình hình thảo luận dự thảo Hiến pháp hiện nay, Ban Bí thư lưu ý các cấp, các ngành:

1. Quan tâm đúng mức đối với yêu cầu 2 và 3 của cuộc vận động.

2. Căn cứ vào ba yêu cầu mà kiểm điểm tình hình, đánh giá kết quả thảo luận, uốn nắn kịp thời, kiểm tra đôn đốc để hoàn thành tốt cuộc vận động theo kế hoạch và thời gian đã quy định.

Những đơn vị có tỷ lệ tham gia thảo luận dưới 60% cần tổ chức thảo luận tiếp; không để sót đơn vị; tránh buông lỏng lãnh đạo, làm qua loa chiếu lệ. Kết hợp tốt với các công tác trọng tâm khác, nhất là phải bảo đảm sản xuất và sẵn sàng chiến đấu.

3. Nghiêm túc tiếp thu ý kiến phê bình, kiến nghị của nhân dân, những việc thuộc quyền hạn của cấp mình, ngành mình có thể sửa được thì sửa ngay; những vấn đề không thuộc quyền mình thì báo cáo và kiến nghị ngay lên cấp trên.

Báo chí, đài phát thanh chú ý phản ánh tình hình thực hiện yêu cầu 2 và 3 của cuộc vận động.

4. Tổ chức chu đáo việc tổng kết cuộc thảo luận. Ban chỉ đạo cấp cơ sở phải tổ chức báo cáo trước dân về kết quả cuộc thảo luận, biểu dương những mặt tích cực, cố gắng giải thích, kết luận nâng cao nhận thức, nêu rõ việc tiếp thu ý kiến phê bình của dân, biện pháp sửa chữa và kế hoạch phát huy kết quả.

Kịp thời báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương những kinh nghiệm tốt.

T/m ban bí thư

Xuân thuỷ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo

Số 14-TB/TW, ngày 26 tháng 9 năm 1979

**Quyết định của Bộ Chính trị về chính sách
thu mua và điều chỉnh một số giá***

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng,

Xét đề nghị của Thường vụ Hội đồng Chính phủ,
Để kịp thời phát huy tác dụng của chính sách thu mua, phân phối và giá cả thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là sản xuất nông nghiệp, mở rộng lưu thông hàng hoá, Bộ Chính trị đã quyết định một số chính sách thu mua và điều chỉnh một số giá như sau:

I- Về chính sách thu mua sản phẩm của kinh tế
tập thể và cá thể

1. Về thuế nông nghiệp

Cần đề cao luật pháp của Nhà nước, tăng cường giáo dục ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm thu đủ thuế theo đúng chính sách, chống thất thu. Mở rộng

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

việc thu thuế nông nghiệp bằng hiện vật đối với lương thực và các nông sản khác; sửa đổi chính sách thuế nông nghiệp cho phù hợp với tình hình hiện nay trong cả nước. Chính sách thuế phải bảo đảm việc đóng góp được công bằng, hợp lý, khuyến khích mở rộng diện tích, thâm canh, chuyên canh và tăng vụ, sử dụng hợp lý mọi khả năng đất đai.

2. ổn định mức Nhà nước thu mua lương thực và các nông sản khác của kinh tế tập thể và cá thể

Để khuyến khích nông dân hăng hái phát triển sản xuất, phải xác định mức Nhà nước thu mua và tuyên bố ổn định mức thu mua lương thực của kinh tế tập thể và cá thể. Mức Nhà nước thu mua bao gồm *thuế nông nghiệp và mua theo hợp đồng hai chiều ổn định trong 5 năm*.

3. Về giá mua lương thực**Giá mua thóc:**

- ở đồng bằng sông Cửu Long giá hiện hành 0,35đ - 0,38đ/kg, nay điều chỉnh lên 0,50đ/kg; ở những nơi sản xuất khó khăn là 0,56đ/kg.

ở đồng bằng sông Hồng, giá hiện hành 0,40đ - 0,43đ/kg, nay điều chỉnh lên 0,52đ; ở những nơi sản xuất khó khăn là 0,56đ/kg.

- ở trung du Bắc Bộ, Thanh Hoá và miền Đông Nam Bộ, giá hiện hành 0,43 - 0,46đ/kg, nay điều chỉnh lên 0,56đ - 0,60đ/kg.

- Từ Nghệ Tĩnh đến Thuận Hải, giá hiện hành 0,46đ - 0,50đ/kg, nay điều chỉnh lên 0,60đ - 0,65 đ/kg.

- ở các vùng núi, giá hiện hành 0,50đ - 0,55đ/kg, nay điều chỉnh lên 0,65đ - 0,72 đ/kg.

Đi đôi với việc điều chỉnh giá thóc, Chính phủ sẽ điều chỉnh giá ngô lên một mức tương ứng.

Giá khoai tươi hiện hành 0đ12/kg nay điều chỉnh lên 0đ16/kg; *giá khoai* khô hiện hành 0đ50 nay điều chỉnh lên 0đ65/kg.

Giá sắn tươi hiện hành 0đ13 nay điều chỉnh lên 0đ17. *Giá sắn* khô hiện hành 0đ54 nay điều chỉnh lên 0đ75/kg.

Ngoài thuế và mua theo hợp đồng hai chiều, Nhà nước dùng giá thỏa thuận để mua số lượng thực còn lại.

4. *Giá mua lợn thịt, trâu thịt, bò thịt và da*

- *Giá thịt lợn hơi* hiện hành 3đ10/kg, nay điều chỉnh lên 4đ00/kg, lấy lợn chuẩn 60kg/con. *Giá mua thịt lợn* trong vành đai thực phẩm của các thành phố lớn được khuyến khích từ 10 đến 15% trên giá chỉ đạo.

- *Giá thịt bò hơi* hiện hành 1đ10/kg nay điều chỉnh lên 2đ/kg.

Chính phủ cần định giá thỏa đáng đối với thịt lợn và thịt bò có đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- *Giá thịt trâu hơi* hiện hành 0,60đ/kg nay điều chỉnh lên từ 0,90đ đến 1,20đ/kg tùy theo phẩm chất của thịt.

- *Giá da lợn tươi* hiện hành 1,80đ/kg nay điều chỉnh lên 4,00đ/kg.

- *Giá da trâu tươi* hiện hành 0,70đ/kg nay điều chỉnh lên 1,40đ/kg.

- *Giá da bò tươi* hiện hành 1,25đ/kg nay điều chỉnh lên 2,50đ/kg.

5. *Đối với các cây công nghiệp và nông sản khác*

Chính phủ sẽ căn cứ vào Nghị quyết sáu của Trung ương về hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương và vận dụng chính sách thu mua lương thực, để cải tiến chính sách thu mua các nông sản khác; ổn định mức Nhà nước thu mua phù hợp với từng loại sản phẩm bao gồm thuế nông nghiệp bằng hiện vật và mua theo hợp đồng hai chiều; điều chỉnh giá mua

theo hợp đồng hai chiều lên một mức thỏa đáng.

Sau khi đã nộp đủ thuế nông nghiệp và bán nông sản cho Nhà nước theo hợp đồng hai chiều, người sản xuất được tự do lưu thông. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán tổ chức mua bằng giá thỏa thuận để nắm thêm nông sản hàng hoá.

Đối với *thuốc lá* và *thuốc Lào*, Nhà nước thống nhất thu mua.

6. *Mức giá mua thỏa thuận* do Thường vụ tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, căn cứ tình hình cụ thể từng vùng, từng thời gian để lãnh đạo. Giá thỏa thuận phải có tác dụng từng bước kéo giá ở thị trường không tổ chức xuống. Tùy theo khả năng và yêu cầu cụ thể, có thể trả bằng tiền mặt hoặc vật tư hàng hoá cũng tính theo giá thỏa thuận.

Các bộ có trách nhiệm ở trung ương phải hướng dẫn và kiểm tra việc vận dụng giá thỏa thuận ở các địa phương, tránh những sơ hở hoặc chênh lệch không hợp lý giữa các địa phương, nhất là ở các vùng giáp ranh.

II- Về chính sách phân phối và giá bán lẻ lương thực và hàng tiêu dùng

- *Về lương thực*. Tăng cường quản lý việc phân phối lương thực một cách chặt chẽ, hợp lý và tiết kiệm, thông qua việc quản lý lương thực mà góp phần thúc đẩy việc phân bổ và quản lý lao động. Để thực hiện tốt việc phân phối lương thực theo hai giá, cần xác định cụ thể đối tượng được Nhà nước cung ứng lương thực theo giá chỉ đạo và đối tượng được cung ứng lương thực theo giá thích hợp. Thu hẹp diện được Nhà nước cung ứng theo giá chỉ đạo. Chính quyền các cấp phải loại trừ tình

trạng của quyền, sửa chữa việc cung ứng lương thực một cách tràn lan.

- *Đối với các hàng tiêu dùng khác.* Trong khi chưa cải tiến chính sách và chế độ tiền lương, cần giữ giá cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho cán bộ, công nhân, viên chức, đồng thời mở rộng mặt hàng bán theo hai giá: bán theo giá chỉ đạo cho cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động sản xuất có quan hệ gia công hoặc hợp đồng kinh tế với Nhà nước; bán theo giá cao cho những đối tượng khác.

III- Thực hiện một bước việc thống nhất giá trong cả nước về một số mặt hàng như sau

- *Đối với tư liệu sản xuất,* thống nhất giá cung cấp những tư liệu sản xuất như: phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu và điện cho sản xuất.

- *Đối với hàng tiêu dùng,* thống nhất giá một số mặt hàng hiện nay chưa thuộc nhu cầu phổ cập.

IV- Về tổ chức và chỉ đạo thực hiện

Trước mắt cũng như lâu dài, quan hệ về kinh tế giữa Nhà nước với kinh tế tập thể và cá thể, giữa công nghiệp với nông nghiệp, cũng như giữa các ngành, các đơn vị kinh tế với nhau là quan hệ theo hợp đồng hai chiều: Nhà nước phải cố gắng bảo đảm cung ứng cho nhân dân những tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và những điều kiện sản xuất cho kinh tế tập thể và cá thể mà tự họ không làm ra được, không tự giải quyết được; ngược lại, kinh tế tập thể và cá thể bảo đảm đóng góp

cho Nhà nước những sản phẩm hàng hoá mà họ sản xuất ra.

Để không ngừng tăng cường và củng cố quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với kinh tế tập thể và cá thể: phải quản lý chặt chẽ vật tư hàng hoá hiện có trong tay Nhà nước, cải tiến mạng lưới thu mua và phân phối vật tư hàng hoá, bảo đảm phân phối vật tư hàng hoá đến tay người sản xuất và tiêu dùng; ngược lại, bảo đảm thu mua nắm sản phẩm trong tay Nhà nước theo hợp đồng hai chiều. Kiên quyết bài trừ những tệ nạn tham ô, lạm dụng, của quyền trong các cơ sở sản xuất, trong các ngành thương nghiệp, lương thực thực phẩm, cung ứng vật tư, giao thông vận tải, v.v.. Phải kiên quyết đấu tranh chống bọn đầu cơ, lũng đoạn giá cả, lũng đoạn thị trường; xóa bỏ hoạt động bán buôn của thương nghiệp tư nhân đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Biện pháp có hiệu lực để bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, là phải không ngừng *tăng cường và củng cố thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã*, không ngừng *mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa*. Mặt khác, phải biết sử dụng thị trường không tổ chức để bổ sung cho thị trường xã hội chủ nghĩa nhưng phải quản lý và cải tạo nó một cách thích hợp, thuận lợi cho đời sống của nhân dân. Phải kết hợp chặt chẽ biện pháp về kinh tế với biện pháp giáo dục, động viên mọi người hăng hái làm đầy đủ nhiệm vụ đối với Nhà nước, góp phần củng cố và mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình giá cả biến động phức tạp trên thị trường không tổ chức, cần phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành chính sách, làm tròn nghĩa

vụ đối với Nhà nước và kiên quyết đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực.

Hội đồng Chính phủ quyết định ngay chính sách cụ thể và giao trách nhiệm cho các ngành, các cấp chính quyền có kế hoạch và biện pháp để thực hiện.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 78-CT/TW, ngày 27 tháng 9 năm 1979

**Về việc tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể
Việt Nam**

Từ khi Đảng ta ra đời, nông dân lao động nước ta đã một lòng, một dạ đi theo Đảng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái tham gia các tổ chức quần chúng do Đảng lập ra, tích cực chống đế quốc và phong kiến, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và đoàn kết nông dân lao động, đưa nông thôn nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập tổ chức thống nhất của nông dân lao động trong cả nước, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở, lấy tên là "*Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam*" nhằm tăng cường hơn nữa khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng; tập hợp, đoàn kết và giáo dục nông dân, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, động viên nông dân lao động trong cả nước ra sức thực

hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ thị về việc tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam như sau:

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân lao động trong cả nước, có chức năng, nhiệm vụ:

1. Tập hợp, đoàn kết rộng rãi nông dân lao động trong cả nước (trong hợp tác xã nông nghiệp và ngoài hợp tác xã nông nghiệp) để giáo dục, vận động nông dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong nông thôn, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và áp dụng các kỹ thuật tiên tiến vào nông nghiệp, đưa nông thôn tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

2. Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội có nhiệm vụ cùng với tổ chức công đoàn xây dựng khối liên minh công nông vững chắc làm cơ sở cho Mặt trận Tổ quốc; cùng với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giáo dục và tạo điều kiện cho thanh niên, phụ nữ nông dân phát huy quyền làm chủ tập thể trong hợp tác xã nông nghiệp và trong nông thôn, tổ chức và động viên nông dân thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

3. Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam có quyền và có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở nông thôn, thực hiện điều lệ, nội quy của hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, đấu tranh chống mọi hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động.

4. Phản ánh kịp thời với Đảng và Nhà nước những nguyện vọng của nông dân lao động; tham gia ý kiến với các cơ quan nhà nước về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và các chính sách, pháp luật, chế độ, thể lệ... có quan hệ trực tiếp đến hợp tác xã nông nghiệp và nông dân.

5. Vận động nông dân tổ chức đời sống mới, cùng ban quản trị hợp tác xã nông nghiệp chăm lo việc tổ chức phúc lợi tập thể của nông dân, sử dụng tốt quỹ xã hội của hợp tác xã.

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có hệ thống 4 cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã), lấy xã làm đơn vị cơ sở; dưới cấp xã, tổ chức ra các chi hội và các tiểu tổ.

Hội kết nạp tất cả nông dân trong các tổ chức sản xuất tập thể (hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất, tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất), hội viên nông hội, những nông dân và những người lao động khác ở nông thôn hăng hái phấn đấu đi vào con đường *sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa*, theo nguyên tắc tự nguyện.

Ban trụ bị Đại hội đại biểu Nông dân tập thể trung ương cần mở Hội nghị đại biểu nông hội các tỉnh miền Nam và Hội đồng nông dân tập thể ở miền Bắc để thành lập Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, thảo luận và quyết định điều lệ tạm thời của Hội, định ra

những công tác trước mắt và bầu Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Hội. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời chỉ đạo công tác của Hội và tiếp tục làm nhiệm vụ chuẩn bị Đại hội đại biểu Nông dân tập thể toàn quốc.

Các tỉnh, thành thực thuộc trung ương và các huyện, quận mở Hội nghị đại biểu để thành lập Ban Chấp hành lâm thời của Hội. ở cấp xã, đảng uỷ hoặc chi uỷ triệu tập cuộc họp gồm một số đại biểu nông dân tập thể (hợp tác xã nông nghiệp hoặc tập đoàn sản xuất, tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất và nông hội) để cử ra Ban vận động thành lập Hội Liên hiệp Nông dân tập thể ở xã. Việc thành lập Hội Liên hiệp Nông dân tập thể từ cơ sở đến cấp tỉnh cần được tiến hành khẩn trương để đến cuối năm 1980 mở Đại hội đại biểu Nông dân tập thể toàn quốc.

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là một tổ chức quần chúng của Đảng, các cấp uỷ cần lãnh đạo chặt chẽ các mặt công tác của Hội, cử cấp uỷ viên và những đảng viên có năng lực, có phẩm chất tốt làm công tác này, đồng thời vận động quần chúng lựa chọn những nông dân lao động tốt đưa vào Ban Chấp hành các cấp của Hội. ở cơ sở, các đảng uỷ, chi uỷ cần thông qua việc xây dựng và củng cố Hội mà lựa chọn những người đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đồng thời loại bỏ những cán bộ, đảng viên biến chất bị quần chúng oán ghét, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nông dân.

Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Dân vận và Mặt trận Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương bàn bạc, giải quyết các vấn đề cụ thể về bộ máy tổ chức, biên chế các cấp và nhân sự của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, để sớm hình thành tổ chức Hội từ trung ương đến

cơ sở, và giúp Ban Bí thư đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Chỉ thị này.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 51-QĐ/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1979

Về thực hiện quân sự hoá Cảng Hải Phòng

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương, để củng cố và xây dựng Cảng Hải Phòng ngày càng vững mạnh về mọi mặt và đi vào nền nếp quản lý sản xuất lớn, chính quy, hiện đại; bảo đảm được nhiệm vụ bốc xếp khối lượng hàng hoá ngày càng lớn; chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu tốt; thực hiện chủ trương quân đội phải tích cực làm kinh tế;

Ban Bí thư trung ương đảng quyết định:

1. Giao nhiệm vụ cho Quân uỷ Trung ương cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải *gấp rút thực hiện quân sự hoá Cảng Hải Phòng để tổ chức và chỉ huy bốc xếp hàng hoá* thật chặt chẽ, có kỷ luật nghiêm của quân đội, thực hiện bằng được nhiệm vụ kế hoạch bốc xếp hàng hoá được nhanh, nhiều, an toàn; giải phóng tàu

nhanh; tạo điều kiện thuận lợi cho việc rút hàng đi nhanh. *Kiên quyết trừ bỏ nạn trộm cắp*, bảo vệ tốt tài sản của Nhà nước, bảo vệ tốt trật tự, an ninh ở cảng, cảnh giác ngăn chặn và loại trừ mọi hoạt động phá hoại của địch. *Xây dựng lực lượng vũ trang ở cảng vững mạnh*, vừa sản xuất giỏi, vừa chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu thật tốt. Quân uỷ Trung ương cử những cán bộ quân sự có năng lực và đơn vị quân đội đã được lựa chọn để chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này.

2. *Cảng Hải Phòng* vẫn là *thương cảng*, một đơn vị kinh tế quan trọng có ý nghĩa chiến lược của Nhà nước, *nay được quân sự hoá vẫn do Bộ Giao thông vận tải trực tiếp quản lý*. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo mọi mặt công tác ở Cảng Hải Phòng đạt hiệu quả cao hơn trước trong tất cả các khâu: kế hoạch sản xuất, kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ, luật lệ hàng hải, xây dựng cơ bản, quan hệ đối ngoại, nhất là việc tổ chức rút hàng ở cảng đi nhanh, đáp ứng yêu cầu của đất nước; cùng với quân đội tổ chức sự thống nhất chỉ huy của một ban giám đốc cảng về các mặt bốc xếp, bảo vệ hàng hoá và sẵn sàng chiến đấu.

3. *Thành uỷ và chính quyền thành phố Hải Phòng* cần tăng cường chỉ đạo Đảng bộ Cảng Hải Phòng, xây dựng Đảng bộ Cảng, Đoàn Thanh niên và Công đoàn vững mạnh, bảo đảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Làm tốt những việc thuộc trách nhiệm của địa phương để bảo đảm sản xuất và đời sống, giữ vững trật tự, an ninh, bảo vệ cảng, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước.

Thành uỷ Hải Phòng cùng với Đảng bộ quân đội và Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải lo việc tổ chức, xây

dựng Đảng bộ Cảng ngay từ đầu để mọi việc đi vào nề nếp và đạt kết quả tốt.

4. Việc thực hiện quân sự hoá Cảng Hải Phòng và xây dựng Cảng Hải Phòng có liên quan đến nhiều khâu công tác, nhiều ngành ở trung ương và cần được giải quyết đồng bộ. *Bộ Ngoại thương và các bộ chủ hàng, các ngành vận tải* có liên quan đến Cảng Hải Phòng có trách nhiệm chấn chỉnh tổ chức và các hoạt động của ngành tại Cảng Hải Phòng theo kế hoạch thống nhất của Bộ Giao thông vận tải, Quân uỷ Trung ương và Thành uỷ Hải Phòng để phù hợp với chủ trương quân sự hoá Cảng Hải Phòng.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải giải quyết kịp thời những yêu cầu cấp bách để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho Cảng Hải Phòng, và ngành vận tải đường biển.

5. *Ban Cán sự Bộ Giao thông vận tải, Quân uỷ Trung ương và Thành uỷ Hải Phòng* cần coi trọng công tác tư tưởng và tổ chức, có trách nhiệm phối hợp lập kế hoạch cụ thể:

- Tổ chức việc phổ biến, làm quán triệt chủ trương quân sự hoá Cảng Hải Phòng trong các ngành, các địa phương, các đơn vị quân đội có liên quan, nhất là ở Cảng Hải Phòng, Tổng cục Vận tải đường biển và cơ quan Bộ Giao thông vận tải để bảo đảm thực hiện tốt.

- Nắm lại tổ chức, nhân sự của Cảng Hải Phòng, kiên quyết thanh lọc những phần tử xấu, chuyển người không đủ tiêu chuẩn đi làm việc khác; mở lớp đào tạo, bồi dưỡng về kỹ thuật, nghiệp vụ, chính trị, quân sự cho cán bộ, công nhân cảng và cán bộ, chiến sĩ quân đội. Sắp xếp hợp lý các tổ chức sản xuất theo hướng quân sự hoá; lựa chọn cán bộ, chiến sĩ tốt để đưa vào các khâu chỉ

huy điều độ sản xuất, sớm kiện toàn bộ máy chỉ huy sản xuất, chỉ huy chiến đấu, quản lý trật tự, an ninh, bảo vệ cảng. Lựa chọn ngay cán bộ quân sự có năng lực làm Giám đốc Cảng Hải Phòng, làm Tổng cục phó Tổng cục Vận tải đường biển.

- Nghiên cứu và đề nghị bổ sung các chính sách, chế độ liên quan đến việc thực hiện quân sự hoá Cảng Hải Phòng, làm cho cán bộ, công nhân cảng và cán bộ, chiến sĩ quân đội cùng làm chung một nhiệm vụ ở cảng được hưởng chung quyền lợi hợp lý.

- Xây dựng và triển khai sớm quân sự hoá Cảng Hải Phòng nhằm bảo đảm thực hiện tốt ngay kế hoạch sản xuất mùa khô bắt đầu từ quý IV năm 1979, chuẩn bị tốt kế hoạch năm 1980.

- Rút kinh nghiệm thực hiện quân sự hoá Cảng Hải Phòng, nghiên cứu giải quyết các vấn đề khác do việc quân sự hoá Cảng Hải Phòng đề ra.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 79-CT/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1979

**Về nhiệm vụ công tác tư tưởng trong tình hình
trước mắt**

Mấy năm qua, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, kết hợp với thực tiễn cách mạng, công tác tư tưởng đã có nhiều cố gắng góp phần nâng cao trình độ cán bộ và đảng viên, bồi dưỡng tinh thần cách mạng của nhân dân và quân đội, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong Đảng và trong xã hội. Sức chiến đấu và năng lực hoạt động của các tổ chức Đảng không ngừng được nâng cao; chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân và quân đội ta không ngừng được phát huy trong những cuộc chiến đấu mới, vượt qua những khó khăn to lớn, hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, tăng cường lực lượng quốc phòng, an ninh, đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược... ở phía tây nam và phía bắc nước ta, và làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai dân tộc anh em Campuchia và Lào.

Trong cục diện thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam, mặc dù có nhiều khó khăn gay gắt, tình hình tư tưởng trong Đảng và xã hội ta về cơ bản là vững vàng, lành mạnh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thống nhất một ý chí xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước nhiều khó khăn và thiếu thốn trong sản xuất và đời sống, do những điều kiện khách quan, những hoạt động phá hoại

của địch và những khuyết điểm của ta trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên và nhân dân vững vàng, kiên định, một bộ phận trong Đảng và xã hội có tâm lý hoài nghi, dao động, bi quan, sa sút ý chí phấn đấu thậm chí thoái hoá biến chất.

Đó là do công tác tư tưởng của chúng ta cũng còn nhiều nhược điểm và thiếu sót. Chưa quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng, không nắm vững tình hình thực tế phức tạp và những biến động trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; công tác tư tưởng đã không kịp thời tập trung giải quyết những nhận thức tư tưởng sai lầm về đánh giá tình hình, về đường lối, chính sách của Đảng, về những biện pháp giải quyết những mặt tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội... Công tác tư tưởng đã không kiên quyết đập tan những luận điệu thù địch, và chưa có sức thuyết phục cao về những vấn đề của quần chúng nêu ra. Chẳng những nội dung giáo dục chưa sinh động, chưa sát với thực tế đời sống, mà những hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục cũng còn đơn điệu, nghèo nàn. Lực lượng tuyên truyền giáo dục cũng chưa vững mạnh, còn yếu về trình độ chính trị và nghiệp vụ. Nền nếp sinh hoạt chính trị, tư tưởng trong Đảng và trong quần chúng chưa thành chế độ chặt chẽ. Nhiều cán bộ, đảng viên kể cả cấp uỷ của Đảng, chưa thật coi trọng công tác tư tưởng, và làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục trong Đảng và trong xã hội.

Để tạo nên một chuyển biến lớn trong tình hình hiện nay, đi đôi với những biện pháp về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, chúng ta phải kịp thời chỉnh đốn và tăng cường công tác tư tưởng, biến nó thành một vũ khí có

hiệu lực hơn nữa, như Nghị quyết của Trung ương lần thứ sáu "về tình hình và nhiệm vụ cấp bách" đã vạch ra: Nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng là:

1. Phát động quần chúng thi đua sôi nổi, liên tục *lao động sản xuất*, khai thác tốt nhất mọi khả năng ở mỗi cơ sở và từng địa phương về lao động, đất đai, thiết bị, nguyên liệu làm ra nhiều lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng nhằm ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, và đẩy mạnh xuất khẩu.

Phải phổ biến và làm quán triệt trong toàn Đảng, và xã hội những nhận định và chủ trương lớn của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu. Cần khẳng định sự đúng đắn của *đường lối* cách mạng xã hội chủ nghĩa, *đường lối* phát triển kinh tế của Đại hội lần thứ IV của Đảng, khẳng định những *thành tựu* to lớn về mọi mặt đã đạt được trên cơ sở *đường lối* đúng đắn ấy, đồng thời chỉ rõ những *khó khăn* lớn của nền kinh tế nước ta mấy năm vừa qua và trong những năm trước mắt, phê phán những *sai lầm* về quán triệt *đường lối*, chỉ đạo thực hiện, tổ chức quản lý, chính sách và biện pháp cụ thể. Chống lại thái độ hoài nghi trước những thắng lợi, bi quan trước những khó khăn tạm thời, phê phán những hiện tượng bảo thủ, không chịu sửa chữa khuyết điểm, đồng thời ngăn ngừa những lệch lạc có thể xảy ra khi thực hiện những chính sách mới, làm cho mọi người *hiểu rõ* và *làm đúng* *đường lối*, chính sách của Đảng, trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội.

Phải giải thích kỹ cho mọi người nhận rõ *ba nhiệm vụ cấp bách* và những *chính sách, biện pháp* cụ thể bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ ấy, và quyết tâm phấn đấu thực hiện cho được. Nâng cao lòng tự hào, tin tưởng vào sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta, của chế độ xã hội

chủ nghĩa và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng; phát huy ý thức *làm chủ tập thể, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật* và quyết tâm *làm tốt nghĩa vụ lao động sản xuất và tiết kiệm* để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

2. Phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp sức bảo vệ Lào và Campuchia...; phê phán nghiêm khắc những hiện tượng bàng quan, vô trách nhiệm, mất cảnh giác, chủ quan khinh địch, không sẵn sàng chiến đấu, phải kịp thời đập tan những thủ đoạn chiến tranh tâm lý của địch...

Các tỉnh miền Bắc phải luôn luôn sẵn sàng đầy đủ mọi mặt, từ xã đến huyện, tỉnh và trong các lực lượng chiến đấu. Các tỉnh miền Nam phải sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ hậu phương, làm cho hậu phương an toàn về chính trị, tích cực chi viện sức người sức của cho tiền tuyến.

3. Phát động phong trào quần chúng ở các cơ sở sản xuất, vận tải, kinh doanh, phân phối và trong toàn xã hội, kiên quyết *chống những hiện tượng tiêu cực*: ăn cắp, hối lộ và ức hiếp quần chúng. Có khắc phục ba hiện tượng xấu nói trên thì mới phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, bồi dưỡng khí thế cách mạng và lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước, làm cho mọi người đồng tâm nhất trí sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và đẩy mạnh sản xuất, khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ, củng cố lực lượng mọi mặt của chủ nghĩa xã hội.

Cuộc vận động này phải tiến hành ở khắp mọi nơi, nhưng mỗi ngành và mỗi địa phương cần có một số trọng điểm làm thật tốt để lấy kinh nghiệm hướng dẫn và mở rộng cuộc vận động cho có hiệu quả. Phải kết hợp

giáo dục với phong trào quần chúng, kết hợp kỷ luật của Đảng với pháp luật của Nhà nước, nghiêm trị những kẻ phạm pháp, thay đổi những cán bộ hư hỏng, làm cho tổ chức Đảng và chính quyền thật trong sạch, được quần chúng yêu mến và tín nhiệm.

4. Công tác *xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức* phải luôn luôn gắn liền với đường lối cách mạng, nhiệm vụ cơ bản và nhiệm vụ trước mắt của cả nước cũng như của từng địa phương, từng ngành, bảo đảm quán triệt đường lối và hoàn thành nhiệm vụ, không ngừng nâng cao phẩm chất cộng sản chủ nghĩa, năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ và đảng viên. Trước mắt, phải tập trung vào phương hướng nâng cao hiểu biết về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối quốc tế, và những nhiệm vụ do Trung ương đề ra, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, cổ vũ, phát huy những nhân tố tích cực, xoá bỏ những hiện tượng tiêu cực, làm cho tổ chức Đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh, củng cố quan hệ giữa Đảng, chính quyền và quần chúng, tăng cường sự đoàn kết nhất trí, ý chí phấn đấu cách mạng, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành thắng lợi lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Các tổ chức Đảng, từ cấp uỷ đến chi bộ phải thảo luận kỹ đường lối, chính sách, biện pháp thực hiện, giải quyết những vấn đề tư tưởng và tổ chức cụ thể để hoàn thành mọi nhiệm vụ. Các đồng chí đứng đầu tổ chức Đảng ở các cấp, các ngành phải nắm vững tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng, trực tiếp chỉ

đạo và tự mình tiến hành công tác tư tưởng, công tác tổ chức.

Mỗi cấp uỷ và đảng bộ phải tăng cường và lãnh đạo tốt đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và sử dụng tốt các phương tiện báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin cổ động để thông báo tin tức, giải thích chính sách, phổ biến kinh nghiệm, kịp thời phê phán những nhận thức và hành động sai lầm, đập tan những luận điệu phản tuyên truyền, chiến tranh tâm lý của địch.

Hệ thống công tác tư tưởng ở tất cả các cấp phải sớm được kiện toàn, qua thực tiễn công tác mà chọn lọc lại và thường xuyên bồi dưỡng cán bộ, nhất là những cán bộ chủ chốt, bảo đảm cho công tác tư tưởng có hiệu lực trong mọi tình huống, góp sức giành thắng lợi về mọi mặt cho sự nghiệp cách mạng.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Nghị quyết
của Bộ Chính trị
Số 22-NQ/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1979

Về việc chuyển giao nhiệm vụ
và lực lượng Công an nhân dân vũ trang
sang Bộ Quốc phòng

Trong quá trình hoạt động chiến đấu và công tác, từ trước đến nay, lực lượng Công an nhân dân vũ trang đã không ngừng lớn mạnh, luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở biên giới, bờ biển, hải đảo, giới tuyến, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, đã phối hợp với Quân đội nhân dân lập nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng như trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc... trên hướng tây nam và trên biên giới phía bắc nước ta.

Hiện nay, đất nước ta đang đứng trước nguy cơ xâm lược...; biên giới phía bắc, bờ biển, hải đảo luôn luôn ở trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của kẻ thù. Biên giới giữa nước ta với nước anh em Lào và Campuchia là biên giới hữu nghị nhưng phải đề phòng kẻ địch xâm nhập phá hoại.

Để thống nhất lãnh đạo và chỉ huy các lực lượng vũ trang, tăng cường sức mạnh chiến đấu, đồng thời phát huy sở trường của các lực lượng nhằm góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Bộ Chính trị quyết nghị:

I- Phân định lại nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh biên giới, bờ biển, hải đảo giữa lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng và lực lượng của Bộ Nội vụ như sau

1. *Các lực lượng của Quân đội nhân dân* có nhiệm vụ phòng thủ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược ở bất cứ quy mô nào của kẻ thù, bảo vệ biên giới, bờ biển, hải đảo, bảo vệ các cơ sở kinh tế của Nhà nước, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Trên biên giới và hải đảo, Quân đội nhân dân vừa làm nhiệm vụ chiến đấu vừa làm nhiệm vụ biên phòng, cụ thể là phải:

- Tiêu diệt các toán vũ trang xâm phạm biên giới, bờ biển, hải đảo, bọn gián điệp, biệt kích, thám báo, thổ phỉ, hải phỉ, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước, tuần tra quản lý, bảo vệ các cột mốc, dấu hiệu trên đường biên giới và hải phận, bảo vệ quyền lợi kinh tế quốc gia trên thêm lục địa.

- Quản lý quy chế của nước ta về biên giới và quản lý việc thực hiện các hiệp định về biên giới và hải phận đã được ký giữa nước ta với nước khác. Trên biên giới hữu nghị Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng biên phòng của hai nước bạn, thực hiện nghiêm chỉnh quy chế đã ký kết giữa Chính phủ ta với Chính phủ hai nước bạn.

- Tham gia với địa phương và với lực lượng của Bộ Nội vụ xây dựng cơ sở chính trị, trấn áp bọn phản động, dập tắt các cuộc bạo loạn, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; phối hợp với các lực lượng và các tổ chức nghiệp vụ của Nhà nước

như: công an, hải quan, y tế v.v., kiểm tra, kiểm soát việc ra vào biên giới và hải phận theo quy chế của Nhà nước ta.

2. *Lực lượng của Bộ Nội vụ* có nhiệm vụ cơ bản thường xuyên là giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; thực hiện quản lý quy chế hành chính bằng các đồn cảnh sát ở các cửa khẩu gồm: sân bay quốc tế, thương cảng, đầu các trục giao thông có đường sắt và đường ô tô ra vào biên giới, cửa sông lớn.

II- Quy định về tổ chức chuyển giao lực lượng giữa bộ nội vụ và Bộ Quốc phòng

Căn cứ vào nhiệm vụ đã được phân định lại như trên, để nhanh chóng đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay, việc chuyển giao lực lượng phải tiến hành khẩn trương theo các quy định sau đây:

1. Chuyển giao sang Bộ Quốc phòng và chuyển thành bộ đội biên phòng toàn bộ lực lượng và tổ chức Công an nhân dân vũ trang hiện nay thuộc Bộ Nội vụ bao gồm các đơn vị chiến đấu ở biên giới, bờ biển, hải đảo và trên chiến trường Campuchia, các cơ quan, nhà trường, các cơ sở vật chất kỹ thuật của lực lượng Công an nhân dân vũ trang.

2. Bộ Nội vụ sẽ căn cứ vào những nhiệm vụ cụ thể được phân định lại như trên mà nghiên cứu tổ chức các đồn cảnh sát hành chính cho phù hợp và có sự phối hợp với lực lượng quân đội trên từng khu vực.

3. Để bảo đảm tốt nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc

phòng được tổ chức một binh đoàn bảo vệ đặc biệt bao gồm Đoàn 144 hiện có, đơn vị bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đoàn 600, Đoàn 180 của Công an nhân dân vũ trang do Bộ Nội vụ chuyển sang. Cán bộ và chiến sĩ của các đơn vị trên phải được lựa chọn với tiêu chuẩn chặt chẽ, bảo đảm tuyệt đối tin cậy về chính trị, tình nguyện, được trang bị và huấn luyện tốt, có chế độ chính sách riêng, để hoàn thành nhiệm vụ trong bất cứ tình huống nào.

4. Trong khi chuyển giao, cần hết sức tránh thay đổi chỉ huy trừ trường hợp thật cần thiết.

5. Đối với vấn đề tổ chức lãnh đạo, chỉ huy bộ đội biên phòng, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng cần có những quy định cụ thể về nhiệm vụ, chức trách của cấp uỷ Đảng và cơ quan quân sự địa phương trên nguyên tắc thống nhất lãnh đạo chỉ huy lực lượng vũ trang.

- Chuyển Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang sang trực thuộc Bộ Quốc phòng; chức trách, nhiệm vụ cụ thể do Quân uỷ Trung ương xác định;

- Chuyển Ban Chỉ huy Công an nhân dân vũ trang ở các địa phương có biên giới, bờ biển tăng cường cho các cơ quan Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố và Ban Chỉ huy quân sự huyện;

- Biên chế tổ chức, chế độ, chính sách, điều lệnh, điều lệ, phải thực hiện thống nhất như Quân đội nhân dân Việt Nam.

6. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ có trách nhiệm thực hiện nhanh và chu đáo Nghị quyết này, cố gắng bàn giao xong trong tháng 10 năm 1979. Trong quá trình thực hiện, cần tăng cường lãnh đạo tư tưởng kết hợp chặt chẽ với lãnh

đạo tổ chức, bảo đảm đoàn kết, nhất trí, phấn khởi, tăng cường được sức mạnh chiến đấu, tránh mọi sơ hở, tuyệt đối không để ảnh hưởng đến nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

T/M Bộ Chính trị

Lê Đức Thọ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 53-QĐ/TW, ngày 24 tháng 10 năm 1979

**Về việc chuyển Nhà xuất bản Sự thật,
cơ quan xuất bản của Nhà nước sang cơ quan
xuất bản của Đảng**

- Căn cứ vào yêu cầu giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng và xét nhiệm vụ chính trị của Nhà xuất bản Sự thật trong giai đoạn cách mạng hiện nay,
- Theo đề nghị của Ban Tuyên huấn Trung ương,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Kể từ nay, Nhà xuất bản Sự thật là cơ quan xuất bản của Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, có vị trí như một Tổng cục. Ban Bí thư giao Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo công tác biên tập và xuất bản, Ban Tổ chức Trung ương quản lý về biên chế lao động tiền lương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quản lý về tài chính.

2. Nhà xuất bản Sự thật do một Giám đốc phụ trách và có từ một đến hai Phó Giám đốc giúp việc. Để giúp Giám đốc

chỉ đạo công tác biên tập, Nhà xuất bản sẽ thành lập Bộ Biên tập gồm Giám đốc kiêm Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập và uỷ viên.

3. Tổ chức của Nhà xuất bản Sự thật gồm có các ban biên tập các khối sách như: Ban biên tập sách kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin; Ban biên tập sách văn kiện Đảng, sách của Hồ Chủ tịch và sách của các đồng chí lãnh đạo của Đảng; Ban biên tập sách nghiên cứu và sách phổ thông về lý luận và đường lối của Đảng trên các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, quốc tế...

4. Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Ban Giám đốc Nhà xuất bản Sự thật có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 99-TT/TW, ngày 27 tháng 10 năm 1979

**Về việc cải tiến công tác đón tiếp các đoàn khách
nước ngoài vào thăm Việt Nam**

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, hoạt động đối ngoại của ta ngày càng mở rộng, khách quốc tế vào thăm nước ta ngày càng nhiều.

Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn nhiều mặt của nước ta hiện nay, các cơ quan đón khách và phục vụ khách đã có nhiều cố gắng làm tốt công tác tổ chức đón và phục vụ khách, góp phần vào việc tranh thủ bạn bè và dư luận thế giới ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tuy nhiên, việc tổ chức đón tiếp và phục vụ khách còn thiếu sót trong một số khâu làm ảnh hưởng đến việc tranh thủ khách quốc tế:

1. *Thủ tục* (về nhập cảnh, xuất cảnh, đăng ký cư trú, đi lại tham quan, đối ngoại tệ, mua vé máy bay, ký gửi hành lý v.v.) đối với khách nước ngoài, tuy đã có cải tiến một phần so với trước, nhưng có nơi, có lúc vẫn

còn rườm rà, phức tạp, chưa thuận tiện cho khách và cơ quan có khách.

2. *Thái độ* của một số cán bộ, nhân viên phục vụ các cơ quan có tiếp xúc với khách quốc tế đôi khi thiếu nhã nhặn, không lịch thiệp. Chất lượng phục vụ ở các khách sạn, sân bay v.v. có những mặt còn kém.

3. Một số *chế độ, tiêu chuẩn* đón tiếp khách quốc tế quy định từ lâu không còn phù hợp với tình hình hiện nay nhưng vẫn chưa được nghiên cứu sửa đổi. Một số quy định về giá (vé máy bay, ăn, ở...) đối với khách quốc tế chưa hợp lý.

Để khắc phục những thiếu sót nói trên, cải tiến công tác tổ chức đón tiếp khách quốc tế, nhằm tranh thủ đến mức cao nhất sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, Ban Bí thư nhắc các ngành, các cấp mấy điểm sau đây:

1. Trên tinh thần vừa bảo đảm những yêu cầu của công tác *bảo vệ*, vừa tạo mọi điều kiện *thuận tiện* cho khách trong thời gian hoạt động ở nước ta, *cần xem xét lại các thủ tục và quy định* về đón tiếp và phục vụ khách quốc tế.

Cố gắng tăng cường trang bị kỹ thuật kiểm tra hành lý ở các sân bay, tránh việc kiểm soát hành lý của khách một cách quá lộ liễu.

Nói chung khách quốc tế phải làm thủ tục khai báo hải quan, song phải tùy mức độ yêu cầu tranh thủ về chính trị mà vận dụng có châm chước. Các cơ quan có khách cần thông báo trước cho Cục Hải quan về thành phần và yêu cầu đối với đoàn khách của mình. Đối với *các đoàn khách chính thức* của các cơ quan Đảng, Nhà

nước và đoàn thể quần chúng cần miễn thủ tục khai khám hải quan, trừ trường hợp thật đặc biệt.

Đối với khách là phóng viên báo chí, phát thanh, truyền hình, quay phim, nhiếp ảnh, nhà văn, nhà báo, là những người vào thăm để phản ánh đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của nước ta, giúp tuyên truyền cho ta trên thế giới, ta cần tạo điều kiện thuận lợi để bạn thu được nhiều tư liệu tốt, kể cả việc cho phép nhập cảnh và xuất cảnh phim (màu và đen trắng) dễ dàng hơn.

2. *Giáo dục tinh thần và thái độ phục vụ* cho cán bộ, nhân viên có nhiệm vụ đón tiếp và phục vụ khách quốc tế.

Các ngành, các cơ quan có tham gia vào việc đón tiếp và phục vụ khách quốc tế ở trung ương và ở các địa phương như hàng không dân dụng, nội vụ, hải quan, du lịch, ngân hàng, phòng ngoại vụ thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành, v.v. cần tăng cường giáo dục, nhắc nhở cán bộ, nhân viên có tinh thần và thái độ đúng đắn trong khi tiếp xúc với khách, giữ tư thế người Việt Nam, vừa nêu cao tinh thần cảnh giác bảo vệ bí mật quốc gia, vừa bảo đảm đoàn kết và tranh thủ quốc tế. Kiên quyết thi hành kỷ luật và cho chuyển công tác những cán bộ, nhân viên phạm khuyết điểm, sai lầm trong công tác đón tiếp và phục vụ khách quốc tế.

Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Đối ngoại và Bộ Ngoại giao soạn thảo một chương trình bồi dưỡng ngắn hạn gồm một số bài về đường lối đối ngoại và tuyên truyền đối ngoại, về tinh thần quốc tế vô sản, về thái độ cư xử lịch thiệp xã giao, v.v.. Bất kỳ cán bộ, nhân viên nào có liên quan đến công tác đón tiếp và phục vụ khách quốc tế ở trung ương và địa phương đều

phải nghiên cứu mấy bài nói trên và lấy đó làm căn cứ để kiểm điểm công tác.

3. Trong điều kiện có thể được và với tinh thần tiết kiệm, Bộ Tài chính cần nghiên cứu *cải tiến các chế độ, tiêu chuẩn đón khách* cho phù hợp với tình hình giá cả thị trường. Tổng cục Hàng không dân dụng, Tổng cục Du lịch và Bộ Nội thương cần tăng cường cơ sở phục vụ khách quốc tế ở các khách sạn, sân bay, nhà ga, bến cảng, bảo đảm tiện nghi tối thiểu và nhất là bảo đảm vệ sinh, trật tự, an toàn; nghiên cứu lại giá vé máy bay và các giá ăn, ở, đi lại đối với khách quốc tế cho hợp lý hơn, cải tiến việc đổi tiền cho khách khi đến và khi về.

Các cơ quan có nhiệm vụ đón tiếp và phục vụ khách quốc tế cần tổ chức phổ biến ngay Thông tri này cho toàn thể cán bộ, nhân viên rút kinh nghiệm về những thiếu sót vừa qua, bàn ngay cách cải tiến công tác tổ chức đón tiếp khách quốc tế.

Các bộ hữu quan cần sớm ban hành văn bản chính thức về mặt Nhà nước quy định những điểm bổ sung, sửa đổi về thủ tục, tiêu chuẩn, chế độ đón tiếp khách quốc tế theo tinh thần Thông tri này.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Quyết định của Ban Bí thư

Số 54-QĐ/TW, ngày 29 tháng 10 năm 1979

Về việc giải thể Tiểu ban Bảo vệ Đảng ở trung ương và các tỉnh, thành miền Nam

Thi hành Quyết định số 01-QĐ/TW ngày 15-3-1977 của Ban Bí thư¹⁾, hơn hai năm qua các Tiểu ban Bảo vệ Đảng ở trung ương và các tỉnh, thành miền Nam đã cùng với các ban, ngành liên quan khai thác các nguồn tài liệu cần thiết, phát hiện, thẩm tra và kết luận được những nghi vấn chính trị của một số cán bộ, đảng viên, góp phần vào việc kiện toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp; việc phối hợp công tác giữa các cơ quan có trách nhiệm trong công tác này đã đi vào nền nếp;

Nhận thấy những công việc còn lại về bảo vệ Đảng còn lâu dài và cần gắn chặt với công tác tổ chức, xây dựng Đảng,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 38, tr.45 (B.T).

1. Giải thể Tiểu ban Bảo vệ Đảng Trung ương và Tiểu ban Bảo vệ Đảng ở các tỉnh, thành miền Nam, chuyển giao những công việc còn lại cho Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức các tỉnh, thành miền Nam. Trước khi giải thể, các Tiểu ban Bảo vệ Đảng cần kiểm điểm, đánh giá kết quả công tác và tổ chức tốt việc bàn giao.

2. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức các tỉnh uỷ và thành uỷ kết hợp với các cơ quan công an (theo tinh thần Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 7-3-1979 của Ban Bí thư về việc phân rõ phạm vi trách nhiệm, quyền hạn giữa ngành công an và các tổ chức của Đảng về công tác bảo vệ Đảng) giúp Trung ương Đảng và các tỉnh uỷ, thành uỷ tiến hành những công việc còn lại và thẩm tra, kết luận những nghi vấn chính trị và những vấn đề chưa rõ của cán bộ, đảng viên (theo sự phân cấp quy định trong Thông tri số 28-TT/TW ngày 31-1-1978 của Ban Bí thư)¹⁾. Các ban thường vụ tỉnh uỷ và thành uỷ cần chỉ đạo chặt chẽ công tác bảo vệ Đảng.

3. Vụ Bảo vệ Đảng của Ban Tổ chức Trung ương, bộ phận cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ Đảng của các Ban Tổ chức tỉnh uỷ và thành uỷ miền Nam cần được bổ sung đủ số lượng và chất lượng để làm tốt công tác; các đồng chí Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban Tổ chức phải trực tiếp chỉ đạo Vụ Bảo vệ Đảng và bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ Đảng. Bộ phận của cơ quan công an ở trung ương và tỉnh, thành lập ra trong thời gian vừa qua để phối hợp với Tiểu ban Bảo vệ Đảng trung ương và các tỉnh, thành miền Nam vẫn tiếp tục hoạt động, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Đảng ở Trung

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 39, tr.49 (B.T).

ương và các tỉnh, thành.

4. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Văn phòng (hoặc Ban Tài chính - Quản trị) các tỉnh uỷ, thành uỷ ở miền Nam chuyển kinh phí, phương tiện đi lại và làm việc của Tiểu ban Bảo vệ Đảng Trung ương và các Tiểu ban Bảo vệ Đảng tỉnh, thành cho Ban Tổ chức Trung ương và các Ban Tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ.

5. Tiểu ban Bảo vệ Đảng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban kiểm tra Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ miền Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 45-QĐ/TW, ngày 1 tháng 11 năm 1979

**Về tổ chức Đảng ở Bộ Nội vụ, ở các ty, sở công an
và các huyện, quận công an**

- Căn cứ vào điều 11, chương II của Điều lệ Đảng,
- Xét đặc điểm của ngành công an,
- Xét đề nghị của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ và của Ban Tổ chức Trung ương,

Ban bí thư trung ương đảng quyết định:

1. Thành lập Đảng bộ Bộ Nội vụ trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm tổ chức Đảng ở cơ quan bộ và ở các đơn vị trực thuộc bộ vì điều kiện hoạt động lưu động và phân tán trong phạm vi nhiều địa phương mà không có địa điểm tập kết cố định, hoặc có những hoàn cảnh đặc biệt cần giữ bí mật mà không thể giao về Đảng bộ địa phương được. Ban Tổ chức Trung ương sẽ cùng với Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ xem xét để xác định cụ thể từng trường hợp theo quy

định nói trên của Điều lệ Đảng.

Đảng bộ Bộ Nội vụ cần được tổ chức gọn, bớt cấp trung gian, căn cứ vào tính chất của từng loại vụ, cục và đơn vị trực thuộc. Chú ý áp dụng quy định của Điều lệ Đảng, những trường hợp tổ chức cơ sở Đảng tuy đông quá 30 đảng viên cho đến 50 đảng viên nhưng xét không cần thành lập Đảng uỷ cơ sở, nếu được Đảng uỷ Bộ Nội vụ đồng ý thì có thể chỉ gồm một chi bộ.

Đại hội đại biểu Đảng bộ bầu ra Đảng uỷ Bộ gồm khoảng 21 uỷ viên chính thức, 2 uỷ viên dự khuyết, Đảng uỷ cử ra Ban thường vụ gồm 7 đồng chí, trong đó có Bí thư và 1 hoặc 2 Phó bí thư. Bí thư phải là cán bộ chuyên trách, là cán bộ cao cấp của Đảng và có kinh nghiệm công tác Đảng, Bí thư và Phó bí thư (khi Bí thư đi vắng) được dự và phát biểu ý kiến ở hội nghị Ban Cán sự.

Danh sách Đảng uỷ, Ban thường vụ và Bí thư do Ban Bí thư Trung ương Đảng chuẩn y.

Đại hội Đảng bộ Bộ Nội vụ thường lệ được triệu tập hai năm một lần. Nhiệm kỳ của Đảng uỷ Bộ là hai năm.

Đảng uỷ Bộ Nội vụ trực tiếp lãnh đạo các tổ chức Đảng trực thuộc căn cứ vào chức trách của từng loại Đảng bộ theo quy định của Điều lệ Đảng; được Trung ương uỷ quyền giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt Đảng, quản lý hồ sơ, lý lịch đảng viên, quyết định chuẩn y thành lập hoặc giải thể các tổ chức Đảng trong Đảng bộ, quan hệ với các ban của Trung ương Đảng và nhận các nghị quyết, chỉ thị của Đảng như các cấp uỷ trực thuộc Trung ương Đảng.

Các tổ chức Đảng thuộc Đảng uỷ Bộ Nội vụ trừ trường hợp phải giữ bí mật về tổ chức, đều phải được giới thiệu với cấp uỷ địa phương (tỉnh, thành, huyện, quận...) nơi

đơn vị đóng, chịu sự lãnh đạo và kiểm tra của cấp uỷ địa phương về việc chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật được thi hành ở địa phương và về quan hệ với nhân dân địa phương.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư trực tiếp theo dõi và kiểm tra công tác tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng bộ Bộ Nội vụ.

2. Quan hệ giữa Đảng uỷ Bộ Nội vụ với Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ là quan hệ phối hợp, giúp đỡ nhau làm tròn nhiệm vụ.

Ban Cán sự có trách nhiệm cùng Đảng uỷ làm cho đảng viên trong Đảng bộ quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Chính phủ về công tác của ngành, góp ý kiến với Đảng uỷ về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và đoàn thể quần chúng. Đảng uỷ có trách nhiệm tham gia ý kiến với Ban Cán sự về công tác lựa chọn cất nhắc cán bộ chủ chốt ở cơ quan và đơn vị trực thuộc bộ và về nhiệm vụ, công tác chuyên môn của bộ. Đồng thời Đảng uỷ cũng phản ánh cho Ban Cán sự tình hình tư tưởng và đời sống của cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên và đề xuất những vấn đề mà Ban Cán sự hoặc thủ trưởng cần quan tâm giải quyết đối với cơ quan và đơn vị trực thuộc.

3. Ở các ty, sở công an, cũng thành lập Đảng bộ ty, sở công an trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ, bao gồm tổ chức Đảng ở cơ quan và các đơn vị trực thuộc ty, sở do điều kiện hoạt động lưu động và phân tán trong phạm vi nhiều huyện, quận hoặc có những hoàn cảnh đặc biệt cần giữ bí mật mà không thể giao về Đảng bộ địa phương được, và các tổ chức Đảng ở các đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ được chuyển giao về đảng bộ địa phương.

Mối quan hệ giữa Đảng uỷ ty, sở với Ban Cán sự Đảng ty, sở và với các ban của tỉnh uỷ, thành uỷ cũng theo nguyên tắc đã quy định nói trên. Riêng việc giúp cấp uỷ quản lý Đảng bộ ty, sở công an thì do Ban Tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ đảm nhiệm.

4. Ở các huyện, quận, tổ chức Đảng ở cơ quan công an là Đảng bộ hoặc chi bộ cơ sở Đảng, trực thuộc huyện uỷ, quận uỷ về mọi mặt.

5. Đảng uỷ Bộ Nội vụ, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các Ban Tổ chức, Tuyên huấn và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quy định
của Ban Bí thư**

Số 55-QĐ/TW, ngày 7 tháng 11 năm 1979

**Về tăng cường quản lý việc mời các đoàn quốc tế
vào thăm Việt Nam và cử các đoàn
ra hoạt động ở nước ngoài**

Trong mấy năm qua, nhất là 1977 và 1978, do yêu cầu của công tác đối ngoại, số lượng các đoàn quốc tế vào thăm ta và các đoàn ta đi các nước tăng lên rất nhiều.

Trong tình hình hiện nay, ta cần tranh thủ sự đoàn kết và ủng hộ quốc tế một cách rộng rãi. Bọn phản động ... và các thế lực đế quốc đang mở nhiều chiến dịch vu cáo, chống Việt Nam, ta phải phản kích lại mạnh mẽ và kịp thời. Ta phải tranh thủ các diễn đàn quốc tế, mời nhiều đoàn và một số nhân sĩ, có cảm tình với ta, có thiện chí vào ta để họ hiểu rõ tình hình và những quan điểm, chủ trương của ta. Để bảo đảm phát huy tác dụng tích cực của việc mời khách vào và cử đoàn ta ra, Ban Bí thư quy định:

1. Ngoài những đoàn cấp cao của Đảng và Nhà nước hoặc những trường hợp đặc biệt thuộc thẩm quyền Bộ

Chính trị quyết định, Ban Bí thư duyệt các đoàn của Đảng và các tổ chức quần chúng gồm các ban của Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các đoàn thể nhân dân và Mặt trận, các Uỷ ban đoàn kết, Hoà bình, á - Phi, Hội hữu nghị, là những cơ quan do Ban Đối ngoại quản lý và hướng dẫn về đối ngoại. Thủ tướng Chính phủ duyệt các đoàn thuộc Nhà nước gồm các bộ, Uỷ ban Nhà nước, tổng cục, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan khác của Nhà nước.

2. Ban Bí thư uỷ nhiệm Ban Đối ngoại làm việc với cơ quan, các ngành, và địa phương thuộc khối Dân - Đảng để lập kế hoạch hàng năm trình Ban Bí thư duyệt. Ban Đối ngoại thông báo cho Văn phòng Phủ Thủ tướng và Bộ Ngoại giao biết kế hoạch đó. Ba tháng một lần, Ban Đối ngoại kiểm điểm lại tình hình thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả đoàn ra, đoàn vào và trong trường hợp cần thiết đề nghị Ban Bí thư điều chỉnh kế hoạch.

Đối với trường hợp đột xuất, Ban Bí thư chỉ xét khi đã có ý kiến của Ban Đối ngoại.

3. Đối với các đoàn ra, đoàn vào trong kế hoạch hàng năm đã được Ban Bí thư xét duyệt và theo sự phân công như trên, Ban Đối ngoại được uỷ quyền và chịu trách nhiệm việc thông báo cho các cơ quan hữu quan để làm thủ tục.

4. Các cơ quan cử đoàn ra và mời đoàn vào phải xác định mục đích, yêu cầu rõ ràng từng đoàn một, phải có đề án gửi Ban Đối ngoại và trình Ban Bí thư duyệt trước. Sau khi thực hiện, phải báo cáo đầy đủ với Ban Bí thư đồng thời gửi Ban Đối ngoại.

5. Việc chuẩn bị cho các đoàn ra, vào phải chu đáo. Các bài phát biểu, diễn văn đều phải duyệt chặt chẽ. Ban Đối ngoại được uỷ nhiệm duyệt các bài của khối Đảng - Dân. Những bài quan trọng và những bài đọc trong các hội nghị quan trọng phải được Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư duyệt trước.

Các đoàn ra không được tự tiện phát biểu về những vấn đề quan trọng, nếu không có chủ trương của Trung ương hoặc không có ý kiến của Đại sứ ta ở nước sở tại.

6. Cán bộ đi công tác nước ngoài hoặc làm việc với khách quốc tế phải được lựa chọn cẩn thận; phải là những đồng chí có phẩm chất đạo đức tốt, có quan điểm, lập trường vững vàng, có khả năng và kinh nghiệm về đối ngoại.

Cán bộ được cử đi từ cấp Phó trưởng Ban của Trung ương, Thứ trưởng, Tổng cục trưởng, Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành trở lên phải được Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ duyệt; cán bộ từ cấp cục, vụ, viện trở xuống sẽ do Ban Đối ngoại và Bộ Ngoại giao duyệt, với sự góp ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương.

Khi cử cán bộ thuộc các cơ quan Nhà nước tham gia các đoàn của Đảng và các tổ chức quần chúng, phải trao đổi ý kiến trước với Ban Cán sự Bộ chủ quản; nếu cán bộ đó là Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng cục trưởng thì nhất thiết phải được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ.

7. Các đoàn được cử ra nước ngoài cần hết sức hạn chế về số người và thời gian; tuyệt đối không đoàn nào được

tự ý thay đổi nhân sự hoặc kéo dài thời gian hoặc gây phiền hà cho bạn.

Việc tổ chức đón tiếp khách quốc tế cần chu đáo, nhưng phải tránh lãng phí. Tuyệt đối không gây phiền hà đối với khách, không để xảy ra những cử chỉ, việc làm mất lòng bạn hoặc gây sự hiểu lầm đối với ta.

Dự trù ngân sách cho các hoạt động đối ngoại phải chặt chẽ, đặc biệt là về ngoại tệ.

T/M ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 81-CT/TW, ngày 10 tháng 11 năm 1979

**Về thực hiện nhiệm vụ đấu tranh khắc phục
các hiện tượng tiêu cực trong xã hội**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ cấp bách: kiên quyết đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.

Các ngành, các cấp, trước hết là các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban cán sự, đảng đoàn, phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Trung ương, nhận rõ trách nhiệm và kiên quyết chỉ đạo khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong địa phương, ngành, đoàn thể, đơn vị của mình.

Từ trung ương đến cơ sở, kể cả quân đội và công an, phải kịp thời ngăn chặn và tiến tới xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực, nhằm phục vụ đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống, tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh. Thông qua cuộc đấu tranh này, làm cho các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh; nâng cao phẩm chất, đạo đức của

cán bộ, đảng viên; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và củng cố lòng tin của quần chúng. Yêu cầu cấp bách hiện nay là các ngành, các địa phương phải khắc phục bằng được tệ *ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng*, nhất là trong *giao thông vận tải, thương nghiệp, vật tư, trong việc quản lý nhà đất, hộ khẩu, tuyển sinh*. Phải tập trung vào việc kiểm kê, kiểm soát, tăng cường quản lý, chống lấy cắp các vật tư chiến lược, các mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và tiêu dùng, nhất là *lương thực, xăng dầu, vật tư nông nghiệp, phụ tùng thiết bị, máy móc, vải, thuốc chữa bệnh*.

Vừa kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong khu vực Nhà nước và trong khu vực tập thể (cả nông nghiệp và thủ công nghiệp), vừa phải ra sức phòng ngừa địch phá hoại và đẩy mạnh đấu tranh chống bọn đầu cơ buôn lậu, bọn lưu manh côn đồ chuyên nghiệp ngoài xã hội.

Thông tri 71 của Ban Bí thư đầu năm 1979 đã nêu rõ:

"Chống các biểu hiện tiêu cực phải là một bộ phận của cuộc vận động cách mạng toàn diện ở từng cơ sở, kết hợp chặt giữa xây và chống, lấy xây dựng làm chính, kết hợp các biện pháp kinh tế và hành chính, biện pháp tổ chức và tư tưởng, tạo điều kiện để quần chúng tích cực tham gia quản lý và làm chủ thực sự ở cơ sở".

Vì vậy, phải có *biện pháp toàn diện, kế hoạch cụ thể, tổ chức chặt chẽ các lực lượng thực hiện một cách liên tục, và căn bản là phải làm tốt từ cơ sở*. Phải khắc phục cách làm qua loa hình thức, học tập, liên hệ rồi dừng lại.

Từng ngành, từng địa phương, đơn vị cơ sở phải căn cứ vào tình hình của mình mà đề ra các kế hoạch chi tiết và chỉ đạo chặt chẽ đối với công tác tuyên truyền, phát

động phong trào quần chúng đấu tranh chống tiêu cực; đối với việc chấn chỉnh những khâu cấp bách về quản lý đang có nhiều sơ hở; đối với việc chăm lo giải quyết những nhu cầu bức thiết của đời sống quần chúng; và xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ vi phạm. Có kế hoạch xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể trong phong trào đấu tranh chống tiêu cực. Ban Bí thư yêu cầu mỗi tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và đơn vị quân đội, công an thực hiện đầy đủ trách nhiệm sau đây của mình trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực:

Đối với các tổ chức Đảng

a) Tất cả các cấp ủy Đảng ở địa phương, ở ngành và đơn vị có trách nhiệm:

- Giáo dục, lãnh đạo đảng bộ của mình kiên quyết khắc phục các biểu hiện tiêu cực, không để cán bộ, đảng viên phạm tội ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng hoặc có những hành động sai trái khác mà Đảng và Nhà nước nghiêm cấm. Nếu có, phải xử lý nghiêm, kịp thời.

- Lãnh đạo quần chúng thực hiện quyền làm chủ tập thể, tham gia mạnh mẽ cuộc đấu tranh chống tiêu cực, qua phong trào này mà làm cho các đoàn thể quần chúng vững mạnh.

- Kiểm tra, đôn đốc cơ quan chính quyền và thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện chức trách quản lý tài sản, quản lý tổ chức, chế độ và quản lý cán bộ, công nhân, viên chức trong phạm vi của mình.

b) Tất cả các chi bộ, đảng bộ cơ sở có trách nhiệm:

- Quản lý chặt chẽ đảng viên về tư tưởng, công tác và sinh hoạt không để cho một đảng viên nào phạm tội ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng hoặc có hành động sai trái khác mà Đảng và Nhà nước nghiêm cấm. Đồng thời

giáo dục, lãnh đạo đảng viên kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, cơ quan, không một đảng viên nào thấy người khác vi phạm mà làm ngơ.

- Phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tiêu chuẩn đảng viên.

c) Tất cả các đảng viên phải gương mẫu đấu tranh chống tiêu cực, nhất là chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Không một cán bộ, đảng viên nào được có đặc quyền đặc lợi đứng ngoài cuộc đấu tranh này.

Đối với cấp lãnh đạo chính quyền

Tất cả các ban cán sự Đảng và người đứng đầu của các ngành chính quyền các cấp, các đơn vị có trách nhiệm:

- Nắm chắc tất cả những tài sản mà Nhà nước giao cho mình quản lý; nắm chắc cán bộ, công nhân, viên chức trong ngành và trong đơn vị, nhất là những cán bộ chủ chốt.

- Quản lý, bảo vệ chu đáo những tài sản mà Nhà nước giao cho mình quản lý, không được để mất cắp, chấn chỉnh gấp việc tổ chức quản lý, tài sản, kho tàng, cửa hàng; thực hiện và xây dựng các chế độ, nội quy quản lý, đề cao chế độ trách nhiệm và kỷ luật.

- Tăng cường công tác điều tra, thanh tra, kiểm tra để phát hiện và ngăn ngừa những vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, thưởng phạt nghiêm minh.

Đối với các đoàn thể quần chúng

Các đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân tập thể có trách nhiệm:

- Giáo dục, quản lý tổ chức và đoàn viên, hội viên của mình không để đoàn viên, hội viên phạm phải những hiện tượng tiêu cực nói trên và không bàng quan, làm ngơ khi thấy người khác vi phạm.

- Hướng dẫn cho tổ chức và đoàn viên, hội viên của mình phát huy quyền làm chủ tập thể, tham gia mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống tiêu cực, phát hiện, tố cáo, đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực của đơn vị, cơ quan và ngoài xã hội.

- Qua phong trào chống tiêu cực, xây dựng, củng cố tổ chức đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Đối với quân đội và công an

Tất cả các đơn vị, cơ quan thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân có trách nhiệm:

- Giáo dục, quản lý đơn vị, cơ quan không để cán bộ, chiến sĩ phạm các tội ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng và làm các việc phi pháp khác hoặc bị những phần tử xấu lợi dụng làm việc phi pháp. Nếu có, phải xử lý kịp thời, nghiêm minh.

- Quản lý, bảo vệ tài sản Nhà nước giao cho mình quản lý, không được để mất cắp, không được để cho chiến sĩ, nhân viên đem các quân trang, quân dụng, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm bán ra thị trường.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban cán sự, các đảng đoàn, các ban ở trung ương phải tập thể thảo luận, nghiên cứu Chỉ thị này của Ban Bí thư, thông tri hướng dẫn của Ban Chỉ đạo 79 Trung ương, và căn cứ vào tình hình của địa phương, của ngành, mà đề ra kế hoạch và tổ chức thực hiện chu đáo trong địa phương, trong ngành.

Trên cơ sở kế hoạch toàn diện để thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu đã nêu ở trên, mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi đơn vị, trước hết là các tỉnh, thành phố và ngành trung ương, phải có *chương trình hành động trước mắt*, xác định rõ những trọng điểm và mục tiêu cần tập trung chỉ đạo cho đạt kết quả để thúc đẩy và rút kinh nghiệm cho phong trào chung.

Trong việc lãnh đạo đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, phải nắm vững kết quả cần đạt tới là chống những bảo vệ được tài sản của Nhà nước và của tập thể, mà còn góp phần tích cực vào việc củng cố cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, khôi phục và tăng cường nền nếp, kỷ luật trong lao động, trong quản lý kinh tế, tổ chức đời sống và cũng góp phần tăng năng suất lao động, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Để củng cố lòng tin của quần chúng, đề cao kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các vụ vi phạm đã phát hiện phải được xử lý kiên quyết, kịp thời, chính xác và nghiêm minh. Các ngành, các cấp *phải có kế hoạch trong một thời hạn nhất định, giải quyết xong những vụ còn dây dưa tới nay chưa xử lý*. Mỗi ngành, mỗi địa phương chọn ngay một số vụ nghiêm trọng đưa ra xử công khai và thông báo rộng rãi cho nhân dân biết.

Theo Quyết định số 49 ngày 28 tháng 9 năm 1979 của Ban Bí thư, các ngành, các cấp phải thành lập ngay Ban Chỉ đạo đấu tranh chống tiêu cực (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 79) do một đồng chí phó bí thư của cấp uỷ địa phương làm trưởng ban; ở các ngành thì do đồng chí thường trực của Ban Cán sự. Ban Chỉ đạo Trung ương sẽ có hướng dẫn cụ thể. Bộ máy nên gọn, nhẹ, chủ yếu dựa vào cơ quan thanh tra chính quyền và kiểm tra của Đảng. Các cấp thanh tra chính quyền là một lực lượng quan trọng trong cuộc đấu tranh này, phải lấy nhiệm vụ chống tiêu cực làm trọng tâm cấp bách. Sau khi thành lập, Ban Chỉ đạo 79 của các ngành, các cấp phải có kế hoạch công tác và chương trình hành động ngay.

Ban Chỉ đạo phải làm việc một cách thiết thực, khẩn trương và có hiệu lực.

Các cấp uỷ địa phương, các Ban Cán sự và người đứng đầu các ngành chính quyền, Đảng đoàn các đoàn thể và đảng uỷ các cơ quan, các đơn vị chịu trách nhiệm và phải lãnh đạo chặt chẽ. Phải thực hiện chế độ cấp uỷ, Ban Cán sự... định kỳ nghe báo cáo, góp ý kiến, và phải thường xuyên kiểm tra đôn đốc đối với công tác này, tránh tình trạng khoán trắng cho Ban Chỉ đạo. Ngoài báo cáo của Ban Chỉ đạo các ngành, các cấp gửi cho Ban Chỉ đạo 79 Trung ương, trong báo cáo hằng tháng, hằng quý gửi Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, Ban Cán sự, Đảng đoàn phải có phần phản ánh và nhận xét tình hình và kết quả đấu tranh chống tiêu cực, nhất là chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Chỉ thị này được truyền đạt đến tất cả các chi bộ.

T/M Ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 100-TT/TW, ngày 21 tháng 11 năm 1979

Về việc xuất bản *Tuyển tập Mác - Ăngghen*

Theo yêu cầu của Đảng ta, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đã quyết định in bằng tiếng Việt bộ *Tuyển tập Mác - Ăngghen*.
Căn cứ vào thoả thuận giữa ta và Bạn,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Nhà xuất bản Sự thật bảo đảm công tác dịch và duyệt bản thảo.
2. Liên hiệp các xí nghiệp in, Cục Xuất bản và báo chí thuộc Bộ Văn hoá và thông tin phụ trách làm các bản mẫu in theo đúng yêu cầu của Bạn về thời gian và chất lượng. Nhà xuất bản Sự thật cần giao bản thảo cho nhà in đúng kỳ hạn và giúp đỡ nhà in, bảo đảm sửa bài không sai sót.

3. Tổng Công ty phát hành sách Trung ương thuộc Bộ Văn hoá và thông tin tổ chức tiếp nhận sách in của Ban và

phân phối cho các đơn vị theo kế hoạch của Ban Tuyên huấn Trung ương.

4. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cung cấp tài chính cho Nhà xuất bản Sự thật làm bản thảo và trả tiền làm các bản mẫu in cho nhà in.

Ban Bí thư uỷ nhiệm cho Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo và đôn đốc mọi việc có liên quan đến công tác xuất bản bộ sách này.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 56-QĐ/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1979

**Về chuyển giao Đảng bộ Công an nhân dân
vũ trang sang Đảng bộ Quân đội nhân dân
Việt Nam**

Căn cứ vào Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-10-1979 của Bộ Chính trị về việc chuyển giao nhiệm vụ và lực lượng công an nhân dân vũ trang sang Bộ Quốc phòng;
Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

1. Chuyển giao Đảng bộ Công an nhân dân vũ trang Trung ương và các Đảng bộ Công an nhân dân vũ trang tỉnh, thành phố sang thuộc Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Hệ thống tổ chức và quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo đối với các Đảng bộ nói trên do Quân uỷ Trung ương quy định, căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của bộ đội biên phòng.

2. Quân uỷ Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ Công an nhân dân vũ trang Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 83-CT/TW, ngày 26 tháng 11 năm 1979

Về việc phát Thẻ đảng viên

Việc phát Thẻ đảng viên là một công tác quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ; thúc đẩy thực hiện cuộc "vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch"; đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng.

Để chỉ đạo chặt chẽ việc phát Thẻ đảng viên theo đúng quy định của Điều lệ Đảng và Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị, phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới, Ban Bí thư quyết định mấy điểm như sau:

**A- Về nguyên tắc phát thẻ đảng viên
và thu lại thẻ Đảng**

1. Thẻ đảng viên chỉ phát cho đảng viên có đủ tư cách đảng viên và làm tròn nhiệm vụ đảng viên như Điều lệ Đảng quy định và Chỉ thị số 72 của Ban Bí thư đã chỉ rõ.

Đảng viên được nhận Thẻ Đảng phải chấp hành đúng "những quy định về sử dụng và bảo quản Thẻ đảng viên" đã in trong Thẻ đảng viên.

2. Đảng viên dự bị được phát "Thẻ đảng viên dự bị". Khi được công nhận là đảng viên chính thức thì nộp lại Thẻ đảng viên dự bị và nhận Thẻ đảng viên.

3. Đối với những đảng viên mà tổ chức Đảng còn đang xem xét về tư cách đảng viên hoặc bị kỷ luật lưu Đảng thì chưa phát Thẻ đảng viên, khi đã được công nhận có đủ tư cách đảng viên hoặc được khôi phục quyền đảng viên chính thức thì được phát Thẻ đảng viên. Khi đã nhận Thẻ đảng viên rồi mà đảng viên bị kỷ luật lưu Đảng thì tạm thu lại Thẻ đảng viên, khi được khôi phục quyền đảng viên chính thức sẽ giao lại Thẻ đảng viên; bí thư đảng ủy cơ sở (hoặc bí thư chi bộ cơ sở) có trách nhiệm bảo quản Thẻ đảng viên tạm thu đó.

4. Đối với những đảng viên hoặc tổ chức Đảng để mất, làm hỏng Thẻ đảng viên hoặc lạm dụng Thẻ đảng viên để mưu lợi ích riêng; tùy tiện phát Thẻ đảng viên cho người không đủ tư cách đảng viên, thì tùy trường hợp cụ thể mà thi hành kỷ luật của Đảng.

5. Đối với những phần tử xấu lấy cấp hoặc làm giả Thẻ đảng viên cần chuyển sang cơ quan Nhà nước xét xử theo pháp luật.

B- Trách nhiệm của các cấp ủy về

PHÁT thẻ đảng viên và quản lý thẻ đảng viên

Các cấp ủy Đảng chịu trách nhiệm về việc phát Thẻ đảng viên, quản lý Thẻ đảng viên theo đúng quy định

của Trung ương. *Bí thư hoặc phó bí thư* của cấp ủy phải trực tiếp phụ trách về Thẻ đảng viên. Các ban Tổ chức, Tuyên huấn, Ủy ban Kiểm tra trực tiếp giúp cấp ủy chỉ đạo công tác này.

1. Trách nhiệm của từng cấp

a) *Các chi bộ và đảng bộ cơ sở* có trách nhiệm giáo dục đảng viên nắm vững những quy định phát Thẻ đảng viên; tiến hành tự phê bình và phê bình trong nội bộ; lấy ý kiến nhận xét của quần chúng để kết luận rõ những đảng viên có đủ tư cách được nhận thẻ đảng viên, những người còn phải xem xét về tư cách đảng viên và những người không đủ tư cách đảng viên cần đưa ngay ra khỏi Đảng; làm thủ tục đề nghị lên cấp trên phát Thẻ đảng viên cho đảng viên có đủ tiêu chuẩn.

Thu lại Thẻ đảng viên của những đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng và giao lại cho huyện ủy, thị ủy bảo quản; thi hành kỷ luật đối với những đảng viên để mất, làm hỏng và sử dụng Thẻ đảng viên không đúng quy định của Trung ương.

b) *Huyện ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh, quận ủy, đảng ủy khu phố* của thành phố trực thuộc Trung ương và các cấp ủy tương đương chịu trách nhiệm trực tiếp xác nhận đảng viên có đủ tư cách và những người không đủ tư cách đảng viên; tổ chức phát Thẻ đảng viên cho từng đảng viên (kể cả Thẻ đảng viên dự bị) và quản lý Thẻ đảng viên.

c) *Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương* có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ các cấp ủy cấp dưới trong việc nhận xét tư cách đảng viên, phát Thẻ đảng viên, quản lý Thẻ đảng viên và phát hành Thẻ đảng viên dự bị.

2. Trách nhiệm của các ban của Trung ương Đảng

- Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư chỉ đạo và kiểm tra việc phát Thẻ đảng viên ở tất cả các cấp. Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ làm Thẻ đảng viên, phát Thẻ đảng viên và quản lý Thẻ đảng viên; quản lý cán bộ làm Thẻ đảng viên từ cấp huyện trở lên.

- Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam giúp Quân uỷ Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc phát Thẻ đảng viên, quản lý Thẻ đảng viên trong quân đội theo đúng quy định của Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Các ban khác của Trung ương, Ban Cán sự Đảng các bộ, tổng cục tùy theo chức năng của mình có kế hoạch tham gia việc chuẩn bị về phát Thẻ đảng viên.

C- Về kế hoạch tiến hành phát thẻ đảng viên

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có kế hoạch cụ thể chia thành nhiều đợt (3-2, 19-5, 2-9, 7-11) để phát Thẻ đảng viên trong năm 1980, *gắn với kế hoạch củng cố tổ chức cơ sở Đảng*. Trước hết, phải lựa chọn những *đảng bộ cơ sở đã được củng cố tốt* để phát Thẻ đảng viên vào dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng (3-2-1980).

2. Trong việc phát Thẻ đảng viên, các cấp uỷ phải rất coi trọng *lãnh đạo công tác tư tưởng và công tác tổ chức*: giáo dục đảng viên hiểu rõ vinh dự và trách nhiệm, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ đảng viên, khắc phục tư tưởng chủ quan thoả mãn, ngăn ngừa những biểu hiện

tiêu cực. Thực hiện đều đặn chế độ *6 tháng một lần* tự phê bình trong Đảng và vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, phê bình nhận xét cán bộ, đảng viên. Các tỉnh uỷ, thành uỷ phải *hết sức chú trọng kiện toàn các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ...* để đủ sức làm tốt việc củng cố cơ sở Đảng, làm tốt việc phát Thẻ đảng viên, quản lý Thẻ đảng viên.

3. Các cấp uỷ cần *lựa chọn những cán bộ có phẩm chất chính trị tốt*, trung thực, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tổ chức và kỷ luật để trực tiếp làm Thẻ đảng viên và quản lý Thẻ đảng viên. Các cán bộ này phải được bồi dưỡng kỹ về nghiệp vụ. Số lượng cán bộ quản lý Thẻ đảng viên của từng cấp do Ban Tổ chức Trung ương quy định và phải được quản lý thống nhất từ cấp huyện trở lên.

4. Sau *mỗi đợt* phát Thẻ đảng viên và sau này cứ *ba tháng một lần* các tỉnh uỷ, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương phải báo cáo tình hình phát Thẻ đảng viên và quản lý Thẻ đảng viên lên Ban Bí thư.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Chỉ thị
của Ban Bí thư**

Số 82-CT/TW, ngày 27 tháng 11 năm 1979

**Về tổ chức kỷ niệm 30 năm kiến lập quan hệ
ngoại giao với Liên Xô và các nước xã hội
chủ nghĩa**

Cuối tháng giêng và đầu tháng hai năm 1980, nhân dân ta kỷ niệm lần thứ 30 ngày kiến lập quan hệ ngoại giao giữa nước ta với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Đây là một sự kiện quan trọng trong quan hệ đoàn kết hữu nghị và hợp tác anh em giữa nhân dân ta với nhân dân Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Kỷ niệm sự kiện lịch sử này cũng là biện pháp quan trọng nhằm đẩy mạnh việc giáo dục cho cán bộ và nhân dân ta tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, tăng cường hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong giai đoạn cách mạng mới.

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định lấy ngày 30 tháng giêng năm 1980 (ngày Liên Xô công nhận nước ta) để tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu sắc, nhiệt tình trong cả nước kỷ niệm trọng thể ngày kiến lập quan hệ ngoại giao giữa nước ta với các nước anh em.

1. Về nội dung

- Nêu bật sự gắn bó của cách mạng nước ta với Cách mạng Tháng Mười, với sự lớn mạnh của Liên Xô và các

nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong gần nửa thế kỷ qua, đặc biệt trong 30 năm qua, tăng cường hơn nữa sự đoàn kết và hợp tác anh em giữa nước ta với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

- Ca ngợi tinh thần quốc tế vô sản của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô và các nước anh em khác đã dành cho nhân dân ta sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, quý báu và có hiệu quả trong công cuộc kháng chiến... cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nêu cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu... hăng hái, phấn khởi thi đua sản xuất, hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1980, lập thành tích xuất sắc chào mừng kỷ niệm ba ngày lễ lớn.

2. Về các biện pháp

- Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta gửi điện mừng đến các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước các nước anh em. Các ngành, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức đoàn kết hữu nghị, các địa phương và cơ sở có quan hệ kết nghĩa với các nước anh em gửi điện hoặc thư mừng các ngành, cơ quan, đoàn thể, các tổ chức tương đương của các nước anh em.

- Kết hợp chặt chẽ với đợt tuyên truyền về kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng, tiến hành một đợt tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong cán bộ, nhân dân, kể cả các trường học, về tinh thần quốc tế vô sản, sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ to lớn, chí tình của Liên Xô và các nước anh em đối với cách mạng nước ta từ trước đến nay và về chủ trương của Đảng ta, đoàn kết chặt chẽ và

hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

- Bộ Ngoại giao ta công bố văn kiện quan trọng về quan hệ Việt Nam - Liên Xô.

- Tổ chức mít tinh trọng thể tại Thủ đô và một số thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ. Thành phần dự như kỷ niệm Quốc khánh năm chẵn của Liên Xô và các nước anh em; mít tinh ở Thủ đô do một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì và do Bộ Ngoại giao tổ chức.

- Báo *Nhân dân* và các báo hàng ngày đăng văn kiện về quan hệ Việt Nam - Liên Xô, có xã luận chào mừng ngày kỷ niệm này và đăng các điện mừng của các Đảng, Chính phủ các nước anh em gửi mừng lãnh đạo ta, đăng bài viết của đồng chí lãnh đạo Đảng ta về quan hệ Việt Nam - Liên Xô và các nước anh em.

- Tổ chức triển lãm lớn về quan hệ giữa nước ta và các nước anh em trong 30 năm qua; tổ chức tuần lễ phim các nước xã hội chủ nghĩa, biểu diễn văn nghệ ca ngợi tình đoàn kết hữu nghị giữa các nước anh em với ta.

- Lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta tiếp Đại sứ Liên Xô và Đại sứ các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

- Tổ chức các cuộc gặp thân mật giữa các bộ, các ngành, các địa phương và cơ sở của ta với chuyên gia Liên Xô và các nước anh em.

- Tổ chức thi đua ở các công trường, nhà máy do các nước anh em giúp đỡ xây dựng, lập thành tích thiết thực chào mừng ngày kỷ niệm này. Cần gắn đợt thi đua này với đợt thi đua chào mừng ngày thành lập Đảng 3-2.

- Các sứ quán ta ở các nước anh em tổ chức chiêu đãi phim và tham gia các biện pháp mà các nước anh em sẽ tổ chức kỷ niệm ngày này và tổ chức trao Huân chương hữu nghị cho những tổ chức và cá nhân của các nước anh em đã có công ủng hộ và giúp đỡ ta.

- Ngày 23-5-1980 là ngày kỷ niệm 30 năm thành lập Hội hữu nghị Việt - Xô. Nhân dịp này, cần khẩn trương và làm tốt việc kiện toàn Ban Chấp hành Hội hữu nghị Việt - Xô và xúc tiến thành lập Hội hữu nghị với các nước anh em khác.

Đợt kỷ niệm này trùng vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng (3-2) vì vậy cần kết hợp chặt chẽ các nội dung, biện pháp kỷ niệm ngày thành lập Đảng với việc kỷ niệm ngày kiến lập quan hệ ngoại giao với các nước anh em.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Cán sự Bộ Ngoại giao có trách nhiệm bàn bạc, phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đoàn thể và các địa phương thực hiện Chỉ thị này.

T/M Ban Bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

Thông tri

Số 101-TT/TW, ngày 1 tháng 12 năm 1979

**Về việc tổ chức tháng hữu nghị với nhân dân
Campuchia từ ngày 2-12-1979
đến ngày 7-1-1980**

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ nhất ngày thành lập Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia (2-12-1979) và ngày giải phóng Campuchia (7-1-1980), Ban Bí thư quyết định tổ chức tháng hữu nghị với nhân dân Campuchia từ ngày 2-12-1979 đến 7-1-1980, nhằm:

Tăng cường hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị anh em và quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, sự gắn bó giữa nhân dân hai nước chống kẻ thù chung ...

Làm cho cán bộ và nhân dân ta hiểu rõ tình hình cách mạng Campuchia hiện nay, nâng cao tinh thần quốc tế và ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của nhân dân ta đối với Bạn.

Vạch trần âm mưu và hành động của bọn đế quốc và bọn phản động phá hoại cách mạng Campuchia, chia rẽ Campuchia - Việt Nam, chia rẽ nhân dân ba nước Đông Dương.

Đề cao những thắng lợi to lớn của nhân dân Campuchia trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, đề cao Hội đồng nhân dân cách mạng Campuchia, góp phần tranh thủ hơn nữa sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của quốc tế đối với nhân dân Campuchia.

Tháng hữu nghị cần được tổ chức sâu rộng, nhất là ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh kết nghĩa và trong cán bộ, công nhân, nhân viên, bộ đội ta công tác ở nước Bạn.

Để tổ chức thực hiện tháng hữu nghị với nhân dân Campuchia, Ủy ban đoàn kết và hữu nghị với nhân dân các nước và Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia thành lập Ủy ban tháng hữu nghị Việt Nam - Campuchia.

Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Văn hoá, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban đoàn kết và hữu nghị với nhân dân các nước, Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia phối hợp với các ngành có liên quan ở trung ương và địa phương thực hiện Thông tri này.

T/L Ban Bí thư

Phó Văn phòng

Nguyễn Khánh

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 57-QĐ/TW, ngày 3 tháng 12 năm 1979

**Về việc mở lớp đào tạo cán bộ lý luận
giúp Đảng Nhân dân cách mạng Lào**

- Để đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ lý luận của Đảng Nhân dân cách mạng Lào,
- Theo đề nghị của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Cán sự Đảng về công tác C¹⁾ và Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Điều 1: Giao cho Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc giúp Đảng Nhân dân cách mạng Lào mở lớp đào tạo 24 cán bộ lý luận theo chương trình cao cấp trong thời gian hai năm rưỡi, bắt đầu từ đầu năm 1980.

Địa điểm lớp học đặt tại Trường Nguyễn ái Quốc 10. Trường Nguyễn ái Quốc 10 có trách nhiệm tổ chức sinh hoạt vật chất, tinh thần cho lớp học, dạy văn hoá cho Bạn và làm công tác giáo vụ.

Điều 2: Giao cho Trường Nguyễn ái Quốc 10 giúp Đảng Nhân dân cách mạng Lào mở một lớp đào tạo 120 cán bộ tuyên huấn theo chương trình trung cấp về lý luận cơ

1) Ban Cán sự Đảng về công tác C: Ban Cán sự Đảng về công tác Lào (B.T).

bản, trong thời gian hai năm rưỡi, bắt đầu từ đầu năm 1980.

Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng về công tác C giúp Trung ương chỉ đạo lớp học này.

Điều 3: Toàn bộ vấn đề chi tiêu cho các lớp này do Trường Nguyễn ái Quốc 10 dự trù và thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng về công tác C.

Điều 4: Tuỳ theo chức năng của mình, các cơ quan có liên quan như Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Bộ Giáo dục, Bộ Lương thực thực phẩm, Bộ Nội thương, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ v.v. có trách nhiệm góp phần cùng Trường Nguyễn ái Quốc 10 tổ chức tốt các lớp học này.

t/m ban bí thư

tố hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo

Số 17-TB/TW, ngày 8 tháng 12 năm 1979

**Quyết định của Bộ Chính trị (phiên họp
ngày 1-12-1979) về hướng hợp tác với Liên Xô
về dầu khí**

Hợp tác với Liên Xô, có sự tham gia của một số nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế là rất cần thiết để xây dựng ngành công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh và vững chắc, giúp ta tiến tới tự lực từ quản lý đến các mặt kỹ thuật.

1. Về tìm kiếm, thăm dò, ta yêu cầu Liên Xô giúp vốn, trang bị và kỹ thuật cho ta khảo sát địa - vật lý ở những vùng có khả năng về dầu khí từ bắc đến nam, cả trên đất liền và ở biển để có thể nhìn toàn cục khả năng dầu khí của ta. Gặp nơi tài liệu địa - vật lý phát hiện cấu tạo lớn thì yêu cầu Bạn cùng ta khoan thăm dò để xác minh khả năng có dầu khí, làm cơ sở cho việc quyết định phương hướng phát triển.

2. Về khai thác, ta yêu cầu Bạn:

- Giúp ta làm mọi việc để sớm đánh giá được trữ lượng khí ở vùng trũng sông Hồng và đưa vào khai thác, dùng làm nguyên liệu cho một cơ sở sản xuất phân đạm.
- Hợp tác với ta khai thác dầu ở thêm lục địa miền Nam, trước mắt là lô số 4 cũ với hai cấu tạo Bạch Hổ và Rồng. Tranh thủ Bạn giúp ta xây dựng tại Vũng Tàu một căn cứ hậu cần hoàn chỉnh từng bước để ta có thể tự đáp

ứng được toàn bộ yêu cầu dịch vụ cho việc tìm kiếm, thăm dò và khai thác, vận chuyển dầu.

3. Đồng ý với Liên Xô mời thêm một số nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế tham gia hợp tác. Hình thức hợp tác sẽ do hai bên bàn cụ thể; quyền lợi dành cho Bạn cũng tương tự như mức ta đã nhận với các công ty nước ngoài, trách nhiệm như nhau.

4. Mục tiêu phấn đấu là cuối kế hoạch 5 năm 1981-1985, đưa các mỏ ở lô số 4 cũ vào sản xuất.

- Về chế biến, yêu cầu Bạn giúp ta xây dựng sớm nhà máy lọc dầu mà Bạn đã làm xong báo cáo kinh tế - kỹ thuật, cho kịp với tiến độ khai thác dầu.

- Về đào tạo cán bộ, công nhân, ta yêu cầu Bạn cử cố vấn và chuyên gia sang giúp ta để sau một thời gian, cán bộ Việt Nam có đủ trình độ quản lý được mọi công việc, giúp đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật phù hợp với nhịp độ phát triển của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam.

T/l ban bí thư

Chánh văn phòng

Trần xuân Bách

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**Thông tri
của Ban Bí thư**

Số 102-TT/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1979

**Về chiêu sinh lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo,
quản lý tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc
cơ sở 2**

Lớp bồi dưỡng ở Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc cơ sở 2 tại Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh) theo chương trình 8 tháng sẽ khai giảng ngày 1 tháng 3 năm 1980.

Đối tượng cử đi học: các đồng chí tỉnh uỷ viên, thành uỷ viên; bí thư, phó bí thư, chủ tịch huyện, thị, quận; trưởng phó ty, sở; chuyên viên của tỉnh, thành và của các ngành trung ương công tác ở các tỉnh, thành phía nam, từ Bình Trị Thiên trở vào.

Những cán bộ hiện đang học các lớp lý luận tại chức do trường Đảng cao cấp tại chức mở, không đi học lớp này.

Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Ban Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc xét duyệt cán bộ được cử đi học.

T/m ban bí thư

Tố Hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 58-QĐ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1979

**Về thành lập tổ công tác phối hợp làm việc với
Liên Xô về kế hoạch cử cán bộ đi học quản lý
kinh tế ở Liên Xô**

- Xét yêu cầu đẩy mạnh việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế ở trong nước và ngoài nước.

- Theo đề nghị của đồng chí Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế.

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Điều 1: Thành lập một tổ công tác để làm việc với phía Liên Xô về kế hoạch cử cán bộ đi học quản lý kinh tế ở Liên Xô. Tổ này do đồng chí Đoàn Trọng Truyền, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế làm tổ trưởng, và gồm các thành viên sau đây:

- Đồng chí Trần Trí, Uỷ viên Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.

- Đồng chí Phạm Dân, Phó trưởng Ban Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế.

- Đồng chí Trương Đồng, Phó vụ trưởng Vụ Tổng hợp cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Thành Lan, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp.
- Đồng chí Mai Hữu Khuê, Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế kế hoạch Hà Nội.
- Đồng chí Nguyễn Trạm, Thư ký phân ban hợp tác khoa học và kỹ thuật Việt Nam - Liên Xô, làm thư ký của tổ.

Điều 2: Tổ công tác này có nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng kế hoạch toàn diện về việc cử cán bộ đi học quản lý kinh tế ở Liên Xô trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ xét duyệt, để có cơ sở làm việc với phân tổ Liên Xô về chương trình hợp tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế.

Giao cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế cùng với Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước chỉ đạo tổ này làm việc bảo đảm thực hiện đúng yêu cầu đã đề ra.

Điều 3: Đồng chí Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế, Ban Cán sự Đảng Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và các đồng chí có tên trong tổ công tác có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

t/m ban bí thư

tổ hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thông báo của Ban Bí thư

Số 18-TB/TW, ngày 25 tháng 12 năm 1979

Về trách nhiệm của các bộ đối với Thủ đô Hà Nội

Trong phiên họp ngày 21-22 tháng 12 năm 1979, về Đại hội Đảng bộ Hà Nội, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã có một số ý kiến về trách nhiệm của các bộ đối với Hà Nội như sau:

Xây dựng Thủ đô là trách nhiệm chung của cả nước. Bộ Chính trị và Hội đồng Chính phủ sẽ thông qua quy hoạch, kế hoạch dài hạn xây dựng Thủ đô; các bộ và Hà Nội sẽ căn cứ vào đó mà định kế hoạch cụ thể của mình trong từng thời gian.

Trước mắt, các bộ phải giảm một phần việc đầu tư và cung ứng vật tư của ngành mình đối với các địa phương khác để có thể dành vật tư, nguyên liệu, vốn đầu tư thích đáng cho Hà Nội nhằm phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, bảo đảm đời sống nhân dân, từng bước khắc phục tình trạng chậm trễ, yếu kém trên nhiều mặt đã kéo dài nhiều năm trong việc xây dựng Thủ đô.

Cụ thể là:

1. Các ngành công nghiệp cố gắng bảo đảm nguyên liệu cho các xí nghiệp trung ương và địa phương trên đất Hà Nội. Trong khi tiếp tục xây dựng thêm những cơ sở kinh tế, văn hoá mới ở đây, phải chú trọng cân đối giữa các công trình chính với việc làm nhà ở và các cơ sở phúc lợi cho công nhân, nhân viên và gia đình họ. Từ trước tới nay vì không chú

trọng việc này nên đã gây nên tình hình căng thẳng trong đời sống nhân dân. Cắt giảm hơn nữa việc gia công sản xuất hàng xuất khẩu cho các vùng nông thôn ở các tỉnh để tập trung nguyên liệu gia công cho Hà Nội. Ngân hàng Nhà nước cho Hà Nội vay vốn, kể cả ngoại tệ, để mở rộng sản xuất và nhập một số nguyên liệu cần thiết. Sớm giải quyết vấn đề phân cấp quản lý các cơ sở công nghiệp nhẹ cho Hà Nội.

2. Cho Hà Nội được sử dụng số lương thực phải làm nghĩa vụ để nuôi thêm lợn, gà, nhằm có thêm thịt, trứng cho nhân dân thành phố Hà Nội nên để từ 15% đến 25% đất nông nghiệp, sau này có thể hơn nữa, để sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm. Các ngành trong khối nông nghiệp phải đầu tư thoả đáng hơn cho Hà Nội về vốn và vật tư mở mang thuỷ lợi, về phân hoá học (năm 1980, cố gắng bảo đảm cho Hà Nội từ 25.000 đến 30.000 tấn phân đạm), về giống và về các vật tư khác để thâm canh cao trên 10 vạn héc-ta, nhằm tự giải quyết vững chắc vấn đề lương thực cho nông dân, có đủ rau quanh năm cho thành phố, có thêm nhiều nông sản làm nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu. Cần tích cực đưa nhiều nhân lực chưa có việc làm đi mở mang các vùng kinh tế mới ở các tỉnh khác, nhất là các tỉnh gần, có thể cùng các nơi ấy hợp tác kinh doanh, nhằm sản xuất và cung cấp thêm nguyên liệu và thực phẩm cho Hà Nội. Ngoài việc nuôi và khai thác cá nước ngọt, Hà Nội có thể tổ chức đội tàu đánh cá biển của thành phố để có nhiều cá cho nhân dân thành phố.

Các ngành lương thực và thực phẩm, thương nghiệp ở trung ương cần đáp ứng tốt hơn nhu cầu về lương thực cho nhân khẩu phi nông nghiệp, nước chấm, cá biển, đường và

một số nhu yếu phẩm khác. Hà Nội phải xem xét chặt chẽ số dân phi nông nghiệp.

3. Ngành giao thông cùng với Hà Nội giải quyết tốt hơn yêu cầu về xe chở khách trên các tuyến, và tu bổ, mở mang đường sá, bảo đảm sự đi lại của nhân dân được thuận tiện và an toàn.

4. Về xây dựng cơ bản, cần tăng vốn đầu tư cho Hà Nội, bảo đảm tốt hơn vật tư xây dựng. Hết sức chăm lo cho trẻ em, cho thiếu niên, sớm bảo đảm 100% trẻ em được vào nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nội thành, tất cả thiếu niên trong độ tuổi được học hết bậc phổ thông cơ sở, và sau đó tiếp tục học trong các trường lớp dạy nghề, trường trung học phổ thông, trung cấp hoặc cao đẳng kỹ thuật nghiệp vụ. Tích cực sửa chữa nhà cửa, phân phối công bằng, hợp lý nhà ở, từng bước xây dựng và cải tạo bộ mặt của Thủ đô.

5. Dựa vào chủ trương trên đây, Hà Nội và các bộ trực tiếp bàn bạc với nhau, soát lại và bổ sung kế hoạch 1980 của từng bộ đối với Hà Nội, kịp trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ quyết định trong tuần đầu tháng 1-1980.

Các đồng chí Lê Thanh Nghị, Lê Văn Lương, Nguyễn Lam được uỷ nhiệm đôn đốc các bộ cùng Hà Nội chuẩn bị khẩn trương việc này.

T/m ban bí thư

Tố hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Quyết định
của Ban Bí thư**

Số 60-QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1979

Về thành lập Trường Chính trị đặc biệt K

- Xét tính chất quan trọng của nhiệm vụ đào tạo cán bộ của Ban K,
- Theo đề nghị của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban B.68 và Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc,

Ban Bí thư trung ương đảng quyết định:

1. Nay thành lập Trường Chính trị đặc biệt K trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng.
2. Trường có nhiệm vụ:
 - Căn cứ yêu cầu của Ban K và nhiệm vụ của Ban Bí thư giao, xây dựng chương trình nghiên cứu lý luận - chính trị cho cán bộ cao cấp của Ban K, trình Ban Bí thư duyệt và tổ chức thực hiện chương trình đó.
 - Quan hệ với Đoàn uỷ đoàn học viên của Ban để giúp cán bộ Ban Nghiên cứu đạt kết quả cao nhất, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia.
 - Quan hệ với các ban, các ngành ở trung ương và địa phương có liên quan để tổ chức tốt việc bảo đảm các mặt

sinh hoạt vật chất và tinh thần, nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, học tập của cán bộ Ban.

3. Về tổ chức bộ máy của trường:

- Ban Giám hiệu;
- Các bộ phận giúp việc: Phòng Giáo vụ, Phòng Hành chính - Quản trị;

Ban Đối ngoại Trung ương cùng với Ban Tổ chức Trung ương quy định về nhiệm vụ và biên chế tổ chức bộ máy nói trên.

4. Địa điểm của trường đặt tại Tây Tựu, Hà Nội.

- Kinh phí hoạt động của trường do quỹ Đảng đài thọ.

5. Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc chịu trách nhiệm chỉ đạo về chương trình và nội dung nghiên cứu.

Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm bảo đảm tốt việc cung cấp trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho trường hoạt động.

6. Trường Chính trị đặc biệt K, Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban B.68, Ban Tổ chức Trung ương và các ngành, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

t/m ban bí thư

tổ hữu

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.